

HSK 2.0 STANDARD • LEVEL 5 VOCABULARY

TẬP 2 (2/2) • TỪ #651 – #1302

# SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 5

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 2: Gồm 652 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #651 đến #1302 trên tổng số 1302 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

**⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN****Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=2.0&level=5> →





## ☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 5

Danh từ

#651

美术

měi shù

mỹ thuật, hội họa

中国传统书画艺术博大精深，在世界古典美术史册中占据着不可替代的崇高地位。

Zhōngguó chuán tǒng shū huà yì shù bó dà jīng shēn, zài shì jiè gǔ diǎn měi shù shǐ cè zhōng zhàn jù zhe bù kě tì dài de chóng gāo dì wèi.

Nghệ thuật thư pháp và hội họa truyền thống Trung Hoa vô cùng uyên thâm sâu rộng, chiếm giữ một vị thế cao quý không thể thay thế trong biên niên sử mỹ thuật cổ điển thế giới.

26 nét

HÁN VIỆT MỸ THUẬT

**1 Cấp độ & Từ loại:** Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

**3 Pinyin Đồ Nổi Bật:** Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

**5 Câu Ví Dụ Thực Tế:** Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

**2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn:** Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

**4 Nghĩa Tiếng Việt:** Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

**6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%):** Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



### 1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



### 2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



### 3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

## THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 5 • TẬP 2

Tập này: 652 từ vựng

391

Danh từ

158

Động từ

70

Tính từ

3

Đại từ

2

Số & Lượng từ

28

Từ loại khác



HSK 5

Danh từ

#651

# 美术

měi shù

mỹ thuật, hội họa

中国传统书画艺术博大精深，在世界古典美术史册中占据着不可替代的崇高地位。

Zhōng guó chuán tǒng shū huà yì shù bó dà jīng shēn, zài shì jiè gù diǎn měi shù shǐ cè zhōng zhàn jù zhe bù kě tì dài de chōng gāo dì wèi.

Nghệ thuật thư pháp và hội họa truyền thống Trung Hoa vô cùng uyên thâm sâu rộng, chiếm giữ một vị thế cao quý không thể thay thế trong biên niên sử mỹ thuật cổ điển thế giới.

26 nét

HÁN VIỆT

MỸ THUẬT

HSK 5

Danh từ

#652

# 魅力

mèi lì

sức hút, sức quyến rũ, nét mê hoặc

这座融合了千年历史底蕴与现代摩登活力的江南水乡名城，散发出无穷无尽的独特文化魅力。

Zhè zuò róng hé le qiān nián lì shǐ dì yùn yǔ xiàn dài mó dēng huó lì de jiāng nán shuǐ xiāng míng chéng, sǎn fā chū wú qióng wú jìn de dú tè wén huà mèi lì.

Danh thành sông nước Giang Nam kết hợp hài hòa giữa bề dày lịch sử ngàn năm cùng sức sống hiện đại trẻ trung này toát lên một sức hút văn hóa độc đáo vô tận.

19 nét

HÁN VIỆT

MỊ LỰC

HSK 5

Động từ

#653

# 迷路

mí lù

lạc đường, lạc lối

在北斗高精度卫星导航系统的全天候精准指引下，野外科考队员在茫茫林海雪原中绝不会迷路。

Zài běi dòu gāo jīng dù wēi xīng dǎo háng xì tǒng de quán tiān hòu jīng zhǔn zhǐ yǐn xià, yě wài kǎo kǎo duì yuán zài máng máng lín hǎi xuě yuán zhōng jué bù huì mí lù.

Dưới sự dẫn đường chuẩn xác suốt 24/7 của hệ thống vệ tinh định vị Bắc Đẩu độ chính xác cao, các thành viên đội khảo sát dã ngoại tuyệt đối không bao giờ bị lạc lối giữa rừng tuyết bạt ngàn.

21 nét

HÁN VIỆT

MÊ LỘ

HSK 5

Danh từ

#654

# 谜语

mí yǔ

câu đố, điều bí ẩn

元宵佳节，市民们饶有兴致地聚集在古街长廊下竞相猜灯谜，体验传统中华汉字谜语的无穷智慧。

Yuán xiāo jiā jié, shì mǐn men ráo yǒu xìng zhì dì jù jí zài gǔ jiē cháng láng xià jìng xiāng cǎi dēng mí, tǐ yàn chuán tǒng zhōng huá hàn zì mí yǔ de wú qióng zhì huì.

Địp Tết Nguyên tiêu, người dân hào hứng quây quần dưới hành lang dài phố cổ cùng nhau trở tài giải đố đèn, trải nghiệm trí tuệ vô tận của những câu đố chữ Hán truyền thống.

18 nét

HÁN VIỆT

MÊ NGŨ

HSK 5

Tính từ / Động từ

#655

# 密切

mì qiè

mật thiết, khăng khít, sát sao; gần kết

气象卫星与地面雷达监测网络正在密切注视着超强台风的中心气压变化与移动路径。

Qì xiàng wèi xīng yǔ dì miàn léi dá jiān cè wǎng luò zhèng zài mì qiè guān zhù zhe chāo qiáng tái fēng de zhōng xīn qì yǎ biàn huà yǔ yí dòng lù jīng.

Vệ tinh khí tượng cùng mạng lưới radar giám sát mặt đất đang theo dõi sát sao từng biến chuyển áp suất tâm bão và đường đi của siêu bão.

24 nét

HÁN VIỆT

MẬT TIẾT

HSK 5

Danh từ

#656

# 蜜蜂

mì fēng

con ong mật, loài ong

春暖花开，成群的小蜜蜂在油菜花海中辛勤穿梭采蜜，为大自然的植物授粉繁衍默默奉献。

Chūn nuǎn huā kāi, chéng qún de xiǎo mì fēng zài yóu cài huā hǎi zhōng xīn qín chuān suǒ cǎi mì, wèi dà zì rán de zhí wù shòu fēn fán yǎn mò mò fèng xiàn.

Xuân về hoa nở, từng đàn ong mật chăm chỉ bay lượn hút mật giữa biển hoa cải vàng, âm thầm cống hiến thụ phấn duy trì nòi giống cho các loài thực vật trong tự nhiên.

20 nét

HÁN VIỆT

MẬT PHONG

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#657

# 秘密

mì mì

bí mật, điều bí ẩn

深海探测器深入万米海沟深渊，揭开了地球深部极端地质演化与生命起源的诸多古老秘密。

Shēn hǎi tàn cè qì shēn rù wàn mǐ hǎi gōu shēn yuān, jiē kāi le dì qiú shēn bù jí duǎn dì zhī yǎn huà yǔ yǐ shēng míng qì yuán de zhū duō gǔ lǎo mì mì.

Tàu thám hiểm biển sâu lặn sâu vào rãnh đại dương vạn mét, hé lộ nhiều bí mật cổ xưa về sự tiến hóa địa chất cực đoan và nguồn gốc sự sống sâu trong lòng Trái Đất.

18 nét

HÁN VIỆT

BÍ MẬT

HSK 5

Danh từ

#658

# 秘书

mì shū

thư ký

这位经验丰富的行政秘书工作极其严谨细致，将大型国际学术峰会的日程与会务安排得井井有条。

Zhè wèi jīng yàn fēng fù de xíng zhèng mì shū gōng zuò jí qí yán jǐn xì zhì, jiāng dà xíng guó jì xué shù fēng huì de rì chéng yǔ huì wù ān pái dé jīng jīng yǒu tiáo.

Người thư ký hành chính giàu kinh nghiệm này làm việc vô cùng cẩn trọng và tỉ mỉ, sắp xếp lịch trình và công tác hậu cần của hội nghị thượng đỉnh học thuật quốc tế lớn một cách ngăn nắp chu đáo.

17 nét

HÁN VIỆT

BÍ THƯ

HSK 5

Danh từ

#659

# 棉花

mián huā

bông, cây bông gòn

新疆优质长绒棉花纤维柔长洁白、光泽如丝，是全球纺织工业公认的顶级天然纺织原料。

Xīn jiāng yōu zhì cháng róng mián huā xiān wéi róu zhāng jié bái, guāng zé rú sī, shì quán qiú fǎng zhī gōng yè gōng rèn de dǐng jí tiān rán fǎng zhī yuán liào.

Bông sợi dài chất lượng cao Tân Cương có sợi bông mềm mại trắng muốt, óng ánh như tơ lụa, là nguyên liệu dệt may thiên nhiên cao cấp hàng đầu được ngành dệt may toàn cầu công nhận.

21 nét

HÁN VIỆT

MIỀN HOA



HSK 5

Động từ

#660

# 面对

## miàn duì

đối diện, đối mặt với

面对突如其来的严峻挑战，唯有坚定信念、迎难而上，才能在逆境中开辟出崭新的发展天地。

Miàn duì tū rú qí lái de yán jùn tiǎo zhàn, wéi yǒu jiān dìng xìn niàn, yíng nán ér shàng, cái néng zài nǐ jìng zhōng kāi pì chū zhǎn xīn de fā zhǎn tiān dì.

Đối diện với những thử thách khắc nghiệt bất ngờ ập đến, chỉ có kiên định niềm tin và dũng cảm đón đầu khó khăn mới có thể mở ra chân trời phát triển hoàn toàn mới trong nghịch cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT: DIỆN ĐỐI

HSK 5

Danh từ

#661

# 面积

## miàn jī

diện tích

经过几代治沙人持之以恒的辛勤造林，我国北方防护林体系建设累计新增了数百万公顷的绿化面积。

Jīng guò jǐ dài zhì shā rén chí zhǐ yǐ héng de xīn qín zào lín, wǒ guó běi fāng fáng hù lín tǐ xì jiàn shè lěi jì xīn zēng le shù bǎi wàn gōng qīng de lǜ huà miàn jī.

Trải qua công cuộc trồng rừng kiên trì bền bỉ của nhiều thế hệ người cải tạo sa mạc, hệ thống rừng phòng hộ phía Bắc nước ta đã gia tăng lũy kế hàng triệu héc-ta diện tích phủ xanh.

20 nét

HÁN VIỆT: DIỆN TÍCH

HSK 5

Động từ

#662

# 面临

## miàn lín

đang đối mặt, đứng trước (nguy cơ, cơ hội)

在当今大变局加速演进的时代背景下，全球供应链产业链稳定正面临着前所未有的复杂考验。

Zài dāng jīn dà biàn jú jiā sù yǎn jìn de shí dài bèi jīng xià, quán qiú gòng yìng lián zhǎn wēi yàn wěn dìng zhèng miàn lín zhè qián suǒ wèi yǒu de fù zá kǎo yàn.

Trong bối cảnh thời đại với những biến chuyển lớn đang diễn ra nhanh chóng hiện nay, sự ổn định của chuỗi cung ứng và chuỗi công nghiệp toàn cầu đang phải đối mặt với những thử thách phức tạp chưa từng có.

18 nét

HÁN VIỆT: DIỆN LÂM

HSK 5

Động từ / Danh từ

#663

# 描写

## miáo xiě

miêu tả, khắc họa

这位当代著名作家以极其细腻生动的笔触，深情描写了平凡奋斗者在时代大潮中的不凡人生。

Zhè wèi dāng dài zhù míng zuò jiā yǐ jí xì nì shēng dòng de bǐ chù, shēn qíng miáo xiě le píng fán fèn dòu zhě zài shí dài dà cháo zhōng de bù fán rén shēng.

Nhà văn nổi tiếng đương đại này bằng ngòi bút vô cùng tinh tế và sinh động đã khắc họa sâu sắc cuộc đời phi thường của những người lao động bình dị giữa dòng chảy thời đại.

18 nét

HÁN VIỆT: MIÊU TẢ

HSK 5

Tính từ

#664

# 苗条

## miáo tiáo

thon thả, mảnh mai, mảnh dẻ

坚持常年规律的瑜伽拉伸训练与科学健康的均衡饮食，能够帮助我们保持匀称苗条的健美体态。

Jiān chí cháng nián guī lǜ de yú jiā lā shēn xùn liàn yǔ kē xué jiàn kāng de jūn héng yǐn shí, néng gòu bāng zhù wǒ men bǎo chí yún chèn miáo tiáo de jiàn měi tǐ tài.

Duy trì tập luyện yoga giãn cơ đều độ quanh năm cùng chế độ ăn uống khoa học cân đối có thể giúp chúng ta giữ gìn một vóc dáng thon thả, cân đối và săn chắc.

21 nét

HÁN VIỆT: MIÊU ĐIỀU

HSK 5

Động từ

#665

# 秒

## miǎo

giây

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地秒。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de miǎo.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách giây một cách tốt hơn.

9 nét

HÁN VIỆT: MIỂU

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#666

# 民主

## mín zhǔ

dân chủ

践行全过程人民民主，能够充分保障广大人民群众依法享有广泛而真实的民主权利与参与渠道。

Jiàn xíng quán guò chéng rén mín mín zhǔ, néng gòu chōng fèn bǎo zhàng guāng dà rén mín qún zhòng yī fǎ xiǎng yǒu guāng fàn ér zhēn shí de mín zhǔ quán lì yǔ yǎn yù qú dào.

Việc thực hành nền dân chủ nhân dân toàn quy trình có thể bảo đảm đầy đủ cho đông đảo quần chúng nhân dân được hưởng các quyền dân chủ và kênh tham gia rộng rãi, chân thực theo quy định pháp luật.

17 nét

HÁN VIỆT: DÂN CHỦ

HSK 5

Tính từ / Động từ

#667

# 明确

## míng què

rõ ràng, dứt khoát, minh xác; làm rõ

在启动重大跨部门协作研发项目前，必须明确界定各个子模块的具体接口规范与交付时间表。

Zài qǐ dòng zhòng dà kuà bù mén xié zuò yán fā xiàng mù qián, bì xū míng què jiè dìng gè gè zǐ mò kuài de jù tǐ jiē kǒu guī fàn yǔ jiāo fù shí jiān biāo.

Trước khi khởi động dự án nghiên cứu phát triển phối hợp liên phòng ban trọng đại, nhất thiết phải xác định rõ ràng phạm vi chuẩn giao diện cụ thể và mốc thời gian bàn giao của từng phân hệ.

20 nét

HÁN VIỆT: MINH XÁC

HSK 5

Tính từ

#668

# 明显

## míng xiǎn

rõ rệt, hiển nhiên, rành rành

自从实施了严格的生活垃圾分类管理举措后，整个居民社区的公共卫生环境得到了极其明显的改善。

Zì cóng shí shī le yán gé de shēng huó fēn lèi guǎn lǐ jǔ cuò hòu, zhěng gè jū mín shì qū de gōng gòng wèi shēng huán jīng dé dào le jí qí míng xiǎn de gǎi shàn.

Kể từ sau khi thực thi nghiêm túc các biện pháp quản lý phân loại rác thải sinh hoạt, môi trường vệ sinh công cộng của toàn bộ khu dân cư đã được cải thiện vô cùng rõ rệt.

19 nét

HÁN VIỆT: MINH HIỂN



HSK 5

Danh từ

#669

# 明信片

míng xìn piàn

bưu thiếp, thiệp chúc mừng

在雪域高原拉萨的布达拉宫脚下，他亲手为远方挚友寄出了一张盖有特色邮戳的风景明信片。

Zài xuě yù gāo yuán lǎ sà de bù dá lǎ gōng jiǎo xià, tā qīn shǒu wéi yuǎn fāng zhì yǒu jì chǔ le yí zhāng gài yǒu tè sè yóu chuō de fēng jǐng míng xìn piàn.

Dưới chân Cung điện Potala nơi cao nguyên tuyết trắng Lhasa, anh đã tự tay gửi tặng người bạn tri kỷ nơi phương xa một tấm bưu thiếp phong cảnh có đóng dấu bưu chính đặc trưng.

30 nét

HÁN VIỆT : MINH TÍN PHIẾN

HSK 5

Danh từ

#670

# 明星

míng xīng

ngôi sao, người nổi tiếng; ngôi sao sáng

在科技报国的崇高时代征程中，那些隐性姓名、无私奉献的功勋科学家才是新时代最璀璨耀眼的时代明星。

Zài kē jì bào guó de chóng gāo shí dài zhēng chéng zhōng, nà xiē yīn xīng míng míng, wú sī fèng xiàn de gōng xūn kē xué jiā cái shì xīn shí dài zuì cǎi rǎn de shí dài míng xīng.

Trên hành trình thời đại cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học công nghệ, những nhà khoa học có công lớn âm thầm cống hiến cả đời mới đích thực là những ngôi sao thời đại sáng chói nhất.

23 nét

HÁN VIỆT : MINH TINH

HSK 5

Danh từ

#671

# 名牌

míng pái

thương hiệu nổi tiếng, hàng hiệu, danh hiệu

真正的名牌不仅依靠高知名度的品牌营销，更根植于过硬的产品质量与深入人心的用户口碑。

Zhēn zhèng de míng pái bù jīn yī kào gāo zhī míng dù de pǐn pái yīng xiāo, gèng gēn zhí yú guò yìng de chǎn pǐn zhì liàng yǔ shēn rù rén xīn de yòng hù kǒu bēi.

Một thương hiệu nổi tiếng thực sự không chỉ dựa vào việc tiếp thị quảng bá rầm rộ, mà quan trọng hơn là bắt rễ sâu sắc từ chất lượng sản phẩm vượt trội và niềm tin truyền miệng vững chắc nơi người tiêu dùng.

22 nét

HÁN VIỆT : DANH BÀI

HSK 5

Danh từ

#672

# 名片

míng piàn

danh thiếp, card visit; biểu tượng (nghĩa bóng)

高速铁路与大国重器制造，已经成为闪耀在世界舞台上的亮丽中国“国家名片”。

Gāo sù tiě lù yǔ dà guó zhòng qì zhì zào, yǐ jīng chéng wéi shàn yào zài shì jiè wú tái shàng de liàng lì zhōng guó "guó jiā míng piàn".

Đường sắt cao tốc cùng công nghiệp chế tạo thiết bị trọng đại của đất nước đã trở thành "tấm danh thiếp quốc gia" rực rỡ tỏa sáng trên trường quốc tế.

24 nét

HÁN VIỆT : DANH PHIẾN

HSK 5

Danh từ

#673

# 名胜

míng shèng

danh lam thắng cảnh, di tích nổi tiếng

中国幅员辽阔，拥有万里长城、兵马俑、九寨沟等数不胜数享誉海内外的风景名胜与历史遗存。

Zhōng guó fú yuán liáo kuò, yǒng yǒu wàn lǐ cháng chéng, bīng mǎ yǒng, jiǔ zǎi gǒu děng shù bù shèng shù xiāng yù hǎi nèi wài de fēng jǐng míng shèng yǔ lì shǐ yí cún.

Đất nước Trung Quốc rộng lớn bao la sở hữu vô số danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử lừng danh trong và ngoài nước như Vạn Lý Trường Thành, Đội quân Đất nung, Cửu Trại Câu...

26 nét

HÁN VIỆT : DANH THẮNG

HSK 5

Động từ / Danh từ

#674

# 命令

mìng lìng

ra lệnh, chỉ thị, mệnh lệnh

在抢险救灾的关键时刻，全体救援队员闻令而动，坚决贯彻执行指挥部的紧急救援命令。

Zài qiǎn xiǎn jiù zāi de guān jiàn shí kè, quán tǐ jiù yuǎn duì yuǎn wén lìng ér dòng, jiān jué guān ché zhǐ xíng zhǐ huī bù de jǐn jí jiù yuǎn mìng lìng.

Vào thời khắc then chốt của công tác cứu hộ thiên tai, toàn thể cán bộ cứu hộ vừa nghe lệnh đã lập tức hành động, kiên quyết quán triệt thực thi mệnh lệnh cứu hộ khẩn cấp của ban chỉ huy.

23 nét

HÁN VIỆT : MỆNH LỆNH

HSK 5

Danh từ

#675

# 命运

mìng yùn

số phận, vận mệnh

知识改变命运，勤奋铸就辉煌；无数寒门学子通过发奋攻读改写了自己的人生轨迹。

Zhī shí gǎi biàn mìng yùn, qín fèn zhù jiù huī huáng; wú shù hán mén xué zǐ tōng guò fā fèn gōng dú gǎi xiě le zì jǐ de rén shēng guī jì.

Tri thức thay đổi vận mệnh, sự cần cù kiến tạo nên vinh quang; biết bao học trò nghèo nhờ miệt mài đèn sách đã tự tay viết lại quỹ đạo cuộc đời tươi sáng của chính mình.

25 nét

HÁN VIỆT : MỆNH VẬN

HSK 5

Động từ

#676

# 摸

mō

chạm vào

老师鼓励大家积极摸，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mō, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chạm vào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT : MÔ

HSK 5

Danh từ

#677

# 摩托车

mó tuō chē

xe máy, xe mô-tô

在崎岖蜿蜒的山区乡村公路上驾驶摩托车出行，必须规范佩戴安全头盔并严控车速。

Zài qū qū wān yán de shān qū xiāng cūn gōng lù shàng jià shǐ mó tuō chē chū xíng, bì xū guī fàn pèi dài ān quán tóu kēi bìng yán kòng chē sù.

Khi điều khiển xe máy lưu thông trên các cung đường đèo dốc uốn lượn tại vùng núi nông thôn, bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm đúng quy cách và kiểm soát chặt chẽ tốc độ lái xe.

31 nét

HÁN VIỆT : MA THẮC XA



HSK 5

Động từ

#678

# 模仿

## mó fǎng

bắt chước, mô phỏng, nhại theo

艺术创作可以从早期的临摹与模仿起步，但唯有融入独特的艺术个性才能自成一家。

Yì shù chuàng zuò kě yǐ kǎo yǐ cóng zǎo qī de lín mó yǔ mó fǎng qǐ bù, dàn wéi yǒu róng rù dú tè de yì shù gè xìng cái néng zì chéng yí jiā.

Sáng tác nghệ thuật có thể khởi đầu từ việc sao chép và mô phỏng ban đầu, nhưng chỉ khi hòa quyện cá tính nghệ thuật độc đáo của riêng mình mới có thể tạo nên trường phái đỉnh cao.

18 nét

HÁN VIỆT · MÔ PHỎNG

HSK 5

Tính từ / Động từ

#679

# 模糊

## mó hu

mờ mịt, mơ hồ, không rõ ràng; làm mờ

经过高分辨率图像超分辨率重建算法处理，原先模糊不清的历史老照片瞬间变得清晰锐利。

Jīng guò gāo fēn biān lǜ tú xiàng chāo fēn biān lǜ chóng jiàn suàn fǎ chǔ lǐ, yuán xiān mó hu bù qīng de lì shǐ lǎo zhào piàn shùn jiān biàn dé qīng xī ruì lì.

Sau khi được xử lý bằng thuật toán tái cấu trúc siêu phân giải hình ảnh độ nét cao, những bức ảnh lịch sử cũ vốn mờ mịt không rõ nét tức thì trở nên sắc nét và chi tiết.

23 nét

HÁN VIỆT · MÔ HỒ

HSK 5

Tính từ

#680

# 陌生

## mò shēng

xa lạ, lạ lẫm, không quen

初到一个陌生的全新城市求学，当地居民热情纯朴的关怀让他迅速感受到了家一般的温暖。

Chū dào yí gè mò shēng de quán xīn chéng shì qiú xué, dāng dì jū mín rè qíng chún pǎo de guān huái ràng tā xùn sù gǎn shòu dào le jiā yì bān de wēn nuǎn.

Mỗi bước chân tới một thành phố hoàn toàn xa lạ để nhập học, sự quan tâm nhiệt tình thuần phác của người dân địa phương đã giúp anh nhanh chóng cảm nhận được hơi ấm như ở chính quê nhà.

22 nét

HÁN VIỆT · MẠCH SINH

HSK 5

Đại từ

#681

# 某

## mǒu

ai đó

掌握好“某”的用法，能让中文表达更加自然地道。

Zhǎng wò hǎo “mǒu” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “某” (ai đó) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

12 nét

HÁN VIỆT · MŌU

HSK 5

Danh từ

#682

# 目标

## mù biāo

mục tiêu, đích đến

青年人要立大志、明大德、成大才，将个人的奋斗目标自觉融入国家发展大局之中。

Qīng nián rén yào lì dà zhì, míng dà dé, chéng dà cái, jiāng gè rén de fèn dòu mù biāo zì jué róng rù guó jiā fā zhǎn dà jú zhī zhōng.

Thanh niên cần nuôi chí lớn, rèn luyện đức lớn, lập tài lớn, tự giác hòa quyện mục tiêu phấn đấu cá nhân vào đại cục phát triển chung của đất nước.

22 nét

HÁN VIỆT · MỤC TIÊU

HSK 5

Danh từ

#683

# 目录

## mù lù

mục lục, danh mục

在阅读一本篇幅厚重的学术巨著前，先仔细研读全书详细的章节目录能够快速把握全书的理论脉络。

Zài yuè dú yí běn biān fú hòu zhòng de xué shù jù zhù qián, xiān zì xì yán dú quán shū xiáng xì de zhāng jǐ mù lù néng gòu kuài sù bǎ wò quán shū de lǐ lùn mài luò.

Trước khi đọc một cuốn đại tác phẩm học thuật đồ sộ, việc nghiên cứu kỹ mục lục các chương chi tiết trước sẽ giúp bạn nhanh chóng nắm bắt được mạch lý luận xuyên suốt của toàn bộ cuốn sách.

22 nét

HÁN VIỆT · MỤC LỤC

HSK 5

Danh từ / Phó từ

#684

# 目前

## mù qián

hiện tại, trước mắt, hiện nay

目前，由我国自主研发的新一代高端国产大飞机已正式进入密集商业航线常态化运营阶段。

Mù qián, yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā de xīn yí dài gāo duān guó chǎn dà fēi jī yǐ zhèng shì jìn rù mì jí shāng yè háng xiàn cháng tài huà yùn yíng jiē duàn.

Hiện nay, thế hệ máy bay chở khách dân dụng cỡ lớn cao cấp do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển đã chính thức bước vào giai đoạn vận hành thương mại thường thái trên các đường bay dày đặc.

25 nét

HÁN VIỆT · MỤC TIỀN

HSK 5

Danh từ

#685

# 目

## mù

mắt, mục, để mục; bộ/bộ loài (sinh học)

极目远眺，浩瀚无垠的碧海蓝天在天际线处交相辉映，令人心旷神怡、胸怀顿开。

Jí mù yuǎn tiào, hào hàn wú yín de bì hǎi lán tiān zài tiān xiàn chù jiāo xiāng huī yǐng, lìng rén xīn shān yí yì, xiōng huái dùn kāi.

Phóng tầm mắt nhìn ra xa, biển biếc trời xanh bao la vô tận hòa quyện lung linh nơi đường chân trời, khiến lòng người thư thái sáng khoái, tâm hồn mở rộng bao la.

11 nét

HÁN VIỆT · MỤC

HSK 5

Danh từ

#686

# 木头

## mù tou

gỗ, khúc gỗ; đồ dẫn, khúc gỗ (nghĩa bóng)

老匠人手持雕刻刀在坚硬细腻的红木木头上细心雕琢，片刻间一朵栩栩如生的牡丹花跃然木上。

Lǎo jiàng rén shǒu chí diāo kè dāo zài jiān yìng xì nǐ de hóng mù mù tou shàng xīn xīn diào zhuó, piàn kè jiān yí duǒ xǔ xǔ rú shēng de mǔ dān huā yuè rán mù shàng.

Người thợ già cầm dao khắc tỉ mỉ đục đẽo trên khúc gỗ gụ cứng cáp mịn màng, loáng một cái một đóa hoa mẫu đơn sống động như thật đã hiện lên tinh xảo trên thớ gỗ.

22 nét

HÁN VIỆT · MỘC ĐẦU



HSK 5

Liên từ

#687

# 哪怕

**nǎ pà**

cho dù, dẫu cho, dẫu là

哪怕前方的科研攻坚道路上充满荆棘与未知险阻，我们也誓要迎难而上、勇攀科学高峰。

Nǎ pà qián fāng de kē yán gōng jiān dào lù shàng chōng mǎn jīng cǐ yǔ wèi zhī xiǎn zǔ, wǒ men yě shì yào yíng nán ér shàng, yǒng pǎn kē xué gāo fēng.

Dẫu cho chặng đường nghiên cứu khoa học phía trước có đầy chông gai và thử thách chưa biết, chúng ta cũng quyết tâm đạp bằng gian khó, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: **NÀ PHẠ**

HSK 5

Phó từ / Động từ

#688

# 难怪

**nán guài**

thảo nào, hèn chi; không trách  
đương

原来他常年坚持利用清晨时光专注练习听力与口语，难怪中文发音如此地道纯正、流畅自然。

Yuán lái tā cháng nián jiān chí lì yòng qīng chén shí guāng zhuān zhù liàn xí tīng lì yǔ kǒu yǔ, nán guài zhōng wén fā yīn rú cǐ dì dào chún zhèng, liú chàng zì rán.

Hóa ra anh ấy quanh năm kiên trì tận dụng thời gian sáng sớm để luyện nghe và nói tập trung, thảo nào phát âm tiếng Trung của anh lại chuẩn xác, lưu loát và tự nhiên đến như vậy.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: **NAN QUÁI**

HSK 5

Tính từ

#689

# 难看

**nán kàn**

xấu xí, khó coi; mất mặt, khó coi  
(sắc mặt)

无论遇到多么棘手复杂的问题都要理性沟通，在公共场合大声争吵会让场面十分难看且无济于事。

Wú lùn yù dào duō me jí shǒu fù zá de wèn tí dōu yào lǐ xìng gōu tōng, zài gōng gòng chǎng hé dà yào lí xīng gōu tōng, zài gōng gòng chǎng hé dà shēng zhēng chǎo huì ràng chǎng miàn shí fēn nán kàn qiě wú jì yú shì.

Bất luận gặp phải vấn đề nan giải phức tạp đến đâu cũng cần trao đổi lý tính, cãi vã to tiếng nơi công cộng chỉ làm cho cục diện trở nên vô cùng khó coi mà chẳng giải quyết được việc gì.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: **NAN KHÁN**

HSK 5

Danh từ

#690

# 脑袋

**nǎo dai**

đầu, cái đầu; đầu óc, trí óc

在遇到复杂算法难题时不妨先出去散步换个心情，让紧绷疲劳的脑袋好好放空片刻。

Zài yù dào fù zá suàn fǎ nán tí shí bù fáng xiān chū qù sǎn bù huàn gè xīn qíng, ràng jǐn bēng pí láo de nǎo dai hào hào fàng kōng piàn kè.

Khi gặp phải bài toán thuật toán phức tạp học búa, sao bạn không thử ra ngoài đi dạo đổi gió một chút để cho cái đầu căng thẳng mệt mỏi được thả lỏng thư thái đôi hồi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **NÃO ĐẠI**

HSK 5

Danh từ

#691

# 内科

**nèi kē**

khoa nội, nội khoa

知名三甲综合医院心血管内科专家门诊每天接诊来自全国各地的疑难重症心血管疾病患者。

Zhī míng sān jiǎ zōng hé yī yuàn xīn xuè guǎn nèi kē zhuān jiǎ mén zhěn měi tiān jiē zhěn lái zì quán guó gè dì de yí nán zhòng zhēng xīn xuè guǎn jí bìng huàn zhě.

Phòng khám chuyên khoa Nội Tim mạch của bệnh viện đa khoa tuyến đầu danh tiếng mỗi ngày tiếp nhận hàng trăm ca bệnh tim mạch nan y phức tạp đến từ khắp mọi miền đất nước.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: **NỘI KHOA**

HSK 5

Động từ

#692

# 嫩

**nèn**

dầu thảo

老师鼓励大家积极嫩，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jī nèn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dầu thảo, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: **NỘN**

HSK 5

Tính từ

#693

# 能干

**néng gàn**

tháo vát, đảm đang, có năng lực,  
thạo việc

这位年轻能干的项目经理不仅业务精湛熟练，更善于凝聚团队力量共同攻坚克难。

Zhè wèi nián qīng néng gàn de xiàng mù jīng lǐ bù jǐn yè wù jīng zhàn shú liàn, gèng shàn yú níng jù tuán duì lì liàng gòng tóng gòng jiān kè nán.

Người quản lý dự án trẻ tuổi tháo vát này không chỉ có chuyên môn tinh thông thành thạo mà còn rất giỏi gắn kết sức mạnh tập thể cùng nhau vượt khó.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: **NĂNG CÁN**

HSK 5

Danh từ

#694

# 能源

**néng yuán**

nguồn năng lượng, năng lượng

加快构建以风力与太阳能等清洁能源可再生能源为主体的新型电力系统，是保障国家能源安全的重大战略。

Jiā kuài gòu jiàn yǐ fēng lì yǔ tài yáng néng děng qīng jié lì sè kē zài shēng néng yuán wéi zhǔ tǐ de xīn xíng diàn lì xì tǒng, shì bǎo zhàng guó jiā néng yuán ān quán de zhòng dà zhàn lüè.

Khẩn trương xây dựng hệ thống điện năng mới lấy các nguồn năng lượng sạch tái tạo như điện gió và năng lượng mặt trời làm chủ đạo là chiến lược trọng đại bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **NĂNG NGUYÊN**

HSK 5

Danh từ

#695

# 年代

**nián dài**

thời đại, niên đại, thập kỷ

上世纪六十年代老一辈科学家在戈壁荒漠里隐姓埋名、艰苦创业，铸就了“两弹一星”的不朽丰碑。

Shàng shí jī liù shí nián dài lǎo yī bèi kē xué jiā zài gē bì huāng mò lǐ yīn xìng mái míng, jiǎn kǔ chuàng yè, zhù jiù le "liǎng dàn yī xīng" de bù xiǔ fēng bēi.

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, các thế hệ nhà khoa học tiên bối đã ẩn danh cống hiến nơi sa mạc hoang vu, vượt qua bao gian khổ để dựng xây nên tượng đài bất tử 'Hai quả bom, một vệ tinh'.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: **NIÊN ĐẠI**



HSK 5

Danh từ

#696

# 年纪

## nián jì

tuổi tác, tuổi

这位老院士虽然已到期颐之年，依然精神矍铄，每天坚持指导青年科研团队攻克学术难题。

Zhè wèi lǎo yuàn shì suī rán yǐ dào qī yí zhī nián, yǐ rán jīng shén jué shuò, měi tiān jiān chí zhǐ dǎo qīng nián kè yán tuān dǔi gōng kè xué shù nán tí.

Vị viện sĩ lão thành này tuy tuổi tác đã gần trăm tuổi nhưng tinh thần vẫn quắc thước minh mẫn, mỗi ngày đều kiên trì hướng dẫn các nhà nghiên cứu trẻ chinh phục những đề tài học thuật hóc búa.

20 nét

HÁN VIỆT: NIÊN KỶ

HSK 5

Động từ

#697

# 念

## niàn

đọc

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地念。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì niàn.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách đọc một cách tốt hơn.

10 nét

HÁN VIỆT: NIỆM

HSK 5

Phó từ / Liên từ

#698

# 宁可

## níng kě

thà rằng, thà... còn hơn

为了确保工程质量万无一失，施工团队宁可延长工期也绝不在任何施工细节上偷工减料。

Wèi le què bǎo gōng chéng zhì liàng wàn wú yī shī, shī gōng tuán níng kě yǎn cháng gōng qī yě jué bù zài rèn hé shī gōng xì jié shàng tōu gōng jiǎn liào.

Nhằm bảo đảm chất lượng công trình tuyệt đối không một sai sót, đội thi công thà kéo dài thêm thời gian tiến độ chứ kiên quyết không cắt bớt vật liệu hay làm ẩu ở bất kỳ chi tiết nào.

23 nét

HÁN VIỆT: TRỮ KHẢ

HSK 5

Danh từ

#699

# 牛仔裤

## niú zǎi kù

quần bò, quần jeans

经典复古的深蓝色纯棉牛仔裤以其耐磨舒适与百搭版型，深受全球年轻人的喜爱。

Jīng diǎn fù gǔ de shēn lán sè chún mián niú zǎi kù yǐ qí nài mó shū shì yǔ bài dǎ bǎn xíng, shēn shòu quán qiú nián qīng rén de xǐ ài.

Chiếc quần jeans cotton màu xanh đậm phong cách cổ điển nhờ vào độ bền chống mài mòn, sự thoải mái và phom dáng dễ phối đồ đã được giới trẻ khắp thế giới vô cùng ưa chuộng.

33 nét

HÁN VIỆT: NGƯU TỂ KHỐ

HSK 5

Động từ

#700

# 浓

## nóng

dày

老师鼓励大家积极浓，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí nóng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dày, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: NỒNG

HSK 5

Danh từ

#701

# 农民

## nóng mín

nông dân, người làm nông

广大农民群众用勤劳的双手耕耘沃野田畴，筑牢了国家粮食安全的最坚实底线。

Guǎng dà nóng mín qún zhòng yòng qín láo de shuāng shǒu gēng yún wò yě tián chóu, zhù láo le guó jiā liáng shí ān quán de zuì jiān shí dī xiàn.

Đồng đảo bà con nông dân bằng đôi bàn tay cần cù chăm chỉ cày cấy trên những cánh đồng màu mỡ, đã dựng xây nên phòng tuyến vững chắc nhất cho an ninh lương thực quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: NÔNG DÂN

HSK 5

Danh từ

#702

# 农业

## nóng yè

nông nghiệp

现代数字农业深度融合了卫星遥感、物联网与智能水肥一体化灌溉技术，实现了精准高效耕作。

Xià dài shù zì nóng yè shēn dù róng hé le wèi xīng yáo gǎn, wú lián wǎng yǔ zhì néng shuǐ féi yī tǐ huà guàn gài jì shù, shí xiàn le jīng zhǔn gāo xiào gēng zuò.

Nông nghiệp kỹ thuật số hiện đại kết hợp sâu sắc công nghệ viễn thám vệ tinh, Internet vạn vật (IoT) cùng kỹ thuật tưới phân bón thông minh khép kín, hiện thực hóa canh tác chuẩn xác hiệu quả cao.

22 nét

HÁN VIỆT: NÔNG NGHIỆP

HSK 5

Danh từ

#703

# 女士

## nǚ shì

quý cô, quý bà, phụ nữ (lịch sự)

这位在国际航天领域享有盛誉的杰出女士，受邀在本届全球女性科学家论坛上发表了精彩的主旨演讲。

Zhè wèi zài guó jì háng tiān lǐng yǒu xiàng yōu shèng yǔ de jié chū nǚ shì, shòu yāo zài běn jiè quán qiú nǚ xìng kē xué jiā lùn tán shàng fā biǎo le jīng cǎi de zhǔ zhǐ yǎn jiǎng.

Người phụ nữ kiệt xuất có uy tín lẫy lừng trong ngành hàng không vũ trụ quốc tế này đã nhận lời mời phát biểu bài dẫn để xuất sắc tại Diễn đàn Nữ Khoa học gia Toàn cầu lần này.

24 nét

HÁN VIỆT: NỮ SĨ

HSK 5

Tính từ / Phó từ

#704

# 偶然

## ǒu rán

ngẫu nhiên, tình cờ, ngẫu hợp

科学史上许多划时代的重大发现表面上看似偶然，实则是长期艰苦探索与深厚积累的必然结果。

Kē xué shǐ shàng xǔ duō huà shí dài de zhòng dà fā xiàn biǎo miàn shàng kàn yí ǒu rán, shí zé shì cháng qī jiǎn kǔ tàn suǒ yǔ shēn hòu jī lěi de bì rán jié guǒ.

Nhiều phát minh mang tính bước ngoặt trong lịch sử khoa học thoát nhìn bề ngoài có vẻ là sự tình cờ ngẫu nhiên, nhưng thực chất lại là kết quả tất yếu của quá trình tích lũy sâu dày và dày công tìm tòi lâu dài.

22 nét

HÁN VIỆT: NGẪU NHIÊN


**HSK 5**

Động từ

#705

# 拍

  
**pāi**
**bắn**

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地拍。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì pāi.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách bắn một cách tốt hơn.

10 nét

HÁN VIỆT: PHÁCH

**HSK 5**

Động từ

#706

# 排队

  
**pái duì**
**xếp hàng**

在早晚高峰时段乘坐地铁时，乘客们自觉站在安全屏蔽门两侧文明排队候车。

Zài zǎo wǎn gāo fēng shí duàn chéng zuò dì tiě shí, chéng kè men zì jué zhàn zài ān quán píng mén liǎng cè wén míng pái duì hòu chē.

Khi đi tàu điện ngầm vào giờ cao điểm sáng tối, các hành khách đều tự giác đứng xếp hàng văn minh ở hai bên cửa chắn an toàn để chờ tàu.

20 nét

HÁN VIỆT: BÀI ĐỘI

**HSK 5**

Danh từ

#707

# 排球

  
**pái qiú**
**môn bóng chuyền, quả bóng chuyền**

中国女排在赛场上展现出的“顽强拼搏、永不言弃”的女排精神，深深激励着一代代中华儿女奋勇前行。

Zhōng guó nǚ pái zài sài chǎng shàng zhǎn xiàn chū de "wán qiáng pīn bó, yǒng bù yán qì" de nǚ pái jīng shén, shēn shēn jī lì zhe yí dài dài zhōng huá ér nǚ fèn yǒng qiǎn xíng.

Tinh thần bóng chuyền nữ 'Ngao cường chiến đấu, không bao giờ bỏ cuộc' mà đội tuyển bóng chuyền nữ Trung Quốc thể hiện trên sân đấu đã truyền cảm hứng sâu sắc cho bao thế hệ tiến bước.

24 nét

HÁN VIỆT: BÀI CẦU

**HSK 5**

Động từ

#708

# 派

  
**pài**
**gửi**

老师鼓励大家积极派，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực gửi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: PHÁI

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#709

# 盼望

  
**pàn wàng**
**trông mong, ngóng trông, mong mỏi**

久旱逢甘露，持续干旱的农田终于迎来了期盼已久的一场透雨，乡亲们脸上乐开了花。

Jiǔ hàn féng gān lín, chí xù gān hàn de nóng tián zhōng yú yíng lái le qī pàn yǐ jiǔ de yī cháng tòu yǔ, xiāng qīn men liǎn shàng lè kāi le huā.

Nắng hạn gặp mưa rào, những cánh đồng khô hạn kéo dài cuối cùng cũng đón nhận một trận mưa rào mát rượi mong mỏi bấy lâu, nụ cười rạng rỡ nở bung trên khuôn mặt bà con dân làng.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÁN VỌNG

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#710

# 赔偿

  
**péi cháng**
**bồi thường, đền bù**

保险公司严格按照保单条款与实际定损评估结果，在三个工作日内全额赔偿了客户的受损财产。

Bǎo xiǎn gōng sī yán gé àn zhào bǎo dān tiáo kǎn yǔ shí jì dìng sǔn píng gū jié guǒ, zài sān gè gōng zuò rì nèi quán é péi cháng le kè hù de shòu sǔn cái chǎn.

Công ty bảo hiểm đã chi trả bồi thường toàn bộ tài sản bị thiệt hại cho khách hàng trong vòng 3 ngày làm việc theo đúng các điều khoản hợp đồng bảo hiểm và kết quả giám định tổn thất thực tế.

26 nét

HÁN VIỆT: BỒI THƯỜNG

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#711

# 培养

  
**péi yǎng**
**bồi dưỡng, đào tạo, nuôi cấy**

高等教育机构应当注重培养青年学子的独立批判性思维、跨学科创新意识与卓越实践动手能力。

Gāo děng jiào yù yīng gòu yīng dāng zhù zhòng péi yǎng qīng nián xué zǐ de dú lì pī pàn xīng sī wéi, kuà xué kē chuāng xīn yì shí yǔ zhuó yuè shí jiàn dòng shòu néng lì.

Các cơ sở giáo dục đại học cần chú trọng bồi dưỡng cho sinh viên trẻ tư duy phản biện độc lập, ý thức đổi mới sáng tạo liên ngành cùng năng lực thực hành thao tác xuất sắc.

24 nét

HÁN VIỆT: BỒI DƯỠNG

**HSK 5**

Động từ / Tính từ

#712

# 配合

  
**pèi hé**
**phối hợp, kết hợp ăn ý; thích hợp**

在重大航天交会对接任务中，地面测控中心与在轨航天员乘组精密配合，圆满完成了全套操作。

Zài zhòng dà háng tiān jiāo huì duì jiē rèn wù zhōng, dì miàn kòng zhòng xīn yǔ zài guī háng tiān yuán chéng zǔ jīng mì pèi hé, yuán mǎn wán chéng le quán tào cāo zuò.

Trong nhiệm vụ ghép nối tàu vũ trụ quan trọng, trung tâm điều khiển mặt đất cùng phi hành đoàn trên quỹ đạo đã phối hợp chuẩn xác tuyệt đối, hoàn thành xuất sắc toàn bộ quy trình thao tác.

23 nét

HÁN VIỆT: PHỐI CÁP

**HSK 5**

Động từ

#713

# 配

  
**pèi**
**Trận đấu**

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地配。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì pèi.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách Trận đấu một cách tốt hơn.

14 nét

HÁN VIỆT: PHỐI



HSK 5

Động từ

#714

佩服

pèi fú

khâm phục, thán phục, bái phục

面对复杂严峻的技术瓶颈，他凭借坚韧不拔的毅力带领团队历经数百次失败终获成功，令人深感佩服。

Miàn duì fù zá yán jùn de jì shù píng jīng, tā píng jiè jiān rèn bù bá de yì lì dài lǐng tuán duì lì jīng shù bǎi cì shī bài zhōng huò chéng gōng, lìng rén shēn gǎn pèi fú.

Đứng trước rào cản kỹ thuật phức tạp khắc nghiệt, anh ấy nhờ vào nghị lực kiên cường bất khuất đã dẫn dắt cả đội vượt qua hàng trăm lần thất bại để chạm tới thành công, khiến ai nấy đều vô cùng khâm phục.

22 nét

HÁN VIỆT: BỘI PHỤC

HSK 5

Danh từ / Lượng từ

#715

盆

pén

chậu, bồn, bát to; chậu (lượng từ)

书房向阳的窗台上摆放着一盆生机盎然的君子兰，翠绿厚实的叶片间绽放出娇艳高雅的花朵。

Shū fáng xiàng yáng de chuāng tái shàng bài fàng zhe yī pén shēng jī àng rán de jūn zǐ lán, cuì lǜ hòu shí de yè piàn jiān zhàn fàng chū jiāo yàn gāo yǎ de huā duǒ.

Bên bệ cửa sổ đón nắng của phòng đọc sách đặt một chậu lan Quân tử tràn trề sức sống, giữa những phiến lá xanh dày dặn bung nở những đóa hoa tao nhã kiêu sa.

13 nét

HÁN VIỆT: BỒN

HSK 5

Động từ

#716

碰见

pèng jiàn

tình cờ gặp, đụng mặt, bắt gặp

今天在国家图书馆善本阅览室查阅古籍文献时，我正好碰见了多年未见的高中同窗挚友。

Jīn tiān zài guó jiā tú shū guān shàn běn yuē lǎn shì chá yuē gǔ jī wén xiàn shí, wǒ zhèng hǎo pèng jiàn le duō nián wèi jiàn de gāo zhōng tóng chuāng zhì yǒu.

Hôm nay khi đến phòng đọc sách quý của Thư viện Quốc gia tra cứu tài liệu cổ, tôi tình cờ gặp lại người bạn thân thời cấp ba gần ba mươi năm chưa gặp.

27 nét

HÁN VIỆT: BÌNH KIẾN

HSK 5

Động từ

#717

披

pī

Phi

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地披。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de pī.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách Phi một cách tốt hơn.

11 nét

HÁN VIỆT: PHI

HSK 5

Lượng từ / Động từ

#718

批

pī

lô, đợt, chuyển (hàng, người); phê duyệt, phê bình

由我国自主研发制造的首批高性能绿色纯电动商用重卡，今天正式批量交付海外客户。

Yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā zhì zào de shǒu pī gāo xìng néng lǜ sè chún diàn dòng shāng yòng zhòng kǎ, jīn tiān zhèng shì pī liàng jiāo fù hǎi wài kè hù.

Lô xe tải thương mại hạng nặng thuần điện xanh hiệu năng cao đầu tiên do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo hôm nay đã chính thức bàn giao hàng loạt cho khách hàng quốc tế.

10 nét

HÁN VIỆT: PHÊ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#719

批准

pī zhǔn

phê chuẩn, chuẩn y, phê duyệt

经国家发改委与科技部正式立项批准，该前沿大科学装置实验基地在综合性国家科学中心正式开工建设。

Jīng guó jiā fā gǎi wēi yú kē jì bù zhèng shì lì xiàng pī zhǔn, gāi qián yán dà kē xué zhuāng zhì shí yàn jī dì zài zōng hé xìng guó jiā kē xué zhōng xīn zhèng shì kāi gōng jiàn shè.

Được Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia cùng Bộ Khoa học Công nghệ chính thức phê chuẩn lập dự án, căn cứ thực nghiệm công trình khoa học lớn tiên phong này đã chính thức khởi công xây dựng tại trung tâm khoa học quốc gia tổng hợp.

22 nét

HÁN VIỆT: PHÊ CHUẨN

HSK 5

Tính từ

#720

疲劳

pí láo

mệt mỏi

在面对复杂的挑战时，保持疲劳的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí pí láo de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái mệt mỏi đặc biệt quan trọng.

21 nét

HÁN VIỆT: BÌ LAO

HSK 5

Danh từ

#721

皮鞋

pí xié

giày da

在出席重要的国际外事礼宾会见时，穿着擦拭得一尘不染的黑色真皮皮鞋是基本的商务礼仪规范。

Zài chū xí zhòng yào de guó jì wài shì lǐ bīn huì jiàn shí, chuān zhe cā shì dé yī chén bù rǎn de hēi sè zhēn pí pí xié shì jī běn de shāng wù lǐ yí guī fàn.

Khi tham dự các buổi tiếp kiến lễ tân đối ngoại quốc tế quan trọng, việc mang đôi giày da màu đen được đánh bóng sạch sẽ không gọn hạt bụi là quy chuẩn lễ nghi công sở cơ bản.

19 nét

HÁN VIỆT: BÌ HẢI

HSK 5

Lượng từ / Danh từ

#722

匹

pǐ

con (ngựa); cuộn (vải); mã lực

在辽阔苍茫的内蒙古大草原上，一匹浑身毛色如缎的矫健骏马在夕阳下迎风驰骋。

Zài liáo kuò cāng máng de nèi měng gǔ dà cǎo yuán shàng, yī pǐ hún shēn máo sè rú duàn de jiǎo jiàn jùn mǎ zài xī yáng xià yíng fēng chí chěng.

Trên thảo nguyên Nội Mông bao la bát ngát, một chú tuần mã dũng mãnh với bộ lông óng mượt như nhung đang phi nước đại ngược gió dưới ánh tà dương.

12 nét

HÁN VIỆT: THẤT



HSK 5

Danh từ / Lượng từ

#723

片

piàn

mảnh, miếng, tấm; vùng, dải; viên (thuốc)

放眼望去，盛开的十万亩油菜花田如同一片金色的壮美海洋，在春风中泛起层层波浪。  
Fàng yǎn wàng qù, shèng kāi de shí wàn mǔ yóu cài huā tián rú tóng yí piàn jīn sè de zhuàng měi hǎi yáng, zài chūn fēng zhōng fǎn qǐ céng céng bō làng.

Phóng tầm mắt nhìn ra xa, mười vạn mẫu ruộng hoa cải vàng nở rộ tựa như một dải đại dương vàng óng ả trắng lị, dập dềnh từng đợt sóng hoa trong gió xuân.

10 nét

HÁN VIỆT : PHIẾN

HSK 5

Tính từ

#724

片面

piàn miàn

phiến diện, một chiều, không toàn diện

在评价复杂的历史人物与社会现象时，切忌以偏概全或得出片面极端的结论。

Zài píng jià fù zá de lì shǐ rén wù yǔ shè huì xiàng xiàng shí, qiè jì yǐ piān gài quán huò dé chū piàn miàn jí duān de jié lùn.

Khi đánh giá các nhân vật lịch sử và hiện tượng xã hội phức tạp, tuyệt đối tránh lấy cục bộ suy ra toàn thể hay vội vã đưa ra những kết luận phiến diện một chiều.

20 nét

HÁN VIỆT : PHIẾN DIỆN

HSK 5

Động từ

#725

飘

piāo

Cuốn theo chiều gió

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地飘。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de piāo.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách Cuốn theo chiều gió một cách tốt hơn.

13 nét

HÁN VIỆT : PHIÊU

HSK 5

Danh từ

#726

频道

pín dào

kênh truyền hình, kênh phát thanh, tần số

国家地理科学纪录片频道全天候播放高清自然科普纪录片，深受广大青少年自然爱好者的青睐。

Guó jiā dì lǐ kē xué jì lù piàn pín dào quán tiān hòu bō fàng gāo qīng zì rán kē pǔ jì lù piàn, shēn shòu guāng dà qīng shào nián zì rán ài hào zhě de qīng ài.

Kênh phim tài liệu khoa học địa lý quốc gia phát sóng các thước phim tài liệu phổ biến khoa học tự nhiên độ nét cao suốt 24/7, rất được đông đảo các bạn trẻ yêu thiên nhiên ưa thích.

21 nét

HÁN VIỆT : TẦN ĐẠO

HSK 5

Danh từ

#727

品种

pǐn zhǒng

chủng loại, giống loài (cây trồng, vật nuôi)

农业科研专家历时十余年潜心选育出的抗旱耐盐碱优质水稻新品种，在盐碱滩涂上喜获高产。

Nóng yè kē yán zhuān jiā lì shí shí yú nián qián xīn xuān yù chū de kàng hàn nài yán jiǎn yōu zhì shuǐ dào xīn pǐn zhǒng, zài yán jiǎn huāng tān shàng xǐ huò gāo chǎn.

Giống lúa mới chất lượng cao chịu hạn kháng mặn do các chuyên gia khoa học nông nghiệp dày công lai tạo suốt hơn mười năm qua đã đạt năng suất bội thu trên các vùng đất hoang ngập mặn.

23 nét

HÁN VIỆT : PHẨM CHỦNG

HSK 5

Giới từ / Động từ

#728

凭

píng

dựa vào, căn cứ vào; dựa, tựa

广大旅客凭电子身份证与人脸识别验证，即可在几秒钟内实现高铁车站无感快速刷脸进站。

Guǎng dà lǚ kè píng diàn zǐ shēn fèn zhèng yǔ rén lián shí bié yàn zhèng, jí kě zài jǐ miǎo zhōng nèi shí xiàn gāo tiě zhàn wú gǎn kuài sù shuā liǎn jìn zhàn.

Đông đảo hành khách dựa vào căn cước công dân điện tử và nhận diện khuôn mặt có thể quét mặt qua cổng vào ga tàu cao tốc nhanh chóng chỉ trong vài giây.

9 nét

HÁN VIỆT : BẰNG

HSK 5

Tính từ

#729

平

píng

bằng phẳng

在面对复杂的挑战时，保持平的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí píng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bằng phẳng đặc biệt quan trọng.

9 nét

HÁN VIỆT : BÌNH

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#730

平常

píng cháng

bình thường, thông thường; ngày thường

伟大出自平凡，平凡造就伟大；在平常的工作岗位上把每一件小事做好就是不平凡。

Wéi dà chū zì píng fán, píng fán zào jiù wéi dà; zài píng cháng de gōng zuò gǎng wèi shàng bǎ měi yí jiàn xiǎo shì zuò hǎo jiù shì bú píng fán.

Sự vĩ đại bắt nguồn từ những điều bình dị, sự bình dị kiến tạo nên sự vĩ đại; làm tốt từng việc nhỏ bé nơi vị trí công tác bình thường thường nhật chính là điều phi thường.

22 nét

HÁN VIỆT : BÌNH THƯỜNG

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#731

平等

píng děng

bình đẳng

在国际大家庭中，国家不论大小、强弱、贫富，一律平等，都应当共同参与全球治理规则的制定。

Zài guó jì dà jiā tíng zhōng, guó jiā bù lùn dà xiǎo, qiáng ruò, pín fù, yì lǚ píng děng, dōu yīng dāng gòng tóng cān yù quán qiú zhì lǐ guī zé de zhì dìng.

Trong đại gia đình quốc tế, tất cả các quốc gia bất kể lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu, giàu hay nghèo đều bình đẳng như nhau, cùng nhau tham gia xây dựng các quy tắc quản trị toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT : BÌNH ĐẲNG



HSK 5

Danh từ / Lượng từ

#732

# 平方

píng fāng

bình phương (lũy thừa 2); mét vuông (viết tắt)

这座现代化的国家生物医学实验室拥有数万平方米的高标准超净实验与研发空间。

Zhè zuò xiàndài huà de guójiā shēngwù yīxué shíyàn shì yǒngyǒu shù wàn píngfāng mǐ de gāobāo biāozhǔn chāojié shíyàn yǔ yán fā kōngjiān.

Phòng thí nghiệm y sinh quốc gia hiện đại này sở hữu không gian thí nghiệm và nghiên cứu phát triển siêu sạch tiêu chuẩn cao rộng hàng vạn mét vuông.

18 nét

HÁN VIỆT: BÌNH PHƯƠNG

HSK 5

Tính từ / Động từ / Danh từ

#733

# 平衡

píng héng

cân bằng, thăng bằng; sự cân bằng

在推进经济高速增长的同时，必须统筹好经济发展与生态环境保护之间的动态平衡关系。

Zài tuījìn jīngjì gāosù zēngzhǎng de tóngshí, bìxū tóutǒng hǎo jīngjì fāzhǎn yǔ shēngtài bǎohù zhī jiān de dòngtài píng héng guānxi.

Trong khi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, nhất thiết phải điều phối hài hòa mối quan hệ cân bằng động lực giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

21 nét

HÁN VIỆT: BÌNH HÀNH

HSK 5

Tính từ

#734

# 平静

píng jìng

bình tĩnh, phẳng lặng, thanh bình

清晨的湖面如同一面巨大的清澈明镜，平静无波，倒映着四周青翠秀丽的远山与白云。

Qīng chén de hú miàn rú tóng yí miàn jù dà de qīngchè míng jìng, píng jìng wú bō, dào yǐng zhe sì zhōu qīng cuì xiù lì de yuǎn shān yǔ bái yún.

Mặt hồ buổi sớm mai tựa như một tấm gương trong suốt không lỗi, phẳng lặng không một gợn sóng, soi bóng núi non xa xanh mượt cùng những dải mây trắng bóng bẽnh.

17 nét

HÁN VIỆT: BÌNH TĨNH

HSK 5

Tính từ / Động từ / Danh từ

#735

# 平均

píng jūn

bình quân, trung bình

随着医疗卫生条件的全面改善与人均生活水平的提高，我国居民人均预期寿命实现了显著增长。

Suí zhe yī liáo wèi shēng tiáo jiàn de quán miàn gǎi shàn yǔ rén jūn shēng huó suǒ dé shuǐ píng de tí shēng, wǒ guó jū mǐn rén jūn yù qī shòu mìng shí xiàn le xiǎn zhù zēng zhǎng.

Cùng với sự cải thiện toàn diện của điều kiện y tế vệ sinh và mức sống người dân, tuổi thọ kỳ vọng bình quân của người dân nước ta đã tăng trưởng rõ rệt.

23 nét

HÁN VIỆT: BÌNH QUÂN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#736

# 评价

píng jià

đánh giá, nhận xét, thẩm định

国际同行权威专家对该科研团队在拓扑绝缘体物理机制方面取得的原创性突破给予了极高的学术评价。

Guó jì tóng xíng quán wēi zhuān jiā duì gāi kē yán tuán duì zài tuō pǔ jué yuán tǐ wù lǐ jī zhì fāng miàn qǔ dé de yuán chuàng xìng tú pò jǐ yǔ jí gāo de xué shù píng jià.

Các chuyên gia uy tín đồng nghiệp quốc tế đã dành sự đánh giá học thuật rất cao cho những bước đột phá mang tính nguyên tác của nhóm nghiên cứu về cơ chế vật lý chất cách điện tô-pô.

25 nét

HÁN VIỆT: BÌNH GIÁ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#737

# 破产

pò chǎn

phá sản, sụp đổ (kế hoạch)

任何企图通过科技封锁遏制别国正当发展权利的图谋，最终都必将彻底走向破产。

Rèn hé qǐ tú tōng guò kējì fēng suǒ è zhì bié guó zhèng dāng fā zhǎn quán lì de tú móu, zuì zhōng dōu bì jiāng chè dǐ zǒu xiàng pò chǎn.

Bất kỳ toan tính nào hòng dùng phong tỏa công nghệ để kìm hãm quyền phát triển chính đáng của các quốc gia khác rốt cuộc đều chắc chắn sẽ đi tới sự phá sản hoàn toàn.

19 nét

HÁN VIỆT: PHÁ SẢN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#738

# 破坏

pò huài

phá hoại, hủy hoại, làm tổn hại

严厉禁止任何人在国家自然保护区核心区域内从事开矿、砍伐等破坏生态红线的违法活动。

Yán lì jìn zhǐ rèn hé rén zài guójiā zì rán bǎohù qū hé xīn qū yù nèi cóng shí kāi kuàng, kǎn fá děng pò huài shēng tài hóng xiàn de wéi fǎ huó dòng.

Nghiêm cấm tuyệt đối bất kỳ ai tiến hành các hoạt động khai khoáng, chặt phá rừng vi phạm pháp luật hủy hoại lẫn ranh đỏ sinh thái bên trong vùng lõi khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia.

16 nét

HÁN VIỆT: PHÁ HOẠI

HSK 5

Tính từ

#739

# 迫切

pò qiè

cấp bách, khẩn thiết, bức thiết

实现高水平科技自立自强，是应对外部遏制打压与保障国家安全的迫切战略要求。

Shí xiàn gāo shuǐ píng kējì zì lì zì qiáng, shì yīng duì wài bù è zhì dǎ yā yǔ bǎo zhàng guójiā ān quán de pò qiè zhàn lüè yāo qiú.

Hiện thực hóa tự chủ tự cường khoa học công nghệ ở trình độ cao là yêu cầu chiến lược cấp bách và bức thiết để ứng phó với sự chèn ép phong tỏa từ bên ngoài và bảo đảm an ninh quốc gia.

24 nét

HÁN VIỆT: BÀI TIẾP

HSK 5

Tính từ

#740

# 朴素

pǔ sù

chất phác, mộc mạc, giản dị

这位功勋卓著的资深老院士一生生活极其朴素节俭，却将毕生积蓄全部捐赠给了乡村教育基金会。

Zhè wèi gōngxūn zhuó zhù de zī shēn lǎo yuǎn shì yí shēng shēng huó jí qí pǔ sù jié jiǎn, què jiāng bì shēng jī xù quán bù juān zèng gěi le xiāng cūn jiàoyù jī jīn huì.

Vị viện sĩ lão thành có công trạng lừng lẫy này cả cuộc đời sống vô cùng giản dị thanh bạch, nhưng đã quyên tặng toàn bộ số tiền tiết kiệm cả đời cho quỹ giáo dục khuyến học vùng cao.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÁC TỐ



HSK 5

Động từ / Danh từ

#741

# 期待

qī dài

kỳ vọng, trông đợi, mong chờ

我们热切期待与全球各国青年科学家进一步深化前沿探索合作，共同携手开创美好的科技未来。

Wǒ men rè qiè qī dài yǔ quán qiú gè guó qīng nián kē xué jiā jīn yì bù shēn huà qián yán tàn suǒ hé zuò, gòng tóng xié shǒu kāi chuàng měi hǎo de kē jì wèi lái.

Chúng tôi nồng nhiệt kỳ vọng và đón đợi việc làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ hợp tác thám hiểm tiên phong cùng các nhà khoa học trẻ toàn cầu, chung tay mở lối tương lai khoa học công nghệ tươi đẹp.

20 nét

HÁN VIỆT KỲ ĐÃI

HSK 5

Danh từ

#742

# 期间

qī jiān

thời gian, thời kỳ, trong khoảng thời gian

在国际空间站执行长达半年的在轨驻留任务期间，航天员们圆满完成了数十项前沿太空科学实验。

Zài guó jì kōng jiān zhàn zhí xíng zhǎng dá bàn nián de zài guī zhù liú rèn wù qī jiān, háng tiān yuán men yuán mǎn wán chéng le shù shí xiàng qián yán tài kōng kē xué shí yàn.

Trong khoảng thời gian thực hiện nhiệm vụ lưu trú trên quỹ đạo kéo dài nửa năm tại trạm không gian quốc tế, các phi hành gia đã hoàn thành xuất sắc hàng chục thí nghiệm khoa học vũ trụ tiên phong.

18 nét

HÁN VIỆT KỲ GIAN

HSK 5

Đại từ

#743

# 其余

qí yú

Phần còn lại

掌握好“其余”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “qí yú” de yòng fǎ, néng ràng zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào. Nắm vững cách dùng từ “其余” (Phần còn lại) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

23 nét

HÁN VIỆT KỲ DƯ

HSK 5

Danh từ

#744

# 奇迹

qí jì

kỳ tích, điều kỳ diệu

一代代塞罕坝务林人把昔日飞鸟不栖的荒原沙地蜕变成了百万亩林海，创造了荒原变绿洲的人间奇迹。

Yí dài dài sāi hǎn bà wù lín rén bǎ xī rì fēi niǎo bù qī de huāng yuán shā dì tuì biàn chéng le bǎi wàn mù lín hǎi, chuàng zào le huāng yuán biàn lǜ zhōu de rén jiān qí jì.

Bao thế hệ người trồng rừng Saihanba đã biến vùng đất hoang hóa cát bụi chim không thêm đậu năm nào thành rừng cây bạt ngàn triệu mẫu, kiến tạo nên kỳ tích trần gian biến sa mạc thành ốc đảo xanh.

18 nét

HÁN VIỆT CƠ TÍCH

HSK 5

Động từ / Danh từ

#745

# 启发

qǐ fā

khơi gợi, gợi mở, truyền cảm hứng

导师在研讨课上循循善诱的启发式提问，极大激发了研究团队在模型架构设计上的全创新灵感。

Dǎo shī zài yán tǎo kè shàng xún xún shàn yòu de qǐ fā shì tí wèn, jí dà jī fā le yán jiū tuán duì zài mó xíng jià gòu shè jì shàng de quán xīn chuàng xīn líng gǎn.

Những câu hỏi gợi mở khéo léo và kiên nhẫn của người thầy hướng dẫn trong buổi hội thảo đã khơi dậy mạnh mẽ nguồn cảm hứng đổi mới sáng tạo hoàn toàn mới về thiết kế kiến trúc mô hình cho nhóm nghiên cứu.

23 nét

HÁN VIỆT KHỞI PHÁT

HSK 5

Động từ / Danh từ

#746

# 企图

qí tú

mưu toan, toan tính, mưu đồ (xấu)

任何企图通过不正当技术壁垒阻碍全球科技共享与开放合作的阴谋，都注定是徒劳无功的。

Rèn hé qí tú tōng guò bù zhèng dāng jì shù bì lěi zǔ ài quán qiú kē jì gòng xiǎng yǔ kāi fàng hé zuò de yīn móu, dōu zhù dìng shì tú láo wú gōng de.

Bất kỳ mưu toan nào hòng dùng các rào cản kỹ thuật phi pháp để cản trở sự chia sẻ khoa học công nghệ và hợp tác cởi mở toàn cầu đều chắc chắn sẽ là công dã tràng.

21 nét

HÁN VIỆT XÍ ĐỒ

HSK 5

Danh từ

#747

# 企业

qǐ yè

doanh nghiệp, công ty

专精特新中小企业以其深厚的技术积累与敏锐的创新活力，正在成为国家制造业强链补链的生力军。

Zhuān jīng tè xīn zhōng xiǎo qǐ yè yǐ qí shēn hòu de jì shù jī lěi yǔ mǐn ruì de chuàng xīn huó lì, zhèng zài chéng wéi guó jiā zhì zào yè qiáng liàn bǔ liàn de shēng lì jūn.

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo chuyên sâu nhờ vào bề dày tích lũy kỹ thuật cùng sức sống đổi mới nhạy bén đang trở thành lực lượng tinh nhuệ củng cố chuỗi cung ứng ngành chế tạo quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT XÍ NGHIỆP

HSK 5

Danh từ

#748

# 气氛

qì fēn

bầu không khí, không khí (buổi lễ, cuộc họp)

除夕夜全家老小欢聚一堂包饺子、看春晚，整个屋子里洋溢着浓厚温馨、其乐融融的节日喜庆气氛。

Chú xī yè quán jiā lǎo xiǎo huān jù yì táng bāo shuǐ jiǎo, kàn chūn wǎn, zhěng gè wū zǐ lǐ yáng yì zhe nóng hòu wēn xīn, qí lè róng róng de jié rì xǐ qīng qì fēn.

Đêm Giao thừa cả gia đình già trẻ lớn bé quây quần gói sủi cảo, xem Gala đón xuân, khắp căn nhà ngập tràn bầu không khí lễ hội vui tươi ấm áp và rộn rã tiếng cười sum vầy.

24 nét

HÁN VIỆT KHÍ PHÂN

HSK 5

Danh từ

#749

# 汽油

qì yóu

xăng, dầu xăng

推广高标号清洁车用汽油与大力普及新能源汽车，是改善城市空气质量、减少尾气排放的重要举措。

Tuī guǎng gāo biāo hào qīng jié chē yòng qì yóu yǔ dà lì pǔ jí xīn néng yuán qì chē, shì gǎi shān chéng shì kōng qì zhì liàng, jiǎn shǎo wēi qì pái fàng de zhòng yào jǔ cuò.

Việc phổ biến xăng sinh học sạch tiêu chuẩn cao và đẩy mạnh phát triển xe năng lượng mới là những giải pháp quan trọng để cải thiện chất lượng không khí đô thị và giảm thiểu khí thải độc hại.

21 nét

HÁN VIỆT KHÍ DẦU



HSK 5

Động từ

#750

牵

qiān

dắt, dắt tay, kéo theo; bận tâm

傍晚在细软的金黄色沙滩上漫步，父母微笑着牵着孩子稚嫩的小手，画面温馨而美好。

Bàng wǎn zài xì ruǎn de jīn huáng sè shā tān shàng màn bù, fù mǔ wēi xiào zhe qiān zhe hái zǐ zhì nèn de xiǎo shǒu, huà miàn wēn xīn ér měi hǎo.

Buổi hoàng hôn dạo bước trên bờ cát vàng óng mịn màng, cha mẹ mỉm cười dắt đôi bàn tay nhỏ bé non nớt của con thơ, khung cảnh thật êm đềm và tươi đẹp.

14 nét

HÁN VIỆT: KHIÊN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#751

签字

qiān zì

ký tên, ký kết

在隆重的国际经贸合作签约仪式上，双方首席代表正式在战略合作协议文本上签字盖章。

Zài lóng zhòng de guó jì jīng mào hé zuò qiān yuē yí shì shàng, shuāng fāng shǒu xī dài biǎo zhèng shì zài zhàn lǚ hé zuò xié yì wén běn shàng qiān zì gài zhāng.

Tại buổi lễ ký kết hợp tác kinh tế thương mại quốc tế trang trọng, đại diện trưởng đoàn hai bên đã chính thức đặt bút ký tên và đóng dấu vào văn bản thỏa thuận hợp tác chiến lược.

21 nét

HÁN VIỆT: THIÊM TỰ

HSK 5

Tính từ

#752

谦虚

qiān xū

khiêm tốn, khiêm nhường

满招损，谦受益；无论取得多么骄人的学术成就，真正的学者始终保持着虚怀若谷的谦虚品格。

Mǎn zhāo sǔn, qiān shòu yì; wú lùn qǔ dé duō me jiāo rén de xué shù chéng jiù, zhēn zhèng de xué zhě shì zhōng bǎo chí zhe xū huái ruò gǔ de qiān xū pǐn gé.

Kiểu căng chuốc lấy tổn hại, khiêm tốn nhận về lợi ích; dẫu cho có gặt hái được những thành tựu học thuật rực rỡ đến đâu, người làm nghiên cứu chân chính luôn giữ trọn phẩm hạnh khiêm tốn và rộng mở dung nạp.

22 nét

HÁN VIỆT: KHIÊM HƯ

HSK 5

Danh từ

#753

前途

qián tú

tiền đồ, tương lai phía trước

新时代青年学子生逢盛世，重任在肩，脚踏实地勇攀科学高峰，必定拥有无比光明广阔的前途。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ shēng féng shèng shì, zhòng rèn zài jiān, jiǎo tà shí dì yǒng pān kē xué gāo fēng, bì dìng yǒng yǒu wú bǐ guāng míng guǎng kuò de qián tú.

Sinh viên thanh niên thời đại mới sinh ra trong thời kỳ phát triển rực rỡ, mang trên vai trọng trách lớn lao, kiên định từng bước trèo lên đỉnh cao khoa học nhất định sẽ có tiền đồ xán lạn và rộng mở vô cùng.

23 nét

HÁN VIỆT: TIỀN ĐỒ

HSK 5

Tính từ

#754

浅

qiǎn

nông, cạn; nhạt (màu sắc); nông cạn (kiến thức)

水墨画大师以深浅浓淡相宜的灵动墨色，在宣纸上勾勒出江南水乡烟雨朦胧的迷人意境。

Shuǐ mò huà dà shī yǐ shēn qiǎn nóng dàn xiāng yí de líng dòng mò sè, zài xuān zhǐ shàng gōu lè chū jiāng nán shuǐ xiāng yān yǔ méng lóng de mí rén yì jìng.

Bậc thầy tranh thủy mặc với sắc mực đậm nhạt hòa quyện tinh tế đã phác họa trên nền giấy xuyến bức tranh phong cảnh sông nước Giang Nam khỏi sương mờ ảo đầy mê hoặc.

9 nét

HÁN VIỆT: TIỀN

HSK 5

Động từ / Tính từ

#755

欠

qiàn

nợ, thiếu thốn; ngập

企业必须严格遵守商业信用与法律规定，按时足额支付员工薪酬，严禁任何形式的拖欠工资行为。

Qǐ yè bì xū yán gé kè shǒu shāng yè xìn yòng yǔ fǎ lǚ guī dìng, àn shí zú é zhī fù yuán gōng xīn chóu, yán jìn rèn hé xíng shì de tuō qiǎn gōng zī xíng wéi.

Doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt chữ tín thương mại và pháp luật, thanh toán tiền lương đầy đủ đúng hạn cho người lao động, nghiêm cấm tuyệt đối mọi hành vi nợ lương chậm lương.

13 nét

HÁN VIỆT: KHIẾM

HSK 5

Động từ

#756

枪

qiāng

súng

老师鼓励大家积极枪，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực súng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG

HSK 5

Động từ

#757

强调

qiáng diào

nhấn mạnh, nêu bật

项目负责人在技术评审总结会上反复强调，系统安全防护与数据隐私合规是不可逾越的红线。

Xiàng mù fù zé rén zài jì shù píng shěn zǒng jié huì shàng fǎn fù qiáng diào, xì tǒng ān quán fáng hù hù yǔ shù jù yīn sī hé guī shì bù kě yuè de hóng xiàn.

Người phụ trách dự án tại hội nghị tổng kết thẩm định kỹ thuật đã liên tục nhấn mạnh rằng, an toàn phòng hộ hệ thống và tuân thủ bảo mật dữ liệu là lần ranh đỏ bất khả xâm phạm.

23 nét

HÁN VIỆT: CƯỜNG ĐIỀU

HSK 5

Tính từ

#758

强烈

qiáng liè

mãnh liệt, mạnh mẽ, gay gắt

对于未知浩瀚宇宙的强烈好奇心与探索欲，始终是指引一代代天文学家探索星辰大海的动力灯塔。

Duì yú wèi zhī hào hàn yǔ zhòu de qiáng liè hào qí xīn yǔ tàn suǒ yù, shǐ zhōng shì zhǐ yīn yì dài dài tiān wén xué jiā tàn suǒ xīng chén dà hǎi de dòng lì dēng tǎ.

Niềm hiếu kỳ mãnh liệt cùng khát vọng khám phá vũ trụ bao la vô tận luôn là ngọn hải đăng động lực dẫn đường cho các thế hệ nhà thiên văn học tiến về biển sao muôn trùng.

24 nét

HÁN VIỆT: CƯỜNG LIỆT



HSK 5

Động từ

#759

抢

qiǎng

tranh giành, cướp, khẩn trương  
giành lấy

在抢险救灾黄金救援期内，全体搜救队员分秒必争、全力抢救每一条被困受灾群众的宝贵生命。

Zài qiǎng xiān jiù zài huáng jīn jiù yuán qī nèi, quán tǐ sōu jiù duì yuán fēn miǎo bì zhēng, quán lì qiǎng jiù měi yī tiáo bèi kùn shòu zāi qún zhòng de bǎo guì shēng mìng.

Trong khoảng thời gian vàng cứu hộ thiên tai, toàn thể cán bộ chiến sĩ tìm kiếm cứu nạn đã tranh thủ từng giây từng phút, dốc toàn lực giành giật lại từng mạng sống quý giá của người dân bị nạn.

9 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG

HSK 5

Phó từ / Tính từ

#760

悄悄

qiāo qiāo

lặng lẽ, nhẹ nhàng, êm đềm, rón rén

春夜喜雨，随风潜入夜，润物细无声；细密柔和的春雨在深夜里悄悄滋润着干涸的田野大地。

Chūn yè xǐ yǔ, suí fēng qián rù yè, rùn wù xì wú shēng; xì mì róu hé de chūn yǔ zài shēn yè lǐ qiāo qiāo zī rùn zhe gān hé de tián yě dà dì.

Mưa xuân tốt lành theo gió nhẹ nhàng len lỏi vào đêm, làm tươi tốt vạn vật một cách êm đềm không một tiếng động; những hạt mưa xuân mềm mại trong đêm khuya đã lặng lẽ tưới mát ruộng đồng khô cằn.

26 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TIỂU

HSK 5

Động từ

#761

瞧

qiáo

Nhìn kìa

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地瞧。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gēng hǎo de qiáo.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách Nhìn kìa một cách tốt hơn.

14 nét

HÁN VIỆT: TIỂU

HSK 5

Tính từ

#762

巧妙

qiǎo miào

khéo léo, tinh xảo, tài tình

赵州桥采用了巧妙的“敞肩拱”结构设计，历经一千四百余年风雨洪水依然完好无损、巍然屹立。

Zhào zhōu qiáo cǎi yòng le qiǎo miào de "chǎng jiān gǒng" jié gòu shè jì, lì jīng yī qiān sì bǎi yú nián fēng yǔ hóng shuǐ yī rán wán hǎo wú sǔn, wēi rán yǐ lì.

Cầu Triệu Châu áp dụng thiết kế kết cấu vòm mở 'sáng vai' vô cùng tài tình, trải qua hơn 1.400 năm dầm mưa dãi nắng và lũ lụt lớn vẫn nguyên vẹn không sứt mẻ, đứng sừng sững uy nghiêm.

22 nét

HÁN VIỆT: XẢO ĐIỀU

HSK 5

Động từ

#763

切

qiē

cắt, thái, xẻ, gọt

主厨刀工极其纯熟精湛，将细嫩如脂的新鲜嫩豆腐均匀切成了细如发丝的文思豆腐羹。

Zhǔ chú dāo gōng jí qí chún shú jīng zhàn, jiāng xì nèn rú zhǐ de xīn xiān nèn dòu fǔ jūn yún qiē chéng le xì rú fā sī de wén sī dòu fǔ gēng.

Đầu bếp trưởng có tay nghề thái dao vô cùng điêu luyện, đã thái miếng đậu phụ non mềm mịn như ngọc thành những sợi đậu phụ Vần Tứ mảnh tựa sợi tóc để nấu món canh tiến vua danh bất hư truyền.

14 nét

HÁN VIỆT: TIẾP

HSK 5

Tính từ

#764

亲爱

qīn ài

thân ái, yêu quý, kính yêu

亲爱的老师用一生的青春与汗水化作三尺讲台上的无私奉献，照亮了万千学子追寻真理的道路。

Qīn ài de lǎo shī yòng yī shēng de qīng chūn yǔ hàn shuǐ huà zuò sān chǐ jiǎng tái shàng de wú sī fèng xiàn, zhào liàng le wàn qiān xué zǐ zhūi xún zhēn lǐ de dào lù.

Thầy cô giáo kính yêu đã đem trọn tuổi xuân và mồ hôi cống hiến quên mình trên bục giảng ba tấc, soi sáng con đường kiếm tìm chân lý cho hàng vạn thế hệ học trò.

17 nét

HÁN VIỆT: THÂN ÁI

HSK 5

Tính từ

#765

亲切

qīn qiè

thân thiết, ân cần, niềm nở

老科学家在实验室里与青年研究生促膝交谈，话语亲切和蔼，给予了大家莫大的鼓舞与关怀。

Lǎo kē xué jiā zài shí yàn shì lǐ yǔ qīng nián yán jiū shēng cù xī jiāo tán, huà yǔ qīn qiè hé ǎi, jǐ yǔ le dà jiā mò dà de gǔ wǔ yǔ guān huái.

Nhà khoa học lão thành trong phòng thí nghiệm ngồi trò chuyện ân cần cùng các nghiên cứu sinh trẻ tuổi, lời nói thân tình ấm áp đã tiếp thêm cho mọi người niềm cổ vũ và sự quan tâm to lớn.

22 nét

HÁN VIỆT: THÂN TIẾP

HSK 5

Phó từ

#766

亲自

qīn zì

đích thân, tự mình

总工程师亲自带队深入极寒野外试验场，对新一代智能电动汽车的核心电池低温性能进行极限测试。

Tóng gōng chéng shī qīn zì dài duì shēn rù jí hán yě wài shí yàn chǎng, duì xīn yí dài zhì néng diàn dòng qì chē de hé xīn diàn chí dī wēn xìng néng jìn xíng jí xiàn cè shì.

Tổng công trình sư đã đích thân dẫn đầu đoàn công tác đi sâu vào bãi thử nghiệm đã ngoại vùng cực lạnh để tiến hành kiểm thử giới hạn đối với hiệu năng nhiệt độ thấp của khối pin cốt lõi xe điện thông minh thế hệ mới.

17 nét

HÁN VIỆT: THÂN TỰ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#767

侵略

qīn lüè

xâm lược, xâm lấn

中国始终坚定不移走和平发展道路，历史上从未主动发起过任何侵略战争，未来也绝不会称霸扩张。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dīng bù yí zǒu hé píng fā zhǎn dào lù, lì shǐ shàng cóng wèi zhǔ dòng fā qǐ guò rèn hé qīn lüè zhàn zhēng, wèi lái yě jué bú huì chéng bá kuò zhāng.

Trung Quốc luôn kiên định bước đi trên con đường phát triển hòa bình, trong lịch sử chưa bao giờ chủ động phát động bất kỳ cuộc chiến tranh xâm lược nào và tương lai cũng tuyệt đối không bao giờ xưng bá hay bành trướng.

18 nét

HÁN VIỆT: XÂM LƯỢC



HSK 5

Tính từ

#768

勤奋

qín fèn

cần cù, chăm chỉ, siêng năng

书山有路勤为径，学海无涯苦作舟；唯有常年保持勤奋笃学的坚毅姿态，才能攀登学术的高峰。

Shū shān yǒu lù qín wéi jīng, xué hǎi wú yá kǔ zuò zhōu; wéi yǒu cháng nián bǎo chí qín fèn dǔ xué de jiān yì zī tài, cái néng pān dēng xué shù de gāo fēng.

Đường lên núi sách siêng năng làm lối, biển học vô bờ gian khổ làm thuyền; chỉ có luôn giữ trọn tư thế cần cù siêng năng học hỏi mới có thể trèo lên đỉnh cao học thuật.

23 nét

HÁN VIỆT: CẦN PHẤN

HSK 5

Tính từ

#769

勤劳

qín láo

chăm chỉ, cần lao, chịu thương chịu khó

千百年来，中华民族依靠勤劳勇敢与自强不息的伟大民族精神，创造了光辉灿烂的历史文明。

Qiān bǎi nián lái, zhōng huá mín zú yǐ kào qín láo yǒng gǎn yǔ zì qiáng bù xī de wēi dà mín zú jīng shén, chuàng zào le guāng huī càn làn de lì shǐ wén míng.

Hàng ngàn năm qua, dân tộc Trung Hoa nhờ vào tinh thần vĩ đại cần cù dũng cảm và tự lực tự cường không ngừng nghỉ đã kiến tạo nên nền văn minh lịch sử rực rỡ chói lọi.

22 nét

HÁN VIỆT: CẦN LAO

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#770

青

qīng

xanh (xanh lá cây, xanh lam, xanh đen); thanh niên

春回大地，万物复苏，连绵起伏的山峦披上了一层郁郁葱葱的青翠新装。

Chūn huí dà dì, wàn wù fù sù, lián mián qǐ fú de shān luán pī shàng le yī céng yù yù cōng cōng de qīng cuī xīn zhuāng.

Mùa xuân trở lại, vạn vật hồi sinh, những dãy núi nhấp nhô trập trùng khoác lên mình chiếc áo mới màu xanh non tràn trề sức sống.

8 nét

HÁN VIỆT: THANH

HSK 5

Danh từ

#771

青春

qīng chūn

tuổi trẻ, thanh xuân

青年一代应当在火热的社会实践中挥洒青春汗水，用拼搏奋斗书写无悔的人生芳华。

Qīng nián yī dài yīng dāng zài huǒ rè de shè huì shí jiàn zhōng huī sǎ qīng chūn hàn shuǐ, yòng pīn bó fèn dòu shū xiě wú huǐ de rén shēng fāng huá.

Thế hệ thanh niên cần dẫn thân trong thực tiễn xã hội sôi động để cống hiến những giọt mồ hôi của tuổi trẻ, dùng sự phấn đấu kiên cường viết nên khúc ca thanh xuân không hối tiếc.

20 nét

HÁN VIỆT: THANH XUÂN

HSK 5

Danh từ

#772

青少年

qīng shào nián

thanh thiếu niên, giới trẻ

全社会应当共同构筑清朗健康的网络生态屏障，切实守护广大青少年的身心健康成长。

Quán shè yīng gòng gòu tóng gòu zhù qīng lǎng jiàn kāng de wǎng luò shēng tài píng zhàng, qiè shí shǒu hù guǎng dà qīng shào nián de shēn xīn jiàn kāng chéng zhǎng.

Toàn xã hội cần chung tay dựng xây bức tường thành sinh thái không gian mạng trong lành và lành mạnh, bảo vệ thiết thực sự trưởng thành thể chất và tinh thần của đồng đạo thanh thiếu niên.

26 nét

HÁN VIỆT: THANH THIẾU NIÊN

HSK 5

Động từ

#773

轻视

qīng shì

coi nhẹ, xem thường, đánh giá thấp

在重大工程施工安全与精细化管理面前，任何一个看似微小的技术参数偏差都绝不能轻视。

Zài zhòng dà gōng chéng ān quán yǔ jīng xì huà guǎn lǐ miàn qián, rèn hé yí gè kàn shì wēi xiǎo de jì shù cān shù piān chā dōu jué bù néng qīng shì.

Đứng trước an toàn thi công và quản lý tinh gọn của đại công trình, bất kỳ một sai số thông số kỹ thuật nào đều thoát nhìn nhỏ bé cũng tuyệt đối không được phép xem nhẹ.

22 nét

HÁN VIỆT: KHINH THỊ

HSK 5

Tính từ

#774

清淡

qīng dàn

thanh đạm, nhẹ nhàng, ít dầu mỡ (món ăn); ế ẩm (kinh doanh)

炎炎夏日日常饮食应当以少油少盐的清淡口味为主，多吃新鲜瓜果蔬菜以防暑降温。

Yán yán xià rì rì cháng yǐn shí yīng dāng yǐ shǎo yóu shǎo yán de qīng dàn kǒu wèi wéi zhǔ, duō chī xīn xiān guā guǒ shū cài yǐ fáng shǔ jiàng wēn.

Những ngày hè oi bức chế độ ăn uống hàng ngày nên lấy khẩu vị thanh đạm ít dầu mỡ ít muối làm chủ đạo, ăn nhiều rau củ quả tươi mát để giải nhiệt phòng chống say nắng.

23 nét

HÁN VIỆT: THANH ĐẠM

HSK 5

Danh từ

#775

情景

qíng jǐng

khung cảnh, cảnh tượng, tình cảnh

老照片里那幕全村老少热烈庆祝秋粮大丰收的喜悦情景，至今依然深深印刻在他的脑海中。

Lǎo zhào piān lǐ nà mù quán cūn lǎo shào rè liè qīng qīng zhù qiū liáng dà fēng hòu de xǐ yuè qíng jǐng, zhì jīn yǐ rán shēn shēn yìn kè zài tā de nǎo hǎi zhōng.

Khung cảnh tràn ngập niềm vui của già trẻ gái trai cả làng rộn ràng ăn mừng vụ mùa lúa thu bội thu trong bức ảnh cũ năm nào đến nay vẫn in đậm sâu sắc trong tâm trí anh.

17 nét

HÁN VIỆT: TÌNH CẢNH

HSK 5

Danh từ

#776

情绪

qíng xù

tâm trạng, cảm xúc, cảm xúc tiêu cực

学会在面临重大学业与职场压力时科学调节自我负面情绪，是保持心理健康的核心素养。

Xué huì zài miàn lín zhòng dà xué yè yǔ zhí chǎng yá lì shí kē xué tiáo jié zì wǒ fù miàn qíng xù, shì bǎo chí xīn lǐ jiàn kāng de hé xīn sù yǎng.

Học cách tự điều chỉnh cảm xúc tiêu cực của bản thân một cách khoa học khi đứng trước những áp lực học tập và công việc lớn là năng lực cốt lõi để giữ gìn sức khỏe tinh thần.

19 nét

HÁN VIỆT: TÌNH TRẠ



HSK 5

Động từ

#777

# 请求

qǐng qiú

Yêu cầu

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地请求。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de qǐng qiú.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách Yêu cầu một cách tốt hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: THÌNH CẦU

HSK 5

Động từ / Danh từ

#778

# 庆祝

qīng zhù

chúc mừng, ăn mừng, lễ kỷ niệm

各界人士欢聚一堂，隆重庆祝我国首座全自主知识产权大型深空观测基地正式落成启用。

Gè jiè rén shì huān jù yī táng, lóng zhòng qīng zhù wǒ guó shǒu zuò quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán dà xíng shēn kōng guān cè jī dì zhèng shì luò chéng qǐ yòng.

Đại diện các giới đã quy tụ đồng đủ, long trọng chúc mừng căn cứ quan sát không gian sâu cỡ lớn sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn đầu tiên của nước ta chính thức khánh thành và đưa vào sử dụng.

25 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH CHÚC

HSK 5

Danh từ

#779

# 球迷

qiú mí

người hâm mộ bóng đá/thể thao (fan)

在足球锦标赛总决赛现场，数万名激情澎湃的热情球迷挥舞着队旗齐声高唱助威歌曲。

Zài zú qiú jīn biāo sài zǒng jué sài xiàn chǎng, shù wàn míng jī qīng péng pài de rè qíng qiú mí huī wǔ zhe duì qí qí shēng gāo chàng zhī wēi gē qǔ.

Tại sân vận động diễn ra trận chung kết giải vô địch bóng đá, hàng vạn người hâm mộ cuồng nhiệt ngùn ngụt khí thế đã vây cổ đội bóng và đồng thanh cất cao tiếng hát cổ vũ.

21 nét

HÁN VIỆT: CẦU MÊ

HSK 5

Danh từ

#780

# 趋势

qū shì

xu thế, xu hướng, chiều hướng

数字化、智能化与绿色化深度交织协同推进，正在成为全球制造业高质量发展的必然趋势。

Shù zì huà, zhì néng huà yǔ lǜ sè huà shēn dù jiāo wéi xié tóng tuī jìn, zhèng zài chéng wéi quán qiú zhì zào yè gāo zhì liàng fā zhǎn de bì rán qū shì.

Sự đan xen kết hợp sâu sắc và đồng bộ giữa số hóa, thông minh hóa và xanh hóa đang trở thành xu thế tất yếu trong sự phát triển chất lượng cao của nền công nghiệp chế tạo toàn cầu.

20 nét

HÁN VIỆT: XU THẾ

HSK 5

Động từ

#781

# 娶

qǔ

kết hôn

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地娶。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de qǔ.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách kết hôn một cách tốt hơn.

9 nét

HÁN VIỆT: THỤ

HSK 5

Động từ

#782

# 取消

qǔ xiāo

hủy bỏ, bãi bỏ, hủy

受沿海超强台风登陆带来的极端暴雨大风天气影响，铁路部门依法紧急取消了部分客运列车运行。

Shòu yán hǎi chāo qiáng tái fēng dēng lù dài lái de jí duǎn bào yǔ dà fēng tiān qì yǐng xiǎng, tiě lù bù mén yī fǎ jǐn jí qǔ xiāo le bù fèn kè yùn liè chē yùn xíng.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa to gió lớn cực đoan từ siêu bão đổ bộ vào vùng ven biển, ngành đường sắt đã khẩn cấp cho hủy bỏ một số chuyến tàu chở khách theo quy định an toàn.

21 nét

HÁN VIỆT: THỤ TIÊU

HSK 5

Động từ

#783

# 去世

qù shì

qua đời, từ trần, tạ thế (trang trọng)

这位为我国杂交水稻事业奉献毕生心血的伟大科学家安详去世，全国人民自发肃穆送别。

Zhè wèi wèi wǒ guó zá jiāo shuǐ dào shì yě fèng xiàn bì shēng xīn xuè de wèi dà kē xué jiā ān xiáng qù shì, quán guó rén mín zì fā sù mù sòng bié.

Nhà khoa học vĩ đại đã cống hiến trọn vẹn tâm huyết cả cuộc đời cho sự nghiệp lúa lai nước nhà đã thanh thản tạ thế, nhân dân cả nước đã tự giác trang nghiêm tiễn biệt ông.

22 nét

HÁN VIỆT: KHỨ THẾ

HSK 5

Động từ

#784

# 圈

quān

vòng tròn

老师鼓励大家积极圈，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí quān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vòng tròn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: KHUYỀN

HSK 5

Tính từ / Phó từ

#785

# 全面

quán miàn

toàn diện, bao quát

实施乡村振兴战略必须坚持因地制宜、统筹兼顾，全面推进产业、人才、文化、生态和组织振兴。

Shí shī xiāng cūn zhèn xīng zhàn lüè bì xū jiān chí yīn dì zhì yí, tǒng chóu jiān gù, quán miàn tuī jìn chǎn yè, rén cái, wén huà, shēng tài hé zǔ zhī zhèn xīng.

Thực hiện chiến lược chấn hưng nông thôn cần kiên trì tùy theo điều kiện địa phương, điều phối toàn diện và đẩy mạnh đồng bộ chấn hưng ngành nghề, nhân tài, văn hóa, sinh thái và tổ chức.

19 nét

HÁN VIỆT: TOÀN DIỆN


**HSK 5**

Danh từ

#786

# 权力

**quán lì**

 quyền lực (cơ quan nhà nước,  
quyền hành)

国家一切行政与执法权力都必须在阳光下运行, 把公权力关进制度的笼子里, 依法接受人民监督。

Guójiā yī qiè xíngzhèng yǔ zhífǎ quán lì dōu bì xū zài yángguāng xià yùnxíng, bǎ gōngquán lì guānjīn zhì dù de lóng zǐ lǐ, yīfǎ jiēshòu rén mín jiān dū.

Mọi quyền lực hành chính và thực thi pháp luật của Nhà nước đều phải được vận hành công khai minh bạch, nhốt quyền lực công vào chiếc lồng thép chế, chịu sự giám sát của nhân dân theo quy định pháp luật.

19 nét

HÁN VIỆT: QUYỀN LỰC

**HSK 5**

Danh từ

#787

# 权利

**quán lì**

 quyền lợi, quyền hạn hợp pháp  
(công dân)

宪法依法保障每一位公民享有平等的劳动权、受教育权以及言论自由等广泛的宪法权利。

Xiànfǎ yīfǎ bǎozhàng měi yí wèi gōngmín xiǎng yǒu píngděng de láodòng quán, shòu jiàoyù quán yǐ jí yánlùn zì yóu děng guǎngfàn de xiànfǎ quán lì.

Hiến pháp bảo đảm theo quy định pháp luật cho mỗi công dân đều được hưởng bình đẳng các quyền hiến định sâu rộng như quyền lao động, quyền học tập và tự do ngôn luận.

24 nét

HÁN VIỆT: QUYỀN LỢI

**HSK 5**

Động từ

#788

# 劝

**quàn**

thuyết phục

老师鼓励大家积极劝, 勇于探索新的知识。

lǎoshī gǔ lì dàjiā jījí quàn, yǒngyú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thuyết phục, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾN

**HSK 5**

Động từ / Tính từ

#789

# 缺乏

**quē fá**

thiếu thốn, thiếu hụt, không đủ

在重大科技攻关课题中, 既要克服核心专业人才缺乏的短板, 又要切实保障科研基础设施投入。

Zài zhòng dà kējì guāngōng kǎntí zhōng, jì yào kèfú héxīn zhuānyè rén cái quē fá de duǎn bǎn, yòu yào qièshí bǎozhàng kē yán jī chǔ shè shī tóu rù.

Trong các đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trọng đại, vừa phải khắc phục điểm nghẽn thiếu hụt nhân tài chuyên môn cốt lõi, vừa phải bảo đảm thực chất sự đầu tư cho hạ tầng cơ sở nghiên cứu.

28 nét

HÁN VIỆT: KHUYẾT PHẠP

**HSK 5**

Động từ / Tính từ

#790

# 确定

**què dìng**

xác định, chốt lại; chắc chắn

经过专家组为期数月的科学实地勘探与周密论证, 国家重大引水工程的主线走向最终正式确定。

Jīngguò zhuānjia jī qī sù yuè de kēxué shí dì kǎntàn yǔ zhōumì zhènlùn, guójiā zhòng dà yǐnshuǐ gōngchéng de zhǔ xiàn zǒu xiàng zuì zhōng zhèng shì què dìng.

Trải qua nhiều tháng khảo sát thực địa khoa học và thẩm định chu đáo của hội đồng chuyên gia, hướng tuyến trực chính của đại công trình dẫn nước quốc gia cuối cùng đã chính thức được xác định.

18 nét

HÁN VIỆT: XÁC ĐỊNH

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#791

# 确认

**què rèn**

xác nhận, khẳng định lại

在提交重大国际科研合作申请之前, 项目负责人必须再次逐项仔细核对并确认全部预算明细。

Zài tí jiāo zhòng dà guó jì kē yán hé zuò shēn qǐng zhī qián, xiàng mù fù zé rén bì xū zài cì zhù xiàng zǐ xì hé duì bǐng què rèn quán bù yù suàn míng xì.

Trước khi nộp hồ sơ xin tài trợ hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế trọng đại, người chủ nhiệm đề tài nhất thiết phải kiểm tra rà soát và xác nhận kỹ lưỡng từng mục chi tiết trong toàn bộ dự toán.

24 nét

HÁN VIỆT: XÁC NHẬN

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#792

# 燃烧

**rán shāo**

đốt cháy, cháy; sự cháy

新一代液氧甲烷环保火箭发动机在试验台上稳定高效燃烧, 各项遥测参数表现极为优异。

Xīn yí dài yè yǎng jiǎ wǎn huán bǎo huǒ jiàn fā dòng jī zài shì yàn tái shàng wěn dìng gāo xiào rán shāo, gè xiàng yáo cè cān shù biǎoxiàn jí wéi yōu yì.

Động cơ tên lửa bảo vệ môi trường thế hệ mới sử dụng nhiên liệu oxy lỏng và metan đã cháy ổn định với hiệu suất cao trên bệ thử, mọi thông số đo đạc từ xa đều thể hiện vô cùng xuất sắc.

19 nét

HÁN VIỆT: NHIÊN THIÊU

**HSK 5**

Động từ

#793

# 嚷

**rǎng**

hét lên

在日常学习和工作中, 我们需要学会如何更好地嚷。

Zài rì cháng xué xí yǔ gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de rǎng.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách hét lên một cách tốt hơn.

10 nét

HÁN VIỆT: NHƯỢNG

**HSK 5**

Động từ

#794

# 绕

**rào**

quẩn, vòng quanh, đi vòng, lượn quanh

清晨沿着风景如画的环湖绿道慢跑, 微风拂面、绿树成荫, 令人心旷神怡。

Qīng chén yán zhe fēng jǐng rú huà de huán hú lǜ dào màn pǎo, wēi fēng fú miàn, lǜ shù chéng yīn, líng rén xīn qíng shù chāng.

Sáng sớm chạy bộ dọc theo con đường xanh uốn lượn quanh hồ đẹp như tranh vẽ, gió nhẹ mơn man, bóng cây rợp mát khiến tâm hồn thư thái dễ chịu.

11 nét

HÁN VIỆT: NHIỄU



HSK 5

Động từ / Danh từ

#795

# 热爱

rè ài

yêu tha thiết, nồng nhiệt yêu mến

唯有对从事的科学探索事业怀揣着发自内心的炽热热爱，才能在漫长枯燥的实验岁月中永葆激情。

Wéi yǒu duì cóng shì de kē xué tàn sù shì yè huái chuāi zhe fā zì nèi xīn de chì rè rè ài, cái néng zài màn cháng kǔ zào de shí yán suì yuè zhōng yǒng bǎo jī qíng.

Chỉ khi nuôi dưỡng trong tim tình yêu nồng nhiệt tha thiết xuất phát từ đáy lòng đối với sự nghiệp thám hiểm khoa học, người ta mới có thể giữ mãi ngọn lửa đam mê qua những tháng năm thực nghiệm dài đằng đẵng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT ÁI

HSK 5

Tính từ

#796

# 热烈

rè liè

nồng nhiệt, nhiệt liệt, sôi nổi

在联合国大会讲坛上，我国代表关于构建人类命运共同体的深刻主旨发言赢得了全场长久而热烈的掌声。

Zài lián hé guó dà huì jiǎng tán shàng, wǒ guó dài biǎo guān yú gòu jiàn rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ de shēn kè zhǔ zhǐ fā yán yíng dé le quán chǎng cháng jiǔ ér rè liè de zhǎng shēng.

Trên diễn đàn Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, bài phát biểu dẫn đề sâu sắc của đại diện nước ta về việc cùng xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại đã nhận được những tràng pháo tay kéo dài nồng nhiệt của toàn thể hội trường.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT LIỆT

HSK 5

Tính từ

#797

# 热心

rè xīn

nhật tình, sốt sắng, nhiệt tâm

社区里有一支由离退休老党员组成的热心志愿服务队，常年风雨无阻地为孤寡老人提供买菜送药等便民帮助。

Shè qū lǐ yǒu yī zhī yóu lí xiū yǎo lǐ tuì xiū lǎo dǎng yuán zǔ chéng de rè xīn zhì yuàn fú wú dǔi, cháng nián fēng yǔ wú zǔ dǐ wéi gū guǎ lǎo rén tí gòng mǎi cài sòng yào děng biān mín bāng zhù.

Trong khu dân cư có một đội tình nguyện viên nhiệt tình gồm các cán bộ hưu trí cao tuổi, quanh năm không quản mưa nắng luôn giúp đỡ người già neo đơn đi chợ, mua thuốc và hỗ trợ sinh hoạt.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NHIỆT TÂM

HSK 5

Danh từ

#798

# 人才

rén cái

nhân tài, người tài

国家深入实施新时代人才强国战略，全方位全链条培养、引进、用好顶尖科技战略科学家与青年拔尖人才。

Guó jiā shēn rù shí shí xīn shí dài rén cái qiáng guó zhàn lüè, quán fāng wèi quán liàn tiáo péi yāng, yǐn jìn, yòng hǎo dīng jiān kē jì zhàn lüè kē xué jiā yǔ qīng nián bá jiān rén cái.

Nhà nước đi sâu thực thi chiến lược cường quốc nhân tài thời đại mới, đào tạo, thu hút và trọng dụng toàn diện chuỗi liên kết đối với các nhà khoa học chiến lược công nghệ đỉnh cao và đội ngũ nhân tài trẻ xuất chúng.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: NHÂN TÀI

HSK 5

Danh từ

#799

# 人口

rén kǒu

dân số, nhân khẩu

我国拥有十四亿多人口的超大规模国内市场，为推动经济高质量发展提供了极其雄厚的回旋空间与内生韧性。

Wǒ guó yōng yǒu shí sì yì yǐ duō rén kǒu de chāo dà guī mó guó nèi shì chǎng, wèi tuī dòng jīng jì gāo zhì liàng kě chí xù fā zhǎn tí gòng le jí qí xiōng hòu de huí xuán kōng jiān yǔ nèi shēng rèn xìng.

Nước ta sở hữu thị trường nội địa quy mô siêu lớn với hơn 1,4 tỷ dân, mang lại không gian điều tiết vô cùng to lớn và sức chống chịu nội sinh bền bỉ để thúc đẩy kinh tế phát triển chất lượng cao bền vững.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: NHÂN KHẨU

HSK 5

Danh từ

#800

# 人类

rén lèi

loài người, nhân loại

和平利用外层空间与探索浩瀚宇宙未知奥秘，是造福全人类福祉与推动人类文明进步的崇高共同事业。

Hé píng lì yòng wài céng kōng jiān yǔ tàn sù hào hàn yǔ zhòu wèi zhī ào mì, shì zào fú quán rén lèi fú zhǐ yǔ tuī dòng rén lèi wén míng jìn bù de chóng gāo gòng tóng shì yè.

Khai thác sử dụng hòa bình không gian vũ trụ bên ngoài và thám hiểm những điều bí ẩn chưa biết của vũ trụ bao la là sự nghiệp chung cao đẹp tạo phúc cho toàn nhân loại và thúc đẩy văn minh loài người tiến bộ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NHÂN LOẠI

HSK 5

Danh từ

#801

# 人生

rén shēng

đời người, nhân sinh, kiếp người

奋斗是青春最亮丽的底色，把个人的理想抱负融入祖国与时代的伟大发展中，才能书写无悔的壮丽人生。

Fèn dòu shì qīng chūn zuì liàng lì de dǐ sè, bǎ gè rén de lǐ xiǎng bào fù róng rù zǔ guó yǔ shí dài de wéi dà fā zhǎn zhōng, cái néng shū xiě zì wú huǐ de zhuàng lì rén shēng.

Phấn đấu là gam màu rực rỡ nhất của tuổi trẻ, hòa quyện lý tưởng hoài bão của cá nhân vào sự phát triển vĩ đại của Tổ quốc và thời đại mới có thể viết nên cuộc đời tráng lệ không bao giờ phải hối tiếc.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: NHÂN SINH

HSK 5

Danh từ

#802

# 人事

rén shì

nhân sự; việc nhân gian

企业集团人力资源人事部门建立了健全科学的人才评价晋升机制与宽广的职业成长通道。

Qǐ yě tuán rén lì zī yuán rén shì bù mén jiàn quán lì le jiàn quán kē xué de rén cái píng jià jìn shēng jī zhì yǔ kuān guǎng de zhí yè chéng zhǎng tōng dào.

Phòng nhân sự nguồn nhân lực của tập đoàn doanh nghiệp đã thiết lập cơ chế đánh giá thăng tiến nhân tài khoa học chuẩn mực cùng lộ trình phát triển sự nghiệp rộng mở.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NHÂN SỰ

HSK 5

Danh từ

#803

# 人物

rén wù

nhân vật, nhân vật lịch sử/văn học

在这部气势磅礴的长篇历史小说中，作者通过生动细腻的笔触成功塑造了数十位性格鲜明的历史风云人物。

Zài zhè bù qì shì páng bó de cháng piān lì shǐ xiǎo shuō zhōng, zuò zhě tōng guò shēng dòng xì nèn de bǐ chù chéng gōng sù zào le shù shí wèi xīng gé xiǎn míng de lì shǐ fēng yún rén wù.

Trong cuốn tiểu thuyết lịch sử dài tập hào hùng tráng lệ này, tác giả bằng ngòi bút sinh động và tinh tế đã khắc họa thành công hàng chục nhân vật phong vân lịch sử với tính cách rõ nét.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: NHÂN VẬT


**HSK 5**

Danh từ

#804

# 人员

## rén yuán

nhân viên, cán bộ, nhân sự

在重大极端自然灾害防汛应急响应期间，全体防汛抢险救援人员全员取消休假、坚守在防汛堤坝一线。

Zài zhòng dà jí duǎn zì rán zāi hài fáng xùn yǐng jí xiāng yǐng qǐ jiǎn, quán tǐ fáng xùn qiǎng xiǎn jiù yuán rén yuán quán yuán qǔ xiǎo xiū jià, jiǎn shǒu zài fáng xùn dì bā yí xiàn.

Trong thời gian kích hoạt phản ứng khẩn cấp phòng chống thiên tai cực đoan, toàn thể cán bộ nhân viên cứu hộ phòng chống lũ lụt đều hủy bỏ kỳ nghỉ, kiên cường túc trực nơi tuyến đầu sóng ngọn gió.

21 nét

HÁN VIỆT : NHÂN VIÊN

**HSK 5**

Động từ

#805

# 忍不住

## rěn bu zhù

không kìm được, không nhịn nổi

看着台上相声演员那滑稽幽默的肢体动作与妙趣横生的包袱，全场观众都忍不住捧腹大笑起来。

Kàn zhe tái shàng xiàng shēng yǎn yuán nà huá jī yōu mò de zhī tǐ dòng zuò yǔ miào qù héng shēng de bāo fu, quán chǎng guān zhòng dōu rěn bu zhù pěng fù dà xiào qǐ lái.

Nhìn những động tác hình thể hài hước vui nhộn cùng những miếng hài duyên dáng của nghệ sĩ tấu hài trên sân khấu, toàn thể khán giả đều không nhịn được cười nghiêng ngả.

34 nét

HÁN VIỆT : NHẪN BẤT TRỮ

**HSK 5**

Tính từ / Danh từ

#806

# 日常

## rì cháng

thường ngày, hàng ngày, thường nhật

养成垃圾分类投放与节水节电的良好日常习惯，是践行绿色低碳环保生活方式的最直接体现。

Yǎng chéng lā jī fēn lèi tóu fàng yǔ jié shuǐ jié diàn de liáng hǎo rì cháng xí guān, shì jiàn xīng lǜ sè dī tàn huàn bǎo shēng huó fāng shì de zuì zhí jiē tǐ xiàn.

Rèn luyện thói quen tốt hàng ngày phân loại rác thải đúng chỗ cùng việc tiết kiệm điện nước là biểu hiện trực tiếp nhất của việc thực hành lối sống xanh giảm phát thải bảo vệ môi trường.

24 nét

HÁN VIỆT : NHẬT THƯỜNG

**HSK 5**

Danh từ

#807

# 日程

## rì chéng

lịch trình, chương trình nghị sự, thời gian biểu

为期三天的国际前沿人工智能科学大会日程安排得极其充实紧凑，涵盖了数十场顶级主旨演讲与圆桌论坛。

Wéi qī sān tiān de guó jì qián yán rén gōng zhì néng kē xué dà huì rì chéng ān pái dé jí qí chōng shí jīn cōu, hán gài le shù shí chāng dǐng jí zhǔ zhì yǎn jiǎng yǔ yuán zhuō lùn tán.

Lịch trình 3 ngày của Đại hội Khoa học Trí tuệ Nhân tạo Tiên phong Quốc tế được bố trí vô cùng dày dặn và chặt chẽ, bao quát hàng chục phiên phát biểu dẫn đề đỉnh cao cùng các diễn đàn bàn tròn.

21 nét

HÁN VIỆT : NHẬT TRÌNH

**HSK 5**

Danh từ

#808

# 日历

## rì lì

lịch, cuốn lịch để bàn

书桌上摆放着一本精美的故宫文创日历，每天翻开一页都能欣赏到一件国宝文物的华美图文解析。

Shū zhuō shàng bài fàng zhe yī běn jīng měi de gù gōng wén chuāng rì lì, měi tiān fān kāi yí yè dōu néng xīn shǎng dào yí jiàn guó bǎo wén wù de huá měi tú wén jiě xī.

Trên bàn học đặt một cuốn lịch sáng tạo văn hóa Cố Cung tinh xảo, mỗi ngày lật giở một trang đều có thể thưởng thức bài phân tích hình ảnh và bài viết tuyệt mỹ về một món cổ vật bảo vật quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT : NHẬT LỊCH

**HSK 5**

Danh từ

#809

# 日期

## rì qī

ngày tháng, ngày hẹn

请在正式提交重大科研基金申请书前，务必再三核对各个合作单位盖章确认的有效日期。

Qǐng zài zhèng shì tí jiāo zhòng dà kē yán jī jīn shēn qǐng shū qián, wù bì zài sān hé duì gè gè hé zuò dān wèi zhāng què rěn de yǒu xiào rì qī.

Trước khi chính thức nộp hồ sơ xin tài trợ quỹ nghiên cứu khoa học trọng điểm, xin hãy kiểm tra đi kiểm tra lại ngày tháng có hiệu lực trên con dấu xác nhận của các đơn vị hợp tác.

21 nét

HÁN VIỆT : NHẬT KỶ

**HSK 5**

Danh từ

#810

# 日用品

## rì yòng pǐn

đồ dùng hàng ngày, hàng tạp hóa sinh hoạt

社区便民平价超市里各类粮油果蔬与日常生活用品一应俱全，极大方便了周边居民的日常采买。

Shè qū biān mǐn píng jià chāo shì lǐ gè lèi liáng yóu guǒ shū yǔ shēng huó rì yòng pǐn yì yīng jù quán, jí dà fāng biàn le zhōu biān jū mǐn de rì cháng cǎi mǎi.

Bên trong siêu thị bình ổn giá tiện ích khu dân cư, các loại lương thực thực phẩm rau củ quả cùng đồ dùng sinh hoạt hàng ngày đều có đầy đủ trọn gói, mang lại sự thuận tiện vô cùng cho việc mua sắm thường nhật của cư dân xung quanh.

35 nét

HÁN VIỆT : NHẬT DỤNG PHẨM

**HSK 5**

Động từ

#811

# 融化

## róng huà

tan chảy, tan ra (băng tuyết); làm tan biến (bất đồng)

春回大地微风渐暖，覆盖在崇山峻岭之上的厚厚冬雪开始悄悄融化，化作涓涓清泉滋润着山间万物。

Chūn huí dà dì wēi fēng jiàn nuǎn, fù gài zài chóng shān jùn lǐng zhī shàng de hòu hòu dōng xuě kāi shǐ qiāo qiāo róng huà, huà zuò juān juān qīng quán zī rùn zhe shān jiān wàn wù.

Mùa xuân trở lại làn gió dần ấm áp, lớp tuyết đông dày cộm bao phủ trên đỉnh núi cao trung điệp bắt đầu lặng lẽ tan chảy, hóa thành dòng suối mát róc rách tưới mát vạn vật trong núi non.

22 nét

HÁN VIỆT : DUNG HOA

**HSK 5**

Tính từ

#812

# 荣幸

## róng xìng

vinh hạnh, hân hạnh

非常荣幸能够作为青年科技工作者代表，受邀出席国家科学技术奖励大会并接受表彰。

Fēi cháng róng xìng néng gòu zuò wéi qīng nián kē jì gōng zuò zhě dài biǎo, yǐn yuē chū xí guó jiā kē xué jī shù jiǎng lì dà huì bìng jiē shòu biǎo zhāng.

Vô cùng vinh hạnh khi được đại diện cho lực lượng cán bộ khoa học công nghệ trẻ tuổi nhận lời mời tham dự Đại hội Trao Giải thưởng Khoa học Công nghệ Quốc gia và đón nhận sự biểu dương khen thưởng.

22 nét

HÁN VIỆT : VINH HẠNH



HSK 5

Danh từ

#813

# 荣誉

## róng yù

danh dự, vinh dự

国家最高科学技术奖是党和国家授予我国科技工作者的崇高荣誉，凝结着广大科研人员无私报国的赤子初心。

Guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng shì dāng hé guó jiā shòu yǔ wǒ guó kē jì gōng zuò zhě de chóng gāo róng yù, níng jié zhe guāng dà kē yán rén yuán wú sī bào guó de chì zǐ chū xīn.

Giải thưởng Khoa học Công nghệ Tối cao Quốc gia là niềm vinh dự cao quý mà Đảng và Nhà nước trao tặng cho các cán bộ khoa học công nghệ, kết tinh tâm lòng son sắt phụng sự Tổ quốc của đồng đảo giới nghiên cứu.

19 nét

HÁN VIỆT: VINH DỰ

HSK 5

Đại từ

#814

# 如何

## rú hé

như thế nào, làm sao, ra sao

如何通过原创性前沿基础理论创新赋能现代化产业体系建设，是新时代科技界共同面临的重大命题。

Rú hé tōng guò yuán chuàng xīng qián yán jī chǔ lǐ lùn chuàng xīn fù néng xiàn dài huà chǎn yè tǐ xì jiàn shè, shì xīn shí dài kē jì jiè gòng tóng miàn lín de zhòng dà mìng tí.

Làm thế nào để thông qua đổi mới lý luận cơ bản tiên phong mang tính nguyên tác tiếp sức cho công cuộc xây dựng hệ thống công nghiệp hiện đại hóa là bài toán lớn mà giới khoa học công nghệ thời đại mới cùng chung tay giải quyết.

21 nét

HÁN VIỆT: NHƯ HÀ

HSK 5

Danh từ / Phó từ

#815

# 如今

## rú jīn

ngày nay, giờ đây, hiện nay

昔日黄沙漫天、人迹罕至的荒凉盐碱滩，如今已蜕变成生机勃勃、繁华宜居的现代化滨海新城。

Xī rì huáng shā mǎn tiān, rén jì hǎn zhì de huāng liáng yán jiǎn tān, rú jīn yǐ tuì biàn chéng shēng jī bó bó, fán huá yí jū de xiàn dài huà bīn hǎi xīn chéng.

Vùng đất hoang ngập mặn cát bụi mịt mù hiem bóng người năm nào, giờ đây đã lột xác ngoạn mục thành một đô thị ven biển hiện đại đáng sống, sầm uất và tràn trề sức sống.

22 nét

HÁN VIỆT: NHƯ KIM

HSK 5

Danh từ

#816

# 软件

## ruǎn jiàn

phần mềm (máy tính, điện thoại)

研发团队成功推出了自主可控的高性能工业设计仿真软件，打破了长期以来的国外垄断局面。

Yán fā tuán chéng tuō chū le zì zhǔ kě kòng de gāo xìng néng gōng yè shè jì fǎng zhēn ruǎn jiàn, dǎ pò le cháng qī yǐ lái de guó wài lǒng duàn jú miàn.

Đội ngũ nghiên cứu phát triển đã cho ra mắt thành công phần mềm mô phỏng thiết kế công nghiệp hiệu năng cao tự chủ tự kiểm soát, phá vỡ cục diện độc quyền của nước ngoài trong thời gian dài.

25 nét

HÁN VIỆT: NHUẬN KIẾN

HSK 5

Động từ

#817

# 弱

## ruò

yếu đuối

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地弱。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de ruò.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách yếu đuối một cách tốt hơn.

10 nét

HÁN VIỆT: NHƯỢC

HSK 5

Động từ

#818

# 洒

## sǎ

rắc, rải, tưới, chiếu rọi (ánh nắng)

清晨那一缕明媚温暖的金色朝阳洒进宽敞明亮的书房，为整个房间披上了一层柔和的光晕。

Qīng chén nà yī lǚ míng mèi wēn nuǎn de jīn sè zhāo yáng sǎ jìn kuān chǎng míng liàng de shū fáng, wéi zhěng gè fáng jiān pī shàng le yī céng róu hé de guāng yūn.

Vật nắng ban mai vàng óng ánh ấm áp và rực rỡ buổi sớm mai chiếu rọi vào căn phòng đọc sách sáng sủa rộng rãi, phủ lên khắp căn phòng một vầng sáng dịu dàng êm ả.

14 nét

HÁN VIỆT: SÁI

HSK 5

Danh từ

#819

# 嗓子

## sǎng zi

cổ họng, giọng nói

连续给学生们讲授了三节高强度的高考冲刺复习课后，语文老师的嗓子略微有些沙哑。

Lián xù gěi xué shēng men jiǎng shòu le sān jié gāo qiáng dù de gāo kǎo chóng cì fù xí kè hòu, yǔ wén lǎo shī de sǎng zi lüè wēi yǒu xiē shā yǎ.

Sau khi liên tục giảng dạy suốt ba tiết học ôn luyện nước rút thi đại học cường độ cao cho học sinh, cổ họng của cô giáo dạy Ngữ văn đã có phần khàn đặc.

24 nét

HÁN VIỆT: TÀNG TỬ

HSK 5

Động từ

#820

# 杀

## shā

giết

老师鼓励大家积极杀，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极杀，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shā, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực giết, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: SÁT

HSK 5

Danh từ

#821

# 沙漠

## shā mò

sa mạc

在我国西北广袤辽阔的大沙漠深处，建成了全球单体规模最大的光伏“绿色能源蓝海”发电基地。

Zài wǒ guó xī běi guǎng mào liáo kuò de dà shā mò shēn chù, jiàn chéng le quán qiú dān tǐ guī mó zuì dà de guāng fú "lǜ sè néng yuán lán hǎi" fā diàn jī dì.

Sâu bên trong sa mạc bao la bát ngát vùng Tây Bắc nước ta, một căn cứ phát điện quang điện 'Biển xanh năng lượng xanh' với quy mô đơn lẻ lớn nhất thế giới đã được xây dựng hoàn thành.

20 nét

HÁN VIỆT: SA MẠC



HSK 5

Danh từ

#822

沙滩

shā tān

bãi cát, bãi biển

漫步在三亚阳光明媚、海水湛蓝的细软白沙滩上，习习海风令人心旷神怡、流连忘返。

Màn bộ zài sān yà yáng guāng míng mèi, hǎi shuǐ zhàn lán de xì ruǎn bái shā tān shàng, xī xī hǎi fēng líng rén xīn kuàng shén yí, liú lián wàng fǎn.

Dạo bước trên bãi cát trắng mịn màng ngập tràn ánh nắng ấm áp cùng làn nước biển xanh biếc tại Tam A, làn gió biển mát mẻ khiến lòng người thư thái say đắm quên lối về.

21 nét

HÁN VIỆT : SA THAN

HSK 5

Tính từ

#823

傻

shǎ

ngốc nghếch, khờ khạo, ngớ ngẩn

当代雷锋式的好榜样用一生的默默奉献诠释了“甘当傻子、全心全意为人民服务”的崇高境界。

Dāng dài lèi fēng shì de hǎo bāng yàng yòng yì shēng de mò mò fèng xiàn quán shì le "gān dāng shǎ zǐ, quán xīn quán yì wéi rén mín fú wù" de chóng gāo jìng jiè.

Những tấm gương điển hình học tập tấm gương Lôi Phong thời đại mới bằng sự cống hiến âm thầm cả đời đã minh chứng cho cảnh giới cao đẹp 'Sẵn sàng làm người khờ khạo, tận tâm tận lực phục vụ nhân dân'.

11 nét

HÁN VIỆT : XOA

HSK 5

Động từ

#824

晒

shài

tắm nắng

老师鼓励大家积极晒，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shài, yǒng yǔ tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tắm nắng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : SÁI

HSK 5

Động từ

#825

删除

shān chú

xóa, xóa bỏ (tệp tin, dữ liệu)

在对核心数据库执行批量删除过期历史冗余数据前，务必先在异地冷备存储池中完成全量快照备份。

Zài duì hé xīn shù jù jù kù zhī xing pī liàng shān chú guò qī lì shǐ róng yú shù jù qián, wù bì xiān zài yì dì lěng bèi cún chú zhǐ zhōng wán chéng quán liàng kuài zhào bèi fèn.

Trước khi thực hiện thao tác xóa hàng loạt các dữ liệu lịch sử dư thừa đã hết hạn trên cơ sở dữ liệu cốt lõi, nhất thiết phải hoàn tất việc sao lưu chụp nhanh toàn bộ trên kho lưu trữ lạnh từ xa.

19 nét

HÁN VIỆT : SAN TRỪ

HSK 5

Danh từ

#826

闪电

shǎn diàn

tia chớp, sấm chớp

盛夏暴风雨来临之际，一道耀眼夺目的银白色闪电划破了漆黑如墨的夜空，气势震撼人心。

Shèng xià bào fēng yǔ lái jìn zhī jī, yī dào yào yǎn duó mù dí yín bái sè shǎn diàn huà pò le qī hēi rú mò de yè kōng, qì shì zhèn hàn rén xīn.

Thời khắc cơn dông bão giữa hè ập đến, một tia chớp màu bạc chói lóa đã rách ngang qua bầu trời đêm đen đặc như mực, khí thế làm chấn động lòng người.

23 nét

HÁN VIỆT : THIỂM ĐIỆN

HSK 5

Tính từ

#827

善良

shàn liáng

lượng thiện, hiền lành, nhân hậu

心怀善良与同理心是一切崇高道德品质的基石，能够让整个社会充满互助互爱的融融暖意。

Xīn huái shàn liáng yǔ tóng lǐ xīn shì yī qiè chóng gāo dào dé pǐn zhì de jī shí, néng gòu ràng zhěng gè shè huì chōng mǎn hù zhù hù ài de róng róng nuǎn yì.

Nuôi dưỡng tấm lòng lương thiện và sự thấu cảm là hòn đá tảng của mọi phẩm chất đạo đức cao đẹp, có thể khiến toàn bộ xã hội ngập tràn hơi ấm của sự tương trợ và yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

20 nét

HÁN VIỆT : THIỆN LƯƠNG

HSK 5

Động từ

#828

善于

shàn yú

giỏi về, khéo về, thành thạo

一名卓越的科研领军人才不仅需要精通本领域技术，更要善于广泛吸收其他学科的跨前沿智慧。

Yí míng zhuó yuè de kē yán lǐng jūn rén cái bù jìn xū yào jīng tōng běn lǐng jù jì shù, gèng yào shàn yú guǎng fàn xī shōu qí tā xué kē de kuà jiàn qián yán zhì huì.

Một nhà lãnh đạo khoa học xuất chúng không chỉ cần tinh thông chuyên môn trong lĩnh vực của mình mà hơn thế nữa còn phải giỏi tiếp thu sâu rộng trí tuệ liên ngành tiên phong từ các môn khoa học khác.

25 nét

HÁN VIỆT : THIỆN VU

HSK 5

Danh từ

#829

扇子

shān zi

chiếc quạt, quạt gấp

老手艺人精工制作的手工苏扇骨架轻盈柔韧、绗面书画清雅，展现了非遗传统工艺的极致韵味。

Lǎo shǒu yì rén jīng gōng zhì zuò de shǒu gōng sū shàn gǔ jià qīng yíng róu rèn, xiàng miàn shū huà qīng yǎ, zhǎn xiàn le fēi yí chuán tǒng gōng yì de jí zhì yùn wèi.

Chiếc quạt Tô Châu thủ công do người thợ già tinh xảo chế tác có nan quạt nhẹ nhàng dẻo dai, mặt lụa vẽ tranh thư pháp thanh tao, thể hiện trọn vẹn phong vị đỉnh cao của nghề thủ công phi vật thể truyền thống.

20 nét

HÁN VIỆT : THIẾN TỬ

HSK 5

Danh từ

#830

商品

shāng pǐn

hàng hóa, thương phẩm

得益于中欧班列的高效常态化运行，数万件优质特色商品在欧亚大陆之间实现了高效双向流通。

Dé yì yú zhōng ōu bān liè de gāo xiào cháng tài xíng yùn, shù wàn jiàn zhōng yōu zhì tè sè shāng pǐn zài ōu yà dà lù zhī jiān shí xiàn le gāo xiào shuāng xiàng liú tōng.

Nhờ vào sự vận hành thường thái hiệu quả cao của các chuyến tàu liên vận Trung Quốc - châu Âu, hàng vạn loại hàng hóa đặc sản chất lượng cao đã thực hiện lưu thông hai chiều nhanh chóng qua lục địa Á - Âu.

24 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG PHẨM


**HSK 5**

Danh từ

#831

# 商业

**shāng yè**

thương mại, thương nghiệp, kinh doanh

现代数字绿色商业不仅高度注重经济效益回报, 更积极践行环境保护与社会责任共赢的可持续发展理念。

*Xiàndài shùzì lǜsè shāng yè bù jǐn gāo dù zhòng jīng jì xiào yì huí bào, gèng jī jí jiàn xíng huán jīng bǎo hù hù yǔ shè huì zé rèn gòng yíng de kě chí xù fā zhǎn lǐ niàn.*

Thương mại xanh kỹ thuật số hiện đại không chỉ chú trọng cao độ tới hiệu quả kinh tế hoàn vốn mà còn tích cực thực hành triết lý phát triển bền vững cùng thắng lợi giữa bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

22 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG NGHIỆP

**HSK 5**

Động từ

#832

# 上当

**shàng dàng**

mắc lừa, trúng kế, bị lừa

公安反诈中心提醒广大民众提高警惕, 切勿轻信来历不明的所谓“高收益理财”短信以陷入上当受骗。

*Gōng ān fǎn zhà zhōng xīn tí xǐng guāng dà mǐn zhòng tǐ qīng lái lì bù míng de suǒ wèi "gāo shōu yì lǐ cái" duǎn xìn yǐ fáng shàng dàng shòu piàn.*

Trung tâm Phòng chống Lừa đảo Công an cảnh báo đồng đảo người dân nâng cao cảnh giác, tuyệt đối không nhẹ dạ tin vào các tin nhắn mạo danh 'đầu tư tài chính sinh lời khủng' không rõ nguồn gốc để tránh bị sập bẫy lừa đảo.

17 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG ĐƯƠNG

**HSK 5**

Danh từ

#833

# 勺子

**sháo zi**

cái thìa, cái muỗng

在这款精巧的手工陶瓷餐具套装中, 配备了一只温润如玉、手感舒适的景德镇青白瓷小勺子。

*Zài zhè kuǎn jīng qiǎo de shǒu gōng táo cí cǎn jù táo zhuāng zhōng, pèi bèi le yí zhǐ wēn rùn rú yù, shǒu gǎn shū shì de jīng dé zhèn qīng bái cí xiǎo sháo zi.*

Trong bộ đồ ăn bằng gốm sứ thủ công tinh xảo này có trang bị một chiếc thìa nhỏ bằng sứ thanh hoa Cảnh Đức Trấn mịn màng như ngọc và cảm rất êm tay.

23 nét

HÁN VIỆT: THƯỚC TỬ

**HSK 5**

Danh từ

#834

# 蛇

**shé**

con rắn, loài rắn

在亚热带森林野外科学考察徒步时, 建议穿着防刺高帮防护登山靴以防毒蛇咬伤。

*Zài yà rè dài sēn lín yě wài kē xué kǎo chá tú bù shí, jiàn yì chuān zhe fáng cì gāo bāng fáng hù dēng shān xuē yī fáng dù shé yǎo shāng.*

Khi đi bộ khảo sát khoa học dã ngoại trong những cánh rừng á nhiệt đới, bạn nên mang giày leo núi cổ cao chống đâm xuyên chuyên dụng để phòng ngừa rắn độc cắn.

8 nét

HÁN VIỆT: XÀ

**HSK 5**

Danh từ

#835

# 舌头

**shé tou**

chiếc lưỡi, đầu lưỡi

在传统中医望闻问切四诊合参中, 观察患者舌头的舌质颜色与舌苔厚薄是辨识脏腑病机的重要窗口。

*Zài chuán tōng zhōng yī wàng wén wèn qiè sì zhēn hé cān zhōng, guān chá huàn zhě shé tou de shé zhì yán sè yǔ shé tái hòu bó shì biàn shí zàng fǔ bìng jī de zhòng yào chuāng kǒu.*

Trong phương pháp chẩn đoán 'Vọng - Văn - Vấn - Thiết' của y học cổ truyền Đông y, việc quan sát màu sắc chất lưỡi và độ dày mỏng của rêu lưỡi người bệnh là cửa sổ quan trọng để nhận biết chế bệnh sinh tạng phủ.

18 nét

HÁN VIỆT: THIẾT ĐẦU

**HSK 5**

Động từ

#836

# 舍不得

**shě bu de**

không nỡ, lưu luyến, tiếc nuối

支教支边的青年志愿者们在圆满完成任务后将返程时, 山村的孩子眼里含着泪水依依不舍。

*Zhī jiào zhī biān de qīng nián zhì yuàn zhě men zài yuán mǎn wán chéng rèn wù jǐ jiāng fǎn chéng shí, shān cūn de hái zǐ men yǎn li hán zhe lèi shuǐ yī yī bù shě.*

Khi các tình nguyện viên trẻ dạy học vùng cao hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuẩn bị lên đường trở về, các em nhỏ trong bản làng vùng cao nước mắt lưng tròng lưu luyến không nỡ rời xa.

34 nét

HÁN VIỆT: XÁ BẤT ĐẮC

**HSK 5**

Danh từ

#837

# 设备

**shè bèi**

thiết bị, máy móc trang thiết bị

国家超算中心机房里整齐排列着全自主可控的千万亿次级高性能液冷超级计算设备集群。

*Guó jiā chāo suàn zhōng xīn jī fáng lǐ zhěng qí pái liè zhe quán zì zhǔ kě kòng de qiān wàn yì cì jī gāo xìng néng yè lěng cháo jí jī suàn shè bèi jí qún.*

Trong phòng máy Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia xếp ngay ngắn cụm thiết bị siêu máy tính làm mát bằng chất lỏng hiệu năng cao cấp triệu tỷ phép tính tự chủ kiểm soát hoàn toàn.

26 nét

HÁN VIỆT: THIẾT BỊ

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#838

# 设计

**shè jì**

thiết kế, quy hoạch; bản thiết kế

我国桥梁工程设计团队成功攻克了深海复杂海况下超大跨度悬索桥的空气动力学抗风设计难题。

*Wǒ guó qiáo liáng gōng chéng shè jì tuán duì chéng gōng gōng kè le shēn hǎi fù zá xià chāo dà kuà dù xuán sǎo qiáo de kōng qì dòng lì xué kàng fēng shè jì nán tí.*

Đội ngũ thiết kế công trình cầu đường nước ta đã khắc phục thành công bài toán thiết kế khí động học chống gió bão của cầu treo nhịp siêu lớn trong điều kiện hải văn biển sâu phức tạp.

23 nét

HÁN VIỆT: THIẾT KẾ

**HSK 5**

Danh từ

#839

# 设施

**shè shī**

cơ sở vật chất, công trình hạ tầng

加快推进充电桩、加氢站以及智慧能源管网等新型基础设施建设, 能够有力支撑绿色低碳出行。

*Jiā kuài tuī jìn chōng diàn zhuāng, jiā qīng zhàn yǐ jí zhì huì néng yuán guǎn wǎng děng xīn xíng jī chǔ shè shī jiàn shè, néng gòu yǒu lì zhī chēng lǜ sè dī tàn chū xíng.*

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng mới như trạm sạc điện, trạm tiếp hydro và mạng lưới ống năng lượng thông minh có thể hỗ trợ đắc lực cho giao thông xanh giảm phát thải.

25 nét

HÁN VIỆT: THIẾT THỊ



HSK 5

Động từ / Danh từ

#840

## 射击

shè jī

bắn súng, xạ kích

在世界级射击锦标赛十米气步枪决赛中，年轻选手屏息凝神、最后一枪沉着命中十点九环斩获金牌。

Zài shì jiè jí shè jī jīn biāo sài shí mǐ qì bǔ qiāng jué sài zhōng, nián qīng xuǎn shǒu bīng xī níng shén, zuì hòu yī qiāng chén zhúo míng zhòng shí diǎn jiǔ huán zhàn huò jīn pái.

Trong trận chung kết súng trường hơi 10 mét giải vô địch bắn súng thế giới, vận động viên trẻ nín thở tập trung, phát bắn cuối cùng điểm tính bắn trúng 10,9 điểm giành huy chương vàng.

18 nét

HÁN VIỆT · XẠ KÍCH

HSK 5

Danh từ / Động từ

#841

## 摄影

shè yǐng

nhiếp ảnh, quay phim, chụp ảnh

这位野生动物摄影师常年在青藏高原风餐露宿，用高清长焦镜头记录下了雪豹捕食的珍贵瞬间。

Zhè wèi yě shēng wù shè yǐng shī cháng nián zài qīng zàng gāo yuán fēng cān lù sù, yòng gāo qīng zhǎng jiāo jīng tóu jì lù xià le xuě bǎo bǔ shí de zhēn guì shùn jiān.

Nhiếp ảnh gia động vật hoang dã này quanh năm dầm mưa dãi nắng nơi cao nguyên Thanh Tạng, dùng ống kính tele độ nét cao ghi lại khoảnh khắc săn mồi vô giá của báo tuyết.

25 nét

HÁN VIỆT · NHIẾP ẢNH

HSK 5

Động từ

#842

## 伸

shēn

vươn ra, duỗi ra, giơ ra, chìa tay

面对突发地质灾害险情，人民子弟兵第一时间向受灾群众伸出了温暖有力的救援之手。

Miàn duì tū fā dì zhì zāi hài xiǎn qíng, rén mín zǐ dì bīng dì yí shí jiān xiàng shòu zāi qún zhòng shēn chū le wēn nuǎn yǒu lì de jiù yuán zhī shǒu.

Đứng trước nguy cơ thảm họa địa chất bộc phát bất ngờ, các chiến sĩ bộ đội đã lập tức chìa đôi bàn tay cứu hộ ấm áp và mạnh mẽ tới bà con vùng bị nạn.

9 nét

HÁN VIỆT · THÂN

HSK 5

Tính từ

#843

## 深刻

shēn kè

sâu sắc, sâu đậm, thâm thúy

这场涉及全球经济转型与气候治理的跨国高端学术对话，给所有与会学者留下了极其深刻的启示。

Zhè chǎng shè jí quán qiú jīng jì zhuǎn xíng yǔ qì hòu zhì lǐ de kuà guó gāo duān xué shù duì huà, gěi suǒ yǒu yǔ huì xué zhě liú xià le jí qí shēn kè de qǐ shì.

Cuộc đối thoại học thuật cấp cao xuyên quốc gia liên quan tới chuyển đổi kinh tế toàn cầu và quản trị khí hậu này đã để lại những bài học gợi mở vô cùng sâu sắc cho tất cả các học giả tham dự.

23 nét

HÁN VIỆT · THÂM KHẮC

HSK 5

Danh từ

#844

## 身材

shēn cái

vóc dáng, thân hình

坚持常年科学规律的体育锻炼与营养均衡的清淡饮食，有助于保持匀称健康的健美身材。

Jiān chí cháng nián kē xué guī lǚ de tǐ yù duàn liàn yǔ yíng yǎng jūn héng de qīng dàn yǐn shí, yǒu zhù yú bǎo chí yún chèn jiàn kāng de jiàn měi shēn cái.

Duy trì rèn luyện thể dục thể thao khoa học điều độ quanh năm cùng chế độ ăn uống thanh đạm đủ chất dinh dưỡng giúp duy trì vóc dáng thon gọn, khỏe mạnh và săn chắc.

22 nét

HÁN VIỆT · THÂN TÀI

HSK 5

Danh từ

#845

## 身份

shēn fèn

thân phận, thân thế, tư cách, danh tính

在国际数字安全与网络空间治理中，必须全面强化分布式数字身份验证与隐私保护体系建设。

Zài guó jì shù zì ān quán yǔ wǎng lù kōng jiān zhì lǐ zhōng, bì xū quán miàn qiáng huà fēn bù shì shù zì shēn fèn yàn zhèng yǔ yīn sī bǎo hù tǐ xì jiàn shè.

Trong an toàn kỹ thuật số quốc tế và quản trị không gian mạng, nhất thiết phải tăng cường toàn diện việc xây dựng hệ thống xác thực danh tính kỹ thuật số phân tán và bảo vệ quyền riêng tư.

25 nét

HÁN VIỆT · THÂN PHẦN

HSK 5

Danh từ

#846

## 神话

shén huà

thần thoại, truyền thuyết; huyền thoại

“女娲补天”、“夸父追日”等上古中华神话故事，生动展现了中华民族百折不挠、勇于同自然抗争的伟大开拓精神。

"Nǚ wā bǔ tiān", "kuā fù zhuī rì" děng shàng gǔ zhōng huá shén huà gù shì, shēng dòng zhǎn xiàn zhōng huá mín zú bǎi zhé bù nǎo, yǒng yú tóng zì rán kàng zhēng de wēi dà kāi tuò jīng shén.

Những câu chuyện thần thoại Trung Hoa cổ đại như "Nữ Oa vá trời", "Khoa Phụ đuổi mặt trời" thể hiện sinh động tinh thần khai phá vĩ đại kiên cường bất khuất, dám đấu tranh cùng thiên nhiên của dân tộc ta.

20 nét

HÁN VIỆT · THẦN THOẠI

HSK 5

Danh từ

#847

## 神经

shén jīng

dây thần kinh, hệ thần kinh

脑科学与类脑智能国家重点实验室致力于揭示人类大脑神经环路的工作机制与神经退行性疾病靶点。

Nǎo kē xué yǔ lèi nǎo zhì néng guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì zhī lì yú jiē shì rén lèi nǎo shén jīng huán lù de gōng zuò jī zhì yú shén jīng tuì xíng jīng jí bìng bǎ diǎn.

Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia về Khoa học Não bộ và Trí tuệ Phòng sinh học não bộ tận tâm nghiên cứu hé lộ cơ chế hoạt động của các mạch thần kinh não người và đích ngắm điều trị các bệnh thoái hóa thần kinh.

24 nét

HÁN VIỆT · THẦN KINH

HSK 5

Tính từ

#848

## 神秘

shén mì

thần bí, bí ẩn, huyền bí

深邃浩瀚的深海万米深渊与辽阔无垠的宇宙星空，始终对人类探索未知散发着神秘而巨大的吸引力。

Shēn suì hào hàn de shēn hǎi wàn mǐ shēn yuān yǔ liáo kuò wú yín de yǔ zhòu xīng kōng, shǐ zhōng duì rén lèi tàn suǒ wèi zhī sǎn fā zhe shén mì ér jù dà de xī yǐn lì.

Vực sâu vạn mét dưới đáy đại dương thăm thẳm cùng bầu trời sao vũ trụ bao la vô tận luôn tỏa ra sức hút thần bí và to lớn đối với hành trình thám hiểm những điều chưa biết của nhân loại.

20 nét

HÁN VIỆT · THẦN BÍ



HSK 5

Động từ

#849

# 升

  
shēng

tôi

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地升。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì shēng.  
Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách tôi một cách tốt hơn.

12 nét

HÁN VIỆT: THĂNG

HSK 5

Động từ / Danh từ

#850

# 生产

  
shēng chǎn

sản xuất, chế tạo; sinh nở

现代化智能无人“黑灯工厂”依托工业机器人与全自动流程，实现了全天候不间断的高精度工业生产。

Xiàndài huà zhì néng wú rén "hēi dēng gōng chǎng" yī tuō gōng yè jī qì rén yǔ quán zì dòng liú chéng, shí xiàn le quán tiān hòu bù jiàn duàn de gāo jīng dù gōng yè shēng chǎn.

Những 'nhà máy không đèn' thông minh hiện đại không người lái dựa vào robot công nghiệp và quy trình hoàn toàn tự động đã thực hiện sản xuất công nghiệp chính xác cao liên tục suốt 24/7.

21 nét

HÁN VIỆT: SINH SẢN

HSK 5

Tính từ

#851

# 生动

  
shēng dòng

sinh động, chân thực, hấp dẫn

老教授通过生动鲜活的实际工程案例与幽默风趣的语言，把晦涩高深的理论知识讲解得通俗易懂。

Lǎo jiào shòu tōng guò shēng dòng xiān huó de shí jì gōng chéng àn lì yǔ yōu mò fēng qù de yǔ yán, bǎ hùi sè gāo shēn de lǐ lùn zhī shí jiǎng jiě dé tōng yì yǎng.

Vị giáo sư già thông qua những ví dụ công trình thực tế sinh động hấp dẫn cùng ngôn ngữ hài hước dí dỏm đã giảng giải những tri thức lý luận cao siêu hóc búa trở nên vô cùng dễ hiểu.

24 nét

HÁN VIỆT: SINH ĐỘNG

HSK 5

Danh từ

#852

# 声调

  
shēng diào

thanh điệu (ngữ âm tiếng Trung), giọng điệu

精准掌握普通话阴平、阳平、上声、去声这四个基本声调的调值高低，是讲好标准中文的关键一步。

Jīng zhǔn zhǎng wò pǔ tōng huà yīn píng, yáng píng, shàng shēng, qù shēng zhè sì gè jī běn shēng diào de diào zhí gāo dī, shì jiǎng hǎo biāo zhǔn zhōng wén de guān jiàn yī bù.

Việc nắm vững chuẩn xác cao độ độ vang của 4 thanh điệu cơ bản trong tiếng Phổ thông gồm âm bình, dương bình, thượng thanh, khứ thanh là bước đi then chốt để nói tiếng Trung chuẩn mực.

23 nét

HÁN VIỆT: THANH ĐIỀU

HSK 5

Danh từ

#853

# 绳子

  
shéng zi

sợi dây, dây thừng

专业高空救援队员使用特制高强度耐磨芳纶安全绳子，从数十米高的悬崖峭壁上沉着索降施救。

Zhuān yè gāo kōng jiù yuán duì yuán shǐ yòng tè zhì gāo qiáng dù nài mó fāng lún ān quán shéng zi, cóng shù shí mǐ gāo de xuān yǎ qiào bì shàng chén zhuó suǒ jiàng shì jiù.

Chiến sĩ cứu hộ độ cao chuyên nghiệp sử dụng sợi dây an toàn làm bằng sợi aramid siêu bền chịu mài mòn đặc chế, điểm tĩnh du dây tụt xuống từ vách đá cheo leo cao hàng chục mét để cứu nạn.

24 nét

HÁN VIỆT: THỪNG TỬ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#854

# 省略

  
shěng lüè

lược bớt, giản lược, dấu chấm lửng

在撰写严谨规范的实验报告与工程论文档时，关键的推导步骤与实测误差分析绝不能随意省略。

Zài zhuān xiě yǎn jìn guī fàn de shí yàn bào gào yǔ gōng chéng lùn zhèng wén dǎng shí, guān jiàn de tuī dǎo bù zhòu yǔ shí cè wù chā fēn xī jué bù néng suí yì shěng lüè.

Khi viết các báo cáo thực nghiệm và tài liệu luận chứng công trình quy chuẩn nghiêm ngặt, các bước suy luận then chốt cùng phân phân tích sai số đo đạc thực tế tuyệt đối không được tùy tiện lược bớt.

19 nét

HÁN VIỆT: TỈNH LƯỢC

HSK 5

Danh từ / Động từ / Tính từ

#855

# 胜利

  
shèng lì

thắng lợi, chiến thắng

在全体科研攻关团队的顽强拼搏与协同攻坚下，这项国家级重大战略工程最终迎来了全面胜利。

Zài quán tǐ kē yán gōng guān tuán duì de wán qiáng pīn bó yǔ xié tóng gōng jiàn xià, zhè xiàng guó jiā jí zhòng dà zhàn lüè gōng chéng zhōng yíng lái le quán miàn shèng lì.

Dưới sự nỗ lực kiên cường và phối hợp hiệp đồng chiến đấu của toàn thể đội ngũ nghiên cứu khoa học, đại dự án chiến lược cấp quốc gia này cuối cùng đã đón chào thắng lợi toàn diện.

25 nét

HÁN VIỆT: THẮNG LỢI

HSK 5

Động từ

#856

# 诗

  
shī

thơ ca

老师鼓励大家积极诗，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shī, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thơ ca, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: THI

HSK 5

Động từ / Danh từ

#857

# 失眠

  
shī mián

mất ngủ, chứng mất ngủ

睡前避免过度使用手机蓝光屏幕、保持卧室环境安静黑暗，有助于有效缓解焦虑并预防失眠。

Shuì qián bì miǎn guò dù shǐ yòng shǒu jī lán guāng píng mù, bǎo chí wò shì huán jīng ān jìng hēi àn, yǒu zhù yú yǒu xiào huǎn jiě jiāo lǔ bīng yǔ fáng shī mián.

Trước khi đi ngủ tránh sử dụng quá nhiều màn hình điện thoại phát ánh sáng xanh, giữ phòng ngủ yên tĩnh và tối sẽ giúp giảm bớt lo âu và phòng ngừa chứng mất ngủ hiệu quả.

26 nét

HÁN VIỆT: THẤT MIỄN



HSK 5

Động từ

#858

# 失去

## shī qù

mất đi, đánh mất, thất lạc

无论身处多么艰难的人生逆境，只要心中怀揣希望与信念，就绝不会失去重新启航的方向与动力。

Wú lùn shēn chù duō me jiān nán de rén shēng nǐ jìng, zhǐ yào xīn zhōng huái chuāi xǐ wàng yǔ xìn niàn, jiù jué bù huì shī qù chóng xīn qǐ háng de fāng xiàng yǔ dòng lì.

Bất luận rơi vào nghịch cảnh cuộc đời gian nan đến đâu, chỉ cần trong tim luôn ấp ủ hy vọng và niềm tin thì tuyệt đối sẽ không bao giờ đánh mất phương hướng và động lực để tái khởi hành.

23 nét

HÁN VIỆT: THẤT KHỨ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#859

# 失业

## shī yè

thất nghiệp, mất việc làm

国家出台了一系列援企稳岗与职业技能培训补贴政策，有力保障了重点群体的就业稳定与失业兜底。

Guó jiā chū tái le yī xiè yuán qǐ wěn gǎng yǔ zhí yè jī néng péi xùn bù tiě zhèng cè, yǒu lì bǎo zhàng le zhòng diǎn qún tǐ de jiù yè wěn dìng yǔ shī yè dǒu dǐ.

Nhà nước đã ban hành một loạt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giữ việc làm và trợ cấp đào tạo kỹ năng nghề, bảo đảm chắc chắn cho sự ổn định việc làm và an sinh cho người thất nghiệp của các nhóm đối tượng trọng điểm.

24 nét

HÁN VIỆT: THẤT NGHIỆP

HSK 5

Danh từ

#860

# 时代

## shí dài

thời đại, kỷ nguyên

我们正身处一个人工智能与数字经济深刻重塑人类社会生产生活形态的伟大变革时代。

Wǒ men zhèng shēn chù yí gè rén gōng zhì néng yǔ shù zì jīng jì shēn kè zhòng sù huà rén lèi shè huì shēng huó xíng tài de wēi dà biàn gē shí dài.

Chúng ta đang sống trong một thời đại chuyển mình vĩ đại khi trí tuệ nhân tạo và nền kinh tế số đang tái định hình sâu sắc hình thái sản xuất và đời sống của xã hội loài người.

22 nét

HÁN VIỆT: THỜI ĐẠI

HSK 5

Danh từ / Phó từ

#861

# 时刻

## shí kè

thời khắc, thời điểm; luôn luôn, mọi lúc

作为国家安全与公共安全的忠诚守护者，全体一线值守人员时刻保持着高度的警惕性与责任感。

Zuò wéi guó jiā ān quán yǔ gōng gòng ān quán de zhōng chéng shǒu hù zhě, quán tǐ yī xiàn zhí shǒu rén yuán shí kè bǎo chí zhe gāo dù de jǐng tǐ xìng yǔ zé rèn gǎn.

Với tư cách là những người bảo vệ trung thành của an ninh quốc gia và vệ sinh dịch tễ cộng đồng, toàn thể cán bộ túc trực tuyến đầu luôn luôn giữ vững tinh thần cảnh giác và tinh thần trách nhiệm cao độ ở mọi thời khắc.

24 nét

HÁN VIỆT: THỜI KHẮC

HSK 5

Tính từ

#862

# 时髦

## shí máo

hợp thời trang, sành điệu, thời thượng

将传统非遗刺绣元素巧妙融入现代高级定制服装中，展现出典雅雍和又兼具国际时尚风的独特魅力。

Jiāng chuán tǒng fēi yí cǐ xiù yuán sù qiǎo miào róng rù xiàn dài gāo jí dìng zhì fú zhuāng zhōng, zhǎn xiàn chū yǐ diǎn yà dòng fāng yòu jiān jù guó jì shí máo fēng shàng de dú tè mèi lì.

Việc lồng ghép khéo léo các yếu tố thêu may di sản phi vật thể truyền thống vào các bộ trang phục may đo cao cấp hiện đại toát lên sức hút độc đáo vừa mang nét tạo nhâ phương Đông lại vừa đậm chất thời trang sành điệu quốc tế.

28 nét

HÁN VIỆT: THỜI MAO

HSK 5

Danh từ

#863

# 时期

## shí qī

thời kỳ, giai đoạn lịch sử

当前我国正处于加快转变经济发展方式与全面推进产业转型升级的关键攻坚时期。

Dāng qián wǒ guó zhèng chǔ yú jiā kuài zhuǎn biàn jīng jì fā zhǎn fāng shì yǔ quán miàn tuī jìn chǎn yè zhuǎn xíng shēng jī de guān jiàn gōng jī shí qī.

Hiện nay nước ta đang ở vào thời kỳ then chốt mang tính quyết định nhằm đẩy nhanh chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế và đẩy mạnh toàn diện chuyển dịch nâng cấp công nghiệp.

24 nét

HÁN VIỆT: THỜI KỲ

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#864

# 时尚

## shí shàng

thời trang, xu hướng thời thượng

绿色低碳与循环利用已经不仅是一种环保理念，更演化为当下青年一代推崇的现代健康生活新时尚。

Lǜ sè dī tàn yǔ xún huán lì yòng yǐ jīng bù jīn shì yí zhōng huán bǎo lǐ niàn, gèng yǎn huà wéi dāng xià qīng nián yí dài tuī chóng de xiàn dài jiàn kāng shēng huó xīn shí shàng.

Xanh giảm phát thải và tuần hoàn tái sử dụng không chỉ là một triết lý bảo vệ môi trường, mà còn phát triển thành một xu hướng thời trang sống khỏe mạnh hiện đại mới được giới trẻ hôm nay vô cùng tôn sùng.

24 nét

HÁN VIỆT: THỜI THƯỢNG

HSK 5

Danh từ

#865

# 实话

## shí huà

lời nói thật, sự thật

做老实人、说老实话、办老实事，是每一位科研工作者与公职人员必须恪守的根本道德准则。

Zuò lǎo shí rén, shuō lǎo shí huà, bàn lǎo shí shì, shì měi yí wèi kē yán gōng zuò zhě yǔ gōng zhí rén yuán biān xū kè shǒu de gēn běn dào dé zhǔn zé.

Làm người thật thà, nói lời thật lòng, làm việc chân chính là chuẩn mực đạo đức căn bản mà mỗi cán bộ nghiên cứu khoa học và công chức nhà nước bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt.

20 nét

HÁN VIỆT: THỰC THOẠI

HSK 5

Danh từ / Động từ

#866

# 实践

## shí jiàn

thực tiễn, thực hành; đưa vào thực tế

实践是检验真理的唯一标准，任何科学理论假设都必须经受住反复而严格的工程实测检验。

Shí jiàn shì jiǎn yàn zhēn lǐ de wéi yí biāo zhǔn, rèn hé kē xué lǐ lùn jiǎ shuō dōu bì xū jīng shòu zhù fǎn fù ér yán gé de gōng chéng shí cè jiǎn yàn.

Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý, bất kỳ giả thuyết lý luận khoa học nào cũng đều phải vượt qua những đợt kiểm tra thử nghiệm đo đạc công trình nghiêm ngặt và lặp đi lặp lại.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC TIỄN



HSK 5

Động từ / Danh từ

#867

# 实习

shí xí

thực tập, đợt thực tập

在国家重点实验室开展为期一年的毕业科研实习期间，他系统掌握了前沿基因编辑实验全流程技能。

Zài guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì yàn kāi zhān wéi qī yī nián de bì yè kē yán shí xí qī jiān, tā xì tǒng zhāng wò le qián yán jī yīn biān jí shí yàn quán liú chéng jì néng.

Trong thời gian thực tập nghiên cứu khoa học tốt nghiệp kéo dài một năm tại Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, anh đã nắm vững một cách hệ thống toàn bộ kỹ năng quy trình thực nghiệm chỉnh sửa gen tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẬP

HSK 5

Động từ

#868

# 实现

shí xiàn

thực hiện, hiện thực hóa, đạt được

全体中华儿女团结一心、接续奋斗，必将全面实现中华民族伟大复兴的宏伟奋斗目标。Quán tǐ zhōng huá ér nǚ tuán jié yī xīn, jiē xù fèn dòu, bì jiāng quán miàn shí xiàn zhōng huá mín zú wèi dà fù xīng de hóng wěi fèn dòu mù biāo.

Toàn thể con Lạc cháu Hồng đoàn kết một lòng, tiếp nối sự nghiệp phấn đấu gian nan nhất định sẽ hiện thực hóa toàn diện mục tiêu phấn đấu hùng vĩ phục hưng vĩ đại dân tộc.

26 nét

HÁN VIỆT: THỰC HIỆN

HSK 5

Động từ

#869

# 实行

shí xíng

thực hành, thi hành, áp dụng (chính sách, chế độ)

国家对生态脆弱敏感区域实行极其严格的生态保护红线制度，实行终身追责问责机制。

Guó jiā duì shēng tài ruò ruò mǐn gǎn qū yù shí xíng jí qí yán gē de shēng tài bǎo hù hóng xiàn zhì dù, shí xíng zhōng shēn zhuī zé wèn zé jī zhì. Nhà nước thi hành chế độ lần ranh đỏ bảo vệ sinh thái vô cùng nghiêm ngặt đối với các vùng sinh thái nhạy cảm dễ bị tổn thương, áp dụng cơ chế truy cứu trách nhiệm suốt đời.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC HÀNH

HSK 5

Danh từ / Động từ

#870

# 实验

shí yàn

thí nghiệm, làm thí nghiệm; thực nghiệm

科研团队在国家重离子加速器科学装置上开展了数百次极端高能物理碰撞精密实验。

Kē yán tuán duì zài guó jiā zhòng lí zì jiā sù qì kē xué zhuàng zhì shàng kāi zhān le shù bǎi cì jī duān gāo néng wù lí pèng zhuàng jīng mì shí yàn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã triển khai hàng trăm đợt thí nghiệm va chạm vật lý năng lượng cực cao chính xác trên máy gia tốc ion nặng quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT: THỰC NGHIỆM

HSK 5

Tính từ

#871

# 实用

shí yòng

thực dụng, thiết thực, có tính ứng dụng cao

这款由高校创客团队自主设计的便携式水质快速检测仪体积小、操作简便且极其经济实用。

Zhè kuǎn yóu gāo xiào chuàng kè tuán duì zì zhǔ shè jì de biǎn xié shí shuǐ zhì kuài sù jiǎn cè yí jī xiǎo qiǎo, cāo zuò jiǎn biàn qiē jí qí jīng jì shí yòng.

Thiết bị kiểm tra nhanh chất lượng nước cầm tay do nhóm sinh viên sáng chế đại học tự chủ thiết kế này có kích thước nhỏ gọn, thao tác dễ dàng và cực kỳ kinh tế, thiết thực trong đời sống.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC DỤNG

HSK 5

Danh từ

#872

# 食物

shí wù

thức ăn, thực phẩm

保证食品安全与食物营养均衡，是直接关系到千家万户身体健康与生命安全的民生头等大事。

Bǎo zhèng shí pǐn ān quán yǔ shí wù yíng yǎng jūn héng, shí zhí jiē guān xì dào qiān jiā wàn hù shēn tǐ jiàn kāng yǔ shēng mìng ān quán de mín shēng tóu dēng dà shì.

Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và cân bằng dinh dưỡng trong thức ăn là đại sự dân sinh hàng đầu liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng an toàn của hàng triệu mái ấm gia đình.

22 nét

HÁN VIỆT: THỰC VẬT

HSK 5

Danh từ

#873

# 石头

shí tou

hòn đá, viên đá, đá

摸着石头过河，是中国在波澜壮阔的改革开放实践中总结出的极其宝贵的渐进式探索智慧。

Mō zhe shí tou guò hé, shì zhōng guó zài bō lán zhuàng kuò de gǎi gé kāi fàng shí jiàn zhōng zōng jié chū de jí qí bǎo guì de jiàn jìn shí tàn suǒ zhì huì.

'Dò đá qua sông' là bài học trí tuệ thấm hiem tiệm tiến vô cùng quý báu mà Trung Quốc đã đúc kết được trong thực tiễn cải cách mở cửa tránh lệ sóng gió muôn trùng.

23 nét

HÁN VIỆT: THẠCH ĐẦU

HSK 5

Động từ

#874

# 使劲儿

shǐ jìn ér

dốc sức, ráng sức, dùng sức

在激动人心的拔河比赛现场，队员们咬紧牙关、双脚蹬地使劲儿往后拉，全场加油声震耳欲聋。

Zài jī dòng rén xīn de bá hé bǐ sài xiàn chǎng, duì yuán men yǎo jǐn yá guān, shuāng jiǎo dēng dì shǐ jìn ér wǎng hòu lā, quán chǎng jiā yóu shēng zhèn ěr yù lóng.

Trên sân thi đấu kéo co sôi động hào hứng, các thành viên nghiến chặt răng, hai chân đạp chắc xuống đất dốc hết sức bình sinh kéo giật về phía sau, tiếng hò reo cổ vũ của cả khán đài rền vang rung trời lở đất.

30 nét

HÁN VIỆT: SỬ KINH NHÂN

HSK 5

Phó từ

#875

# 始终

shǐ zhōng

từ đầu đến cuối, luôn luôn, nhất quán

中国始终坚定不移奉行互利共赢的开放战略，为全球经济复苏与繁荣稳定注入强劲确定性动力。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dīng bù yí fèn gòng xíng hé lì gòng yíng de kāi fàng zhàn lüè, wèi quán qiú jīng jì fù sù yǔ fán róng wěn dìng zhù rù qiáng jīng què dìng xíng dòng lì.

Trung Quốc luôn luôn kiên định thực thi chiến lược mở cửa đôi bên cùng có lợi từ đầu đến cuối, tiếp thêm động lực chắc chắn mạnh mẽ cho sự phục hồi và ổn định phồn vinh của kinh tế toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT CHUNG



HSK 5

Phó từ / Liên từ

#876

# 是否

## shì fǒu

liệu có... không, có hay không

在做重大临床用药方案决策前，主治医师必须全面评估患者是否存在过敏体质与药物禁忌。

Zài zuò chū zhòng dà lín chuáng yòng yào fāng àn jué cè qián, zhǔ zhì yī shī bì xū quán miàn píng gū huàn zhě shì fǒu cún zài guò mǐn tǐ zhì yǔ yào wù jìn jì.

Trước khi đưa ra quyết định phác đồ dùng thuốc lâm sàng trọng đại, bác sĩ điều trị chính nhất thiết phải đánh giá toàn diện xem người bệnh liệu có cơ địa dị ứng và các chống chỉ định thuốc hay không.

19 nét

HÁN VIỆT: THỊ PHỦ

HSK 5

Danh từ

#877

# 试卷

## shì juǎn

bài thi, đề thi, bài làm

高考全流程严格实行国家教育考试保密标准，确保试卷命题、印制、运送与评阅各个环节万无一失。

Gāo kǎo quán liú chéng yán gé shí xíng guó jiā jiào yù kǎo shì bǎo mì biāo zhǔn, què bǎo shì juǎn mìng tí, yìn zhì, yùn sòng yǔ píng yuè gè gè huán jié wàn wú yī shī.

Toàn bộ quy trình thi đại học quốc gia thực thi nghiêm ngặt tiêu chuẩn bảo mật thi cử quốc gia, bảo đảm các khâu ra đề thi, in ấn, vận chuyển và chấm thi tuyệt đối không một sai sót.

25 nét

HÁN VIỆT: THÍ CUỘN

HSK 5

Danh từ

#878

# 士兵

## shì bīng

người lính, chiến sĩ, binh sĩ

边防哨所的年轻士兵在海拔五千余米的风雪高原界碑旁英勇巡逻，用青春热血誓死捍卫祖国每一寸神圣领土。

Biān fáng shào suǒ de nián qīng shì bīng zài hǎi bā wǔ qiān yú mǐ de fēng xuě gāo yuán jiè bēi páng yǐng yǒng xún luó, yòng qīng xuè rě xuè shì sī hàn wèi zù guó měi yī cùn shén shèng lǐng tǔ.

Những người lính trẻ của đồn biên phòng anh dũng đi tuần tra bên cột mốc biên giới nơi cao nguyên bảo tuyết ở độ cao hơn 5.000 mét, dùng dòng máu nóng tuổi trẻ thể chết bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: SĨ BINH

HSK 5

Trợ từ

#879

# 似的

## shì de

dường như, tựa như, như là (sau danh từ)

漫山遍野盛开的火红枫叶如同燃烧的熊熊晚霞似的，将秋日的大峡谷装点得格外壮美如画。

Màn shān biàn yě shèng kāi de huǒ hóng fēng yè rú tóng rán shāo de xióng xióng wǎn xiǎ shì de, jiāng qiū rì de dà xiá gǔ zhuāng diǎn dé gé gé wài zhuàng měi rú huà.

Khắp núi đồi bạt ngàn lá phong đỏ rực tựa như ánh sáng chiếu cháy bỏng, điểm xuyết cho đại hẻm núi mùa thu trở nên tráng lệ vô cùng tựa bức tranh thủy mặc.

23 nét

HÁN VIỆT: TỰ ĐÍCH

HSK 5

Danh từ

#880

# 事实

## shì shí

sự thật, thực tế khách quan

铁一样确凿的事实充分证明，和平合作、开放包容才是引领世界经济走出低谷的历史正道。

Tiě yī yàng què záo de shì shí chōng fèn zhèng míng, hé píng hé zuò, kāi fàng bāo róng cái shì yǐn lǐng shì jì jīng jì zǒu chū dī gǔ de lì shǐ zhèng dào.

Những sự thật đan thép không thể chối cãi đã chứng minh đầy đủ rằng, hợp tác hòa bình, cởi mở bao dung mới là con đường lịch sử đúng đắn dẫn dắt nền kinh tế thế giới bước ra khỏi vùng đáy suy thoái.

23 nét

HÁN VIỆT: SỰ THỰC

HSK 5

Danh từ

#881

# 事物

## shì wù

sự vật, việc, hiện tượng

勇于接纳并探索新生事物，始终保持敏锐的好奇心与求知欲，是青年科技人才不断开拓创新的源动力。

Yǒng yú jiē nà bìng tàn suǒ xīn shēng shì wù, shì zhōng bǎo chí mǐn ruì de hào qí xīn yǔ qiú zhī yù, shì qīng nián kè jì rén cái bù duàn kāi tuò chuàng xīn de yuán dòng lì.

Dũng cảm đón nhận và thám hiểm những sự vật hiện tượng mới mẻ, luôn giữ vững sự tò mò nhạy bén cùng khát khao học hỏi là nguồn động lực để các tài năng công nghệ trẻ không ngừng khai phá đổi mới.

20 nét

HÁN VIỆT: SỰ VẬT

HSK 5

Phó từ / Danh từ

#882

# 事先

## shì xiān

trước, từ trước, trước đó

开展大型复杂高危特种设备检修作业前，必须事先制定周密详实的应急处置预案并完成全员安全演练。

Kāi zhǎn dà xíng fù zá gāo wēi tè zhòng shè bèi jiū xiū zuò yè qián, bì xū shì xiān zhì dìng zhōu mì xiǎng shí de yìng jí chǔ zhì yàn àn bìng wán chéng quán yuán ān quán yǎn liàn.

Trước khi triển khai công tác bảo dưỡng thiết bị đặc chủng nguy hiểm cao phức tạp quy mô lớn, nhất thiết phải lập trước phương án xử lý tình huống khẩn cấp chu đáo chi tiết và hoàn thành diễn tập an toàn toàn bộ nhân viên.

23 nét

HÁN VIỆT: SỰ TIỀN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#883

# 收获

## shōu huò

thu hoạch, gặt hái; thành quả đạt được

一分耕耘，一分收获；经过数年如一日的潜心攻关，研究团队在深海机器人领域收获了丰硕的科研成果。

Yī fēn gēng yún, yī fēn shōu huò; jīng guò shù nián rú yī rì de qín xīn gōng guān, yán jiū tuán duì zài shēn hǎi jī qì rén lǐng yù shōu huò le fēng shuò de kē yán chéng guǒ.

Có công mài sắt có ngày nên kim, gieo hạt nào gặt quả nấy; trải qua bao năm miệt mài nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã gặt hái được những thành quả khoa học rực rỡ trong lĩnh vực robot biển sâu.

19 nét

HÁN VIỆT: THU HOẠCH

HSK 5

Danh từ

#884

# 收据

## shōu jù

biên lai, hóa đơn thu tiền, giấy biên nhận

财务工作人员在依法收取各项行政事业性经费后，会当场为缴费当事人开具规范的非税收入通用收据。

Cái wù gōng zuò rén yuán zài yī fǎ shōu qǔ gè xiàng xíng zhèng shì yè xìng guì fèi hòu, huì dāng chǎng wéi jiǎo fèi dāng shì rén kāi jù guī fàn de diǎn zì fēi shuì shōu rù tǒng yòng shōu jù.

Cán bộ tài chính sau khi thu các khoản phí hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật sẽ lập tức xuất biên lai thu tiền không thuế điện tử quy chuẩn ngay tại chỗ cho người nộp tiền.

21 nét

HÁN VIỆT: THU CƯ



HSK 5

Động từ

#885

# 手工

shǒu gōng

làm bằng tay

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地手工。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì shǒu gōng.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách làm bằng tay một cách tốt hơn.

27 nét

HÁN VIỆT: THỦ CÔNG

HSK 5

Danh từ / Động từ

#886

# 手术

shǒu shù

phẫu thuật, ca mổ

借助新一代超高清国产手术机器人辅助系统，外科专家团队成功完成了高难度的微创心脏搭桥手术。

Jiè zhù xīn yí dài chāo gāo qīng guó chǎn shǒu shù rǎo zhù jī rén bǔ zhù xì tǒng, wài kē zhuān jiā tuán chéng wán chéng le gāo nán dù de wēi chuāng xīn zàng dǎ qiáo shǒu shù.

Nhờ vào sự hỗ trợ của hệ thống robot phẫu thuật nội soi siêu nét thế hệ mới trong nước, đội ngũ chuyên gia ngoại khoa đã hoàn thành thành công ca phẫu thuật bắc cầu động mạch vành xâm lấn tối thiểu độ khó cao.

25 nét

HÁN VIỆT: THỦ THUẬT

HSK 5

Danh từ

#887

# 手套

shǒu tào

găng tay, bao tay

在严谨的高级别生物安全三级实验室内，科研人员必须全程严格规范穿戴特制防护手套与正压防护服。

Zài yán jǐn de gāo jí bié shēng wù ān quán sān jí shí yàn shì nèi, kē yán rén yuán bì xū quán chéng yán gé guī fàn chuān dài tè zhì fáng hù shǒu tào yǔ zhèng yǎ fáng hù fú.

Bên trong phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp ba nghiêm ngặt, các nhà nghiên cứu bắt buộc phải mang găng tay bảo hộ đặc chế và mặc đồ bảo hộ áp lực dương chuẩn quy cách trong suốt toàn bộ quá trình.

23 nét

HÁN VIỆT: THỦ SÁO

HSK 5

Danh từ

#888

# 手续

shǒu xù

thủ tục, giấy tờ thủ tục

政务服务大厅推行“一网通办”集成改革，让群众足不出户就能在几分钟内轻松办理完全部审批手续。

Zhèng wù fú wù dà tīng tuī xíng "yī wǎng tōng bàn" jí chéng gǎi gé, ràng qún zhòng zú bù chū mén zài jǐ fēn zhōng nèi qīng sōng bàn lí wán quán bù shen pī shǒu xù.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công đẩy mạnh cải cách tích hợp 'Một cửa điện tử', giúp người dân không cần rời khỏi nhà cũng có thể dễ dàng giải quyết hoàn tất toàn bộ thủ tục thẩm định phê duyệt chỉ trong vài phút.

27 nét

HÁN VIỆT: THỦ TỤC

HSK 5

Danh từ

#889

# 手指

shǒu zhǐ

ngón tay

青年钢琴演奏家修长灵活的手指在黑白琴键上飞速起舞，流淌出宛如天籁之音的动人乐章。

Qīng nián gāng qín yǎn zòu jiā xiū cháng líng huó de shǒu zhǐ zài hēi bái qín jiàn shàng fēi sù qǐ wǔ, liú tǎng chū wǎn rú tiān lài zhī yīn de dòng rén yuè zhāng.

Những ngón tay thon dài linh hoạt của nghệ sĩ dương cầm trẻ lướt bay thoăn thoắt trên phím đàn đen trắng, tuôn trào nên những chương nhạc lay động lòng người tựa âm thanh của chốn bồng lai.

25 nét

HÁN VIỆT: THỦ CHỈ

HSK 5

Động từ / Tính từ

#890

# 受伤

shòu shāng

bị thương, tổn thương

在突发特大山火扑救一线，数名英勇奋战的年轻消防员虽然局部轻微受伤，依然顽强不下火线。

Zài tū fā tè dà shān huǒ pǔ jiù yī xiàn, shù míng yīng yǒng fèn zhàn de nián qīng xiāo fáng yuán suī rán jù bù qīng wēi shòu shāng, yī rán wán qiáng bù xià huǒ xiàn.

Tại tuyến đầu dập tắt vụ cháy rừng đặc biệt lớn bùng phát bất ngờ, vài chiến sĩ cứu hỏa trẻ dũng cảm chiến đấu tuy bị thương nhẹ cục bộ nhưng vẫn kiên cường bám trụ không rời vị trí chiến đấu.

19 nét

HÁN VIỆT: THỌ THƯƠNG

HSK 5

Danh từ

#891

# 寿命

shòu mìng

tuổi thọ, vòng đời (máy móc, con người)

通过采用纳米陶瓷涂层与耐高温单晶合金技术，该型国产航空发动机核心涡轮叶片的使用寿命大幅跃升。

Tōng guò cǎi yòng nǎ mǐ táo cí tú céng yǔ nài gāo wēn dān jīng hé jīn shù, gāi xíng guó chǎn háng kōng fā dòng jī hé xīn wō lún yè piàn de shí yòng shòu mìng dà fú yuè shēng.

Thông qua việc áp dụng lớp phủ gốm nano và công nghệ hợp kim đơn tinh thể chịu nhiệt độ cao, tuổi thọ sử dụng của các cánh tuabin cốt lõi trên loại động cơ hàng không nội địa này đã tăng vọt đáng kể.

25 nét

HÁN VIỆT: THỌ MỆNH

HSK 5

Danh từ

#892

# 书架

shū jià

giá sách, kệ sách

教授宽敞整洁的书房内靠墙摆放着整面实木书架，分门别类整齐陈列着数千册中外文史哲经典文献。

Jiào shòu kāng guǎng zhěng jié de shū fáng nèi kào qiáng bǎi fàng zhe zhěng miàn shí mù shū jià, fēn mén bié lèi zhěng qí chén liè zhe shù qiān cè zhōng wài wén shǐ zhī jīng diǎn wén xiàn.

Bên trong phòng đọc sách rộng rãi ngăn nắp của giáo sư kê sát tường cả một hệ giá sách gỗ thật, trưng bày ngay ngắn theo từng phân loại hàng ngàn cuốn thư tịch tài liệu kinh điển văn sử triết trong và ngoài nước.

23 nét

HÁN VIỆT: THƯ GIÁ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#893

# 输入

shū rù

nhập vào, truyền vào, đầu vào; nhập liệu

科研人员在超算平台上输入精准的大气物理初始观测变量参数，启动了全球气候演化超高分辨率数值模拟。

Kē yán rén yuán zài chāo suàn píng tái shàng shù rù jīng zhǔn de dà qì wù lǐ chū shǐ guān cè biàn liàng cān shù, qǐ dòng le quán qiú qì hòu yǎn huà chāo gāo fēn biàn lǜ shù zhí mō nǐ.

Các nhà nghiên cứu khoa học đã nhập các thông số biến số quan trắc vật lý khí quyển ban đầu chuẩn xác trên nền tảng siêu máy tính, khởi chạy chương trình mô phỏng số phân giải siêu cao về sự tiến hóa khí hậu toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT: THÂM NHẬP



HSK 5

Danh từ

#894

## 蔬菜

shū cài

rau củ, rau xanh

全国“菜篮子”工程通过建设现代化智能温室大棚，切实保障了寒冷冬季北方各大城市新鲜绿色有机蔬菜的平价稳定供应。

Quán guó "cài lán zi" gōng chéng tōng guò jiàn shè xiān dài huà zhì néng wēn shì dà péng, qiè shí bǎo zhàng le hán lěng dōng jī běi fāng gè dà chéng shì xīn xiān lǜ sè yǒu jī shū cài de píng jià wěn dìng gòng yìng.

Để án 'Rổ rau thực phẩm' quốc gia thông qua việc xây dựng các nhà màng nhà kính thông minh hiện đại đã bảo đảm thiết thực nguồn cung ứng ổn định bình ổn giá rau xanh hữu cơ tươi ngon cho các đô thị phía Bắc trong mùa đông giá rét.

20 nét

HÁN VIỆT: SƠ THÁI

HSK 5

Tính từ

#895

## 舒适

shū shì

đễ chịu, thoải mái, tiện nghi

新型智能复兴号高铁动车组采用了全方位降噪减震技术与人体工学座椅，为旅客提供了极其舒适宁静的乘车体验。

Xīn xíng zhì néng fù xīng hào gāo tiě dòng chē zǔ cǎi yòng le quán fāng wèi jiàng zào jiǎn zhèn jì shù yǔ rén tǐ gōng xué zuò yǐ, wéi lǚ kè tí gòng le jí qí shū shì níng jìng de chéng chē tǐ yàn.

Đoàn tàu cao tốc thông minh thế hệ mới Phục Hưng áp dụng công nghệ giảm ồn giảm chấn toàn diện cùng ghế ngồi công thái học, mang lại cho hành khách trải nghiệm đi tàu vô cùng thoải mái và êm dịu.

26 nét

HÁN VIỆT: THƯ QUÁT

HSK 5

Danh từ

#896

## 梳子

shū zi

cái lược, lược chải đầu

非遗老字号工匠选用天然温润的绿檀木手工精雕细琢出一把把古朴典雅、带有幽微木香的木质梳子。

Fēi yí lǎo zì hào gōng jiàng xuǎn yòng tiān rán wēn rùn de lǜ tán mù shǒu gōng jīng diào xì zuó chū yī bǎ bǎ gǔ piǎo diǎn yǎ, dài yǒu yōu wēi mù xiāng de mù zhì shū zi.

Người thợ thủ công di sản phi vật thể gia truyền đã tuyển chọn gỗ đàn hương xanh tự nhiên mịn màng để chạm khắc thủ công tỉ mỉ từng chiếc lược gỗ cổ kính thanh nhã mang hương thơm mộc thoang thoảng.

19 nét

HÁN VIỆT: SƠ TỬ

HSK 5

Tính từ

#897

## 熟练

shú liàn

thành thạo, thuần thực, điêu luyện

高级技师凭借极其熟练精湛的手工装配微操技艺，将精密陀螺仪核心部件的装配公差控制在微米级以内。

Gāo jí jī shī píng jiè jí qí shú liàn jīng zhàn de shǒu gōng zhuāng pèi wéi cāo jì yì, jiāng jīng mì tuó luó yí hé xīn bù jiàn de zhuāng pèi gōng chāi kòng zhì zài wēi mǐ jī yǐ nèi.

Kỹ thuật viên bậc cao nhờ vào tay nghề thao tác vi mô lắp ráp thủ công vô cùng thuần thực điêu luyện đã kiểm soát dung sai lắp ráp các linh kiện con quay hồi chuyển chính xác trong phạm vi micromet.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC LUYỆN

HSK 5

Danh từ

#898

## 鼠标

shǔ biāo

chuột máy tính

这款专为数字工程建模与高精度图形设计定制的人体工学无线鼠标，手感极其舒适灵敏。

Zhè kuǎn zhuān wéi shù zì gōng chéng jiàn mó yǔ gāo jīng dù tú xíng shè jì dìng zhì de rén tǐ gōng xué wú xiàn shǔ biāo, shǒu gǎn jí qí shū shì lǐng mǐn.

Chiếc chuột máy tính không dây công thái học được tùy biến chuyên dụng cho công việc dựng hình kỹ thuật số và thiết kế đồ họa chính xác cao này cảm rất êm tay và nhạy bén.

22 nét

HÁN VIỆT: THỬ TIÊU

HSK 5

Động từ

#899

## 属于

shǔ yú

thuộc về, nằm trong

青年是国家的未来与民族的希望，未来的壮阔天地属于每一个敢于追梦、勇于担当的奋斗者。

Qīng nián shì guó jiā de wèi lái yǔ mín zú de xī wàng, wèi lái de zhuàng kuò tiān dì shǔ yú měi yí gè gǎn yǔ zhūi mèng, yǒng yú dǎn dāng de fèn dòu zhě.

Thanh niên là tương lai của đất nước và niềm hy vọng của dân tộc, khoáng trời bao la tráng lệ phía trước thuộc về mỗi người dám ước mơ và dũng cảm gánh vác sứ mệnh.

22 nét

HÁN VIỆT: THUỘC VỤ

HSK 5

Danh từ

#900

## 数据

shù jù

dữ liệu, số liệu

在大数据与人工智能驱动的科研范式中，海量高质量多模态科研数据成为了最核心的基础要素。

Zài dà shù jù yǔ rén gōng zhì néng qū dòng de kē yán fàn shì zhōng, hǎi liàng gāo zhì liàng duō mó tài kē yán shù jù chéng wéi le zuì hé xīn de jī chǔ yào sù.

Trong mô hình nghiên cứu khoa học được dẫn dắt bởi dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, nguồn dữ liệu nghiên cứu đa phương thức khổng lồ chất lượng cao đã trở thành yếu tố nền tảng cốt lõi nhất.

23 nét

HÁN VIỆT: SỐ CƯ

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#901

## 数码

shù mǎ

kỹ thuật số, số hóa (digital)

随着数码影像传感技术的飞跃发展，超亿像素全画幅微单相机在商业广告与风光摄影中得到广泛普及。

Suí zhāo shù mǎ yǐng xiàng chuán gǎn jì shù de fēi yuè fā zhǎn, chāo yì xiàng sù quán huà wú wéi dān xiàng jī zài shāng yè gǎng gào yǔ fēng guāng shè yǐng zhōng dé dào guǎng fàn pǔ jí.

Cùng với sự phát triển nhảy vọt của công nghệ cảm biến hình ảnh kỹ thuật số, máy ảnh không gương lật full-frame độ phân giải trên 100 triệu điểm ảnh đã được phổ biến rộng rãi trong quảng cáo và nhiếp ảnh phong cảnh.

26 nét

HÁN VIỆT: SỐ MÃ

HSK 5

Động từ

#902

## 摔

shuāi

ngã, rơi, đập vỡ; vật, ném

在冰雪路面行走时应当放慢脚步、步步踏实，避免因脚底打滑而意外摔倒受伤。

Zài bīng xuě lù miàn xíng zǒu shí yīng dāng fàng màn jiǎo bù, bù bù cái shí, bì miǎn yīn jiǎo dī dǎ huá é yǐ wài shuāi dǎo shòu shāng.

Khi đi bộ trên mặt đường đông băng trơn trượt cần đi chậm lại, từng bước bước thật chắc chắn để tránh bị trượt chân ngã bất ngờ dẫn tới chấn thương.

9 nét

HÁN VIỆT: SUẤT


**HSK 5**

Động từ

#903

**甩**
**shuǎi**

vung, vẩy, quăng, bỏ lại phía sau

运动员在链球决赛最后一投中奋力旋转加速，将沉重的钢球狠狠甩出七十多米远并打破赛会纪录。

Yùn dòng yuán zài liàn qiú jué sài zuì hòu yī tóu zhòng fèn lì xuán zhuǎn jiǎ sù, jiāng chén zhòng de gāng qiú hěn hěn shuǎi chū qī shí duō mǐ yuǎn bìng dǎ pò sài huì jì lù.

Vận động viên trong lượt ném cuối cùng của trận chung kết ném búa đã dốc sức xoay người tăng tốc, vung chiếc búa thép nặng trĩu bay xa hơn 70 mét và phá kỷ lục giải đấu.

13 nét

HÁN VIỆT: SUY

**HSK 5**

Danh từ

#904

**双方**
**shuāng fāng**

hai bên, đôi bên, song phương

在平等互利与相互尊重的坚实基础上，双方正式签署了新一代清洁能源联合开发战略合作备忘录。

Zài píng děng hù lì yǔ xiāng hù zūn zhòng de jiān shí jī chǔ shàng, shuāng fāng zhèng shì qiān shù le xīn yí dài qīng jié néng yuán lián hé kāi fā zhàn lüè hé zuò bèi wàng lù.

Trên nền tảng vững chắc của sự bình đẳng đôi bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau, hai bên đã chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược cùng khai thác năng lượng sạch thế hệ mới.

21 nét

HÁN VIỆT: SONG PHƯƠNG

**HSK 5**

Động từ

#905

**税**
**shuì**

thuế

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地纳税。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de shuì.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách thuế một cách tốt hơn.

13 nét

HÁN VIỆT: THUẾ

**HSK 5**

Phó từ

#906

**说不定**
**shuō bu dīng**

biết đâu chừng, có khi, không chừng

坚持每天在跨学科前沿领域阅读一篇最新顶刊论文，说不定哪天就能碰撞出颠覆性的原创灵感。

Jiān chí měi tiān zài kuà xué kē qián yán lǐng yù yuē dù yǐ piān zuì xīn dīng kān lùn wén, shuō bu dīng nǎ tiān jiù néng pèng chuàng chū diǎn fù xīng de yuán chuàng líng gǎn.

Kiên trì mỗi ngày đọc một bài báo khoa học mới nhất trên tạp chí đầu ngành liên ngành, biết đâu chừng ngày nào đó sẽ bùng sáng nên nguồn cảm hứng nguyên tác mang tính cách mạng.

29 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT BẤT ĐỊNH

**HSK 5**

Động từ

#907

**说服**
**shuō fú**

thuyết phục

科研负责人用详实可靠的实验对照数据与严密的理论推演，成功说服了专家评审委员会批准该创新方案。

Kē yán fù zé rén yòng xiáng shí kě ào de shí yàn duì zhào shù jù yǔ yán mì de lǐ lùn tuī yǎn, chéng gōng shuō fú le zhuān jiā píng shěn wěi yuán huì pī zhǔn gāi chuàng xīn fāng àn.

Người phụ trách nghiên cứu bằng các số liệu thực nghiệm đối chứng tin cậy chi tiết và suy luận lý thuyết chặt chẽ đã thuyết phục thành công hội đồng thẩm định chuyên gia phê duyệt đề án đổi mới này.

23 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT PHỤC

**HSK 5**

Động từ

#908

**撕**
**sī**

xé

老师鼓励大家积极撕，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí sī, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực xé, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: TÊ

**HSK 5**

Danh từ

#909

**丝绸**
**sī chóu**

tơ lụa, lụa là

古老的丝绸之路横贯欧亚大陆万里疆域，将华美绝伦的中国丝绸、茶叶与瓷器远播世界各地。

Gǔ lǎo de sī chóu zhī lù héng guān ōu yà dà lù wàn lǐ jiāng wǎn lì jiāng yù, jiāng huá měi jué lún de zhōng guó sī chóu, chá yè yǔ cǐ qì yuǎn bō shì jì gè dì.

Con đường tơ lụa cổ đại vắt ngang muôn dặm lục địa Á - Âu, đã mang những tấm lụa tơ tằm lụa lẩy tuyệt mỹ cùng trà và gốm sứ Trung Hoa truyền bá rộng khắp nơi nơi trên thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: TƠ TRƯ

**HSK 5**

Phó từ / Danh từ

#910

**丝毫**
**sī háo**

mảy may, một chút nào (thường dùng phủ định)

在关系到火箭发射与空间站对接的重大航天任务中，全体技术人员绝不敢有丝毫麻痹大意。

Zài guān xì dào huǒ jiàn fā shè yǔ kōng jiān duì jiē de zhòng dà háng tiān rèn wu zhōng, quán tǐ jī shù rén yuán jué bù gǎn yǒu sī háo má bì dà yì.

Trong các nhiệm vụ hàng không vũ trụ trọng đại liên quan tới phóng tên lửa và ghép nối trạm vũ trụ, toàn thể cán bộ kỹ thuật tuyệt đối không dám có một mảy may lơ là chủ quan.

26 nét

HÁN VIỆT: TƠ HÀO

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#911

**思考**
**sī kǎo**

suy nghĩ, tư duy, suy ngẫm

学而不思则罔，思而不学则殆；在获取海量信息的同时必须保持独立深入的批判性思考。

Xué ér bù sī zé wǎng, sī ér bù xué zé dài; zài huò qǔ hǎi liàng xīn xī de tóng shí bì xū bǎo chí dú lì shēn rù de pī pàn xīng sī kǎo.

Học mà không suy nghĩ thì mông lung, suy nghĩ mà không học thì nguy hại; trong khi tiếp nhận nguồn thông tin khổng lồ nhất thiết phải duy trì tư duy phản biện sâu sắc và độc lập.

20 nét

HÁN VIỆT: TƯ KHẢO


**HSK 5**

Danh từ

#912

# 思想

**sī xiǎng**

tư tưởng, luồng tư tưởng

先进的思想是推动社会变革与文明演进的伟大先导，能够为人类历史的前行指引正确航向。

Xiān jìn de sī xiǎng shì tuī dòng shè huì biàn gé yǔ wén míng yǎn jìn de wēi dà xiān dǎo, néng gòu wéi rén lèi lì shǐ de qián xíng zhǐ yīn zhèng què háng xiàng.

Tư tưởng tiên tiến là ngọn cờ đầu vĩ đại thúc đẩy cải cách xã hội và tiến hóa văn minh, có thể soi đường chỉ lối hải trình đúng đắn cho sự phát triển của lịch sử loài người.

20 nét

HÁN VIỆT: TƯ TƯỞNG

**HSK 5**

Tính từ / Danh từ

#913

# 私人

**sī rén**

riêng tư, cá nhân, tư nhân

法律严格保护公民合法的私人财产所有权与个人信息隐私权不受任何非法侵犯。

Fǎ lǜ yán gé bǎo hù gōng mín hé fǎ de sī rén cái chǎn suǒ yǒu quán yǔ gē rén xìn xī yīn sī quán bù shòu rén hé fēi fǎ qīn fǎn.

Pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt quyền sở hữu tài sản tư nhân hợp pháp và quyền riêng tư thông tin cá nhân của công dân không bị bất kỳ sự xâm phạm trái phép nào.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯ NHÂN

**HSK 5**

Phó từ

#914

# 似乎

**sì hū**

dường như, dường như, có vẻ

漫步在晨雾缭绕的江南古镇石板小巷深处，时光在这里似乎慢了下来，宁静而悠远。

Màn bù zài chén wù liáo rào de jiāng nán gǔ zhèn shí bǎn xiǎo xiàng shēn chù, shí guāng zài zhè lǐ sì hū màn le xià lái, níng jìng ér yōu yuǎn.

Dạo bước sâu trong con ngõ nhỏ lát đá ngập tràn sương sớm của cổ trấn Giang Nam, thời gian nơi đây dường như trôi chậm lại, thanh bình và sâu lắng xa xăm.

26 nét

HÁN VIỆT: TỰ HỒ

**HSK 5**

Danh từ

#915

# 寺庙

**sì miào**

chùa miếu, tu viện cổ, đền chùa

这座掩映在苍松翠柏之中的千年古寺庙始建于盛唐时期，至今完整保留着精美的唐宋木构建筑遗存。

Zhè zuò yǎn yìng zài cāng sōng cuì bǎi zhī zhōng de qiān nián gǔ sì miào shǐ jiàn yú shèng táng shí qī, zhì jīn wán zhěng bǎo liú zhe jīng měi de táng sòng mù gòu jiàn zhǔ yí cún.

Ngôi đền chùa cổ ngàn năm ẩn hiện giữa hàng tùng bách xanh tươi này được khởi dựng từ thời Thịnh Đường, đến nay vẫn bảo tồn nguyên vẹn những di tích kiến trúc gỗ thời Đường - Tống tinh mỹ.

25 nét

HÁN VIỆT: TỰ MIẾU

**HSK 5**

Danh từ

#916

# 宿舍

**sù shě**

ký túc xá, phòng trọ tập thể

高校为广大研究生配备了设施完善、环境温馨且配备高速光纤网络的现代化智慧学生宿舍。

Gāo xiào wèi guǎng dà yán jiū shēng pèi bèi le shè shī wán shàn, huán jīng wēn xīn qiè pèi bèi le gāo sù guāng xiān wǎng luò de xiān dài huà zhī huì xué shěng sù shě.

Trường đại học đã trang bị cho các học viên cao học khu ký túc xá sinh viên thông minh hiện đại với đầy đủ tiện nghi, môi trường ẩm cúng cùng mạng cáp quang tốc độ cao.

19 nét

HÁN VIỆT: TÚC XÁ

**HSK 5**

Phó từ

#917

# 随时

**suí shí**

bất cứ lúc nào, mọi lúc

市民只需打开政务手机应用程序，就可以随时随地在线查询社保缴纳记录与公积金余额。

Shì mǐn zhǐ xū dǎ kāi zhèng wù shǒu jī yìng yòng chéng xù, jiù kě yǐ suí shí suí de zài xiàn chá xún shè bǎo jiǎo nà jì lù yǔ gōng jī jīn yú é.

Người dân chỉ cần mở ứng dụng hành chính công trên điện thoại di động là có thể tra cứu trực tuyến hồ sơ đóng bảo hiểm xã hội và số dư quỹ nhà ở bất cứ lúc nào và ở bất kỳ đâu.

23 nét

HÁN VIỆT: TUỖ THỜI

**HSK 5**

Tính từ / Động từ

#918

# 碎

**suì**

vỡ vụn, nát vụn; làm vỡ

新型防爆安全夹胶玻璃即便在遭遇极端外力强烈冲击时，碎块依然紧密粘附在胶层上不会飞溅伤人。

Xīn xíng fáng bào ān quán jiā jiāo bō lí jǐ biàn zài zāo yù jí duǎn wài lì qiáng liè chōng jī shí, suì kuài yī rán jīn mǐ zhān fù zài jiāo céng shàng bú huì fēi jiàn shāng rén.

Kính dán an toàn chống nổ thể hệ mới ngay cả khi chịu va đập mạnh từ ngoại lực cực đoan thì các mảnh vỡ vụn vẫn dính chặt vào lớp keo phim, không văng ra gây sát thương cho con người.

14 nét

HÁN VIỆT: TOÁI

**HSK 5**

Danh từ / Động từ

#919

# 损失

**sǔn shī**

tổn thất, thiệt hại; làm thiệt hại

得益于早期精准的气象洪涝预警与高效的人员紧急疏散，该地区在超强台风中将灾害损失降到了最低。

Dé yì yú zǎo qī jīng zhǔn de qì xiàng hóng lǎo yù jǐng yǔ gāo xiào de rén yuán jí jǐ sǎn, gāi dì qū zài chāo qiáng tái fēng zhōng jiàng zāi hài sǔn shī jiàng dào le zuì dī.

Nhờ vào công tác cảnh báo sớm mưa lũ khí tượng chuẩn xác cùng việc khẩn cấp sơ tán người dân hiệu quả cao, khu vực này đã giảm thiểu tối đa mọi thiệt hại do thiên tai siêu bão gây ra.

23 nét

HÁN VIỆT: TỔN THẤT

**HSK 5**

Động từ

#920

# 缩短

**suō duǎn**

rút ngắn (thời gian, cự ly, khoảng cách)

全线开通运营的时速三百五十公里高速铁路，将两座特大城市之间的通勤通行时间大幅缩短至一小时以内。

Quán xiàn kāi tōng yùn yíng de shí sù sān bǎi wǔ shí gōng lǐ gāo sù tiě lù, jiāng liǎng zuò tè dà chéng shì zhī jiān de tōng qín tōng xíng shí jiān dà fú suō duǎn zhì yí xiǎo shí yí nèi.

Tuyến đường sắt cao tốc vận tốc 350 km/h được thông xe toàn tuyến đã rút ngắn mạnh mẽ thời gian đi lại giữa hai siêu đô thị xung quanh chỉ còn dưới 1 tiếng đồng hồ.

25 nét

HÁN VIỆT: SÚC ĐOÀN


**HSK 5**

Động từ

#921

# 缩小

**suō xiǎo**

thu hẹp, thu nhỏ (khoảng cách, quy mô)

通过全面推进乡村振兴与产业对口帮扶，东西部地区之间的经济发展与公共服务差距正在持续缩小。

Tōng guò quán miàn tuī jìn xiāng cūn zhèn fāng bāi fú, dōng xī bù dì qū zhī jiān de jīng jì fā zhǎn yǔ gōng gòng fú wù chā jù zhèng zài chí xù suō xiǎo.

Thông qua việc đẩy mạnh toàn diện công cuộc chấn hưng nông thôn và hỗ trợ ghép đôi ngành nghề, khoảng cách phát triển kinh tế và dịch vụ công cộng giữa hai miền Đông – Tây đang không ngừng được thu hẹp.

24 nét

 HÁN VIỆT : **SÚC TIỂU**
**HSK 5**

Danh từ / Động từ

#922

# 锁

**suǒ**

ổ khóa, khóa; khóa lại

现代智能入户门配备了融合指纹、人脸识别与活体掌静脉多重生物特征识别的高安全级别智能锁。

Xià dài zhì néng rù hù mén pèi bèi le róng hé zhǐ wén, rén liǎn shí bié yǔ huó tǐ zhǎng jīng mài duō chóng shēng wù tè zhēng shí bié de gāo ān quán jí bié zhì néng suǒ.

Cửa chính căn hộ thông minh hiện đại được trang bị ổ khóa thông minh cấp độ an toàn cao tích hợp đa sinh trắc học gồm vân tay, nhận diện khuôn mặt và tĩnh mạch lòng bàn tay thể sống.

10 nét

 HÁN VIỆT : **TOÀ**
**HSK 5**

Lượng từ / Danh từ / Trợ từ

#923

# 所

**suǒ**

ngôi, tòa (trường học, viện); nơi, chỗ; sở (trợ từ)

国家在西部地区重点援建的这所现代化综合性实验中学，配备了一流的科学实验室与数字图书馆。

Guó jiā zài xī bù dì qū zhòng yán jiàn de zhè suǒ xiān dài huà zōng hé xíng shí yàn zhōng xué, pèi bèi le yí liú de kē xué shí yàn shì yǔ shù zì tú shū guǎn.

Ngôi trường trung học thực nghiệm tổng hợp hiện đại do Nhà nước hỗ trợ xây dựng trọng điểm tại khu vực miền Tây được trang bị các phòng thí nghiệm khoa học và thư viện số hóa đẳng cấp hàng đầu.

9 nét

 HÁN VIỆT : **SỞ**
**HSK 5**

Tính từ

#924

# 所谓

**suǒ wèi**

cái gọi là, cái được xem là

所谓“十年磨一剑”，任何重大原创性科研突破都必须经历长期默默无闻的潜心扎根与艰辛探索。

Suǒ wèi "shí nián mó yí jiàn", rèn hé zhòng dà yuán chuàng xìng kē yán tū pò dōu bì xū jīng lì cháng qī mò mò wú wén de qián xīn zhā gēn yǔ jiān xīn tàn suǒ.

Cái gọi là 'Mười năm mài một thanh kiếm', bất kỳ bước đột phá nghiên cứu khoa học mang tính nguyên tác trọng đại nào cũng đều phải trải qua quá trình âm thầm bám rễ sâu và dày công tìm tòi lâu dài.

22 nét

 HÁN VIỆT : **SỞ VỊ**
**HSK 5**

Động từ

#925

# 塔

**tǎ**

tháp

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地塔。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de tǎ.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách tháp một cách tốt hơn.

10 nét

 HÁN VIỆT : **THÁP**
**HSK 5**

Danh từ

#926

# 台阶

**tái jiē**

bậc thang, nấc thang; lối thoát (tình huống khó xử)

沿着泰山十八盘陡峭崎岖的石砌台阶拾级而上，登临玉皇顶极目远眺，令人顿生一览众山小的豪迈情怀。

Yán zhe tài shān shí bā pán dòu qiào qí qū de shí qī tái jiē shè jí ér shàng, dēng lín yù huáng dǐng jí mù yuǎn tiào, líng rén dùn shēng yí lǎn zhòng shān xiǎo de háo mài qīng huái.

Từng bước leo lên các bậc thang đá cheo leo uốn lượn nơi Mười Tám Bàn núi Thái Sơn, bước lên đỉnh Ngọc Hoàng phóng tầm mắt ra xa, trong lòng tức thì dâng trào niềm hào khí ngút ngàn non sông nhỏ bé dưới chân.

24 nét

 HÁN VIỆT : **ĐÀI GIAI**
**HSK 5**

Danh từ

#927

# 太极拳

**tài jí quán**

Thái Cực Quyền (môn võ/duỡng sinh)

太极拳作为被列入联合国人类非物质文化遗产名录的传统武术瑰宝，讲究以柔克刚、阴阳平衡。

Tài jí quán zuò wéi bèi liè rù lián hé guó rén lèi fēi wù zhī yán huà yí chǎn míng lù de chuán tǒng wú shù guī bǎo, jiǎng jiū yǐ róu kè gāng, yīn yáng píng héng.

Thái Cực Quyền với tư cách là viên ngọc quý võ thuật cổ truyền được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của nhân loại, coi trọng triết lý lấy nhu thắng cương và cân bằng âm dương.

35 nét

 HÁN VIỆT : **THÁI CỰC QUYỀN**
**HSK 5**

Danh từ

#928

# 太太

**tài tai**

bà xã, phu nhân, bà lớn

老教授与太太相濡以沫半个多世纪，在科研与教学岗位上比翼齐飞，共同为国家培育了大批栋梁英才。

Lǎo jiào shòu yǔ tài tai xiāng rú yǐ mò bàn gè duō shí jì, zài kē yán yǔ jiào xué gǎng wèi shàng bǐ yì qí fēi, gòng tóng wéi guó jiā péi yù le dà pī dǒng liáng yīng cái.

Vị giáo sư già cùng bà xã gắn bó keo sơn chia ngọt sẻ bùi hơn nửa thế kỷ, cùng nhau kế vai sát cánh trên cương vị nghiên cứu và giảng dạy ươm mầm nên biết bao nhân tài rừng cọt cho đất nước.

28 nét

 HÁN VIỆT : **THÁI THÁI**
**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#929

# 谈判

**tán pàn**

đàm phán, thương lượng

在经历了多轮艰苦卓绝的跨国双边谈判后，两国正式达成了全面削减碳关税与贸易壁垒的里程碑式自贸协定。

Zài jīng lì le duō lún jiǎn kǔ zhuó jué de kuà guó shuāng biān tán pàn hòu, liǎng guó zhèng shì dá chéng le quán miàn xuē jiǎn tàn guān shuì yǔ mào yì bì lǐ de lǐ chéng bēi shì zì mào xié dìng.

Sau khi trải qua nhiều vòng đàm phán song phương xuyên quốc gia vô cùng gian nan, hai nước đã chính thức đạt được hiệp định thương mại tự do mang tính bước ngoặt về việc cắt giảm toàn diện thuế carbon và các rào cản thương mại.

17 nét

 HÁN VIỆT : **ĐÀM PHÁN**



HSK 5

Tính từ

#930

坦率

tǎn shuài

thẳng thắn, bộc trực, bộc bạch

在闭门学术研讨会上，中外学者就前沿人工智能安全伦理挑战展开了极其坦率而建设性的深入交流。

Zài bì mén xué shù yán tǎo huì shàng, zhōng wài xué zhě jiù qián yán rén gōng zhì néng ān quán lún lǐ tiào zhàn zhàn kāi le jí qí tǎn shuài ér jiàn shè xìng de shēn rù jiāo liú.

Tại buổi hội thảo học thuật kín, các học giả trong và ngoài nước đã triển khai cuộc trao đổi sâu sắc vô cùng thẳng thắn và mang tính xây dựng cao về những thách thức đạo đức an toàn trí tuệ nhân tạo tiên phong.

18 nét

HÁN VIỆT: THẢN LUẬT

HSK 5

Tính từ / Động từ

#931

烫

tàng

bỏng, nóng bỏng, nóng rẫy; là (quần áo), uốn (tóc)

刚出炉的灌汤小笼包皮薄馅大、汤汁滚烫，品尝时务必先开小窗轻吸汤汁以免烫伤口腔。

Gāng chū lú de guàn tāng xiǎo lóng bāo pí báo xiàn dà, tāng zhī gǔn tàng, pǐn cháng shí wù bì xiān kāi xiǎo chuāng qīng xī tāng zhī yǐ miǎn tàng shāng kǒu qiāng.

Bánh bao súp nhỏ vừa mới ra lò có vỏ mỏng nhân nhiều và nước dùng nóng hổi, khi thưởng thức nhất thiết phải cần một khe nhỏ húp nhẹ nước dùng trước để tránh bị bỏng vòm họng.

12 nét

HÁN VIỆT: NẮNG

HSK 5

Động từ

#932

桃

táo

đào

老师鼓励大家积极桃，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí táo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực

đào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: ĐÀO

HSK 5

Động từ

#933

逃

táo

trốn thoát

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地逃。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de táo.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách trốn thoát một cách tốt hơn.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐÀO

HSK 5

Động từ

#934

逃避

táo bì

trốn tránh, né tránh, lẩn tránh

勇者面对困难逆境从不退缩逃避，而是积极寻找破解之道、迎难而上。

Yǒng zhě miàn duì kùn nán nǎn jìng jīng cóng bù tuì suō táo bì, ér shì jī jí xún zhǎo pò jiě zhī dào, yíng nǎn ér shàng.

Người dũng cảm khi đối mặt với khó khăn nghịch cảnh không bao giờ chùn bước trốn tránh, mà luôn tích cực tìm kiếm phương sách hóa giải và kiên định tiến lên đón đầu thử thách.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÀO TỊ

HSK 5

Lượng từ

#935

套

tào

đặt

掌握好“套”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "tào" de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “套” (đặt) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

10 nét

HÁN VIỆT: SÁO

HSK 5

Tính từ

#936

特殊

tè shū

đặc biệt

在面对复杂的挑战时，保持特殊的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí tè shū de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đặc biệt đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC THÙ

HSK 5

Phó từ

#937

特意

tè yì

cố tình

掌握好“特意”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "tè yì" de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “特意” (cố tình) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC Ý

HSK 5

Danh từ

#938

特征

tè zhēng

đặc trưng, dấu hiệu đặc thù

中国式现代化既有各国现代化的共同特征，更有基于自己国情的鲜明中国特色与中国气派。

Zhōng guó shì xiàn dài huà jì yǒu gè guó xiàn dài huà de gòng tóng tè zhēng, gèng yǒu jī yú zì jǐ guó qíng de xiān míng zhōng guó tè sè yǔ zhōng guó qì pài.

Hiện đại hóa kiểu Trung Quốc vừa mang những đặc trưng chung của hiện đại hóa ở các nước, lại vừa có nét đặc sắc Trung Hoa và phong thái Trung Hoa rõ nét dựa trên tình hình thực tế của đất nước.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC CHINH



HSK 5

Động từ

#939

# 疼爱

## téng ài

thương yêu, yêu quý, cưng chiều

慈祥的爷爷十分疼爱聪明懂事的小孙女，每逢周末都会带她去科技馆探寻自然科学奥秘。

Cí xiáng de lǎo yé yé shí fēn téng ài cōng míng dòng shì de xiǎo sūn nǚ, měi féng zhōu mò dū hù dài tā qù kē jì guǎn tàn xún zì rán kē xué ào mì.

Người ông hiền từ vô cùng yêu thương cô cháu gái nhỏ thông minh hiểu chuyện, mỗi dịp cuối tuần đều đưa cháu đến bảo tàng khoa học khám phá những điều kỳ thú của khoa học tự nhiên.

22 nét

HÁN VIẾT: ĐỒNG ÁI

HSK 5

Động từ

#940

# 提

## tí

để cập đến

老师鼓励大家积极提，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực để cập đến, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIẾT: ĐỀ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#941

# 提倡

## tí chàng

để xướng, khuyến khích, cổ vũ

全社会积极提倡绿色出行、光盘行动与节水节电，让勤俭节约的崇高风尚在全社会蔚然成风。

Quán shè huì jī jí tí chàng lǜ sè chū xíng, guāng pán xíng dòng yǔ jié shuǐ jié diàn, ràng qín jiǎn jié yuē de chóng gāo fēng shàng zài quán shè huì wèi rán chéng fēng.

Toàn xã hội tích cực để xướng giao thông xanh, phong trào 'ăn sạch bát' không lãng phí thức ăn cùng việc tiết kiệm điện nước, khiến phong trào cần kiệm liêm chính cao đẹp trở thành nếp sống văn minh lan tỏa khắp mọi nơi.

21 nét

HÁN VIẾT: ĐỀ XƯỚNG

HSK 5

Danh từ

#942

# 提纲

## tí gāng

để cương, dàn ý

在正式撰写国家自然科学基金重大项目申报书之前，项目组首先精心拟定了一份详实严谨的论证提纲。

Zài zhèng shì xiě zuàn jī guó jiā zì rán kē xué jī jīn zhòng dà xiàng mù shēn bào shū zhī qián, xiàng mù zǔ shǒu xiān jīng xīn nǐ dìng le yī fēn xiáng shí yán jǐn de lùn zhèng tí gāng.

Trước khi chính thức bắt tay viết hồ sơ đăng ký để tài trọng đại của Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia, nhóm nghiên cứu trước hết đã công phu lập nên một bản để cương luận chứng chặt chẽ và chi tiết.

21 nét

HÁN VIẾT: ĐỀ CƯƠNG

HSK 5

Động từ / Danh từ

#943

# 提问

## tí wèn

đặt câu hỏi, chất vấn, nêu câu hỏi

在国际学术峰会主旨报告后的互动环节，台下的青年学者们纷纷踊跃举手就前沿模型架构进行专业提问。

Zài guó jì xué shù fēng huì zhǔ zhǐ bào gào hòu de hù dòng huán jié, tái xià de qīng nián xué zhě men fēn fēn yǒng yuè jǔ shǒu jiù qián yán mó xíng jià gòu jīn xíng zuān yè tí wèn.

Trong phần giao lưu sau bài báo cáo dẫn đề tại hội nghị thượng đỉnh học thuật quốc tế, các học giả trẻ phía dưới đều hào hứng giơ tay đặt câu hỏi chuyên môn sâu về kiến trúc mô hình tiên phong.

19 nét

HÁN VIẾT: ĐỂ VẤN

HSK 5

Danh từ

#944

# 题目

## tí mù

để bài, tiêu đề, chủ đề bài toán

博士学位论文的选题必须紧扣国家重大战略需求与国际学术前沿，确立具有重大原创价值的研究题目。

Bó shì xué wèi lùn wén de xuǎn tí bì xū jǐn kòu guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú yǔ guó jì xué shù qián yán, què lì jù yǒu zhòng dà yuán chuàng jià zhí de yán jiū tí mù.

Việc chọn đề tài luận án tiến sĩ bắt buộc phải bám sát nhu cầu chiến lược trọng đại của quốc gia và mũi nhọn học thuật quốc tế, xác lập đề bài nghiên cứu có giá trị nguyên tác to lớn.

23 nét

HÁN VIẾT: ĐỀ MỤC

HSK 5

Động từ / Danh từ

#945

# 体会

## tǐ huì

thấu hiểu, cảm nhận sâu sắc; bài học trải nghiệm

只有真正深入基层一线与劳动群众同甘共苦，才能深切体会到人民群众的喜怒哀乐与急难愁盼。

Zhǐ yǒu zhēn zhèng shēn rù jī céng yǔ xiàn yǔ láo dòng qún zhòng tóng gān gòng kǔ, cái néng shēn qiè tǐ huì dào rén mín qún zhòng de xǐ nǚ āi lè yǔ jǐ nán chóu pàn.

Chỉ khi thực sự đi sâu xuống cơ sở tuyến đầu cùng chia ngọt sẻ bùi với quần chúng lao động, người ta mới có thể thấu cảm sâu sắc nỗi niềm vui buồn và những băn khoăn trăn trở cấp thiết của nhân dân.

22 nét

HÁN VIẾT: THỂ HỘI

HSK 5

Danh từ

#946

# 体积

## tǐ jī

thể tích, dung tích, kích thước khối

新一代固态锂电池在实现超高能量密度的同时，大幅缩小了电池包的整体物理体积与自重。

Xīn yí dài quán gù tài lì diàn chí zài shí xiàn chāo gāo néng liàng mì dù de tóng shí, dà fú suǒ xiǎo le diàn chí bāo de zhěng tǐ wù lǐ tǐ jī yǔ zì zhòng.

Thế hệ pin lithium thể rắn mới trong khi đạt được mật độ năng lượng cực cao thì đã thu nhỏ đáng kể thể tích vật lý tổng thể cùng trọng của khối pin.

18 nét

HÁN VIẾT: THỂ TÍCH

HSK 5

Tính từ

#947

# 体贴

## tǐ tiē

chu đáo, ân cần, biết quan tâm săn sóc

高铁乘务团队为带婴儿出行的年轻母亲与行动不便的老年旅客提供了无微不至、体贴入微的温馨服务。

Gāo tiě chéng wú tuán duì wéi dài yīng ér chū xíng de nián qīng mǔ qīn yǔ xíng dòng bù biàn de lǎo nián lǚ kè tí gōng wú wēi bú zhì, tǐ tiē rú wēi de wēn xīn fú wú.

Đội ngũ tiếp viên đường sắt cao tốc đã mang lại dịch vụ ân ái chu đáo đến từng chi tiết nhỏ nhất cho các bà mẹ trẻ bế con nhỏ và những hành khách cao tuổi đi lại khó khăn.

16 nét

HÁN VIẾT: THỂ THIẾP



HSK 5

Động từ

#948

# 体现

tǐ xiàn

thể hiện, phản ánh, biểu thị

这项覆盖全体困难家庭的精准兜底救助民生政策，充分体现了社会主义制度的优越性与人文关怀。

Zhè xiàng fù gài quán tǐ kùn nán jiā tíng de jīng zhǔn dǒu dǐ jiù zhù mǐn shēng zhèng cè, chōng fēn tǐ xiàn le shè huì zhǔ yì zhì dù de yōu yuè xìng yǔ rén wén guān huái.

Chính sách dân sinh cứu trợ đỡ đầu chính xác bao phủ toàn bộ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn này đã thể hiện trọn vẹn tính ưu việt cùng sự quan tâm nhân văn sâu sắc của chế độ xã hội chủ nghĩa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỂ HIỆN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#949

# 体验

tǐ yàn

trải nghiệm, thể nghiệm

在国家科技馆数字沉浸式展厅中，观众可以通过虚拟现实头盔身临其境地体验太空漫步的奇妙震撼。

Zài guó jiā kē jì jǐ guān shù zì chén jìn shì zhǎn tīng zhōng, guān zhòng kě yì tōng guò xū ní xiàn shí tóu kuī shēn lín qí jǐng dì tǐ yàn tài kōng màn bù de qí miào zhèn hàn.

Trong phòng triển lãm kỹ thuật số tương tác nhập vai của Bảo tàng Khoa học Công nghệ Quốc gia, khách tham quan có thể thông qua kính thực tế ảo VR để trải nghiệm cảm giác kỳ thú và chấn động khi đi bộ ngoài không gian vũ trụ.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: THỂ NGHIỆM

HSK 5

Danh từ

#950

# 天空

tiān kōng

bầu trời

秋高气爽，湛蓝如洗的晴朗天空飘着朵朵洁白无瑕的云絮，令人心旷神怡。

Qiū gāo qì shuǎng, zhàn lán rú xǐ de qíng lǎng tiān kōng piāo zhe duǒ duǒ jié bái wú xiá de yún xù, lìng rén xīn kuàng shén yí.

Mùa thu khí trời mát mẻ trong lành, trên nền bầu trời trong xanh như gột rửa lờ lững lơ trôi những cụm mây trắng muốt không một tí vết, khiến tâm hồn người ta thư thái vô cùng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THIÊN KHÔNG

HSK 5

Tính từ

#951

# 天真

tiān zhēn

ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng

幼儿园操场上传来孩子们无忧无虑的银铃般笑声，那一双双纯净天真的大眼睛里闪烁着对世界的好奇。

Yòu ér yuán cǎo chǎng shàng chuán lái hái zǐ men wú yōu wú lǜ de yín líng bān xiào shēng, nà yī shuāng shuāng chún jīng tiān zhēn de dà yǎn jīng lǐ shǎn shuǒ zhe duì shì jì de hào qí.

Trên sân chơi trường mầm non vang lên tiếng cười giòn giã như chuông bạc vỗ tứ lự của con trẻ, những đôi mắt to tròn ngây thơ trong sáng ánh lên niềm hiếu kỳ với thế giới xung quanh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: THIÊN CHÂN

HSK 5

Danh từ

#952

# 田野

tián yě

đồng ruộng, ruộng đồng, đồng quê

金秋时节极目远眺，广袤丰饶的沃野田野上一片金黄，大型智能联合收割机正穿梭其间抢收秋粮。

Jīn qiū shí jié jí mù yuǎn tiào, guǎng mào fēng ráo de wò yě tián yě shàng yī piàn jīn huáng, dà xíng zhì néng lián hé shōu gē jī zhèng chuān suō qí jiān qiǎng shōu qiū liáng.

Mùa thu vàng óng ánh mắt nhìn ra xa, khắp cánh đồng màu mỡ phì nhiêu bạt ngàn một màu vàng óng ả, những cỗ máy gặt đập liên hợp thông minh cỡ lớn đang thoăn thoắt thu hoạch lúa thu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN DÃ

HSK 5

Tính từ

#953

# 调皮

tiáo pí

nghech ngộm, bướng bỉnh, hiếu động

那个平日里活泼调皮的小男孩在科技动手工作坊里变得格外专心致志，亲手拼装完成了简易机器人。

Nà ge píng rì lí huó pō tiáo pí de xiǎo nán hái zài kē jì dòng shǒu gōng fāng lǐ biàn dé gé wài zhuān xīn zhì zhì, qīn shǒu pīn Zhuāng wán chéng le jiǎn yì jī rén.

Cậu bé ngày thường vốn hoạt bát nghech ngộm khi bước vào xưởng trải nghiệm khoa học thực hành bỗng trở nên vô cùng chăm chú tập trung, tự tay lắp ráp hoàn thành một chú robot đơn giản.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU BÌ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#954

# 调整

tiáo zhěng

điều chỉnh, sắp xếp lại

面对复杂严峻的国际经贸形势，企业敏锐调整产品出口结构、加快布局多元化全球新兴市场。

Miàn duì fù zá yán jùn de guó jì jīng mào xíng shì, qǐ yè mǐn ruì tiáo zhěng chǎn pǐn chū kǒu jié gòu, jiǎ kuài bù jú duō yuán huà quán qiú xīn xīng shì chǎng.

Đứng trước tình hình kinh tế thương mại quốc tế phức tạp khắc nghiệt, doanh nghiệp đã nhanh nhạy điều chỉnh cơ cấu xuất khẩu sản phẩm, khẩn trương mở rộng sang các thị trường mới nổi toàn cầu đa dạng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU CHỈNH

HSK 5

Danh từ / Động từ

#955

# 挑战

tiǎo zhàn

thách thức, thử thách; khiêu chiến

面对深海超高压、强腐蚀与完全无光的极限挑战，我国万米载人潜水器成功创造了世界深潜新纪录。

Miàn duì shēn hǎi chāo gāo yā, qiáng fù shí yǒu wàn quán wú guāng de jí xiàn tiǎo zhàn, wǒ guó wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì chéng gōng chuàng zào le shì jì shēn qián xīn jì lù.

Đứng trước những thách thức cực hạn của biển sâu như áp suất siêu cao, độ ăn mòn cực mạnh và bóng tối đen đặc hoàn toàn, tàu lặn có người lái vạn mét của nước ta đã lập nên kỳ lục lặn sâu mới của thế giới.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: KHIÊU CHIẾN

HSK 5

Phó từ / Tính từ

#956

# 通常

tōng cháng

thông thường, thường lệ, bình thường

在标准大气压条件下，纯净水的冰点通常精确定义为摄氏零度，沸点精确定义为摄氏一百度。

Zài biāo zhǔn dà qì yā tiáo jiàn xià, chún jìng shuǐ de bīng diǎn tōng cháng jīng què dìng yì wéi shè shì líng dù, fēi diǎn jīng què dìng yì wéi shè shì yī bǎi dù.

Trong điều kiện áp suất khí quyển tiêu chuẩn, điểm đóng băng của nước tinh khiết thông thường được định nghĩa chính xác là 0 độ C và nhiệt độ sôi được định nghĩa chính xác là 100 độ C.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: THÔNG THƯỜNG


**HSK 5**

Danh từ

#957

# 通讯

**tōng xùn**

thông tin liên lạc, truyền thông; bản tin phóng sự

第六代移动通信技术研发全面起步，将构建起空天地海一体化无缝覆盖的超高速泛在泛能通讯网络。

Dì liù dài yí dòng tōng xìn jì shù yán fā quán miàn qǐ bù, jiāng gòu jiàn qí kōng tiān dì hǎi yì tǐ huà wú fèng fù gài de chāo gāo sù fàn zài fàn néng tōng xùn wǎng luò.

Công tác nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin di động thế hệ 6 (6G) đã khởi động toàn diện, sẽ xây dựng nền mạng lưới viễn thông vạn vật siêu tốc độ bao phủ liên mạch không gian - vũ trụ - đất liền - biển sâu.

19 nét

HÁN VIỆT: THÔNG TẤN

**HSK 5**

Danh từ

#958

# 铜

**tóng**

đồng (kim loại đồng)

高纯度无氧铜作为一种优良的导电与导热工业金属材料，在特高压输电与超导磁体中不可或缺。

Gāo chún dù wú yǎng tóng zuò wéi yí zhōng yōu liáng de dǎo diàn yǔ dǎo rè gōng yè jīn shǔ cái liào, zài tè gāo yǎ shù diàn yǔ chāo dǎo cí tǐ zhōng bù kě huò quē.

Đồng không oxy độ tinh khiết cao với tư cách là loại vật liệu kim loại công nghiệp dẫn điện và dẫn nhiệt tuyệt hảo, là thành phần không thể thiếu trong truyền tải điện siêu cao áp và nam châm siêu dẫn.

8 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG

**HSK 5**

Liên từ / Danh từ

#959

# 同时

**tóng shí**

đồng thời, cùng lúc đó

在加快推进经济高质量发展的同时，必须坚定不移筑牢国家生态绿色安全屏障。

Zài jiā kuài tuī jìn jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn de tóng shí, bì xǔ jiǎn dīng bù yí zhǎn lǎo guó jiǎ shèng tài lǜ sè ān quán píng zhàng.

Trong khi đẩy nhanh phát triển kinh tế chất lượng cao, đồng thời nhất thiết phải kiên định xây đắp vững chắc bức tường thành an toàn xanh sinh thái quốc gia.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG THỜI

**HSK 5**

Động từ / Tính từ / Danh từ

#960

# 统一

**tǒng yī**

thống nhất, đồng bộ, nhất thể hóa

加快建设全国统一大市场，能够坚决打破地方保护与市场分割，促进各类要素资源高效自由流动。

Jiā kuài jiàn shè quán guó tǒng yī dà shì chǎng, néng gòu jiǎn dué dǎ pò dì fāng bǎo hù yǔ shì chǎng fēn gē, cù jìn gè lèi yào sù zī yuán gāo xiào zì yóu liú dòng.

Đẩy nhanh xây dựng thị trường thống nhất lớn toàn quốc có thể kiên quyết xóa bỏ tư duy bảo hộ địa phương và chia cắt thị trường, thúc đẩy các yếu tố tài nguyên lưu chuyển tự do hiệu quả cao.

26 nét

HÁN VIỆT: THỐNG NHẤT

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#961

# 统治

**tǒng zhì**

thống trị, cai trị

辛亥革命彻底终结了在中国延续两千多年的封建君主专制统治，开创了完全意义上的近代民族民主革命。

Xīn hǎi gé míng chè dǐ zhōng jié le zài zhōng guó yǎn xù liǎng qiān duō nián de fēng jiàn jūn zhǔ zhuān zhì tǒng zhì, kāi chuāng le wán quán yì yì shàng de jìn dài mín zú mǐn zhǔ gé míng.

Cách mạng Tân Hợi đã chấm dứt triệt để chế độ thống trị quân chủ chuyên chế phong kiến kéo dài hơn 2.000 năm tại Trung Quốc, mở ra cuộc cách mạng dân chủ dân tộc cận đại với ý nghĩa trọn vẹn nhất.

25 nét

HÁN VIỆT: THỐNG TRỊ

**HSK 5**

Tính từ / Danh từ

#962

# 痛苦

**tòng kǔ**

đau khổ, thống khổ, nỗi đau

现代无痛微创诊疗技术的全面推广，极大减轻了广大患者在手术及康复过程中的身心痛苦。

Xiàn dài wú tòng wēi chuāng zhěn liáo jì shù de quán miàn tuī guǎng, jí dà jiǎn qīng le guāng dà huàn zhě zài shǒu shù jí kāng fù guò chéng zhōng de shēn xīn tòng kǔ.

Việc phổ cập toàn diện công nghệ khám chữa bệnh không đau xâm lấn tối thiểu hiện đại đã giảm thiểu to lớn nỗi đau đớn về thể xác và tinh thần cho đồng bào bệnh nhân trong quá trình phẫu thuật và hồi phục chức năng.

18 nét

HÁN VIỆT: THỐNG KHỔ

**HSK 5**

Tính từ

#963

# 痛快

**tòng kuài**

sảng khoái, thỏa thích; dứt khoát, hào sảng

在炎炎夏日畅饮一杯清凉解渴的冰镇酸梅汤，那种从头到脚的清凉感真是痛快极了。

Zài yán yán xià rì chāng yǐn yí bēi qīng liáng jiě kě de bīng zhèn suān méi tāng, nà zhǒng cóng tóu dào jiǎo de qīng liáng gǎn zhēn shì tòng kuài jí le.

Giữa trưa hè oi ả uống một ly nước mơ chua ướp lạnh giải khát mát rượi, cảm giác mát lạnh thấu từ đầu đến chân ấy thật là sảng khoái khôn cùng.

23 nét

HÁN VIỆT: THỐNG KHOÁI

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#964

# 投资

**tóu zī**

đầu tư, nguồn vốn đầu tư

国家持续加大对量子科技、人工智能与生命健康等关键基础前沿领域的长期战略性研发投入投资。

Guó jiā chí xù jiā dà duì liàng zǐ kē jì, rén gōng zhì néng yǔ shēng mìng jiàn kāng děng guān jiàn jī chǔ qián yán lǐng yù de cháng qī zhàn lüè xīng yán fā tóu zī.

Nhà nước liên tục tăng cường nguồn vốn đầu tư nghiên cứu phát triển chiến lược lâu dài đối với các lĩnh vực mũi nhọn nền tảng then chốt như công nghệ lượng tử, trí tuệ nhân tạo và sức khỏe sự sống.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẦU TƯ

**HSK 5**

Tính từ

#965

# 透明

**tòu míng**

trong suốt; minh bạch, công khai

推进阳光政务要求各项行政审批与财政预算分配全流程公开透明，依法自觉接受社会公众监督。

Tuī jìn yáng guāng zhèng wù yào qiú gè xiàng xíng zhèng shēn pī yǔ cái zhèng yù suàn fēn pèi quán liú chéng gōng kāi tòu míng, yī fǎ zì jué jiē shòu shè huì gōng zhòng jiān dū.

Thúc đẩy nền hành chính công khai minh bạch đòi hỏi toàn bộ quy trình thẩm định hành chính và phân bổ ngân sách tài chính phải công khai minh bạch, tự giác chịu sự giám sát của công chúng xã hội theo quy định pháp luật.

21 nét

HÁN VIỆT: THẤU MINH



HSK 5

Tính từ / Động từ

#966

# 突出

## tū chū

nổi bật, xuất chúng; nhô ra, làm nổi bật

这位青年科学家在高温超导机理研究领域做出了极其突出的原创性贡献，荣获国际权威青年学者大奖。

Zhè wèi qīng nián kē xué jiā zài gāo wēn chāo dǎo jī lǐ yán jiū lǐng yù zuò chū le jí qí tū chū de yuán chuàng xìng gòng xiàn, róng huò guó jì quán wèi qīng nián xué zhě dà jiǎng.

Nhà khoa học trẻ này đã có những cống hiến nguyên tác vô cùng nổi bật xuất chúng trong lĩnh vực nghiên cứu cơ chế siêu dẫn nhiệt độ cao, vinh dự nhận giải thưởng học giả trẻ uy tín quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐỘT XUẤT

HSK 5

Danh từ

#967

# 土地

## tǔ dì

đất đai, thổ nhượng, đất

严守十八亿亩耕地红线，实行最严格的耕地保护制度，坚决守好我们赖以生存的宝贵土地资源。

Yán shǒu shí bā yì mǔ gēng dì hóng xiàn, shí xíng zú yán gé de gēng dì bǎo hù zhì dù, jiǎn jué shǒu hǎo wǒ men lài yǐ shēng cún de bǎo guì tǔ zī yuán.

Giữ vững nghiêm ngặt lần ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác, thực thi chế độ bảo vệ đất canh tác nghiêm ngặt nhất, kiên quyết giữ trọn nguồn tài nguyên đất đai quý giá để sinh tồn của chúng ta.

21 nét

HÁN VIỆT: THỔ ĐỊA

HSK 5

Danh từ

#968

# 土豆

## tǔ dòu

khoai tây

作为国家第四大主粮作物，优质脱毒马铃薯土豆在西北旱作农业增产增收中发挥了重要作用。

Zuò wéi guó jiā dì sì dà zhǔ liáng zuò wù, yōu zhì tuǒ dú mǎ líng shǔ tǔ dòu zài xī běi hàn zuò nóng yè zēng chǎn zēng shōu zhōng fā huī le zhòng yào zuò yòng.

Với tư cách là loại cây lương thực chính thứ tư của quốc gia, củ khoai tây sạch virus chất lượng cao đã phát huy vai trò to lớn trong việc tăng năng suất và thu nhập của nền nông nghiệp vùng khô hạn Tây Bắc.

17 nét

HÁN VIỆT: THỔ ĐẬU

HSK 5

Động từ

#969

# 吐

## tǔ

nôn mửa

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地吐。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de tǔ.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách nôn mửa một cách tốt hơn.

10 nét

HÁN VIỆT: THỔ

HSK 5

Danh từ

#970

# 兔子

## tù zǐ

con thỏ, loài thỏ

在中秋神话传说中，那只在广寒宫桂花树下捣仙药的温顺玉兔，成为了纯洁吉祥的美好文化象征。

Zài zhōng qiū shén huà chuán shuō zhōng, nà zhī zài guǎng hán gōng guì huā shù xià dǎo xiān yào de wēn shùn yù tù, chéng wéi le chún jié jí xiáng de měi hǎo wén huà xiàng zhēng.

Trong truyền thuyết thần thoại Tết Trung thu, chú thỏ ngọc hiền hòa già thuốc tiên dưới gốc cây quế nơi cung Quảng Hàn đã trở thành biểu tượng văn hóa tốt lành thuần khiết và tươi đẹp.

21 nét

HÁN VIỆT: THỎ TỬ

HSK 5

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#971

# 团

## tuán

đoàn, khối, cuộn, nắm; tụ tập; đoàn thể, trung đoàn

来自全球二十多个国家的青年科学家代表团齐聚一堂，共同探讨绿色低碳能源技术的发展路线图。

Lái zì quán qiú èr shí duō guó jiā de qīng nián kē xué jiā dài biǎo tuán qí jù yì táng, gòng tóng tàn tào lù sè dì tàn néng yuán jì shù de fā zhǎn lù xiàn tú.

Đoàn đại biểu các nhà khoa học trẻ đến từ hơn 20 quốc gia trên thế giới đã hội tụ đồng đủ, cùng nhau thảo luận về lộ trình phát triển công nghệ năng lượng xanh giảm phát thải.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐOÀN

HSK 5

Động từ

#972

# 推辞

## tuī cí

từ chối, khước từ, thoái thác (lịch sự)

面对国际顶级学术期刊编委会的主动盛情邀约，老教授谦逊地表示愿为青年学者让贤而委婉推辞。

Miàn duì guó jì dīng jí xué shù qī kān biān wěi huì de zhǔ dòng shèng qíng yāo yuē, lǎo jiào shòu qiān xùn dì biǎo shì yuàn wéi qīng nián xué zhě ràng xián ér wēi wǎn tuī cí.

Đứng trước lời mời nhiệt tình trân trọng của ban biên tập tạp chí học thuật hàng đầu thế giới, vị giáo sư già đã khiêm tốn bày tỏ mong muốn nhường cơ hội cho các học giả trẻ và khéo léo từ chối.

22 nét

HÁN VIỆT: SUI TỬ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#973

# 推广

## tuī guǎng

phổ biến, nhân rộng, quảng bá rộng rãi

农业科技特派员深入田间地头，向广大农户手把手推广绿色有机水肥一体化高效种植新技术。

Nóng yè kē jì tè pài yuán shēn rù tián jiān dì tóu, xiàng guǎng dà nóng hù shòu bǎ shòu tuī guǎng lǜ sè yǒu jī shuǐ féi yí tǐ huà gāo xiào zhòng zhí xīn jì shù.

Các phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp đã đi sâu xuống tận đồng ruộng, tận tình cầm tay chỉ việc phổ biến kỹ thuật mới trồng trọt hữu cơ xanh tích hợp phân bón nước hiệu quả cao cho đồng đảo bà con nông dân.

26 nét

HÁN VIỆT: SUI QUẢNG

HSK 5

Động từ / Danh từ

#974

# 推荐

## tuī jiàn

tiến cử, đề cử, giới thiệu

经中国科学院与工程院多位权威院士联名推荐，这位青年领军人才正式入选国家卓越工程师培养计划。

Jīng zhōng guó kē xué yuán yǔ gōng chéng yuán duō wèi quán wèi yuán shì lián míng tuī jiàn, zhè wèi qīng nián lǐng jūn rén cái zhèng shì rù xuǎn guó jiā zhǔ yào gōng chéng shī péi yǎng jì huà.

Được nhiều viện sĩ uy tín thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Viện Hàn lâm Kỹ thuật Trung Quốc cùng ký tên tiến cử, nhân tài lãnh đạo trẻ này đã chính thức được chọn vào để án đào tạo kỹ sư xuất sắc quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT: SUI TIẾN


**HSK 5**

Động từ

#975

# 退

  
**tuì**

lùi, rút lui; trả lại, thoái lui

在暴风雨引发的洪峰平稳消退后，驻地部队官兵立即协助当地群众全力开展灾后清淤与消杀重建。

Zài bão fēng yǔ yīn fā de hóng fēng píng wěn xiǎo tuì hòu, zhù dì duì quán bīng lì jí xié zhù dāng dì qún zhòng quán lì kāi zhǎn zāi hòu qīng yū yǔ yǔ xiǎo shā chóng jiàn.

Sau khi đỉnh lũ do mưa bão gây ra rút lui êm đềm, cán bộ chiến sĩ quân đội đóng quân tại địa bàn đã lập tức hỗ trợ bà con nhân dân đốc sức độn bùn đất, khử trùng tiêu độc và tái thiết sau bão lũ.

10 nét

HÁN VIỆT : THOÁI

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#976

# 退步

  
**tuì bù**

thoái bộ, tụt lùi, sút kém

逆水行舟，不进则退；在激烈的国际前沿科技竞争中，唯有持续开拓创新才不至于停滞退步。

Nì shuǐ xíng zhōu, bù jìn zé tuì; zài jī liè de guó jì qián yán kē jì jīng zhēng zhōng, wéi yǒu chí xù kāi tuò chuàng xīn cái bù zhì yú tíng zhì tuì bù.

Như chèo thuyền ngược nước, không tiến ắt sẽ lùi; giữa cuộc cạnh tranh khoa học công nghệ tiên phong khốc liệt trên trường quốc tế, chỉ có không ngừng khai phá đổi mới mới không bị tụt lùi thụt lùi.

22 nét

HÁN VIỆT : THOÁI BỘ

**HSK 5**

Động từ

#977

# 退休

  
**tuì xiū**

nghỉ hưu, về hưu

这位在三尺讲台上辛勤耕耘四十载的特级教师光荣退休后，依然志愿投身于乡村教育公益事业中。

Zhè wèi zài sān chǐ jiǎng tái shàng xīn qín gēng yún sì shí zài de tè jí jiāo shī guāng róng tuì xiū hòu, yī rán zhì yuàn tóu shēn yú xiāng cūn jiào yù gōng yì shì yè zhōng.

Người nhà giáo ưu tú từng hiến mọt mài suốt 40 năm trên bục giảng sau khi vinh dự nghỉ hưu vẫn tiếp tục tình nguyện dấn thân cho sự nghiệp thiện nguyện giáo dục vùng cao.

22 nét

HÁN VIỆT : THOÁI HƯU

**HSK 5**

Tính từ / Động từ

#978

# 歪

  
**wāi**

nghiêng, lệch, vẹo; xiêu vẹo, tà lệch

在风暴来临前，园林工人们用坚固的钢管支架把在强风中吹歪的大树逐一扶正加固。

Zài fēng bão lái lín qián, yuán lín gōng rén men yòng jiān gù de gāng guǎn zhī jià bǎ zài zàng fēng zhōng chuī wāi de dà shù zhú yī fú zhèng jiā gù.

Trước khi cơn giông bão ập đến, các công nhân công viên cây xanh đã dùng những khung giàn ống thép kiên cố để chống đỡ nắn thẳng và gia cố từng cây to bị gió thổi nghiêng ngã.

10 nét

HÁN VIỆT : OAI

**HSK 5**

Danh từ

#979

# 外交

  
**wài jiāo**

ngoại giao, bang giao

中国始终坚定奉行独立自主的和平外交政策，积极推动构建新型国际关系与人类命运共同体。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng fēng xíng dú lì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, jī jī tuī dòng gòu jiàn xīn xíng guó jì guān xì yǔ rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, tích cực thúc đẩy xây dựng quan hệ quốc tế kiểu mới và cộng đồng chung vận mệnh nhân loại.

16 nét

HÁN VIỆT : NGOẠI GIAO

**HSK 5**

Tính từ / Động từ / Danh từ

#980

# 弯

  
**wān**

cong, uốn cong; khúc cua

高速动车组列车在通过连续复杂的多弯道路段时，车智能倾斜控制系统确保了运行极其平稳安全。

Gāo sù dòng chē zǔ liè chē zài tōng guò lián xù fù zá de duō wān dào lù duàn shí, chē shēn zhì néng qīng xié kòng zhì xì tǒng què bǎo le yùn xíng jí qí píng wěn ān quán.

Đoàn tàu cao tốc khi chạy qua các cung đường đèo nhiều khúc cua phức tạp liên tiếp, hệ thống điều khiển nghiêng thân xe thông minh đã bảo đảm vận hành vô cùng êm ái và an toàn tuyệt đối.

8 nét

HÁN VIỆT : LOAN

**HSK 5**

Tính từ

#981

# 完美

  
**wán měi**

hoàn mỹ, hoàn hảo, tuyệt hảo

在国际花样滑冰大奖赛赛场上，选手以近乎完美的四周跳高难度技术动作与优美艺术表现力征服了全场裁判。

Zài guó jì huā yàng huái bīng dà jiǎng sài sài chāng shàng, xuǎn shǒu yǐ jìn hū wán měi de sì zhōu tiào gāo nán dù jì shù dòng zuò yǔ yōu měi yì shù biǎo xiàn lì zhēng fú le quán chāng cái pàn.

Trên sân thi đấu giải trượt băng nghệ thuật Grand Prix quốc tế, vận động viên bằng động tác kỹ thuật nhảy xoay 4 vòng trên không hoàn hảo cùng sức biểu cảm nghệ thuật uyển chuyển đã chinh phục toàn bộ ban giám khảo.

22 nét

HÁN VIỆT : HOÀN MỸ

**HSK 5**

Tính từ / Động từ

#982

# 完善

  
**wán shàn**

hoàn thiện, hoàn chỉnh; làm cho hoàn thiện

进一步健全完善国家知识产权保护法律制度体系，能够为全社会创新创业提供强有力的法治保障。

Jìn yí bù jiàn quán wán shàn guó jiā zhī shí chān quán bǎo hù fǎ lǜ zhì dù tǐ xì, néng gòu wèi quán shè huì chuàng xīn chuàng yè tí gòng qiáng yǒu lì de fǎ zhì bǎo zhàng.

Việc kiện toàn và hoàn thiện hơn nữa hệ thống thể chế pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ quốc gia có thể mang lại sự bảo đảm pháp trị đặc lực cho hoạt động đổi mới sáng tạo khởi nghiệp của toàn xã hội.

19 nét

HÁN VIỆT : HOÀN THIỆN

**HSK 5**

Tính từ

#983

# 完整

  
**wán zhěng**

hoàn chỉnh, nguyên vẹn, trọn vẹn

经过考古专家长达数年的科学微痕发掘与拼接修复，这件珍贵的商代青铜国宝终于恢复了完整容貌。

Jīng guò kǎo gǔ zhuān jiā zhǎng dá shù nián de kē xué wēi hén fā xué yǔ piē jiē xiū fù, zhè jiàn zhēn guì de shāng dài qīng guó bǎo zhàng yú huī fù le wán zhěng róng mào.

Trải qua nhiều năm khai quật vết tích vi mô và ghép nối phục chế khoa học của các chuyên gia khảo cổ, món bảo vật quốc gia đồ đồng thời Thương vô giá này cuối cùng đã phục hồi lại diện mạo hoàn chỉnh nguyên vẹn ban đầu.

18 nét

HÁN VIỆT : HOÀN CHỈNH



HSK 5

Danh từ

#984

## 玩具

wán jù

đồ chơi

这款将传统鲁班锁榫卯结构与现代编程模块巧妙融合的益智科教玩具，深受青少年儿童的喜爱。

Zhè kuǎn jiāng chuán tǒng lǔ bān suǒ sǔn mǎo jié gòu yǔ xiān dài biān chéng mó kuài qiǎo miào róng hé de yì zhì kē jiào wán jù, shēn shòu qīng shào nián ér tóng de xǐ ài.

Món đồ chơi khoa học giáo dục phát triển trí tuệ kết hợp khéo léo kết cấu mộng ngàm Khóa Lỗ Ban cổ truyền với các khối lập trình hiện đại này được các bạn nhỏ thanh thiếu niên vô cùng yêu thích.

24 nét

HÁN VIỆT: NGOẠN CỤ

HSK 5

Liên từ / Danh từ

#985

## 万一

wàn yī

ngộ nhỡ, vạn nhất, lỡ như

野外科考队必须随身携带卫星应急通信电话与备用急救医疗包，以防万一遭遇突发极端险情。

Yě wài kē kǎo duì bì xū suí shēn xié dài wài yì xīng yīng jī tōng xìn diàn huà yǔ bèi yòng jī jiù yī liáo bāo, yǐ fáng wàn yī zāo yù tū fā jī duǎn xiān qīng.

Đội khảo sát khoa học dã ngoại bắt buộc phải mang theo bên người điện thoại vệ tinh liên lạc khẩn cấp cùng túi sơ cứu y tế dự phòng, nhằm phòng ngừa vạn nhất gặp phải tình huống hiểm nghèo cực đoan bất ngờ.

24 nét

HÁN VIỆT: MẶC NHẤT

HSK 5

Danh từ

#986

## 王子

wáng zǐ

hoàng tử

在世界经典童话剧《小王子》的舞台演绎中，演员用诗意深邃的台词引发了观众对爱与责任的深刻哲学思索。

Zài shì jiè jīng diǎn tóng huà jù 《xiǎo wáng zǐ》 de wǔ tái yǎn yì zhōng, yǎn yuán yòng shī yì shēn suǐ de tái cí yǐn fā le guān zhòng duì ài yǔ zé rèn de shēn kè zhé xué sī sù.

Trong vở kịch cổ tích kinh điển thế giới 'Hoàng tử bé' trên sân khấu, diễn viên bằng những lời thoại thi vị sâu lắng đã khơi gợi trong lòng khán giả những suy ngẫm triết học sâu sắc về tình yêu và trách nhiệm.

23 nét

HÁN VIỆT: VƯƠNG TỬ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#987

## 往返

wǎng fǎn

đi lại, khứ hồi, hai chiều (vé)

京沪高铁实现了全天候密集发车，极大方便了商务旅客实现“早出晚归”的当日轻松往返通勤。

Jīng hù gāo tiě shí xiàn le quán tiān hòu mì jí fā chē, jí dà fāng biàn le shāng wù lǚ kè shí xiàn "zǎo chū wǎn guī" dí dāng rì qīng sōng wǎng fǎn tōng qín.

Tuyến đường sắt cao tốc Bắc Kinh - Thượng Hải đã thực hiện chạy tàu dày đặc cả ngày, mang lại sự thuận tiện vô cùng cho hành khách công vụ dễ dàng đi lại khứ hồi trong ngày 'sáng đi tối về'.

20 nét

HÁN VIỆT: VẮNG PHẢN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#988

## 微笑

wēi xiào

mỉm cười, nụ cười mỉm

导医护士用亲切和蔼的微笑与耐心细致的指引，瞬间抚平了前来就诊患者内心的焦躁与不安。

Dǎo yī tài hù shì yòng qīn qiè hé āi de wēi xiào yǔ nài xīn xì zhì de zhǐ yǐn, shùn jiān fú píng le qián lái jiù zhěn huàn zhě nèi xīn de jiāo zǎo yǔ bù ān.

Nữ y tá tại bàn hướng dẫn khám bệnh bằng nụ cười mỉm ân cần hiền hậu cùng sự chỉ dẫn kiên nhẫn tỉ mỉ đã tức thì làm xoa dịu nỗi bồn chồn lo âu trong lòng người bệnh đến khám.

22 nét

HÁN VIỆT: VI TIỂU

HSK 5

Động từ / Danh từ

#989

## 威胁

wēi xié

đe dọa, uy hiếp; mối đe dọa

全球气候变暖引发的极端海平面上升与特大干旱洪涝灾害，正在对人类赖以生存的生态环境构成严峻威胁。

Quán qiú qì hòu biàn nuǎn yīn fā de jí duǎn hǎi píng miàn shàng shēng yǔ tè dà gān hàn hóng lǎo zāi hài, zhèng zài duì rén lèi shēng cún de shēng tài huán jīng gòu chéng yán jùn wēi xié.

Hiện tượng nước biển dâng cực đoan cùng các thảm họa hạn hán lũ lụt đặc biệt lớn do biến đổi khí hậu toàn cầu ấm lên gây ra đang tạo nên mối đe dọa nghiêm trọng đối với môi trường sinh thái để sinh tồn của nhân loại.

25 nét

HÁN VIỆT: UY HIẾP

HSK 5

Động từ / Danh từ

#990

## 危害

wēi hài

nguy hại, làm hại, tác hại

严禁在水源保护区倾倒工业危险废弃物，依法坚决打击任何严重危害公共安全与居民饮水健康的违法行为。

Yán jìn zài shuǐ yuán bǎo hù qū qīng dǎo gōng yè wēi xiǎn fèi qì wù, yī fǎ jiǎn jué dǎ jī rèn hé yán zhòng wēi hài gōng gòng ān quán shēng tài yǔ jū mín yǐn shuǐ jiàn kāng de wéi fǎ xíng wéi.

Nghiêm cấm tuyệt đối việc đổ chất thải nguy hại công nghiệp tại các khu vực bảo vệ nguồn nước, kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật mọi hành vi gây tác hại nghiêm trọng tới an toàn sinh thái cộng đồng và sức khỏe nguồn nước uống của người dân.

24 nét

HÁN VIỆT: NGUY HẠI

HSK 5

Động từ

#991

## 违反

wéi fǎn

vi phạm, làm trái (quy định, pháp luật)

在科学研究与数据分析中必须严格恪守学术诚信红线，严惩任何违反学术道德与数据造假的学术不端行为。

Zài kē xué yán jiū yǔ shù jù fēn xī zhōng bì xū yán gé kè shǒu xué shù chéng xìn hóng xiàn, yán chéng rèn hé wéi fǎn xué shù dào dé yǔ shù jù zào jiǎ de xué shù bù duān xíng wéi.

Trong nghiên cứu khoa học và phân tích số liệu bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt lẫn ranh giới liêm chính học thuật, xử lý nghiêm mọi hành vi gian lận vi phạm đạo đức học thuật và làm giả số liệu.

23 nét

HÁN VIỆT: VI PHẢN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#992

## 维护

wéi hù

bảo vệ, gìn giữ, duy tu bảo dưỡng

中国始终是世界和平的建设者、全球发展的贡献者以及国际秩序与以联合国为核心的多边体系的坚定维护者。

Zhōng guó shì shì jiè hé píng de jiàn zhù zhě, quán qiú fā zhǎn de gòng xiàn zhě yǐ jī guó jì zhì xù yǔ yǐ lián hé guó wèi hé xīn de duō biān tǐ xì de jiǎn dīng wéi hù zhě.

Trung Quốc luôn là người kiến tạo hòa bình thế giới, người đóng góp cho sự phát triển toàn cầu và là người kiến định bảo vệ gìn giữ trật tự quốc tế cùng hệ thống đa phương lấy Liên Hợp Quốc làm trung tâm.

25 nét

HÁN VIỆT: DUY HỘ



HSK 5

Danh từ

#993

## 围巾

wéi jīn

khăn quàng cổ, khăn choàng

在寒风呼啸的数九冬日里，母亲亲手编织的那条厚实柔软的羊绒大围巾带来了无尽的温暖与慰藉。

Zài hán fēng hū xiào de shù jiǔ đông rì lǐ, mǔ qīn qīn shǒu biān zhī de nà tiáo hòu shí róu ruǎn de yáng róng dà wéi jīn dài lái le wú jìn de wēn nuǎn yǔ wèi jiè.

Trong những ngày đông rét buốt gió rít từng hồi, chiếc khăn quàng cổ bằng lông cừu dày dặn mềm mại do chính tay người mẹ đan tặng đã mang lại hơi ấm và sự chở che vô bờ bến.

19 nét

HÁN VIẾT: VICÂN

HSK 5

Động từ

#994

## 围绕

wéi rào

xoay quanh, bám sát, vây quanh

本次国际前沿科学峰会紧紧围绕新一代量子计算体系架构与人工智能核心算法展开了多维度深入研讨。

Bēn cì guó jì qián yán kē xué fēng huì jīn jīn wéi rào xīn yì dài liàng zì jì suàn tí xì jià gòu yǔ rén gōng zhì néng hé xīn suàn fǎ zhān kāi le duō wéi dù shēn rù yán tǎo.

Hội nghị thượng đỉnh khoa học tiên phong quốc tế lần này đã bám sát xoay quanh kiến trúc hệ thống tính toán lượng tử thế hệ mới cùng các thuật toán cốt lõi của trí tuệ nhân tạo để triển khai thảo luận sâu sắc đa chiều.

19 nét

HÁN VIẾT: VI NHIỄU

HSK 5

Tính từ

#995

## 唯一

wéi yī

duy nhất

实践是检验真理的唯一标准，这一马克思主义科学论断引领了中国波澜壮阔的伟大思想解放进程。

Shí jiàn shì jiǎn yàn zhēn lǐ de wéi yī biāo zhǔn, zhè yī mǎ kè sī zhǔ yì kē xué lùn duàn yīn lǐng le zhōng guó bō lán zhuàng kuò de wēi dà sī xiǎng jiě fàng jìn chéng.

'Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý', luận điểm khoa học chủ nghĩa Mác này đã dẫn dắt tiến trình giải phóng tư tưởng vĩ đại hào hùng sống gió muôn trùng của đất nước.

22 nét

HÁN VIẾT: DUY NHẤT

HSK 5

Danh từ

#996

## 尾巴

wěi ba

cái đuôi; phần đuôi

深海探测器高清摄像机捕捉到了罕见深海发光鱼类摆动着修长荧光尾巴在深渊中优雅游弋的生动画面。

Shēn hǎi tàn cè qì gāo qīng shè xiàng jī bǔ zhuō dào le hǎn jiàn shēn hǎi fā guāng yú lèi bǎi dòng zhe xiū cháng yǐng guāng wěi ba zài shēn yuān zhōng yōu yǎ yóu yì de shēng dòng huà miàn.

Camera độ nét cao của tàu thám hiểm biển sâu đã ghi lại được những thước phim sinh động về loài cá phát quang biển sâu quý hiếm đang vẫy chiếc đuôi huỳnh quang thon dài bơi lội thanh tao giữa vực thẳm đại dương.

19 nét

HÁN VIẾT: VĨ BA

HSK 5

Tính từ

#997

## 伟大

wěi dà

vĩ đại, to lớn, cao cả

中华民族在五千多年连绵不绝的文明演进历史长河中，创造了举世闻名、辉煌灿烂的伟大文明成就。

Zhōng huá mín zú zài wǔ qiān duō nián lián mián bù jué de wén míng yǎn jìn lì shǐ cháng hé zhōng, chuàng zào le jǔ shì wén míng, huī huáng càn làn de wěi dà wén míng chéng jiù.

Dân tộc ta trong dòng chảy lịch sử tiến hóa văn minh trường tồn hơn 5.000 năm liên tục đã kiến tạo nên những thành tựu văn minh vĩ đại rực rỡ chói lọi lừng danh khắp năm châu.

23 nét

HÁN VIẾT: VĨ ĐẠI

HSK 5

Tính từ / Động từ / Danh từ

#998

## 委屈

wěi qu

ảm ức, tủi thân; chịu thiệt thòi

在团队遇到暂时的误解时要学会坦荡沟通与顾全大局，不必把个人的一点小委屈久挂心头。

Zài tuán dui yù dào zàn shí de wù jiě shí yào xué huì tǎn dàng gōu tōng yǔ gù quán dà jú, bù bì bǎ gè rén de yí diǎn xiǎo wěi qū jiǔ guà zài xīn tóu.

Khi tập thể gặp phải sự hiểu lầm nhất thời cần học cách trao đổi thẳng thắn cởi mở và nghĩ cho đại cục chung, không cần phải để mãi trong lòng một chút nỗi niềm tủi thân ảm ức nhỏ bé của riêng mình.

23 nét

HÁN VIẾT: UỶ KHUẤT

HSK 5

Động từ / Danh từ

#999

## 委托

wěi tuō

ủy thác, giao phó, ủy quyền

国家科技部依法委托第三方独立国际权威评估机构，对国家重点实验室五年运行绩效进行全面严谨的综合评估。

Guó jiā kē jì bù yī fǎ wěi tuō dì sān fāng dú lì guó jì quán wēi píng gū jī gòu, duì guó jiā zhòng yǎn shí yàn shì wú nián yùn xíng jì xiào jīn xíng quán miàn yán jìn de zōng hé píng gū.

Bộ Khoa học Công nghệ theo quy định pháp luật đã ủy thác cho cơ quan đánh giá uy tín quốc tế độc lập bên thứ ba tiến hành đánh giá tổng hợp nghiêm cần toàn diện về hiệu quả vận hành 5 năm của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

21 nét

HÁN VIẾT: UỶ THÁC

HSK 5

Động từ

#1000

## 胃

wèi

dạ dày

老师鼓励大家积极胃，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí wèi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dạ dày, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIẾT: VỊ

HSK 5

Danh từ

#1001

## 位置

wèi zhi

vị trí, địa điểm, chỗ đứng

北斗高精度卫星导航系统能够向全球各类智能终端提供厘米级甚至毫米级的极速精准定位位置服务。

Běi dòu gāo jīng dù wéi xīng dǎo háng xì tǒng néng gòu xiàng quán qiú gè lèi zhì néng zhōng duān tí gòng lí mǐ jī shēn zhì háo mǐ jī de jí sù jīng zhǔn dìng wèi wèi zhì fú wù.

Hệ thống vệ tinh định vị Bắc Đẩu độ chính xác cao có thể cung cấp dịch vụ định vị vị trí siêu tốc chuẩn xác đến từng centimet, thậm chí là milimet cho các loại thiết bị đầu cuối thông minh trên toàn cầu.

19 nét

HÁN VIẾT: VỊ TRÍ



HSK 5

Phó từ

#1002

**未必**

wèi bì

chưa hẳn, không nhất thiết, chưa chắc

表面上看似繁琐复杂的实验步骤未必是多余的, 往往正是确保高精尖实验数据可复现的关键所在。

Biǎo miàn shàng kàn shì fán suǒ fù zá de shí yàn bù zhǒu wèi bì shì duō yú de, wǎng wǎng zhèng shì què bǎo gāo jīng jiǎn shí yàn shù jù kě fù xiàn de guān jiàn suǒ zài.

Các bước thực nghiệm thoạt nhìn có vẻ rườm rà phức tạp bề ngoài chưa hẳn đã là dư thừa, mà thông thường đó chính là mấu chốt then chốt bảo đảm số liệu thực nghiệm tinh vi có thể tái lập chuẩn xác.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: **VỊ TẤT**

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1003

**未来**

wèi lái

tương lai, mai sau

把握新一轮科技革命与产业变革的重大历史机遇, 才能在塑造未来全球创新版图中赢得战略主动。

Bǎ wò xīn yī lún kē jì gé mìng yǔ chǎn yè biàn gé de zhòng dà lì shǐ jī yù, cái néng zài sù zào wèi lái quán qiú chuàng xīn bǎn tú zhōng yíng dé zhàn lüè zhǔ dòng.

Nắm bắt cơ hội lịch sử trọng đại của làn sóng cách mạng khoa học công nghệ và chuyển đổi công nghiệp mới mới có thể giành thế chủ động chiến lược trong việc định hình bản đồ đổi mới sáng tạo tương lai của thế giới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **VỊ LAI**

HSK 5

Danh từ

#1004

**卫生间**

wèi shēng jiān

nhà vệ sinh, phòng vệ sinh, toilet

现代化高铁车站与大型国际机场全面配备了无障碍第三卫生间与母婴室, 细节处尽显人性化关怀。

Xià dài huà gāo tiě chē zhàn yǔ dà xíng guó jì jī chǎng quán miàn pèi bèi liáo wú zhàng ài dì sān wèi shēng jiān yǔ mǔ yīng shì, xì jié chù jìn xiǎn rén xìng huà guān huái.

Các nhà ga tàu cao tốc hiện đại cùng sân bay quốc tế quy mô lớn đều được trang bị đầy đủ nhà vệ sinh không rào cản dành cho người khuyết tật và phòng chăm sóc mẹ và bé, từng chi tiết nhỏ đều toát lên sự quan tâm nhân văn sâu sắc.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: **VỆ SINH GIAN**

HSK 5

Tính từ / Động từ / Danh từ

#1005

**温暖**

wēn nuǎn

ấm áp, ấm lòng; sưởi ấm

社区志愿服务者在严冬腊月为孤寡老人送去热气腾腾的爱心水饺与棉衣, 让老人感受到了融融的社会大家庭温暖。

Shè qū zhì yuàn fú wù zhě zài yán dōng là yuè wèi gū guǎ lǎo rén sòng qù rè qì téng téng de ài xīn shuǐ jiǎo yǔ mián yī, ràng lǎo rén gǎn shòu dào le róng róng de shè huì dà jiā tíng wēn nuǎn.

Các tình nguyện viên dịch vụ khu dân cư trong những ngày đông giá rét tháng Chạp đã mang những đĩa sủi cảo chan chứa tình yêu thương nóng hổi cùng áo bông ấm áp đến tận tay các cụ già neo đơn, giúp các cụ cảm nhận được hơi ấm chan hòa của đại gia đình xã hội.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: **ÔN NOǺN**

HSK 5

Tính từ

#1006

**温柔**

wēn róu

dịu dàng, hiền dịu, nhẹ nhàng

春风温柔地拂过绿意盎然的田野山峦, 唤醒了沉睡一冬的万物生灵, 处处生机勃勃。

Chūn fēng wēn róu dì fú guò lǜ yì àng rán de tián yě shān luán, huàn xǐng le chén shuì yí dōng de wàn wù shēng líng, chù chù shēng jī bó bó.

Làn gió xuân dịu dàng mơn man qua khắp cánh đồng núi non ngập tràn sắc xanh non, đánh thức vạn vật muôn loài sau giấc ngủ đông dài, nơi nơi bừng lên sức sống dạt dào.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **ÔN NHU**

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1007

**闻**

wén

ngửi; nghe thấy; tin tức, danh tiếng

漫步在盛开的江南十里荷花池畔, 迎面能闻到一阵阵沁人心脾、清雅怡人的荷花幽香。

Màn bù zài shèng kāi de jiāng nán shí lǐ hé huā chí pàn, yíng miàn néng wén dào yí zhèn zhèn qīn rén xīn pǐ, qīng yǎ yí rén de hé huā yōu xiāng.

Dạo bước bên bờ đầm sen nở rộ vùng Giang Nam, đón gió người ta có thể ngửi thấy từng làn hương sen thanh khiết tạo nên thơm mát ngọt ngào làm sáng khoai tận tâm can.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: **VĂN**

HSK 5

Danh từ

#1008

**文件**

wén jiàn

văn bản, tài liệu, tệp tin (file)

在分布式云存储协同办公平台上, 项目组成员可以实时在线多人协同编辑大型工程技术规范设计文件。

Zài fēn bù shì yún cún chú xié tóng bàn gōng píng tái shàng, xiàng mù zǔ chéng yuán kě yǐ shí shí zài xiàn duō rén xié tóng biān jí dà xíng gōng téng chéng jì shù guī fàn shè jì wén jiàn.

Trên nền tảng văn phòng cộng tác đám mây phân tán, các thành viên trong nhóm dự án có thể cùng nhau chỉnh sửa trực tuyến theo thời gian thực các tập tin tài liệu thiết kế quy chuẩn kỹ thuật công trình quy mô lớn.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **VĂN KIẾN**

HSK 5

Danh từ

#1009

**文具**

wén jù

văn phòng phẩm, đồ dùng học tập

在每学期开学伊始, 青年志愿者团队都会为山区希望小学的孩子送去崭新实用的书包、文具盒与彩笔等文具套装。

Zài měi xué qī kāi xué yǐ shǐ, qīng nián zhì yuàn zhě tuán duì dū huì wèi shān qū xī wàng xiǎo xué de hái zǐ men sòng qù zhǎn xīn shí yòng de shù bāo, wén jù hé yǔ cǎi bǐ děng wén jù tào zhuāng.

Vào mỗi dịp đầu năm học mới, đội tình nguyện viên trẻ đều gửi tặng các em nhỏ trường tiểu học hy vọng miền núi những bộ đồ dùng học tập mới tinh thiết thực như cặp sách, hộp bút và bút màu.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: **VĂN CỤ**

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1010

**文明**

wén míng

văn minh, nền văn minh; lịch sử

中华文明是世界上唯一自古延续至今从未中断的伟大文明, 具有突出的连续性、创新性、统一性与包容性。

Zhōng huá wén míng shì shì jiè shàng wéi yī zì gǔ yǎn xù zhì jīn cǒng wèi zhōng duàn de wéi dà wén míng, jù yǒu tú chū de lián xù xìng, chuàng xīn xìng, tǒng yī xìng yǔ bāo róng xìng.

Văn minh Trung Hoa là nền văn minh vĩ đại duy nhất trên thế giới kéo dài từ thời cổ đại đến nay chưa bao giờ bị đứt gãy, sở hữu tính liên tục, tính sáng tạo, tính thống nhất và tính bao dung nổi bật.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: **VĂN MINH**



HSK 5

Danh từ

#1011

# 文学

wén xué

văn học

优秀的经典文学作品不仅具有高度的审美艺术价值，更能够跨越时空阻隔直抵人类灵魂深处。

Yōu xiù de jīng diǎn wén xué zuò pīn bù jìn jù yǒu gāo dù de shēn měi yì shù jià zhí, gèng néng gāo kuà yuē shí kōng zú gé zhí dī rén lèi lín g hún shēn chù.

Những tác phẩm văn học kinh điển xuất sắc không chỉ sở hữu giá trị nghệ thuật thẩm mỹ đỉnh cao mà còn có thể vượt qua mọi rào cản thời gian và không gian chạm tới sâu thẳm tâm hồn nhân loại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : VĂN HỌC

HSK 5

Động từ

#1012

# 吻

wěn

hôn

老师鼓励大家积极吻，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí wěn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hôn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : VẤN

HSK 5

Tính từ / Động từ / Danh từ

#1013

# 稳定

wěn dìng

ổn định, vững vàng; làm ổn định

保持宏观经济大盘与金融体系平稳健康运行，是有效抵御外部风险冲击、保障社会大局和谐稳定的基本前提。

Bǎo chí hóng guān jīng jì dà pán yǔ jīn róng tǐ xì píng wěn jiàn kāng yùn xíng, shì yǒu xiào dǐ yù wài bù fēng xiǎn chōng jī, bǎo zhàng shè huì dà jú hé xié wěn dìng de jī běn qián tí.

Duy trì đại cục kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính vận hành ổn định khỏe mạnh là tiền đề cơ bản để phòng ngừa hiệu quả các cú sốc rủi ro từ bên ngoài và bảo đảm đại cục xã hội hài hòa vững chắc.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : ỔN ĐỊNH

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1014

# 问候

wèn hòu

thăm hỏi, gửi lời chào hỏi, chúc sức khỏe

新春佳节来临之际，国家领导人深入基层看望慰问一线辛勤值守的工作人员并致以诚挚亲切的节日问候。

Xīn chūn jiā jié lái lín zhī jì, guó jiǎ líng dǎo rén shēn rù jī céng kàn wàng wèi wèn yì xiàn xīn qín zhī shǒu de gōng zuò rén yuán bìng zhì yǐ chéng zhì qīn qiè de jié rì wèn hòu.

Nhân dịp Tết cổ truyền đến gần, các đồng chí lãnh đạo Nhà nước đã đi sâu xuống cơ sở thăm hỏi động viên các cán bộ nhân viên đang miệt mài ứng trực tuyến đầu và gửi tới họ những lời chúc mừng thăm hỏi ân cần chân thành nhất.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : VĂN HẬU

HSK 5

Danh từ

#1015

# 卧室

wò shì

phòng ngủ

主卧室朝向正南，明媚柔和的自然阳光透过双层隔音断桥铝落地窗洒满房间，显得格外温馨惬意。

Zhǔ wò shì cháo xiàng zhèng nán, míng mèi róu hé de zì rán yáng guāng tòu guò shuāng céng gé yīn duàn qiáo lǔ luò dì chuāng sǎ mǎn fáng jiān, xiǎn de gé wài wēn xīn qiè yì.

Phòng ngủ chính quay về hướng chính Nam, ánh nắng tự nhiên ấm áp dịu dàng chiếu rọi qua cửa sổ sát đất bằng nhôm cách âm hai lớp tràn ngập căn phòng, toát lên vẻ ấm cúng và vô cùng thư thái.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : NGỌA THẤT

HSK 5

Danh từ

#1016

# 屋子

wū zi

căn phòng, căn nhà, gian phòng

冬日午后，一家人围坐在温暖的炭火壁炉旁喝茶读书，整个屋子里洋溢着浓浓的幸福温馨气氛。

Dōng rì wū hòu, yī jiā rén wéi zuò zài wēn nuǎn de tàn huǒ bì lú páng he chá dú shū, zhěng jiān wū zi lǐ yáng yì zhe nóng nóng de xìng fú wēn xīn qì fēn.

Buổi chiều mùa đông, cả gia đình quây quần bên bếp sưởi than ấm áp vừa thưởng trà vừa đọc sách, khắp gian phòng ngập tràn bầu không khí hạnh phúc ấm áp đậm đà.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : ỐC TỬ

HSK 5

Tính từ / Liên từ

#1017

# 无奈

wú nài

bất đắc dĩ, đành chịu; nhưng mà

面对不可抗力的极端恶劣暴风雨天气，组委会虽然深感无奈，但为了确保全体参赛选手的绝对生命安全只能宣布推迟比赛。

Miàn duì bù kě kàng lì de jī duān è liè bào fēng yǔ tiān qì, zǔ wěi huì suī rán shēn gǎn wú nài, dàn wèi le què bǎo quán tǐ ān quán shēng mǐng de jué duì shēng mìng ān quán zhǐ néng xuān bù chí chí bǐ sài.

Đứng trước điều kiện thời tiết đồng bão khắc nghiệt bất khả kháng, ban tổ chức tuy cảm thấy vô cùng bất đắc dĩ nhưng vì sự an toàn tính mạng tuyệt đối của toàn thể vận động viên chỉ đành tuyên bố hoãn ngày thi đấu.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : VÔ NẠI

HSK 5

Tính từ

#1018

# 无数

wú shù

vô số, vô vàn, không đếm xuể

一代代功勋科学家与工程技术人员付出了无数辛勤的心血与汗水，铸就了今天中国大国重器的辉煌奇迹。

Yí dài dài gōng xūn kē xué jiā yǔ gōng chéng jì yǐ shù rén yuán fù chū liáo wú shù xīn qín de xīn xuè yǔ hàn shuǐ, zhù jiù le jīn tiān zhōng guó dà guó zhòng qì de huī huáng qí jì.

Bao thế hệ nhà khoa học có công lớn và cán bộ kỹ thuật công trình đã đổ biết bao mồ hôi và tâm huyết vô vàn, đúc kết nên kỳ tích rực rỡ của những đại thiết bị công trình trọng đại của đất nước hôm nay.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : VÔ SỐ

HSK 5

Danh từ

#1019

# 武器

wǔ qì

vũ khí, trang bị chiến đấu

先进的科学理论与过硬的技术本领，是当代青年科技人才投身国家高水平科技自立自强最强大的思想武器。

Xiān jìn de kē xué lǐ lùn yǔ guò yìng de jì shù běn lǐng, shì dāng dài qīng nián kē jì rén cái tóu shēn guó jiā gāo suǒ pǐng kē jì zì lì zì qiáng zuì qiáng dà de sī xiǎng wǔ qì.

Lý luận khoa học tiên tiến cùng tay nghề kỹ thuật vượt trội là vũ khí tư tưởng mạnh mẽ nhất để các tài năng khoa học trẻ đương đại dẫn thân phụng sự sự nghiệp tự chủ tự cường công nghệ đỉnh cao của đất nước.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : VŨ KHÍ



HSK 5

Danh từ

#1020

## 武术

wǔ shù

võ thuật, võ học Trung Hoa

中华传统武术不仅注重强身健体与防身技击，更蕴含着“厚德载物、止戈为武”的深厚东方哲学与武德精神。

Zhōng huá chuán tǒng wǔ shù bù jǐn zhòng qiáng shēn jiàn tǐ yǔ fáng shēn jī jī, gèng yùn hán zhe "hòu dé zài wù, zhǐ gē wéi wǔ" de shēn hòu dōng fāng zhé xué yǔ wǔ dé jīng shén.

Võ thuật truyền thống Trung Hoa không chỉ chú trọng rèn luyện thân thể cường tráng và kỹ năng phòng thân chiến đấu, mà hơn thế nữa còn chứa đựng triết lý phương Đông sâu sắc và tinh thần võ đức 'Lấy đức dày chở vật, dừng can qua mới là thượng võ'.

25 nét

HÁN VIỆT: VÕ THUẬT

HSK 5

Động từ

#1021

## 雾

wù

sương mù

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地雾。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì wù.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách sương mù một cách tốt hơn.

8 nét

HÁN VIỆT: VỤ

HSK 5

Danh từ

#1022

## 物理

wù lǐ

vật lý, môn Vật lý, nguyên lý vật lý

量子物理与凝聚态物理前沿基础理论的重大突破，为新一代超导量子计算机与拓扑量子器件研发奠定了科学基石。

Liàng zǐ wù lǐ yǔ níng jù tài wù lǐ qián yán jī chǔ lǐ lùn de zhòng dà tū pò, wéi xīn yí dài chāo dǎo liàng zǐ jì suàn jī yǔ tuō pǔ liàng zǐ qì jiàn yán fā diàn dīng le kē xué jī shí.

Những bước đột phá trọng đại về lý luận cơ bản tiên phong trong vật lý lượng tử và vật lý chất rắn ngưng tụ đã đặt viên đá tảng khoa học cho việc nghiên cứu phát triển máy tính lượng tử siêu dẫn và linh kiện lượng tử tổ-pô thế hệ mới.

18 nét

HÁN VIỆT: VẬT LÝ

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1023

## 物质

wù zhì

vật chất

在追求充裕丰富的物质文明生活的同时，必须大力推进精神文明建设，促进人的全面协调发展。

Zài zhuī qiú chōng yù fēng fù de wù zhì wén míng shēng huó de tóng shí, bì xū dà lì tuī jìn jīng shén wén míng jiàn shè, cù jìn rén de quán miàn xié tiáo fā zhǎn.

Trong khi theo đuổi đời sống văn minh vật chất phong phú sung túc, nhất thiết phải đẩy mạnh xây dựng văn minh tinh thần, thúc đẩy con người phát triển toàn diện và hài hòa.

19 nét

HÁN VIỆT: VẬT CHẤT

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1024

## 吸收

xī shōu

hấp thu, hấp thụ, tiếp thu; thu nạp

新型高效钙钛矿太阳能电池材料具备极宽的光谱吸收范围与优异的光电能量转换效率。

Xīn xíng gāo xiào gài tài kuàng tài yáng néng diàn chí cái liào jù bèi jī kuān de guāng pǔ xī shōu fàn wéi yǔ yōu yì de guāng diàn néng liàng zhuǎn huàn xiào lǜ.

Loại vật liệu pin mặt trời perovskite hiệu năng cao thế hệ mới sở hữu dải hấp thụ quang phổ cực rộng cùng hiệu suất chuyển đổi quang năng thành điện năng xuất sắc.

19 nét

HÁN VIỆT: HẤP THU

HSK 5

Động từ

#1025

## 系

xì

khoa

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地系。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì xì.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách khoa một cách tốt hơn.

13 nét

HÁN VIỆT: HỆ

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1026

## 系统

xì tǒng

hệ thống; có tính hệ thống

该国家级重大战略工程全面采用了全自主可控的分布式实时高可靠操作系统与核心芯片架构。

Gāi guó jiā zhòng dà zhàn lüè gōng chéng quán miàn cǎi yòng le quán zì zhǔ kě kòng de fēn bù shí shí shí gāo kě kào cāo zuò xì tǒng yǔ hé xīn xīn piàn jià gòu.

Đại dự án chiến lược cấp quốc gia này đã áp dụng toàn diện hệ điều hành thời gian thực độ tin cậy cao phân tán cùng kiến trúc chip cốt lõi hoàn toàn tự chủ tự kiểm soát.

27 nét

HÁN VIỆT: HỆ THỐNG

HSK 5

Danh từ

#1027

## 细节

xì jié

chi tiết, tiểu tiết

天下大事必作于细；在大飞机总装集成制造中，必须以极致严谨的匠心把控好每一个细微的装配细节。

Tiān xià dà shì bì zuò yú xì; zài dà fēi jī zǒng zhuāng jí chéng zhì zào zhōng, bì xū yǐ jí zhì yán jīn de jiàng xīn bǎ kòng hǎo měi yí gè xì wēi de zhuāng pèi xì jié.

Việc lớn trong thiên hạ ắt phải làm từ những điều tỉ mỉ nhỏ bé nhất; trong công tác tổng lắp ráp chế tạo máy bay chở khách cỡ lớn, nhất thiết phải lấy tâm thế người thợ thủ công chuẩn mực nghiêm ngặt tuyệt đối để kiểm soát từng chi tiết lắp ráp tinh vi nhất.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TIẾT

HSK 5

Danh từ

#1028

## 戏剧

xì jù

sân khấu kịch, hí kịch, kịch nghệ

京剧、昆曲等中国传统经典戏剧艺术形式，在现代数字多媒体声光电舞台技术的赋能下焕发出璀璨新生。

Jīng jù, kūn qǔ děng zhōng guó chuán tǒng jīng diǎn xì jù yì shù xíng shì, zài xiàn dài shù zì duō mí tiē shēng guāng diàn wǔ tái jì shù de fù néng xià huàn fā chū cǎn cǎn xīn shēng.

Các loại hình nghệ thuật kịch nghệ cổ điển truyền thống Trung Hoa như Kinh kịch, Côn khúc dưới sự trợ lực của công nghệ sân khấu âm thanh ánh sáng đa phương tiện kỹ thuật số hiện đại đã bùng lên sức sống mới rực rỡ chói lọi.

21 nét

HÁN VIỆT: HÍ KỊCH



HSK 5

Động từ

#1029

瞎  
xiā

mù

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地瞎。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de xiā.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách mù một cách tốt hơn.

10 nét

HÁN VIỆT: HẠT

HSK 5

Động từ

#1030

吓  
xià

dọa, làm sợ hãi, giật mình

中华民族历经五千多年风雨沧桑，任何外部极限施压与霸凌威胁都绝不可能把坚韧顽强的中国人民吓倒。

Zhōng huá mín zú lì jīng wǔ qiān duō nián fēng yǔ cāng sāng, rèn hé wài bù jí xiàn shī yā yǔ bà líng wēi xié dòu jué bù kě néng bǎ jiān rèn wán qiáng de zhōng guó rén mín xià dǎo.

Dân tộc ta đã trải qua hơn 5.000 năm mưa gió thăng trầm của lịch sử, bất kỳ sự chèn ép cực hạn và đe dọa bá quyền nào từ bên ngoài cũng tuyệt đối không thể nào làm cho nhân dân kiên cường bất khuất khiếp sợ chùn bước.

13 nét

HÁN VIỆT: HÁCH

HSK 5

Động từ

#1031

下载  
xià zài

tải xuống, download

在千兆高速光纤与第五代移动通信技术普及后，用户只需数秒即可完成数吉字节高清科学数据集的极速下载。

Zài qiān zhāo gāo sù guāng xiān yǔ dì wǔ dài yí dòng tōng xìn jì shù pǔ jí hòu, yòng hù zhǐ xū shù miǎo jǐ kè wán chéng shù jǐ zì jié gāo qīng kē xué shù jù jí de jí sù xià zài.

Sau khi mạng cáp quang tốc độ cao Gigabit và công nghệ thông tin di động 5G được phổ cập, người dùng chỉ mất vài giây là có thể hoàn tất việc tải xuống siêu tốc các bộ dữ liệu khoa học độ nét cao dung lượng hàng Gigabyte.

21 nét

HÁN VIỆT: HẠ TÀI

HSK 5

Tính từ

#1032

鲜艳  
xiān yàn

tươi thắm, rực rỡ, sặc sỡ (màu sắc)

金秋十月天安门广场上五星红旗迎风飘扬，大型花坛里数十万盆鲜艳夺目的鲜花竞相绽放，美不胜收。

Jīn qiū shí yuè tiān ān mén guǎng chǎng shàng wǔ xīng hóng qí yíng fēng piāo yáng, dà xíng huā tán lǐ shù shí wàn pén xiān yàn duó mù de xiān huà jīng xiāng zhàn fàng, měi bù shèng shōu.

Tháng Mười mùa thu vàng trên Quảng trường Thiên An Môn lá cờ đỏ năm sao tung bay phấp phật trước gió, trong các bồn hoa đại cảnh hàng chục vạn chậu hoa tươi thắm rực rỡ sắc màu đua nhau khoe sắc, đẹp không sao kể xiết.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỀN ĐIỂM

HSK 5

Động từ

#1033

显得  
xiǎn de

trông có vẻ, lộ rõ vẻ, tỏ ra

在古色古香的红木书桌上摆放一盏暖色调的护眼复古铜灯，让整个书房显得格外静谧雅致、温馨舒适。

Zài gǔ sè gǔ xiāng de hóng mù shū zhuō shàng bǎi fàng yì zhǎn nuǎn sè diào de hù yǎn fù gǔ tóng dēng, ràng zhěng gè shū fáng xiǎn de gé wài jìng mì yǎ zhì, wēn xīn shū shì.

Đặt một chiếc đèn đồng cổ chống mỏi mắt ánh sáng ấm áp trên chiếc bàn học gỗ gụ cổ kính tạo nhã khiến toàn bộ phòng đọc sách lộ rõ vẻ tĩnh lặng thanh tao, ấm cúng và vô cùng dễ chịu.

23 nét

HÁN VIỆT: HIỂN ĐẮC

HSK 5

Phó từ / Tính từ

#1034

显然  
xiǎn rán

rõ ràng, hiển nhiên, thấy rõ

对比多轮独立盲测实验数据，该新型固态电池在零下四十度极寒环境下的放电效率显然大幅领先传统锂电池。

Duì bǐ duō lún dú lì máng cè shí yàn shù jù, gāi xīn xíng gù tài diàn chí zài líng xià sì shí dù jí hán huán jīng xià de fàng diàn xiào lǜ xiǎn rán dà fú lǐng xiān chuán tǒng lí diàn chí.

Đối chiếu số liệu từ nhiều vòng thử nghiệm mù độc lập, hiệu suất phóng điện của loại pin thể rắn mới này trong môi trường cực lạnh âm 40 độ rõ ràng vượt xa hoàn toàn so với pin lithium truyền thống.

19 nét

HÁN VIỆT: HIỂN NHIÊN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1035

显示  
xiǎn shì

hiển thị, cho thấy, biểu thị

国家统计局最新发布的宏观经济运行数据显示，我国高技术制造业增加值保持强劲的两位数增长势头。

Guó jiā tóng jì jù zuì xīn fā bù de hóng guān jīng jì yùn xíng shù jù xiǎn shì, wǒ guó gāo jì zhì zào yè zēng jiǎ zhǐ báo chí qiáng jīng de liǎng wèi shù zēng zhǎng shì tóu.

Số liệu vận hành kinh tế vĩ mô mới nhất do Cục Thống kê Quốc gia công bố cho thấy, giá trị gia tăng ngành chế tạo công nghệ cao của nước ta tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai con số mạnh mẽ.

20 nét

HÁN VIỆT: HIỂN THỊ

HSK 5

Động từ

#1036

县  
xiàn

Quận

老师鼓励大家积极县，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Quận, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: HUYỆN

HSK 5

Danh từ

#1037

现金  
xiàn jīn

tiền mặt

为了保障老年群体与外籍来华人员的多元支付权益，各类大型商超与医院窗口均保留了现金找零服务通道。

Wèi le bǎo zhàng lǎo nián qún tǐ yǔ wài jī lái huá rén yuán de duō yuán zhī fù quán yì, gè lèi dà xíng shāng chāo yǔ yī yuán chuāng kǒu jūn bǎo liú le xiàn jīn zhǎo líng fú wù tǒng dào.

Nhằm bảo đảm quyền lợi thanh toán đa dạng của người cao tuổi và du khách nước ngoài đến Trung Quốc, các siêu thị lớn và quầy bệnh viện đều duy trì các làn dịch vụ thanh toán và thối lại tiền mặt.

27 nét

HÁN VIỆT: HIỆN KIM



HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1038

# 现实

xiàn shí

hiện thực, thực tế; thực tế

青年人既要仰望星空树立远大的理想抱负，更要脚踏实地直面现实、在平凡岗位上踏实苦干。

Qīng nián rén jì yào yǎng wàng xīng kōng shù lì yuǎn dà de lǐ xiǎng bào fù, gèng yào jiǎo tà dì miàn xiàn shí, zài píng fán gǎng wèi shàng tà shí kǔ gàn.

Thanh niên vừa phải ngược nhìn bầu trời sao để nuôi dưỡng lý tưởng hoài bão lớn lao, lại càng phải kiên định bám rễ thực tế đối diện với hiện thực, miệt mài làm việc thực chất nơi vị trí công tác bình dị.

26 nét

HÁN VIỆT: HIỆN THỰC

HSK 5

Danh từ

#1039

# 现象

xiàn xiàng

hiện tượng

物理学家通过超高真空扫描隧道显微镜，首次在实验中直接观测到了分数量子反常霍尔效应的微观物理现象。

Wú lǐ xué jiǎ tōng guō chāo gāo zhēn kōng sǎo miǎo suī dào xiān wēi jīng, shǒu cì zài shí yàn zhōng zhí jiē guān cè dào le fēn shù liàng zǐ fǎn cháng huò ěr xiào yīng de wēi guān wú lǐ xiàn xiàng.

Các nhà vật lý học thông qua kính hiển vi quét chui hầm chân không siêu cao lần đầu tiên quan sát trực tiếp được hiện tượng vật lý vi mô của hiệu ứng Hall dị thường phân số lượng tử trong thực nghiệm.

28 nét

HÁN VIỆT: HIỆN TƯỢNG

HSK 5

Động từ

#1040

# 相处

xiāng chǔ

chung sống, đối đãi, hòa hợp với nhau

在多元文化交融的国际青年学者公寓里，来自不同国家的同学们相互尊重、包容互助，相处得十分融洽。

Zài duō yuán wén huà jiāo róng de guó jì qīng xué zhě gōng yù lǐ, lái zì bù tóng guó jiā de xué shēng men xiāng hù zūn zhòng, bāo róng hù zhù, xiāng chǔ dé shí fēn róng qià.

Bên trong khu căn hộ học giả trẻ quốc tế nơi giao thoa nhiều nền văn hóa, các bạn sinh viên đến từ nhiều quốc gia luôn tôn trọng lẫn nhau, bao dung tương trợ và chung sống vô cùng hòa thuận.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG XỬ

HSK 5

Phó từ

#1041

# 相当

xiāng dāng

Khá

掌握好“相当”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “xiāng dāng” de yòng fǎ, néng ràng zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “相当” (Khá) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

23 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ĐƯƠNG

HSK 5

Tính từ / Phó từ / Động từ

#1042

# 相对

xiāng duì

tương đối; đối diện, đối chiếu

虽然外部宏观经贸环境充满不确定性，但我国超大规模国内市场依然展现出了极强的相对竞争优势与韧性。

Suī rán wài bù hóng guān jīng mào huán jīng chōng mǎn bù què dìng xìng, dàn wǒ guó chāo dà guī mó nèi shì chǎng yī rán zhǎn xiǎn chū le jí qiáng de xiāng duì jìng zhēng yōu shì yǔ rèn xìng.

Mặc dù môi trường kinh tế thương mại vi mô bên ngoài ngập tràn những yếu tố khó đoán định, nhưng thị trường nội địa siêu quy mô của nước ta vẫn thể hiện ưu thế cạnh tranh và sức chống chịu tương đối vượt trội.

26 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ĐỐI

HSK 5

Động từ / Tính từ / Danh từ

#1043

# 相关

xiāng guān

liên quan, có quan hệ mật thiết

科技部联合教育部与工信部等相关职能部门，共同出台了支持青年科研人员挑大梁的重磅实施方案。

Kē jì bù lián hé jiàoyù yǔ bō yǐng gōng xìn bù děng xiāng guān zhǐ néng bù mén, gòng tóng chū tái le zhī chí qīng nián kē yán rén yuán tiāo dà liáng de zhòng bàng shí shī fāng àn.

Bộ Khoa học Công nghệ phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Bộ Công nghiệp Thông tin cùng các ban ngành chức năng liên quan đã ban hành đề án thực thi mang tính bước ngoặt hỗ trợ các nhà nghiên cứu trẻ gánh vác trọng trách lớn.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG QUAN

HSK 5

Tính từ

#1044

# 相似

xiāng sì

tương tự, giống nhau, na ná

这两套复杂的工业软件算法在底层数学逻辑上虽然高度相似，但在极端高并发场景下的吞吐性能表现差异显著。

Zhè liǎng tào fù zá de gōng yè yě suàn fǎ zài dǐ céng shù xué luó jí shàng suī rán gāo dù xiāng sì, dàn zài jí duān gāo bìng fā chǎng jǐng xià de tǔn tǔ xìng néng biǎo xiàn chā yì xīng zhù.

Hai bộ thuật toán phần mềm công nghiệp phức tạp này ở logic toán học tầng dưới tuy tương tự nhau cao độ, nhưng trong các kịch bản chịu tải đồng thời cực lớn thì hiệu năng thông lượng thể hiện sự khác biệt vô cùng rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TỰ

HSK 5

Động từ

#1045

# 想念

xiǎng niàn

nhớ

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地想念。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de xiǎng niàn.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách nhớ một cách tốt hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG NIỆM

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1046

# 想象

xiǎng xiàng

tưởng tượng, hình dung; trí tưởng tượng

爱因斯坦曾说过，想象力比知识更重要，因为知识是有限的，而想象力概括着世界上的一切并推动着科学进步。

Ài yīn sī tán céng suǒ guo, xiǎng xiàng lì bǐ zhī shí gēng zhòng yào, yīn wèi zhī shí shì yǒu xiàn de, ér xiǎng xiàng lì gài kuò zhe shì jiè shàng de yī qiè bǐng tuī dòng zhe kē xué jìn bù.

Albert Einstein từng nói: 'Trí tưởng tượng quan trọng hơn trí thức, bởi vì trí thức là có hạn, trong khi trí tưởng tượng bao quát mọi thứ trên đời và thúc đẩy khoa học tiến bộ'.

26 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TƯỢNG


**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1047

# 享受

**xiǎng shòu**

hưởng thụ, tận hưởng; sự thụ hưởng

在风景如画的生态湿地公园里泛舟湖上、聆听鸟鸣，是一种远离城市喧嚣、洗涤心灵的极致美好享受。

Zài fēng jǐng rú huà de shēng tài shí dì gōng yuán lǐ fàn zhōu hú shàng, líng tīng niǎo míng, shì yí zhòng yuán lí chéng shì xuān xiǎo, xǐ dí xīn líng de jí zhì měi hǎo xiǎng shòu.

Chèo thuyền trên mặt hồ trong công viên đất ngập nước sinh thái đẹp như tranh vẽ, lắng nghe tiếng chim hót líu lo là một sự tận hưởng tuyệt mỹ rời xa ồn ào phố thị để gột rửa tâm hồn.

17 nét

HÁN VIỆT: HƯỞNG THỤ

**HSK 5**

Động từ

#1048

# 项

**xiàng**

mục

老师鼓励大家积极项，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mục, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: HẠNG

**HSK 5**

Danh từ

#1049

# 项链

**xiàng liàn**

dây chuyền, vòng cổ

非遗老银匠选用高纯度纯银，手工打磨篆刻出一条条纹饰古朴精美、寓意吉祥安康的传统银项链。

Fēi yí lǎo yín jiàng xuǎn yòng gāo chún dù chún yín, shǒu gōng dǎ mó zàn kè chú yì xiǎo tiáo wén shì gū piáo jīng měi, yù yì jí xiáng ān kāng de chuán tǒng yín xiàng liàn.

Người thợ bạc di sản phi vật thể lâu năm đã tuyển chọn bạc nguyên chất độ tinh khiết cao, đánh bóng chạm khắc thủ công từng chiếc dây chuyền bạc truyền thống có hoa văn cổ kính tinh mỹ mang ý nghĩa cát tường bình an.

23 nét

HÁN VIỆT: HẠNG LIÊN

**HSK 5**

Danh từ

#1050

# 项目

**xiàng mù**

dự án, hạng mục, đề án

国家重大科技攻关专项项目正式启动，旨在全面突破高端工业母机核心零部件的技术瓶颈。

Guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān zhuān xiàng xiàng mù zhèng shì qǐ dòng, zhǐ zài quán miàn tū pò gāo duān gōng yè mǔ jī hé xīn bù piàn jī shù píng jīng.

Dự án chuyên đề nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm cấp quốc gia đã chính thức khởi động, nhằm mục đích tạo đột phá toàn diện các nút thắt cổ chai kỹ thuật linh kiện cốt lõi của máy công cụ đầu ngành cao cấp.

20 nét

HÁN VIỆT: HẠNG MỤC

**HSK 5**

Danh từ

#1051

# 橡皮

**xiàng pí**

cục tẩy, gôm tẩy; cao su

建筑学专业学生在手绘工程草图时，常备一支柔软无屑的美术专用铅笔橡皮以随时精准修改线条。

Jiàn zhù xué zhuān yè xué shēng zài shǒu huì gōng chéng cǎo tú shí, cháng bèi yí zhī róu ruǎn wú xiè de měi shù zhuān yòng qiān bǐ xiàng pí yǐ suí shí jīng zhǔn xiū gǎi xiàn tiáo.

Sinh viên chuyên ngành Kiến trúc khi vẽ tay các bản thảo phác thảo công trình luôn mang theo một cục tẩy bút chì chuyên dụng mỹ thuật mềm mịn không vụn để có thể chỉnh sửa đường nét chuẩn xác mọi lúc.

21 nét

HÁN VIỆT: TƯỢNG BÌ

**HSK 5**

Danh từ

#1052

# 象棋

**xiàng qí**

cờ tướng

中国象棋蕴含着“运筹帷幄、楚河汉界”的深厚东方兵法智慧与博弈哲学，深受各年龄段棋迷喜爱。

Zhōng guó xiàng qí yùn hán zhe "yùn chóu wéi wò, chǔ hé hàn jiè" de shēn hòu dōng fāng bīng fǎ zhì huì yǔ bó yì zhé xué, shēn shòu gè nián líng qián mí xǐ ài.

Cờ tướng Trung Hoa chứa đựng trí tuệ binh pháp phương Đông sâu sắc và triết lý đấu trí 'Bảy mưu lập kế, ranh giới Sở Hà Hán Giới', được đông đảo người yêu cờ mọi lứa tuổi vô cùng say mê.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯỢNG QÍ

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1053

# 象征

**xiàng zhēng**

tượng trưng, biểu tượng

巍峨耸立的万里长城不仅是中华民族坚韧不拔精神的象征，更是人类建筑史上的伟大历史奇迹。

Wēi é sǒng lì de wàn lǐ cháng chéng bù jīn shì zhōng huá mín zú jiān rèn bù bá jīng shén de xiàng zhēng, gèng shì rén lèi jiàn zhù shǐ shàng de wēi dà lì shǐ qí jì.

Vạn Lý Trường Thành sừng sững uy nghiêm không chỉ là biểu tượng cho tinh thần kiên cường bất khuất của dân tộc, mà còn là kỳ tích lịch sử vĩ đại trong lịch sử kiến trúc của nhân loại.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯỢNG CHINH

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1054

# 消费

**xiāo fèi**

tiêu dùng, chi tiêu; sức tiêu dùng

数字消费、绿色消费与健康消费等新型消费模式蓬勃兴起，持续激发了国内消费市场的巨大潜能。

Shù zì xiāo fèi, lǜ sè xiāo fèi yǔ jiàn kāng xiāo fèi děng xīn xíng xiāo fèi mó shì péng bó xīng qǐ, chí xù jī fā le guó nèi xiāo fèi shì chǎng de jù dà qián néng.

Các mô hình tiêu dùng mới như tiêu dùng số, tiêu dùng xanh và tiêu dùng sức khỏe đang bùng nổ mạnh mẽ, liên tục khơi dậy tiềm năng to lớn của thị trường tiêu dùng nội địa.

26 nét

HÁN VIỆT: TIÊU PHÍ

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1055

# 消化

**xiāo huà**

tiêu hóa; hấp thu tiếp thu (kiến thức)

引进国外先进技术设备后，科研团队经过扎实的消化吸收与再创新，成功研发出了更先进的国产自主型号。

Yǐn jìn guó wài xiān jìn jī shù shè bèi hòu, kē yán tuán duì jīng guò zhā shí de xiāo huà xī shōu yǔ zài chuàng xīn, chéng gōng yán fā chū le gèng xiān jìn de guó chǎn zì zhǔ xíng hào.

Sau khi nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến từ nước ngoài, nhóm nghiên cứu qua quá trình tiếp thu tiêu hóa và đổi mới sáng tạo lại vững chắc đã phát triển thành công phiên bản tự chủ trong nước tiên tiến hơn.

25 nét

HÁN VIỆT: TIÊU HOA



HSK 5

Động từ

#1056

# 消灭

## xiāo miè

tiêu diệt, triệt tiêu, xóa bỏ

经过全党全国各族人民的共同持续奋斗，中国如期打赢脱贫攻坚战，历史性地消灭了绝对贫困问题。

Jīng guò quán dǎng quán guó gòng zú rén mín de gòng tóng chí xù fèn dòu, zhōng guó rú qī dǎ yíng tuō pín gōng jiàn zhàn, lì shǐ xìng dì xiāo miè le jué duì pín kùn wèn tí.

Trải qua sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ không ngừng của toàn Đảng và toàn dân, Trung Quốc đã đánh thắng trận chiến xóa đói giảm nghèo đúng hạn định, xóa bỏ triệt để tình trạng nghèo tuyệt đối mang ý nghĩa lịch sử.

25 nét

HÁN VIỆT: TIÊU DIỆT

HSK 5

Động từ

#1057

# 消失

## xiāo shī

biến mất, tiêu tan, mất dạng

随着清晨红日冉冉升起，笼罩在山间盆地与湖面上的浓重晨雾开始渐渐消散直至彻底消失。

Suí zhe qīng chén hóng rì rǎn rǎn shēng qǐ, lǒng zhào zài shān jiān pén dì yǔ hú miàn shàng de nóng zhòng chén wù kāi shǐ jiàn jiàn xiāo sǎn zhì zhì chē dì xiāo shī.

Cùng với mặt trời đỏ rực buổi sớm mai từ từ nhô lên, lớp sương mù dày đặc bao phủ trên thung lũng lòng chảo và mặt hồ bắt đầu dần tan biến cho đến khi biến mất hoàn toàn.

27 nét

HÁN VIỆT: TIÊU THẤT

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1058

# 销售

## xiāo shòu

tiêu thụ, bán hàng, doanh số bán lẻ

我国新能源汽车产销量已连续多年稳居全球第一，展现出强大的国际综合竞争优势与品牌影响力。

Wǒ guó xīn néng yuán qì chē chǎn xiāo liàng yǐ lián xù duō nián wěn jù quán qiú dì yī, zhǎn xiàn chū qiáng dà de guó jì zōng hé jīng zhēng yōu shì yǔ pǐn yǐng xiǎng lì.

Sản lượng sản xuất và doanh số bán ra của xe năng lượng mới nước ta đã liên tục nhiều năm đứng vững ở vị trí số một toàn cầu, thể hiện ưu thế cạnh tranh tổng hợp và sức ảnh hưởng thương hiệu quốc tế mạnh mẽ.

18 nét

HÁN VIỆT: TIÊU THỤ

HSK 5

Danh từ

#1059

# 小吃

## xiǎo chī

món ăn vặt, đồ ăn nhẹ đặc sản phố phường

古城夜市步行街上汇聚了来自全国各地的特色传统小吃，香气四溢，吸引了八方游客驻足品尝。

Gǔ chéng yè shì bù xíng jiē shàng huì jù le lái zì quán guó gè dì de tè sè chuán tǒng míng xiǎo chī, xiāng qì sì yì, xī yǐn le bā fāng yóu kè zhù zú pǐn cháng.

Phố đi bộ chợ đêm trong thành cổ quy tụ các món ăn nhẹ truyền thống đặc sản nổi tiếng đến từ khắp mọi miền đất nước, hương thơm nức mũi thu hút du khách thập phương dừng chân thưởng thức.

24 nét

HÁN VIỆT: TIỂU CẬT

HSK 5

Danh từ

#1060

# 小伙子

## xiǎo huǒ zi

chàng trai, cậu thanh niên, chàng thanh niên

这位从名牌大学毕业返乡创业的热血小伙子，利用电商直播带货成功带领全村乡亲走上了致富路。

Zhè wèi cóng míng pái dà xué bì yè fǎn xiāng chuàng yè de rè xuè xiǎo huǒ zi, lì yòng diàn shāng zhí bō dài huò chéng gōng dài lǐng quán cūn xiāng qīn zǒu shàng le zhì fù lù.

Chàng thanh niên đầy nhiệt huyết sau khi tốt nghiệp trường đại học danh tiếng đã quyết định trở về quê khởi nghiệp, tận dụng thương mại điện tử phát trực tiếp dẫn dắt bà con cả làng bước lên con đường làm giàu.

35 nét

HÁN VIỆT: TIỂU HOẢ TỬ

HSK 5

Danh từ

#1061

# 小麦

## xiǎo mài

lúa mì, cây lúa mạch

黄淮海主产区几十万亩优质强筋冬小麦长势喜人，麦浪滚滚，丰收在望。

Huáng huái hǎi zhǔ chǎn qū jǐ shí wàn mǔ yōu zhì qiáng jīn dōng xiǎo mài zhǎng shì xǐ rén, mài làng gǔn gǔn, fēng shōu zài wàng.

Hàng chục vạn mẫu lúa mì mùa đông chất lượng cao cứng hạt tại vùng sản xuất chính Hoàng Hoài Hải phát triển xanh tốt, từng đợt sóng lúa mạch dập dềnh báo hiệu một vụ mùa bội thu trước mắt.

21 nét

HÁN VIỆT: TIỂU MẠCH

HSK 5

Tính từ

#1062

# 小气

## xiǎo qì

keo kiệt

在面对复杂的挑战时，保持小气的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí xiǎo qì de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái keo kiệt đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: TIỂU KHÍ

HSK 5

Danh từ

#1063

# 小偷

## xiǎo tōu

kẻ trộm, tên trộm, quân cắp

城市智慧天网视频监控与智能AI巡检系统的全域覆盖，让各类违法犯罪分子和小偷无处遁形。

Chéng shì zhì huì tiān wǎng shì pín jiān kòng yǔ zhì néng AI xún jiǎn xì tǒng de quán yù fù gài, ràng gè lèi wéi fǎ fàn zuì fēn zǐ hé xiǎo tōu wú chù dùn xíng.

Mạng lưới giám sát video thông minh 'Thiên Vọng' cùng hệ thống tuần tra AI thông minh bao phủ toàn diện đô thị đã khiến cho các loại tội phạm và quân trộm cắp không còn nơi nào để ẩn trốn.

26 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THÊU

HSK 5

Danh từ

#1064

# 效率

## xiào lǜ

hiệu suất, năng suất, tốc độ hiệu quả

通过引入全自动无人搬运机器人与智能立体仓储调度算法，物流分拣中心的流转作业效率提升了数倍。

Tōng guò yǐn rù quán zì dòng wú rén bān yùn jī qì rén yǔ zhì néng lì tǐ cāng chū diào dù suàn fǎ, wù liú fēn jiǎn zhōng xīn de liú zhuǎn zuò yè xiào lǜ tí shēng le shù bèi.

Thông qua việc đưa robot vận chuyển tự hành hoàn toàn và thuật toán điều độ kho thông minh đa tầng vào vận hành, hiệu suất xử lý phân loại hàng hóa của trung tâm logistics đã tăng lên gấp nhiều lần.

16 nét

HÁN VIỆT: HIỆU LƯỢT


**HSK 5**

Tính từ / Động từ

#1065

# 孝顺

**xiào shùn**

hiếu thảo, hiếu kính cha mẹ

百善孝为先；在中华传统美德中，敬老爱老、孝顺体贴父母始终是衡量一个人品行道德的重要标尺。

Bǎi shàn xiào wéi xiān; zài zhōng huá chuán tǒng měi dé zhōng, jìng lǎo ài lǎo, xiào shùn tǐ tiē fù mǔ shì zhōng shì héng liáng yí gè rén pín xíng dào dé de zhòng yào biāo chǐ.

Trăm nét thiện chữ hiếu đứng đầu; trong đạo đức truyền thống tốt đẹp, kính trọng yêu thương người già và hiếu thảo chu đáo với cha mẹ luôn là thước đo quan trọng để đánh giá phẩm hạnh một con người.

20 nét

 HÁN VIỆT: **HIẾU THUẬN**
**HSK 5**

Động từ

#1066

# 歇

**xiē**

nghỉ ngơi, dừng chân nghỉ ngơi, tạm dừng

在连续徒步攀登了数小时险峻山路后，科考队员们坐在山腰的阴凉凉亭里稍作歇息、补充水分与能量。

Zài lián xù tú bù pān dēng le shù xiǎo shí xiǎn jùn shān lù hòu, kē kǎo duì yuán men zuò zài shān yāo de yīn liáng liáng tīng lǐ shāo zuò xiē xī, bǔ chōng shuǐ fēn yǔ néng liàng.

Sau khi liên tục đi bộ leo dốc trên cung đường núi hiểm trở suốt nhiều giờ, các thành viên đoàn khảo sát đã ngồi nghỉ chân đôi chút trong đình râm mát lưng chừng núi để bổ sung nước và năng lượng.

10 nét

 HÁN VIỆT: **HIỆT**
**HSK 5**

Tính từ / Động từ

#1067

# 斜

**xié**

nghiêng, dốc, chéo; nghiêng xiêu

夕阳西下，金黄色的斜阳透过高大梧桐树的枝叶缝隙洒在石板小径上，拉出长长的斑驳光影。

Xī yáng xī xià, jīn huáng sè de xié yáng tòu guò gāo dà wú tóng shù de zhī yè fèng xì sǎ zài shí bǎn xiǎo jīng shàng, lā chū cháng cháng de bān bó guāng yǐng.

Chiều tà bóng ngả, vạt nắng vàng xiên qua những khe lá của hàng cây ngô đồng cao lớn chiếu rọi trên lối đi lát đá, kéo dài những vệt sáng bóng râm loang lổ.

8 nét

 HÁN VIỆT: **TÀ**
**HSK 5**

Động từ / Tính từ

#1068

# 协调

**xié tiáo**

điều phối, phối hợp; hài hòa, nhịp nhàng

推动区域经济发展，必须充分发挥各地区比较优势，构建优势互补、高质量发展的区域经济布局。

Tuī dòng qū yù jīng jì xié tiáo fā zhǎn, bì xū chōng fèn fā huī gè dì qū bǐ jiào yōu shì, gòu jiàn yōu shì hù bù, gāo zhì liàng fā zhǎn de qū yù jīng jì bù jú.

Thúc đẩy kinh tế vùng phát triển hài hòa điều phối, bắt buộc phải phát huy trọn vẹn lợi thế so sánh của từng địa phương, xây dựng bố cục kinh tế vùng bổ trợ lợi thế cho nhau và phát triển chất lượng cao.

24 nét

 HÁN VIỆT: **HIỆP ĐIỀU**
**HSK 5**

Danh từ / Tính từ

#1069

# 心理

**xīn lǐ**

tâm lý, trạng thái tâm lý

学校设立了专业的心理健康咨询辅导中心，为面临学业压力与考前焦虑的学生提供温暖科学的心理疏导。

Xué xiào shè lì le zhuān yè de xīn lǐ jiàn kāng zī xún fǔ dǎo zhōng xīn, wéi miàn lín xué yè yǔ kǎo qián jiǎo lǜ de xué shēng tí gòng wēn nuǎn kē xué de xīn lǐ shǔ dǎo.

Nhà trường đã thành lập trung tâm tư vấn hỗ trợ tâm lý sức khỏe chuyên nghiệp, mang lại sự khai mở tâm lý ấm áp và khoa học cho các học sinh đang đối mặt với áp lực học tập và âu lo trước kỳ thi.

18 nét

 HÁN VIỆT: **TÂM LÝ**
**HSK 5**

Danh từ

#1070

# 心脏

**xīn zàng**

trái tim, tim; cơ quan đầu não (nghĩa bóng)

航空发动机被誉为现代工业皇冠上的明珠，是确保先进战斗机与大飞机翱翔蓝天的动力“强劲心脏”。

Háng kōng fā dòng jī bèi yù wéi xiàn dài gōng yè huáng guān shàng de míng zhū, shì què bǎo xiān jìn zhàn dòu jī yǔ dà fēi jī áo xiáng lán tiān de dòng lì "qiáng jīng xīn zàng".

Động cơ hàng không được mệnh danh là viên ngọc quý trên vương miện công nghiệp hiện đại, là 'trái tim động lực mạnh mẽ' bảo đảm cho các dòng máy bay chiến đấu tiên tiến và máy bay vận tải lớn sải cánh trên bầu trời.

23 nét

 HÁN VIỆT: **TÂM TANG**
**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1071

# 欣赏

**xīn shǎng**

thưởng thức, chiêm ngưỡng, tán thưởng

在国际交响音乐大厅里，全场观众全神贯注地欣赏由世界著名指挥大师执棒演绎的贝多芬第九交响曲。

Zài guó jì jiāo xiǎng yīn yuè dà tīng lǐ, quán chǎng guān zhòng quán shén guān zhù dì xīn shǎng yóu shì jiè zhù míng zhǐ huǐ dà shī zhǐ bàng yǎn yì de bēi duō fēn dì jiǔ jiāo xiǎng qǔ.

Bên trong khán phòng hòa nhạc giao hưởng quốc tế, toàn thể khán giả chăm chú lắng nghe thưởng thức Bản giao hưởng số 9 của Beethoven do bậc thầy chỉ huy dàn nhạc lừng danh thế giới trực tiếp chỉ huy.

23 nét

 HÁN VIỆT: **HÂN THƯỞNG**
**HSK 5**

Danh từ

#1072

# 信封

**xìn fēng**

phong bì, bì thư

他小心翼翼地拆开装有国家重点实验室博士后录用通知书的特快专递大红色信封，心情无比激动。

Tā xiǎo xīn yì yì dì chāi kāi zhuāng yǒu guó jiǎ zhòng diǎn shí yàn shì hòu shì hòu lù yòng tōng zhī shū de tè kuài zhuān dì dà hóng sè xìn fēng, xīn qíng wú bǐ jī dòng.

Anh cẩn thận bóc chiếc phong bì chuyển phát nhanh màu đỏ tươi đựng giấy báo tiếp nhận nghiên cứu sinh sau tiến sĩ của Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, tâm trạng vô cùng xúc động bởi hồi.

23 nét

 HÁN VIỆT: **TÍN PHONG**
**HSK 5**

Danh từ

#1073

# 信号

**xìn hào**

tín hiệu, sóng viễn thông

即便在海拔八千八百多米的世界最高峰珠穆朗玛峰之巅，我国自主建设的高原基站依然能够提供流畅稳定的通信信号。

Jí biàn zài hǎi bā bā qiān bā bǎi duǒ mǐ de shì jiè zuì gāo fēng zhū mù lǎng mǎ fēng zhǐ diǎn, wǒ guó zì zhǔ jiàn shè de gāo yuán jī zhàn yī rán néng gòu tí gòng liú cháng wěn dìng de tōng xìn xìn hào.

Ngay cả trên đỉnh Everest - nóc nhà của thế giới ở độ cao hơn 8.800 mét, trạm thu phát sóng cao nguyên do nước ta tự chủ xây dựng vẫn có thể cung cấp tín hiệu liên lạc viễn thông ổn định và mượt mà.

23 nét

 HÁN VIỆT: **TÍN GÀO**



HSK 5

Danh từ

#1074

## 信息

xìn xī

thông tin, tin tức dữ liệu

以量子通信、光子计算与第六代移动通信为引领的新一代信息技术，正在深刻重构全球数字经济基础设施。

Yǐ liàng zǐ tōng xìn, guāng zǐ jì suàn yǔ dì liù dài yí dòng tōng xìn wéi yǐn lǐng de xīn yì dài xìn xī jì shù, zhèng zài shēn kè zhòng gòu quán qiú shù zì jīng jī chǔ shè shī.

Công nghệ thông tin thế hệ mới với sự dẫn dắt của truyền thông lượng tử, tính toán quang tử và mạng 6G đang tái định hình sâu sắc hạ tầng cơ sở kinh tế số toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: TÍN TỨC

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1075

## 行动

xíng dòng

hành động, hoạt động; sự hành động

言必信，行必果；实现碳达峰碳中和目标不仅是一句庄严承诺，更是需要全社会身体力行付诸实践的扎实行动。

Yán bì xìn, xíng bì guǒ; shí xiàn tàn dǎ fēng tàn zhōng hé mù biāo bù jīn shì yì jù zhuāng yán chéng nuò, gèng shì xū yào quán shè shēn tǐ lì xíng fù zhù shí jiàn de zhā shí xíng dòng.

Lời nói ắt phải giữ chữ tín, hành động ắt phải có kết quả; đạt được mục tiêu đạt đỉnh carbon và trung hòa carbon không chỉ là một lời cam kết trang nghiêm, mà hơn thế nữa còn là hành động thực chất đòi hỏi toàn xã hội phải dẫn thân chung tay thực hiện.

26 nét

HÁN VIỆT: HÀNH ĐỘNG

HSK 5

Danh từ

#1076

## 行人

xíng rén

người đi bộ

城市主干道各交叉路口全面推行智能感应式礼让行人信号灯，有力保障了广大过街行人的交通安全。

Chéng shì zhǔ dào gè jiāo chāo kǒu quán miàn tuī xíng zhì néng gǎn yǐng shì lǐ ràng xíng rén xìn hào dēng, yǒu lì bǎo zhàng le guǎng dà guò jiē xíng rén de jiāo tōng ān quán.

Các nút giao cắt trên tuyến đường trực chính đô thị đều áp dụng đèn tín hiệu cảm biến thông minh nhường đường cho người đi bộ, bảo đảm đặc lực an toàn giao thông cho đông đảo người dân sang đường.

21 nét

HÁN VIỆT: HÀNH NHÂN

HSK 5

Danh từ

#1077

## 行为

xíng wéi

hành vi, cách ứng xử, việc làm

全体科研工作者应当严守学术道德底线，自觉抵制学术不端与论文剽窃等侵害学术纯洁性的不良行为。

Quán tǐ kē yán gōng zuò zhě yīng dāng yán shǒu xué shù bù duān yǔ lùn wén piào qiè děng gài hài xué shù chún jié xìng de bù liáng xíng wéi.

Toàn thể người làm nghiên cứu khoa học cần giữ vững lần ranh đạo đức học thuật, tự giác bài trừ các hành vi xấu làm tổn hại tính trong sạch học thuật như gian lận học thuật và đạo văn.

26 nét

HÁN VIỆT: HÀNH VI

HSK 5

Động từ

#1078

## 形成

xíng chéng

hình thành, tạo thành

经过数十年的持续深耕与产业链集聚，该国家级高新区已经形成了千亿级的半导体与集成电路产业集群。

Jīng guò shù shí nián de chí xù shēn gēng yǔ zhàn yè lián jù, gāi guó jiā jí gāo xīn qū yǐ jīng xíng chéng le qiān yì jī de bàn dǎo tǐ yǔ jí chéng diàn lù zhàn yè jí qún.

Trải qua hàng chục năm bám rễ sâu và tập trung chuỗi công nghiệp liên tục, khu công nghệ cao cấp quốc gia này đã hình thành nên cụm ngành công nghiệp bán dẫn và vi mạch tích hợp quy mô hàng trăm tỷ nhân dân tệ.

20 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THÀNH

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1079

## 形容

xíng róng

hình dung, miêu tả; diện mạo

站在巍峨雄奇的黄山光明顶俯瞰翻滚奔涌的浩瀚云海，那种波澜壮阔的美简直无法用普通言语来形容。

Zhàn zài wēi é xióng qí de huáng shān guāng míng dǐng fú kàn fān gǔn bēn yǒng de hào hàn yún hǎi, nà zhǒng bō lán zhuàng kuò de měi jiǎn zhī wú fǎ yòng pǔ tōng yǔ yán yú lái xíng róng.

Đứng trên đỉnh Quang Minh hùng vĩ tráng lệ của núi Hoàng Sơn phóng tầm mắt nhìn xuống biển mây cuộn cuộn bao la, vẻ đẹp tráng lệ hào hùng ấy quả thực không thể dùng lời nói bình thường để hình dung diễn tả.

21 nét

HÁN VIỆT: HÌNH DUNG

HSK 5

Danh từ

#1080

## 形式

xíng shì

hình thức, thể thức

在推进基层科普教育时，应当采用短视频、互动微课与科学实验秀等群众喜闻乐见的生动形式。

Zài tuī jìn jī céng kē pǔ jiàoyù shí, yīng dāng cǎi yòng duǎn shì pín, hù dòng wēi kē yǔ kē xué shí yàn xiù děng qún zhòng xǐ wén lè jiàn de shēng dòng xíng shì.

Khi đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức khoa học ở cơ sở, cần áp dụng các hình thức sinh động mà người dân yêu thích như video ngắn, bài giảng tương tác và các buổi trình diễn thí nghiệm khoa học trực quan.

21 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THỨC

HSK 5

Danh từ

#1081

## 形势

xíng shì

tình hình, cục diện, thời thế

面对复杂严峻的外部环境与全球产业链重构形势，我们要保持战略定力，集中精力办好事情。

Miàn duì fù zá yán jùn de wài bù huán jīng yǔ quán qiú zhàn yè lián zhòng gòu xíng shì, wǒ men yào bǎo chí zhàn lüè dìng lì, jí zhōng jīng lì bàn hǎo shì qing.

Đứng trước tình hình tái cấu trúc chuỗi công nghiệp toàn cầu và môi trường bên ngoài phức tạp khắc nghiệt, chúng ta cần giữ vững sự kiên định chiến lược, tập trung dốc sức làm tốt việc của chính mình.

19 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THẾ

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1082

## 形象

xíng xiàng

hình tượng, hình ảnh; sinh động, trực quan

中国维和官兵在战乱冲突地区严格履职尽责，真诚关爱平民，树立了和平之师、正义之师的崇高良好形象。

Zhōng guó wéi hé guān bīng zài zhàn lüàn chōng tū dì qū yán gù lǚ zhí jīn zé, zhēn chéng guān ài píng mǐn, shù lì le hé píng zhī shī, zhèng yì zhī shī de chōng gāo liáng hǎo xíng xiàng.

Các chiến sĩ gìn giữ hòa bình Trung Quốc tại các khu vực xung đột chiến loạn luôn tận tâm thực hiện nhiệm vụ, chân thành chăm lo cho dân thường, dựng xây nên hình tượng cao đẹp của một đội quân hòa bình, đội quân chính nghĩa.

24 nét

HÁN VIỆT: HÌNH TƯỢNG



HSK 5

Danh từ

#1083

# 形状

## xíng zhuàng

hình dạng, hình dáng

新一代隐身战机采用了先进的气动外形布局与独特的菱形多面体雷达隐身外形形状设计。

Xīn yí dài yīn shēn zhàn jī cǎi yòng le xiān jìn de qì dòng wài xíng bù jù yǔ dú tè de líng xíng duō miàn tǐ dá yīn shēn wài biǎo xíng zhuàng shè jì.

Máy bay chiến đấu tàng hình thế hệ mới áp dụng bố cục khí động học tiên tiến cùng thiết kế hình dáng bên ngoài tàng hình radar đa diện hình thoi vô cùng độc đáo.

19 nét

HÁN VIỆT: HÌNH TRẠNG

HSK 5

Danh từ

#1084

# 性质

## xìng zhì

tính chất, bản chất

物理学家深入解析了二维拓扑半金属材料在强磁场极端环境下的反常量子输运物理性质。

Wú lǐ huà xué jiā shēn rù jiě le èr wéi tuō pǔ bàn jīn shǔ cái liào zài qiáng cí chǎng jí duǎn huán jīng xià de fǎn cháng liàng zǐ shū yùn wù lǐ xìng zhì.

Các nhà hóa lý đã đi sâu giải mã các tính chất vật lý truyền dẫn lượng tử dị thường của vật liệu bán kim loại tô-pô hai chiều trong môi trường cực đoan của từ trường cực mạnh.

21 nét

HÁN VIỆT: TÍNH CHẤT

HSK 5

Phó từ

#1085

# 幸亏

## xìng kuī

May mắn thay

掌握好“幸亏”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “xìng kuī” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “幸亏” (May mắn thay) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: HẠNH KHUY

HSK 5

Tính từ

#1086

# 幸运

## xìng yùn

may mắn

在面对复杂的挑战时，保持幸运的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí xìng yùn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái may mắn đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT: HẠNH VẬN

HSK 5

Danh từ

#1087

# 胸

## xiōng

ngực; tấm lòng, lồng ngực

做人要有博大宽广的胸怀与包容万物的格局，切不可因一时的琐事而斤斤计较、耿耿于怀。

Zuò rén yào yǒu bó dà kuān guǎng de xiōng huái yǔ bāo róng wàn wù de gé jú, qǐ kě bù yīn yí shí de suǒ shì ér jīn jīn jì jào, gěng gěng yú huái.

Làm người cần phải có một tấm lòng rộng mở bao la cùng tầm nhìn bao dung vạn vật, tuyệt đối không nên vì những chuyện vặt vãnh nhất thời mà so đo tính toán để bụng mãi không thôi.

12 nét

HÁN VIỆT: HUNG

HSK 5

Danh từ

#1088

# 兄弟

## xiōng dì

anh em, tình anh em

两家科研兄弟单位在国家重大深空探测工程中精诚合作、密切协同，共同攻克了地外天体软着陆技术难关。

Liǎng jiā kē yán xiōng dì dān wèi zài guó jiā zhòng dà shēn kōng tàn cè gōng chéng zhōng jīng chéng hé zuò, mì qiè xié tóng, gòng tóng gōng kè le dì wài tiān tǐ ruǎn zhuó lù jì shù nán guān.

Hai đơn vị nghiên cứu khoa học anh em trong đại công trình thám hiểm không gian sâu quốc gia đã hợp tác chí tình chí nghĩa, phối hợp chặt chẽ, cùng nhau chinh phục rào cản kỹ thuật hạ cánh mềm trên các thiên thể ngoài Trái Đất.

21 nét

HÁN VIỆT: HUYNH ĐỆ

HSK 5

Tính từ

#1089

# 雄伟

## xióng wěi

hùng vĩ, tráng lệ, nguy nga

横跨珠江口伶仃洋海域的港珠澳大桥如同一条钢铁巨龙蜿蜒在碧海晴空之间，气势雄伟壮观。

Héng kuà zhū jiāng kǒu líng dīng yáng hǎi yù de gāng zhū ào dà qiáo rú tóng yī tiáo gāng tiě jù lóng wǎn yán zài bì hǎi qīng kōng zhī jiān, qì shì xióng wěi zhuàng guān.

Cây cầu vượt biển Hồng Kông - Chu Hải - Ma Cao vắt ngang vùng biển Linh Đỉnh Dương cửa sông Châu Giang tựa như một con rồng thép khổng lồ uốn lượn giữa biển biếc trời xanh, khí thế hùng vĩ nguy nga tráng lệ khôn cùng.

25 nét

HÁN VIỆT: HÙNG VĨ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1090

# 修改

## xiū gǎi

sửa đổi, chỉnh sửa, tu chỉnh

在广泛征求全国各界专家与社会公众意见的基础上，全国人大常委会对生态环境保护法律草案进行了科学修改完善。

Zài guǎng fàn zhēng qiú quán guó gè jiē zhūān jiā yǔ shè huì gōng zhòng yì jiàn de jī chǔ shàng, quán guó rén dà cháng wěi huì huì duì shēng tài bǎo hù fǎ huán jīng bǎo hù fǎ lù cǎo ān jīn xíng le kē xué xiū gǎi wán shàn.

Trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi của các chuyên gia mọi giới và công chúng xã hội trên toàn quốc, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) đã tiến hành chỉnh sửa bổ sung hoàn thiện dự thảo luật bảo vệ môi trường sinh thái một cách khoa học.

23 nét

HÁN VIỆT: TU CẢI

HSK 5

Tính từ / Động từ / Danh từ

#1091

# 休闲

## xiū xián

nghỉ ngơi thư giãn, giải trí nhàn nhã

环城国家森林公园建有上百公里的生态骑行慢道与露营地，成为了市民周末休闲健身的热门打卡地。

Huán chéng guó jiā sēn lín gōng yuán jiàn yǒu shàng bǎi gōng lǐ de shēng tài qí xíng màn dào yǔ lù yíng dì zhàn, chéng wéi le shì mǐn zhōu mò xiū xián jiàn shēn de rè mén dǎ kǎ dì.

Công viên Rừng Quốc gia bao quanh thành phố được xây dựng hàng trăm km đường mòn đạp xe sinh thái và trạm nghỉ cắm trại, đã trở thành điểm hẹn lý tưởng thu hút đông đảo người dân đến nghỉ ngơi thư giãn và rèn luyện thể thao vào dịp cuối tuần.

25 nét

HÁN VIỆT: HƯU NHÀN



HSK 5

Tính từ

#1092

## 虚心

xū xīn

khiêm tốn, biết lắng nghe học hỏi

青年学者在开展跨学科前沿探索时，要虚心听取老一辈科学家的宝贵指导意见与同行建设性批评。

Qīng nián xué zhě zài kāi zhān kuà xué kē qián yán tàn suǒ shí, yào xū xīn tīng qǔ lǎo yī bèi kē xué jiā de bǎo guì zhǐ dǎo yì jiàn yǔ tóng háng jiàn shè xìng pī píng.

Các học giả trẻ khi triển khai thám hiểm tiên phong liên ngành cần khiêm tốn lắng nghe những ý kiến chỉ đạo quý báu của các nhà khoa học tiền bối cùng những lời phê bình mang tính xây dựng của đồng nghiệp.

20 nét

HÁN VIỆT: HƯ TÂM

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1093

## 叙述

xù shù

tự sự, kể lại, thuật lại

纪录片导演通过详实珍贵的历史影像档案与当事人的深情口述，完整叙述了塞罕坝六十年绿色奇迹的奋斗历程。

Jì lù piàn dǎo yǎn tōng guò xiáng shí zhēn guì de lì shǐ yǐng xiàng dǎng àn yǔ dāng shì rén de shēn qíng kǒu shù, wán zhěng xù shù le sāi hǎn bà lǐù shí nián lǜ sè qí jì de fèn dòu lì chéng.

Đạo diễn phim tài liệu thông qua những thước phim tài liệu lịch sử vô giá chỉ tiết cùng lời tự sự xúc động của người trong cuộc, đã thuật lại trọn vẹn chặng đường phấn đấu kiến tạo kỳ tích xanh suốt 60 năm của Saihanba.

19 nét

HÁN VIỆT: TỰ THUẬT

HSK 5

Động từ

#1094

## 宣布

xuān bù

tuyên bố, công bố

当大会主持人正式宣布我国新一代人造太阳“中国环流三号”实现高约束模式运行成功时，全场响起雷鸣般的掌声。

Dāng dà huì zhǔ chí rén zhèng shì xuān bù wǒ guó xīn yí dài rén zào tài yáng "zhōng guó huán liú sān hào" shí xiàn gāo yuē shù mó shì yùn xíng chéng gōng shí, quán chǎng xiǎng qǐ léi míng bān de zhǎng shēng.

Khi người dẫn chương trình đại hội chính thức tuyên bố "Hoàn lưu Trung Hoa số 3" - mặt trời nhân tạo thế hệ mới của nước ta vận hành thành công ở chế độ giam hãm cao, toàn thể hội trường đã vang lên những tràng pháo tay giòn giã như sấm dậy.

19 nét

HÁN VIỆT: TUYÊN BỐ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1095

## 宣传

xuān chuán

tuyên truyền, phổ biến quảng bá

全社会应当通过各种新媒体渠道广泛宣传国家安全法与反电信网络诈骗知识，全面提升公民的法治素养与防范意识。

Quán shè huì yīng dǎng tōng guò gè zhǒng xīn méi tǐ qú dào guǎng fān xuān chuán guó jiā ān quán fǎ yǔ fǎn dìng wǎng lüè zhān quǎn fǎ yǔ fǎn diàn xīn wǎng luò zhān piàn zhī shí, quán miàn tí shēng gōng mǐn de fǎ zhì sù yǎng yǔ fáng fǎn yì shí.

Toàn xã hội cần thông qua nhiều kênh truyền thông mới để tuyên truyền sâu rộng luật an ninh quốc gia và kiến thức phòng chống lừa đảo qua mạng viễn thông, nâng cao toàn diện ý thức pháp trị và cảnh giác phòng ngừa của công dân.

23 nét

HÁN VIỆT: TUYÊN TRUYỀN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1096

## 选举

xuǎn jǔ

bầu cử, tuyển cử

在庄严隆重的人民代表大会全体会议上，与会代表依法无记名投票选举产生了新一届国家领导机构人员。

Zài zhuāng yán lóng zhòng de rén mín dài biǎo dà huì quán tǐ huì yì shàng, yǔ huì dài biǎo yī fǎ wú jì míng tóu pào xuǎn jǔ chān shēng le xīn yī jiè guó jiā lǐng dǎo jī gòu rén yuán.

Tại phiên họp toàn thể Đại hội Đại biểu Nhân dân (Quốc hội) trang nghiêm long trọng, các đại biểu tham dự đã bỏ phiếu kín theo luật định để bầu ra các nhân sự thuộc cơ quan lãnh đạo Nhà nước nhiệm kỳ mới.

23 nét

HÁN VIỆT: TUYỂN CỬ

HSK 5

Động từ

#1097

## 学期

xué qī

học kỳ

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地学期。

Zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo de xué qī.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách học kỳ một cách tốt hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: HỌC KỲ

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1098

## 学术

xué shù

học thuật, nghiên cứu khoa học

营造自由探索、潜心笃学、求真务实的良好学术生态，是催生世界级原创性重大科学成果的重要沃土。

Yíng zào zì yóu tàn suǒ, qián xīn dǔ xué, qiú zhēn wú shí de liáng hǎo xué shù shēng tài, shì cuī shēng shì jiè jí yuán chuàng xīng zhòng dà kē xué chéng guǒ de zhòng yào wò tǔ.

Xây dựng môi trường sinh thái học thuật lành mạnh tự do tìm tòi, miệt mài học hỏi và cầu thị thực chất là mảnh đất màu mỡ để ươm mầm nên những thành quả khoa học trọng đại mang tính nguyên tác tầm cỡ thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: HỌC THUẬT

HSK 5

Danh từ

#1099

## 学问

xué wèn

học vấn, tri thức uyên bác, kiến thức

做学问必须耐得住坐冷板凳的寂寞，求真务实，一丝不苟，绝不能急功近利或弄虚作假。

Zuò xué wèn bì xū nài de zhù zuò lěng bǎn dèng de jì mò, qiú zhēn wú shí, yī sī bù gōu, jué bù néng jí gōng jìn lì huò nòng xū zuò jiǎ.

Làm học vấn bắt buộc phải chịu được sự cô đơn lẻ loi khi ngồi ghế lạnh, cầu thị chân chính và cần trọng từng li từng tí, tuyệt đối không được nôn nóng đốt cháy giai đoạn hay gian lận dối trá.

21 nét

HÁN VIỆT: HỌC VẤN

HSK 5

Động từ

#1100

## 寻找

xún zhǎo

tìm kiếm, kiểm tìm, truy tìm

深空探测器搭载的高灵敏度天文望远镜在浩瀚宇宙深处持续寻找着可能适宜人类居住的系外类地行星。

Shēn kōng tàn cè qì dā zài de gāo lǐng dù tiān wén wàng yǎng jīng zài hào hàn yǔ zhòu shēn chù chí xù xún zhǎo zhāo kě néng shì yí rén lèi jū zhù de xì wài lèi dì xíng xīng.

Kính viễn vọng thiên văn độ nhạy cao trang bị trên tàu thám hiểm không gian sâu liên tục tìm kiếm các hành tinh ngoài hệ Mặt Trời giống Trái Đất có khả năng phù hợp cho con người sinh sống sâu trong vũ trụ bao la.

22 nét

HÁN VIỆT: TÌM TRẢO



HSK 5

Động từ

#1101

# 询问

## xún wèn

Hỏi

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地询问。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì xún wèn.  
Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách Hỏi một cách tốt hơn.

22 nét

HÁN VIỆT: TUẦN VẤN

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1102

# 训练

## xùn liàn

huấn luyện, rèn luyện, đào tạo

经过为期数月的高强度极限封闭式综合实战训练，应急救援特勤队员的专业搜救本领得到了全面跃升。

Jīng guò wéi qí shù yuè de gāo qiáng dù jǐ xiàn fēng bì shí zōng hé shí zhàn xùn liàn, yǐng jí jiù yuán tè qín duì yuán de zhuān yè sōu jiù běn lǐng dé dào le quán miàn yuè shēng.

Trải qua nhiều tháng huấn luyện thực chiến tổng hợp khép kín cường độ cao ở mức giới hạn, kỹ năng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp của các chiến sĩ đặc nhiệm cứu hộ khẩn cấp đã được nâng tầm toàn diện.

23 nét

HÁN VIỆT: HUẤN LUYỆN

HSK 5

Tính từ / Phó từ

#1103

# 迅速

## xùn sù

nhanh chóng, thần tốc, cấp tốc

接到紧急突发灾情报告后，国家综合应急救援队伍迅速集结并携带专业生命探测装备奔赴灾区。

Jiē dào jǐn jí tū fā zāi qíng bào gào hòu, guó jiā zōng hé yǐng jí jiù yuán duì wú xùn sù jí jié jíng xié dài zhuān yè shēng mìng tàn cè zhuāng bèi bēn fù zāi qū.

Sau khi nhận được báo cáo tình hình thiên tai khẩn cấp bất ngờ, đội cứu nạn cứu hộ tổng hợp quốc gia đã nhanh chóng tập kết và mang theo trang thiết bị dò tìm sự sống chuyên dụng hỏa tốc tới vùng bị nạn.

27 nét

HÁN VIỆT: TẤN TỐC

HSK 5

Động từ

#1104

# 延长

## yán cháng

mở rộng

老师鼓励大家积极延长，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yán cháng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.  
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mở rộng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

24 nét

HÁN VIỆT: DIỄN TRƯỞNG

HSK 5

Tính từ

#1105

# 严肃

## yán sù

nghiêm túc, trang nghiêm, nghiêm nghị

在涉及重大科学结论与学术诚信伦理评审中，评审委员会始终保持着极其严谨严肃的治学态度。

Zài shè jí zhòng dà kē xué jié lùn yǔ xué shù chéng xìn lún lǐ píng shěn zhōng, píng shěn wěi yuán huì shǐ zhōng bǎo chí zhe jí qí yán jīn yán sù de zhì xué tài dù.

Trong các đợt thẩm định liên quan tới kết luận khoa học trọng đại và đạo đức liêm chính học thuật, hội đồng thẩm định luôn giữ vững thái độ nghiên cứu học thuật vô cùng nghiêm túc và chuẩn mực.

28 nét

HÁN VIỆT: NGHIÊM TÚC

HSK 5

Danh từ

#1106

# 宴会

## yàn huì

tiệc, buổi chiêu đãi, dạ yến

在隆重热烈的国宾欢迎宴会上，中外嘉宾欢聚一堂，共叙友谊、共商全球合作与发展大计。

Zài lóng zhòng rè liè de guó bīn huān yíng yàn huì shàng, zhōng wài jiā bīn huān jù yì táng, gòng xù yǒu yì, gòng shāng quán qiú hé zuò yǔ fā zhǎn dà jì.

Tại buổi quốc yến chiêu đãi chào mừng quốc khách long trọng nồng nhiệt, các vị khách quý trong và ngoài nước đã quây quần tế tụ, cùng nhau ôn lại tình hữu nghị và bàn thảo đại kế hợp tác phát triển toàn cầu.

27 nét

HÁN VIỆT: YẾN HỘI

HSK 5

Danh từ

#1107

# 阳台

## yáng tái

ban công

清晨站在朝南的开阔景观阳台上极目远眺，沐浴在温暖煦的阳光下，远方湖光山色尽收眼底。

Qīng chén zhàn zài cháo nán de kāi kuò jīng guān yáng tái shàng jí mù yuǎn tiào, mù yù zài wēn nuǎn xù de yáng guāng xià, yuǎn fāng hú guāng shān sè jìn shōu yǎn dǐ.

Sáng sớm đứng trên ban công ngắm cảnh rộng mở quay về hướng Nam phóng tầm mắt nhìn ra xa, tắm mình dưới ánh nắng ban mai ấm áp dịu dàng, cảnh sắc non nước hồ xa xa thu trọn vào tầm mắt.

21 nét

HÁN VIỆT: DƯƠNG ĐÀI

HSK 5

Động từ

#1108

# 痒

## yǎng

ngứa

老师鼓励大家积极痒，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.  
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ngứa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: DƯỞNG

HSK 5

Danh từ

#1109

# 样式

## yàng shì

kiểu dáng, mẫu mã, phong cách

这款将传统宋代美学极简线条与现代功能结构巧妙融为一体的文创茶具，样式古朴典雅且极具巧思。

Zhè kuǎn jiāng chuán tǒng sòng dài měi xué jí jiǎn xiàn tiáo yǔ xiàn dài gōng néng jié gòu jiào miào róng wéi yì tǐ de wén chuàng chá jù, yàng shì gǔ piǎo diǎn yǔ qiè jí jù qiǎo sī.

Bộ dụng cụ pha trà sáng tạo văn hóa kết hợp khéo léo đường nét tối giản của mỹ học thời Tống cùng kết cấu công năng hiện đại này có kiểu dáng cổ kính thanh nhã và chan chứa sự tinh tế.

21 nét

HÁN VIỆT: DẠNG THỨC


**HSK 5**

Danh từ

#1110

# 腰

  
**yāo**

eo, thắt lưng; lưng chừng

长时间伏案工作时应当保持正确的坐姿，并定时起身做腰部拉伸活动以有效预防腰椎疲劳劳损。

Zhǎng shí jiān fú àn gōng zuò shí yīng dāng bǎo chí zhèng què de zuò zī, bìng dìng shí qǐ shēn zuò yāo bù lā shēn huó dòng yǐ yǒu xiào yù fáng yāo zhuī pí láo láo sǔn.

Khi ngồi làm việc bên bàn giấy trong thời gian dài cần duy trì tư thế ngồi đúng chuẩn, và định kỳ đứng dậy tập các động tác giãn cơ vùng eo thắt lưng để phòng ngừa hiệu quả sự mệt mỏi thoái hóa cột sống thắt lưng.

13 nét

HÁN VIỆT: YÊU

**HSK 5**

Động từ

#1111

# 摇

  
**yáo**

rung, lắc, đung đưa, chèo thuyền

微风吹过，湖畔那一排排依依杨柳轻轻摇曳着翠绿纤细的枝条，在水面上荡起层层优美涟漪。

Wēi fēng chuī guò, hú pàn nà yī pái yī yī yáng liǔ liú qīng qīng yáo yè zhe cuì lǜ xiān xì de zhī tiáo, zài shuǐ miàn shàng dàng qǐ céng céng yōu měi lián yī.

Làn gió nhẹ thổi qua, từng hàng liễu rủ bên bờ hồ khẽ đung đưa những cành lá xanh non mềm mại, làm gợn lên trên mặt nước từng lớp sóng gợn lăn tăn tuyệt đẹp.

10 nét

HÁN VIỆT: DAO

**HSK 5**

Động từ

#1112

# 咬

  
**yǎo**

cắn

老师鼓励大家积极咬，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǎo, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cắn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: GIẢO

**HSK 5**

Liên từ

#1113

# 要不

  
**yào bù**

nếu không thì, hay là, hoặc là

天色阴沉快要下雷阵雨了，要不我们先把露天展台的精密光学仪器设备转移到室内展厅吧。

Tiān sè yīn chén kuài yào xià léi zhèn yǔ le, yào bù wǒ men xiān bǎ lù tiān zhǎn tái de jīng mì guāng xué yí qì shè bèi zhuǎn yí dào shì nèi zhǎn tǐng ba.

Trời đang sẫm sì chuyển mây sắp mưa dông rồi, hay là chúng ta chuyển các thiết bị dụng cụ quang học chính xác ngoài gian hàng lộ thiên vào bên trong nhà triển lãm trước đi.

24 nét

HÁN VIỆT: YÊU BẤT

**HSK 5**

Liên từ

#1114

# 要是

  
**yào shì**

nếu như, nếu mà, ví thử

要是科学探索的道路上遇到暂时的失败与挫折，千万不要灰心气馁，而要从汲取宝贵经验。

Yào shì zài kē xué tàn suǒ de dào lù shàng yù dào zàn shí de shī bài yǔ cuò zhé, qiān wàn bú yào huī xīn qì nǐ, ér yào cóng zhōng jí qǔ bǎo guì jīng yàn.

Nếu như trên con đường thám hiểm khoa học có gặp phải thất bại hay vấp ngã nhất thời, muôn vàn lần chớ nên nản lòng thoái chí, mà phải biết rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ đó.

21 nét

HÁN VIỆT: YÊU THÌ

**HSK 5**

Danh từ

#1115

# 夜

  
**yè**

đêm, ban đêm

在繁星点点的宁静夏夜，国家天文台光学观测站的巨型望远镜正在静静巡视着遥远深邃的浩瀚星空。

Zài fán xīng diǎn diǎn de níng jìng xià yè, guó jiā tiān wén tái guāng xué guān cè zhàn de jù xíng wàng yuǎn jìng zhèng zài jìng jìng xún shì zhe yǎo yuǎn shēn suǐ de hào hàn xīng kōng.

Trong đêm hè tĩnh mịch ngập tràn muôn vì sao lấp lánh, chiếc kính viễn vọng khổng lồ của trạm quan sát quang học Đài Thiên văn Quốc gia đang lặng lẽ tuần tra bầu trời sao bao la sâu thẳm xa xôi.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐẠ

**HSK 5**

Danh từ

#1116

# 液体

  
**yè tǐ**

chất lỏng, thể lỏng

我国新一代大推力长征系列运载火箭普遍采用了无毒无污染的液氧煤油环保液体推进剂。

Wǒ guó xīn yí dài dà tuī lì zhǎng zhēng xì liè yùn zài huò jiàn pǔ biàn cái yòng liào wú dú wú wū rǎn de yè yǎng méi yóu huán bǎo yè tǐ tuī jìn jì.

Hệ tên lửa đẩy Trường Chinh lực đẩy lớn mới của nước ta đều áp dụng chất đẩy thể lỏng bảo vệ môi trường không độc hại không ô nhiễm bằng oxy lỏng và dầu hỏa.

21 nét

HÁN VIỆT: DỊCH THỂ

**HSK 5**

Danh từ

#1117

# 业务

  
**yè wù**

nghiệp vụ, kinh doanh, chuyên môn nghiệp vụ

企业通过持续优化跨境电商综合服务平台，推动了离岸数字贸易与海外仓供应链业务的爆发式增长。

Qǐ yè tōng guò chí xù yōu huà kuà jìng diàn shāng zōng hé fú wù píng tái, tuī dòng le lǎn àn shù zì mào yì yǔ hǎi wài cāng gōng yīng liàn yè wù de bào fā shì zēng zhǎng.

Doanh nghiệp thông qua việc liên tục tối ưu hóa nền tảng dịch vụ tổng hợp thương mại điện tử xuyên biên giới đã thúc đẩy sự tăng trưởng bùng nổ của nghiệp vụ thương mại số ngoài khơi và chuỗi cung ứng kho bãi ở nước ngoài.

24 nét

HÁN VIỆT: NGHIỆP VỤ

**HSK 5**

Tính từ / Danh từ

#1118

# 业余

  
**yè yú**

nghiệp dư, ngoài giờ làm việc; tay ngang

在紧张繁忙的科研工作之余，利用业余时间坚持练习中国书法与绘画能够极大陶冶高尚情操。

Zài jǐn zhāng fán máng de kē yán gōng zuò zhī yú, lì yòng yè yú shí jiān jiān chí liàn xí zhōng guó shū fǎ yǔ huì huà néng gòu jí dà táo yě gāo shàng qíng cāo.

Ngoài những lúc nghiên cứu khoa học bận rộn căng thẳng, tận dụng thời gian ngoài giờ rảnh rỗi kiên trì luyện tập thư pháp và hội họa Trung Hoa có thể bồi đắp tâm hồn thanh cao rất nhiều.

24 nét

HÁN VIỆT: NGHIỆP DƯ



HSK 5

Phó từ

#1119

# 依然

yī rán

vẫn như cũ, vẫn cứ, y nguyên

尽管历经了数千年的岁月沧桑与风雨侵蚀，这尊巍峨庄严的石窟大佛依然神态安详、光彩照人。

Jìn guǎn lì jīng le shù qiān nián de suì yuè cāng sāng yǔ fēng yǔ qīn shí, zhè zūn wēi é zhuāng yán de shí kǔ dà fú yī rán shén tài ān xiáng, guāng cǎi zhào rén.

Dẫu trải qua hàng ngàn năm mưa gió thăng trầm và sự bào mòn của thời gian, pho tượng đại Phật hang đá uy nghiêm sừng sững này vẫn giữ nguyên phong thái thanh thần an nhiên và tỏa sáng rực rỡ.

22 nét

HÁN VIỆT: Y NHIÊN

HSK 5

Danh từ

#1120

# 一辈子

yī bèi zi

cả đời, một đời, suốt đời

老一辈科学家把一辈子最美好的青春年华与毕生心血，无怨无悔地奉献给了祖国的国防科技事业。

Lǎo yī bèi kē xué jiā bǎ yī bèi zì zuì měi hǎo de qīng chūn nián huá yǔ bì shēng xīn xuè, wú yuàn wú huǐ dì fèng xiàn gěi le zǔ guó de guó fáng kē jì shì yè.

Thế hệ nhà khoa học tiền bối đã đem trọn vẹn những năm tháng thanh xuân tươi đẹp nhất của cả một đời cùng tâm huyết trọn kiếp, không một lời oán thán cống hiến cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng của Tổ quốc.

32 nét

HÁN VIỆT: NHẤT BỐI TỬ

HSK 5

Liên từ / Phó từ

#1121

# 一旦

yī dàn

một khi, một sớm một chiều

核心技术是花钱买不来的，关键核心技术一旦受制于人，产业发展就会面临随时被断供的巨大风险。

Hé xīn jì shù shì huā qián mǎi bù lái de, guān jiàn hé xīn jì shù yī dàn shòu zhì yú rén, chǎn yè fā zhǎn jiù huì miàn lín suí shí bèi duǎn gòng de jù dà fēng xiǎn.

Công nghệ cốt lõi là thứ không thể dùng tiền mà mua được, công nghệ then chốt cốt lõi một khi bị phụ thuộc vào người khác thì sự phát triển công nghiệp sẽ đối mặt với nguy cơ không lối rẽ cắt đứt nguồn cung bất cứ lúc nào.

24 nét

HÁN VIỆT: NHẤT ĐẢN

HSK 5

Danh từ / Phó từ

#1122

# 一路

yī lù

suốt dọc đường, cùng đường; một mạch

从塞北雪原到江南水乡，高速铁路一路风驰电掣，将祖国大江南北的壮美风光尽收眼底。

Cóng sài běi xuě yuán dào jiāng nán shuǐ xiāng, gāo sù tiě lù yī lù fēng chí diàn chè, jiāng zǔ guó dà jiāng nán běi de zhuàng měi fēng guāng jìn shòu yǎn dī.

Từ vùng tuyết trắng ải Bắc tới miền sông nước Giang Nam, đoàn tàu cao tốc lướt đi vun vút suốt dọc đường như gió giết sét đánh, thu trọn vào tầm mắt cảnh sắc non sông tráng lệ khắp nam bắc đất nước.

25 nét

HÁN VIỆT: NHẤT LỘ

HSK 5

Tính từ / Động từ

#1123

# 一致

yī zhì

nhất trí, đồng lòng, đồng thuận, thống nhất

经国际同行权威专家严格评审与充分讨论，专家组一致同意推荐该重大原创科研成果申报国家自然科学基金一等奖。

Jīng guó jì tóng háng quán wēi zhuān jiā yán gé píng shěn yú chōng fēn táo lùn, zhuān jiā zú yì zhì tóng yì tuī jiàn gāi zhòng dà yuán chuàng kē yǎn chéng guǒ shēn bào guó jiā zì rán kē xué yì děng jiāng.

Sau khi được các chuyên gia uy tín đồng nghiệp quốc tế thẩm định nghiêm ngặt và thảo luận thấu đáo, hội đồng chuyên gia đã nhất trí 100% đồng thuận đề cử thành quả nghiên cứu khoa học nguyên tác trọng đại này xét tặng Giải Nhất Giải thưởng Khoa học Tự nhiên Quốc gia.

24 nét

HÁN VIỆT: NHẤT TRÍ

HSK 5

Tính từ / Danh từ / Động từ

#1124

# 遗憾

yí hàn

đáng tiếc, tiếc nuối; nỗi ân hận

只要在追求真理与攀登科学高峰的征程中倾尽全力拼搏奋斗过，人生便绝不会留下任何遗憾。

Zhǐ yào zài zhuī qiú zhēn lǐ yǔ pān dēng kē xué gāo fēng de zhēng chéng zhōng qīng jìn quán lì pīn bó fēn dòu guò, rén shēng bié jué bù liú xià rèng hé yí hàn.

Chỉ cần trên hành trình kiếm tìm chân lý và trèo lên đỉnh cao khoa học ta đã dốc cạn toàn bộ sức lực để phấn đấu kiên cường, thì cuộc đời này sẽ tuyệt đối không để lại bất kỳ điều tiếc nuối nào.

25 nét

HÁN VIỆT: DI HẠN

HSK 5

Động từ / Tính từ / Danh từ

#1125

# 移动

yí dòng

di chuyển, lưu động; di động (mobile)

第五代移动通信网络与卫星互联网的高速融合，实现了全球极端偏远海域与高山荒原的无缝高速互联。

Dì wũ dài yí dòng tōng xìn wǎng luò yǔ wèi xīng hù lián wǎng de gāo sù róng hé, shí xiàn le quán qiú jí duǎn piān yuǎn hǎi yǔ yǔ gāo shān huāng yuán de wú fēng gāo sù hù lián.

Sự kết hợp tốc độ cao giữa mạng lưới thông tin di động 5G cùng mạng Internet vệ tinh đã thực hiện kết nối liên thông tốc độ cao liền mạch cho các vùng biển xa xôi cực đoan và núi cao hoang vu trên toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: DI ĐỘNG

HSK 5

Danh từ / Động từ

#1126

# 移民

yí mín

di dân, người nhập cư; di dời dân cư

在大型水利枢纽工程建设中，党和政府妥善安置了数十万库区搬迁移民并落实了产业后续扶持政策。

Zài dà xíng shuǐ lǐ shū ní shū niǔ gōng chéng jiàn shè zhōng, dǎng hé zhèng fú tuō shàn ān zhì le shù shí wàn kù qū biān qiān yí mín bìng luò shí le chǎn yè hòu xù fú chí zhèng cè.

Trong việc xây dựng các công trình đầu mối thủy lợi quy mô lớn, Đảng và Chính phủ đã bố trí tái định cư chu đáo cho hàng chục vạn hộ dân di dời vùng lòng hồ và thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề tiếp theo.

17 nét

HÁN VIỆT: DI DÂN

HSK 5

Danh từ

#1127

# 疑问

yí wèn

nghĩ vấn, thắc mắc, câu hỏi hoài nghi

敢于向既有权权威理论提出合理疑问并勇于进行实验验证，是科学研究取得突破性发现的前提。

Gǎn yú xiàng jì yǒu quán wēi lǐ lùn tǐ chū hé lǐ yí wèn bìng yǒng yú jìn xíng shí yàn yàn zhèng, shì kē xué yán jiū qǔ dé tú pò xìng fā xiàn de qián tí.

Dám mạnh dạn đặt ra những nghi vấn hợp lý đối với các lý thuyết quyền uy sẵn có và dũng cảm tiến hành kiểm chứng bằng thực nghiệm là tiền đề để nghiên cứu khoa học đạt được những phát hiện mang tính đột phá.

21 nét

HÁN VIỆT: NGHI VẤN


**HSK 5**

Động từ

#1128

# 乙

  
**yǐ**
**B**

老师鼓励大家积极乙, 勇于探索新的知识。  
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.  
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực B, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

 HÁN VIỆT: **ẤT**
**HSK 5**

Liên từ

#1129

# 以及

  
**yǐ jí**
**và**

掌握好“以及”的用法, 能让中文表达更加自然地道。  
zhǎng wò hǎo “yǐ jí” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.  
Nắm vững cách dùng từ “以及” (và) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

20 nét

 HÁN VIỆT: **DỄ CẬP**
**HSK 5**

Danh từ

#1130

# 以来

  
**yǐ lái**
**từ đó đến nay, từ khi... đến nay**

党的十八大以来, 我国生态文明建设发生了历史性、转折性、全局性变化, 天更蓝、山更绿、水更清。  
Dǎng de shí bā dà yǐ lái, wǒ guó shēng tài wén míng jiàn shè fá shèng le lì shǐ xìng, zhuǎn zhé xìng, quán jú xìng biàn huà, tiān gèng lán, shān gèng lǜ, shuǐ gèng qīng.  
Từ Đại hội XVIII của Đảng đến nay, công cuộc xây dựng văn minh sinh thái nước ta đã diễn ra những đổi thay mang tính lịch sử, mang tính bước ngoặt và mang tính toàn cục: bầu trời xanh hơn, núi đồi xanh hơn và sông ngòi trong lành hơn.

20 nét

 HÁN VIỆT: **DỄ LAI**
**HSK 5**

Tính từ / Danh từ

#1131

# 意外

  
**yì wài**
**bất ngờ, ngoài ý muốn; tai nạn bất ngờ**

在精密化学合成实验中, 一次偶然的升温意外反而让科研人员惊喜地合成出了一种全新的超导晶体材料。  
Zài jīng mì huà xué hé chéng shí yàn zhōng, yī cì ǒu rán de shēng wēn yì wài fǎn ér ràng kē yán yuán jīng xǐ dì hé chéng chū le yī zhǒng quán xīn de chāo dǎo jīng tǐ cái liào.  
Trong một đợt thực nghiệm tổng hợp hóa học chính xác, sự cố tăng nhiệt ngoài ý muốn do ngẫu nhiên lại bất ngờ giúp các nhà nghiên cứu tổng hợp nên một loại vật liệu tinh thể siêu dẫn hoàn toàn mới mẻ.

20 nét

 HÁN VIỆT: **Ý NGOẠI**
**HSK 5**

Danh từ

#1132

# 意义

  
**yì yì**
**ý nghĩa, giá trị**

国家太空实验室的全面建成并投入长期常态化科学应用, 对人类探索浩瀚太空具有划时代的重大战略意义。  
Guó jiā tài kōng shí yàn shì de quán miàn jiàn chéng bìng tóu rù cháng qī cháng tài huà kē xué yīng yòng, duì rén lèi tàn suǒ hào hàn tài kōng jù yǒu huà shí dài de zhòng dà zhàn lüè yì yì.  
Việc phòng thí nghiệm không gian quốc gia được hoàn thành toàn diện và đưa vào ứng dụng khoa học thường thái lâu dài sở hữu ý nghĩa chiến lược trọng đại mang tính bước ngoặt thời đại đối với sự nghiệp thám hiểm không gian bao la của nhân loại.

20 nét

 HÁN VIỆT: **Ý NGHĨA**
**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1133

# 议论

  
**yì lùn**
**bàn tán, thảo luận, nghị luận**

在这部具有划时代哲学深度的学术力作公开发表后, 国际学术界展开了长达数月的热烈议论与深刻研讨。  
Zài zhè bù jù yǒu huà shí dài zhī xué shēn dù de xué shù lì zuò gōng kāi fā biǎo hòu, guó jì xué shù jiè zhān kāi le zhǎng dá shù yuè de rè liè yì lùn yǔ shēn kè yán tǎo.  
Sau khi kiệt tác học thuật mang tầm sâu triết học mang tính bước ngoặt này được công bố rộng rãi, giới học thuật quốc tế đã triển khai những cuộc bàn thảo sôi nổi và nghiên cứu sâu sắc kéo dài suốt nhiều tháng liền.

18 nét

 HÁN VIỆT: **NGHỊ LUẬN**
**HSK 5**

Danh từ / Tính từ

#1134

# 义务

  
**yì wù**
**nghĩa vụ, bổn phận; tình nguyện, tự nguyện**

依法纳税与依法服兵役是每一位中国公民应当自觉履行时光荣神圣的法律宪法义务。  
Yī fǎ nà shuì yǔ yī fǎ fú bīng yì shì měi yī wèi zhōng guó gōng mǐn yīng dāng zì jué lǚ xíng shí guāng róng shén shèng de fǎ lǚ xiàn fǎ yì wù.  
Nộp thuế theo luật định và thực hiện nghĩa vụ quân sự theo luật định là bổn phận nghĩa vụ hiến pháp và pháp luật thiêng liêng về vang mà mỗi công dân cần tự giác thực hiện.

22 nét

 HÁN VIỆT: **NGHĨA VỤ**
**HSK 5**

Liên từ

#1135

# 因而

  
**yīn ér**
**Vì thế**

掌握好“因而”的用法, 能让中文表达更加自然地道。  
zhǎng wò hǎo “yīn ér” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.  
Nắm vững cách dùng từ “因而” (Vì thế) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

23 nét

 HÁN VIỆT: **NHÂN NHI**
**HSK 5**

Danh từ

#1136

# 因素

  
**yīn sù**
**nhân tố, yếu tố**

在评估复杂深水油气田开采方案可行性时, 必须全面综合考量洋流海况、海底地质与防灾韧性等多重关键因素。  
Zài píng gū fù zá shēn shuǐ yóu qì tián kāi cái fāng àn kě xíng xìng shí, bì xū quán miàn zōng hé kǎo liáng yáng liú hǎi kuàng, hǎi dǐ dì zhì yǔ fáng zāi rèn xìng děng duō zhòng guān jiàn yīn sù.  
Khi đánh giá tính khả thi của phương án khai thác mỏ dầu khí vùng nước sâu phức tạp, nhất thiết phải tính toán cân nhắc toàn diện đa chiều nhiều yếu tố then chốt như hải lưu điều kiện biển, địa chất đáy biển và khả năng chống chịu thiên tai.

17 nét

 HÁN VIỆT: **NHÂN TỐ**



HSK 5

Động từ

#1137

银  
yín

bạc

在日常学习和工作中，我们需要学会如何更好地银。

zài rì cháng xué xí hé gōng zuò zhōng, wǒ men xū yào xué huì rú hé gèng hǎo dì yín.

Trong học tập và công việc hàng ngày, chúng ta cần học cách bạc một cách tốt hơn.

13 nét

HÁN VIỆT NGÂN

HSK 5

Tính từ

#1138

英俊  
yīng jùn

anh tuấn, khôi ngô, tuấn tú

走在国庆大阅兵方阵最前列的三军仪仗队官兵身姿挺拔威武、面容英俊刚毅，展现了当代中国军人的昂扬风貌。

Zǒu zài guó qīng dà yuè bīng fāng zhèn zuì qián liè de sān jūn yì zhàng duì guān bīng shēn zī tíng bá wēi wú, miàn róng yīng jùn gāng yì, zhān xiàn liǎo dāng dài zhōng guó jūn rén de áng yáng fēng mào.

Đi ở hàng đầu của khối diễu binh trong Lễ Duyệt binh Quốc khánh, các cán bộ chiến sĩ Đội Tiểu binh Danh dự ba quân có vóc dáng uy nghiêm vững chãi, gương mặt anh tuấn kiên nghị, thể hiện phong thái hiên ngang hào hùng của người quân nhân thời đại mới.

21 nét

HÁN VIỆT ANH TUẤN

HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1139

英雄  
yīng xióng

anh hùng; hào hùng

崇尚英雄才会产生英雄，争做英雄才能英雄辈出；无数英烈用生命铸就了共和国坚不可摧的钢铁长城。

Chóng shàng yīng xióng cái huì chǎn shēng yīng xióng, zhēng zuò yīng xióng cái néng yīng xióng bèi chū; wú shù yīng liè yòng shēng mìng zhù jiù le gòng hé guó jiān bù kě cuī de gāng tiě cháng chéng.

Tôn vinh anh hùng mới sinh ra anh hùng, phấn đấu làm anh hùng mới có anh hùng lớp lớp xuất hiện; biết bao anh hùng liệt sĩ đã dùng tinh mạng máu xương đúc nên bức tường thành thép không thể phá vỡ của Tổ quốc.

26 nét

HÁN VIỆT ANH HÙNG

HSK 5

Động từ

#1140

迎接  
yíng jiē

ngheên đón, đón chào, đón nhận

我们要以只争朝夕的拼搏姿态与坚韧不拔的必胜信念，全力迎接新一轮科技革命与产业变革的伟大浪潮。

Wǒ men yào yǐ zhǐ zhēng zhāo xī de pīn bó zī tài yǔ jiān rèn bù bá de bì shèng xìn niàn, quán lì yíng jiē xīn yī lún kē jì gē míng yǐ chǎn yè biàn gé de wéi dà làng cháo.

Chúng ta cần lấy tâm thế chiến đấu tranh thủ từng phút từng giây cùng niềm tin tất thắng kiên cường bất khuất để đón chào toàn lực đón chào làn sóng vĩ đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và chuyển đổi công nghiệp mới.

18 nét

HÁN VIỆT NGHEÊN TIẾP

HSK 5

Danh từ

#1141

营养  
yíng yǎng

dinh dưỡng, chất dinh dưỡng

国家实施农村义务教育学生营养改善计划，切实保障了数千万乡村中小学生的体质健康与全面成长。

Guó jiā shí shī nóng cūn yǐ wù jiào yù xué shēng yíng yǎng gǎi shàn jì huà, qiè shí bǎo zhàng le shù qiān wàn xiāng cūn zhōng xiǎo xué shēng de tǐ zhì jiàn kāng yǔ quán miàn chéng zhǎng.

Nhà nước thực thi để án cải thiện dinh dưỡng học sinh giáo dục bắt buộc nông thôn, bảo đảm thiết thực cho thể chất khỏe mạnh và sự trưởng thành toàn diện của hàng chục triệu học sinh tiểu học và trung học nông thôn.

27 nét

HÁN VIỆT DOANH DƯỠNG

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1142

营业  
yíng yè

kinh doanh, mở cửa phục vụ

各大核心商圈的大型综合购物中心在法定节假日期间延长夜间营业时间，有力拉动了假日经济消费活力。

Gè dà hé xīn shāng quān de dà xíng zōng hé gòu wù zhōng xīn zài fǎ dìng jié jià rì qī jiǎn yán cháng yè jiān yíng yè shí jiān, yǒu lì lā dòng le jià rì jīng jì xiāo fèi huó lì.

Các trung tâm mua sắm tổng hợp quy mô lớn tại các khu thương mại trung tâm trọng điểm đã kéo dài thời gian mở cửa kinh doanh ban đêm trong các dịp nghỉ lễ theo quy định, thúc đẩy mạnh mẽ sức sống tiêu dùng kinh tế ban đêm ngày lễ.

23 nét

HÁN VIỆT DOANH NGHIỆP

HSK 5

Danh từ

#1143

影子  
yǐng zi

cái bóng, bóng râm, bóng dáng

斜阳西下，夕阳的余晖把在田间地头辛勤劳作的农林科研人员的身影影子拉得长长，格外崇高动人。

Xié yáng xī xià, xī yáng de yú huī bǎ zài tián jiān dì tóu xīn qín láo zuò de nóng lín kē yán yuán de shēn zǐ yǐng zi lā dé cháng cháng, gé wài chóng gāo dòng rén.

Chiều tà bóng xế, ánh hoàng hôn rọi sáng chiều kéo dài bóng dáng của các nhà nghiên cứu khoa học nông lâm đang mải miết lao động trên đồng ruộng, trông thật cao đẹp và lay động lòng người.

22 nét

HÁN VIỆT ẪNH TỬ

HSK 5

Danh từ

#1144

硬币  
yìng bì

đồng xu, tiền xu kim loại

中国人民银行限量公开发行的一套航空航天重大成就纪念硬币，工艺精湛绝伦、极具收藏与鉴赏价值。

Zhōng guó rén mín yín háng xiàn liàng gōng kāi fā xíng de yí tài háng kōng háng tiān zhòng dà chéng jiù jì nián yìng bì, gōng yì zhàn jué lún, jí jù shōu cáng yǔ jiàn shàng jià zhí.

Bộ đồng xu kỷ niệm thành tựu hàng không vũ trụ trọng đại do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc phát hành công khai có giới hạn sở hữu kỹ thuật chế tác tinh xảo tuyệt mỹ, có giá trị sưu tầm và thưởng lãm vô cùng cao.

22 nét

HÁN VIỆT NGẠNH TỆ

HSK 5

Danh từ

#1145

硬件  
yìng jiàn

phần cứng (máy tính, thiết bị điện tử)

该型自主可控高性能人工智能服务器在硬件底层采用了全国产化的异构加速芯片与高带宽互联架构。

Gāi xíng zì zhǔ kě kòng gāo xìng néng rén gōng zhì néng fú wù qì zài yìng jiàn dì céng cài yòng le quán guó chǎn huà de yì gòu jiǎ sù xīn piàn yǔ gāo dài kuān hù lián jià gòu.

Dòng máy chủ trí tuệ nhân tạo hiệu năng cao tự chủ kiểm soát này ở tầng dưới phần cứng đã áp dụng chip tăng tốc dị thể cùng kiến trúc liên kết băng thông cao hoàn toàn sản xuất trong nước.

21 nét

HÁN VIỆT NGẠNH KIẾN



HSK 5

Động từ

#1146

# 应付

## yìng fu

đối phó, ứng phó, qua loa

在严谨规范的科学实验与工程施工面前必须求真务实、精益求精，绝不能抱有任何敷衍应付的侥幸心理。

Zài yán jīn guī fàn de kē xué shí yàn yǔ gōng chéng shí gōng miàn qián bì xū qiú zhēn wú shí, jīng yì qiú jīng, jué bù nēng bào yǒu rèn hé fū yǎn yìng fu de jiǎo xīng xīn lǐ.

Đứng trước công tác thực nghiệm khoa học và thi công kỹ thuật quy chuẩn nghiêm ngặt bắt buộc phải cầu thị thực chất, tinh ích cầu tinh, tuyệt đối không được ôm giữ tâm lý may rủi làm qua loa đối phó cho xong.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ỨNG PHÓ

HSK 5

Động từ

#1147

# 应聘

## yìng pìn

ứng tuyển, xin việc, dự tuyển

来自全球多所顶级名校的数百名优秀博士研究生，齐聚国家重点实验室应聘前沿量子科研领军岗位。

Lái zì quán qiú duō suǒ dǐng jí míng xiào de shù bǎi míng yōu xiù bó shì bì yě shēng, qí jù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì yǐng pìn qián yán liàng zǐ kē yán lǐng jūn gāng wèi.

Hàng trăm tiến sĩ xuất sắc tốt nghiệp từ nhiều trường đại học hàng đầu thế giới đã hội tụ về Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia để ứng tuyển các vị trí lãnh đạo nghiên cứu lượng tử tiên phong.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: ỨNG SĨNH

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1148

# 应用

## yìng yòng

ứng dụng, áp dụng; mang tính ứng dụng

推动前沿基础研究成果向现实生产力高效转化，加快先进技术在大规模工业制造场景中的深度落地应用。

Tuí dòng qián yán jī chǔ kē xué yán jiǔ chéng guǒ xiàng xiàn shí shēng chǎn lì gāo xiào zhuǎn huà, jiā kuài xiān jìn jì shù zài dà gǔ mó gōng yè zhǎn jǐng zhōng de shēn dù luò dì yìng yòng.

Thúc đẩy các thành quả nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong chuyển hóa hiệu quả cao thành sức sản xuất hiện thực, đẩy nhanh việc ứng dụng sâu rộng các công nghệ tiên tiến vào các kịch bản chế tạo công nghiệp quy mô lớn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ỨNG DỤNG

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1149

# 拥抱

## yōng bào

ôm chặt, ôm ấp; đón nhận (công nghệ mới)

传统制造业应当以开放进取的胸怀积极拥抱人工智能与数字化浪潮，全面加快智能化改造升级步伐。

Chuán tǒng zhì zào yìng yǐng kāi fàng jìn qǔ de xiōng huái jī jī yōng bào rén gōng zhì néng yǔ shù zì huà làng cháo, quán miàn jiā kuài zhì néng huà gǎi zào shēng jí bù fá.

Ngành chế tạo truyền thống cần lấy tấm lòng cởi mở cầu tiến để tích cực đón nhận làn sóng trí tuệ nhân tạo và số hóa, đẩy nhanh toàn diện bước chuyển mình cải tạo nâng cấp thông minh.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ỠNG BẢO

HSK 5

Tính từ / Động từ

#1150

# 拥挤

## yōng jǐ

chen chúc, đông đúc, tắc nghẽn

随着大运力轨道交通网络的立体化加密延伸，昔日早晚高峰拥挤不堪的城市核心干道交通压力得到了极大缓解。

Suí zhe dà yùn lì guī dào jiāo tōng wǎng luò de lǐ tǐ huà jiā mì yǎn shēn, xī rì zǎo wǎn gāo fēng yōng jǐ bù kān de chéng shì hē xīn gàn dào jiāo tōng yā lì dé dé dào le jí dà huǎn jiě.

Cùng với việc mở rộng mạng lưới giao thông đường sắt đô thị khối lượng lớn đa tầng không gian, áp lực giao thông trên các trục đường huyết mạch đô thị vốn chen chúc tắc nghẽn vào giờ cao điểm năm nào đã được giảm tải to lớn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ỠNG TẾ

HSK 5

Danh từ

#1151

# 勇气

## yǒng qì

dũng khí, lòng dũng cảm, sự can đảm

真正的科学探索者不仅需要过人的学术智慧，更需要敢于打破思想藩篱、挑战学术权威的非凡勇气。

Zhēn zhèng de kē xué tàn suǒ zhě bù jǐn xū yào guò rén de xué shù zhì huì, gèng xū yào gǎn yú dǎ pò sī xiǎng fān lí, tiǎo zhàn xué shù quán wēi de fēi fán yǒng qì.

Người làm thám hiểm khoa học chân chính không chỉ cần trí tuệ học thuật vượt trội hơn người, mà hơn thế nữa còn cần dũng khí phi phạm dám phá bỏ những rào cản tư duy và thách thức các quyền uy học thuật.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: DŨNG KHÍ

HSK 5

Danh từ

#1152

# 用途

## yòng tú

công dụng, mục đích sử dụng

这种具备极高耐热性与超强机械韧性的新型特种碳纤维复合材料，在航空航天领域拥有十分广阔的工业用途。

Zhè zhǒng jù bèi jí gāo nài rè xìng yǔ chāo qiáng jī xié rěn xìng de xīn xíng tè zhǒng tàn xiān wéi fù hé cái liào, zài háng kōng háng tiān lǐng yù yǒng yǒu shí fēn guǎng kuò de gōng yè yòng tú.

Loại vật liệu composite sợi carbon đặc chủng thể hệ mới sở hữu khả năng chịu nhiệt cực cao và độ bền dẻo cơ học siêu mạnh này có công dụng công nghiệp vô cùng rộng mở trong lĩnh vực hàng không vũ trụ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: DỤNG ĐỒ

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#1153

# 优惠

## yōu huì

ưu đãi, giảm giá, chiết khấu

国家针对集成电路、生物医药与工业母机等重点科创领域企业，全面落实了研发费用加计扣除等一系列税收优惠政策。

Guó jiā zhēn duì jī chéng diàn lù, shēng wù yī yào yǔ gōng yè mǔ jī děng zhòng diǎn kē chuàng lǐng yù qì yè, quán miàn luò shí le yán fā yòng jī jiā jì kòu chǔ děng yí xī liè shuì shōu yōu huì zhèng cè.

Nhà nước hướng tới các doanh nghiệp trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo công nghệ trọng điểm như vi mạch tích hợp, y sinh học và máy công cụ đầu ngành, đã thực thi toàn diện một loạt chính sách ưu đãi về thuế như khấu trừ bổ sung chi phí nghiên cứu phát triển.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ƯU HUỆ

HSK 5

Tính từ

#1154

# 优美

## yōu měi

tươi đẹp, tao nhã, thanh tú, duyên dáng

国家生态文明建设示范区内依山傍水、风景秀丽，环境优美的生态绿道吸引了无数骑行爱好者。

Guó jiā shēng tài wén míng jiàn shè àn shì fàn qū nèi yī shān bàng shuǐ, fēng jǐng xiù lì, huán jīng yōu měi de shēng tài lǜ dào xī yīn liǎo wú shù qí xíng ài hào zhě.

Bên trong khu thí điểm xây dựng văn minh sinh thái quốc gia non xanh nước biếc, phong cảnh tú lệ, con đường xanh sinh thái có môi trường tươi đẹp tuyệt mỹ đã thu hút hàng vạn người đam mê đạp xe.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ƯU MỸ



HSK 5

Danh từ

#1155

优势

yōu shì

ưu thế, thế mạnh, vị thế vượt trội

我国依托完备齐全的工业制造门类、超大规模国内市场与丰富的人才资源，构筑起了坚实而强大的综合竞争优势。

Wǒ guó yī tuō wán bèi qí quán de gōng yè zhì zào mén lèi, chāo dà guó nèi shì chǎng yú fēng fù de rén cái zī yuán, gòu zhù qǐ le jiān shí ér qiáng dà de zōng hé jīng zhēng yōu shì.

Nước ta dựa vào các phân ngành công nghiệp chế tạo hoàn chỉnh đầy đủ trọn gói, thị trường nội địa siêu quy mô cùng nguồn tài nguyên nhân tài phong phú đã gây dựng nên ưu thế cạnh tranh tổng hợp vô cùng vững chắc và hùng mạnh.

21 nét

HÁN VIỆT: ƯU THẾ

HSK 5

Tính từ

#1156

悠久

yōu jiǔ

lâu đời, trường tồn, xa xưa

中华优秀传统文化拥有五千多年连绵不绝的悠久历史底蕴，是中华民族生生不息、薪火相传的精神命脉。

Zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà yōng yǒu wǔ qiān duō nián lián mián bù jué de yōu jiǔ lì shǐ dǐ yùn, shì zhōng huá mǐn zú shēng shèng bù xī, xīn huǒ xiāng chuán de jīng shén mìng mài.

Văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc sở hữu bề dày lịch sử lâu đời hơn 5.000 năm liên tục không ngừng đứt gãy, là huyết mạch tinh thần để dân tộc ta trường tồn sinh sôi và tiếp nối ngọn lửa ngàn đời.

24 nét

HÁN VIỆT: DU CỬU

HSK 5

Danh từ

#1157

邮局

yóu jú

bưu điện, bưu cục

坐落于古运河畔的历史主题邮局不仅办理常规寄递业务，更提供特色文创明信片盖章与慢递时光寄语等特色文化体验。

Zuò luò yú gǔ yùn hé pàn de lì shǐ zhǔ tí yóu jú bù jīn bàn lǐ cháng guāng jǐ jì de yě wù, gèng tí gòng tè sè wén chuàng míng xiān piàn gài zhāng yǔ màn dì shí guāng jì yǔ děng tè sè wén huà tí yàn.

Bưu điện chủ đề lịch sử tọa lạc bên bờ dòng kênh cổ không chỉ giải quyết các nghiệp vụ chuyển phát bưu chính thông thường, mà còn mang lại những trải nghiệm văn hóa đặc sắc như đóng dấu bưu thiếp sáng tạo văn hóa và dịch vụ gửi thư vượt thời gian.

22 nét

HÁN VIỆT: BƯU CỤC

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1158

游览

yóu lǎn

tham quan, du ngoạn, văn cảnh

中外游客乘坐舒适的新能源全景画舫泛舟桂林漓江之上，尽情游览“江作青罗带，山如碧玉簪”的喀斯特绝美画卷。

Zhōng wài yóu kè chéng shù zhōu shū shì de xīn néng yuán quán jīng huà fǎng fān zhōu guī lín lí jiāng zhī shàng, jìn qíng yóu lǎn "jiāng zuò qīng luó dài, shān rú bì yǔ zān" de kā sī tè jué měi huà juǎn.

Du khách trong và ngoài nước ngồi trên du thuyền phong cảnh toàn cảnh năng lượng mới êm ái lướt trên dòng sông Ly Quế Lâm, thỏa sức tham quan thưởng ngoạn bức tranh thủy mặc Karst tuyệt mỹ 'Sông như dải lụa xanh biếc, núi tựa trâm cài ngọc bích'.

28 nét

HÁN VIỆT: DU LÃM

HSK 5

Tính từ / Động từ

#1159

油炸

yóu zhá

chiên giòn, rán ngập dầu

为了心血管与胃肠代谢健康，营养学家建议在日常膳食搭配中应当严格减少高温重度油炸类高热量食品的摄入。

Wèi le xīn xuè guǎn yǔ wèi cháng dài xiè jiàn kāng, yíng yǎng xué jiā jiàn yì zài rì cháng shàn shí dā pèi zhōng yīng dǎng yán gē jiǎn shǎo gāo wēn zhòng dù yóu zhá lèi gāo rè liàng shí pǐn de shè rù.

Nhằm bảo vệ sức khỏe tim mạch và chuyển hóa tiêu hóa dạ dày ruột, các chuyên gia dinh dưỡng khuyến cáo trong khẩu phần ăn hàng ngày nên cắt giảm nghiêm ngặt việc dung nạp các loại thực phẩm nhiều calo chiên rán ngập dầu ở nhiệt độ cao.

19 nét

HÁN VIỆT: DẦU TRÁC

HSK 5

Tính từ / Động từ

#1160

犹豫

yóu yù

do dự, ngập ngừng, chần chừ

面对稍纵即逝的重大战略创新机遇，领军决策者必须当机立断、雷厉风行，绝不能犹豫不决贻误战机。

Miàn duì shǎo zòng jí shì de zhòng dà zhàn lüè chuàng xīn jī yù, lǐng jūn jué cè zhě bì xū dāng jī lì duàn, léi lì fēng xíng, jué bù néng yóu yù bù jué yì wú zhàn jī.

Đứng trước cơ hội đổi mới chiến lược trọng đại thoáng qua trong gang tấc, người ra quyết định lãnh đạo bắt buộc phải quyết đoán kịp thời, hành động dứt khoát nhanh gọn, tuyệt đối không được do dự ngập ngừng làm lỡ mất thời cơ chiến lược.

22 nét

HÁN VIỆT: DO DỰ

HSK 5

Tính từ

#1161

有利

yǒu lì

có lợi, thuận lợi, có ích

全面深化改革与进一步扩大高水平对外开放，为民营企业高质量发展营造了极其稳定、公平、透明的有利营商环境。

Quán miàn shēn huà gǎi gé yǔ jìn yí bù kuò dà gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, wéi qing yǎng dà mín yíng qǐ yè gāo zhì liàng fā zhǎn yíng zào le jí qí wěn dìng, gōng píng, tòu míng de yǒu lì yíng shāng huán jīng.

Đi sâu cải cách toàn diện và tiếp tục mở rộng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao đã kiến tạo nên môi trường kinh doanh thuận lợi vô cùng ổn định, công bằng và minh bạch cho sự phát triển chất lượng cao của đông đảo các doanh nghiệp tư nhân.

22 nét

HÁN VIỆT: HỮU LỢI

HSK 5

Danh từ

#1162

幼儿园

yòu ér yuán

trường mầm non, nhà trẻ, trường mẫu giáo

社区高标准公立普惠性幼儿园配备了宽敞明亮的活动室与安全舒适的户外游乐区，让孩子们在快乐游戏中健康茁壮成长。

Shè qū gāo biāo gōng lì pǔ huì xìng yòu ér yuán pèi bèi le kuān chǎng míng liàng de huó dòng shì yǔ ān quán shù shì de wài bù yóu lè qū, ràng hái zǐ men zài kuài lè yóu xì zhōng jiàn kāng zhuó zhuàng chéng zhǎng.

Trường mầm non công lập bao trùm đạt chuẩn cao của khu dân cư được trang bị các phòng sinh hoạt rộng rãi sáng sủa cùng khu vui chơi ngoài trời an toàn thoải mái, giúp các em nhỏ lớn khôn khỏe mạnh trong những trò chơi vui vẻ bổ ích.

29 nét

HÁN VIỆT: ẤU NHÂN VIÊN

HSK 5

Danh từ / Động từ

#1163

娱乐

yú lè

giải trí, tiêu khiển

现代数字文化创意产业应当坚持把社会效益放在首位，为人民群众提供更多健康向上、寓教于乐的高品质精神娱乐文化产品。

Xiàn dài shù zì wén huà chuàng yì chǎn yè yīng jiān bǎng shè huì xiào yì fǎng zài shǒu wèi, wéi qing dà rén mǐn qún zhòng tí gòng gèng duō jiàn kāng xiàng shàng, yù jiào yú lè de gāo pǐn zhì jīng shén yú lè wén huà chǎn pǐn.

Nghành công nghiệp sáng tạo văn hóa số hiện đại cần kiên trì đặt hiệu quả xã hội lên hàng đầu, cung cấp thêm nhiều sản phẩm văn hóa giải trí tinh thần chất lượng cao lành mạnh, giàu tính giáo dục hướng thượng cho đông đảo quần chúng nhân dân.

19 nét

HÁN VIỆT: NGU LẠC



HSK 5

Liên từ

#1164

## 与其

yǔ qí

thay vì, thà rằng (thường đi với 不如)

与其在被动等待与焦虑观望中白白错失时代发展良机，不如主动出击，迎难而上抢占科技创新制高点。

Yǔ qí zài bèi dòng děng dài yǔ jiāo lǔ guān wàng zhōng bái bái cuò shī shí dài fá zhǎn liáng jī, bù rú zhǔ dòng chū jī, yíng nán ér shàng qiǎng zhàn kè jī chuàng xīn zhì gāo diǎn.

Thay vì ngồi chờ đợi thụ động và hoang mang lo lắng để rồi bỏ lỡ cơ hội vàng phát triển của thời đại, chi bằng chủ động xuất kích, dũng cảm đón đầu khó khăn để đánh chiếm điểm cao đối mới sáng tạo khoa học công nghệ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: DŨY QÍ

HSK 5

Danh từ

#1165

## 语气

yǔ qì

ngữ khí, giọng điệu, sắc thái giọng nói

在进行国际多边外交谈判与学术交流沟通时，发言人应当始终保持沉着自信、不卑不亢的坚定语气。

Zài jìn xíng guó jì duō biān wài jiāo tán pàn yǔ xué shù jiāo liú gōu tōng shí, fā yán rén yīng dāng shǐ zhōng bǎo chí chén zhù zì xìn, bù bēi bù kàng de jiǎn dìng yǔ qì.

Khi tiến hành đàm phán ngoại giao đa phương quốc tế và giao lưu trao đổi học thuật, người phát ngôn cần luôn giữ vững ngữ khí kiên định, điềm tĩnh tự tin, không tự ti cũng không kiêu ngạo.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: NGŨ KHÍ

HSK 5

Danh từ

#1166

## 宇宙

yǔ zhòu

vũ trụ, vũ trụ bao la

中国探月工程、火星探测任务与空间站科学实验的接续圆满成功，开启了中国航天探索深远未知宇宙奥秘的新篇章。

Zhōng guó tàn yuè gōng chéng, huǒ xīng tàn cè rèn wù yǔ kōng jiān zhàn kè xué shì yàn de jiē xù yuán mǎn chéng gōng, kāi qǐ le zhōng guó háng tiān tàn suǒ shēn yuǎn wèi zhī yǔ zhòu ào mì de xīn piān zhāng.

Sự thành công rực rỡ nối tiếp nhau của chương trình thám hiểm Mặt Trăng, nhiệm vụ thám hiểm Sao Hỏa và các thí nghiệm khoa học trạm vũ trụ đã mở ra chương mới cho ngành hàng không vũ trụ nước ta trong việc khám phá những điều bí ẩn sâu thẳm chưa biết của vũ trụ bao la.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: VŨ TRỤ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1167

## 预报

yù bào

dự báo, tin dự báo

依托新一代风云气象卫星星座与超级计算机高精度数值天气预报系统，我国强对流极端天气的预警提前量大幅增加。

Yī tuō xīn yí dài fēng yún qì xiāng wèi xīng xīng zuò yǔ chāo jí jī suàn jī gāo jīng dù shù zhí tiān qì yù bào xì tǒng, wǒ guó qiáng dòng wēi jí tiān qì de yù jǐng tí qián liàng dà fú zēng jiā.

Dựa vào chòm sao vệ tinh khí tượng Phong Vân thế hệ mới cùng hệ thống dự báo thời tiết số phân giải cao trên siêu máy tính, thời gian cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết cực đoan đối lưu mạnh của nước ta đã tăng lên đáng kể.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: DỰ BÁO

HSK 5

Động từ

#1168

## 预订

yù dīng

Đặt chỗ

老师鼓励大家积极预订，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yù dīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Đặt chỗ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: DỰ ĐỊNH

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1169

## 预防

yù fáng

phòng ngừa, đề phòng, dự phòng

国家公共卫生健康事业坚持以“预防为主、防治结合”为核心方针，构筑起守护人民生命健康的坚强防线。

Guó jiā gōng gòng wèi shēng jiàn kāng shì yè jiān chí yǐ "yù fáng wéi zhǔ, fáng zhì jié hé" wéi hé xīn fāng zhēn, gòu zhù qǐ shǒu hù rén mǐn shēng mìng jiàn kāng de jiān qiáng fáng xiàn.

Sự nghiệp sức khỏe y tế công cộng quốc gia kiên định phương châm cốt lõi 'Lấy phòng bệnh làm chính, kết hợp chặt chẽ giữa phòng và trị', dựng xây nên phòng tuyến vững chắc bảo vệ tính mạng và sức khỏe của nhân dân.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: DỰ PHÒNG

HSK 5

Danh từ

#1170

## 玉米

yǔ mǐ

ngô, bắp (cây ngô/hạt ngô)

在东北广袤无垠的肥沃黑土地上，采用水肥一体化密植高产栽培技术种植的连片杂交玉米长势喜人、颗粒饱满。

Zài dōng běi guǎng mào wú yín de féi wù hēi tǔ dì shàng, cǎi yòng shuǐ féi yī tǐ huà mì zhí gāo chǎn zāi péi jì shù zhòng zhí de lián piàn zá jiāo yǔ mǐ zhǎng shì xǐ rén, kē lì bǎo mǎn.

Trên vùng đất đen phì nhiêu màu mỡ bao la bát ngát vùng Đông Bắc, những cánh đồng ngô lai bạt ngàn được gieo trồng bằng kỹ thuật thâm canh mật độ cao tích hợp phân bón nước phát triển xanh tốt, hạt ngô mẩy tròn mọng nước.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NGỌC MỄ

HSK 5

Danh từ

#1171

## 元旦

yuán dàn

Tết Dương lịch (ngày 1/1)

每逢元旦佳节，各地都会举办盛大的迎新长跑与主题交响音乐会，满怀信心开启新一年的奋斗征程。

Měi féng yuán dàn jiā jié, gè dì dū huì jǔ bàn shèng dà de yíng xīn nián zhǎng pǎo yǔ zhǔ tí jiāo xiǎng yīn yuè huì, mǎn huái xīn xìn kāi qǐ xīn yī nián de fèn dòu zhēng chéng.

Mỗi dịp Tết Dương lịch, các địa phương đều tổ chức giải chạy việt dã đón năm mới quy mô lớn cùng các buổi hòa nhạc giao hưởng chủ đề, tràn đầy tự tin mở ra chặng đường phấn đấu của một năm mới.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN ĐÁN

HSK 5

Danh từ

#1172

## 原料

yuán liào

nguyên liệu, vật liệu thô

该绿色生物制造工厂采用农作物秸秆作为生物基化工原料，替代了传统的化石石油资源路线。

Gāi lǜ sè shēng wù zhì zào gōng chǎng cǎi yòng nóng zuò wù jiē gǎn zuò wéi shēng wù jī huà gōng yuán liào, tì dài le chuán tǒng de huà shí shí yóu zī yuán lù xiàn.

Nhà máy chế tạo sinh học xanh này sử dụng rơm rạ cây trồng làm nguyên liệu hóa chất gốc sinh học, thay thế cho con đường tài nguyên dầu mỏ hóa thạch truyền thống.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NGUYÊN LIỆU



HSK 5

Danh từ

#1173

# 原则

yuán zé

nguyên tắc

在国际多边经贸合作中，中国始终坚定恪守平等互利、合作共赢的基本原则，绝不搞单边霸凌。

Zài guó jì duō biān jīng mào hé zuò zhōng, zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dìng kè shòu píng děng hù lì, hé zuò gòng yíng de jī běn yuán zé, jué bù gāo dān biān bā líng.

Trong hợp tác kinh tế thương mại đa phương quốc tế, Trung Quốc luôn kiên định tuân thủ các nguyên tắc cơ bản bình đẳng đôi bên cùng có lợi và hợp tác cùng thắng, tuyệt đối không làm trở chèn ép đơn phương.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : NGUYÊN TẮC

HSK 5

Danh từ

#1174

# 缘故

yuán gù

nguyên do, lý do, duyên cớ

由于地处深山峡谷且气候多雨的缘故，这座古老村落完整保留了就地取材、依山而建的特色干栏式木构民居。

Yóu yú dì chǔ shēn shān xiá gǔ qì hòu duō yǔ de yuán gù, zhè zuò gǔ lǎo cūn luò wán zhěng bǎo liú le jiù dì qǔ cái, yī shān ér jiàn de tè sè gàn lán shì mù gòu mín jū.

Do nguyên do nằm sâu nơi hẻm núi non cao cùng khí hậu mưa nhiều, ngôi làng cổ này đã bảo tồn nguyên vẹn những nếp nhà sàn bằng gỗ đặc trưng dựa lưng vào núi và tận dụng vật liệu tại chỗ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : DUYÊN CỐ

HSK 5

Danh từ

#1175

# 愿望

yuàn wàng

nguyện vọng, ước nguyện, mong muốn

让广大人民群众过上更加幸福、富裕、美好的现代化新生活，是我们党矢志不渝的崇高奋斗愿望。

Ràng guāng dà rén mín qún zhòng guò shàng gèng jiā xìng fú, fù yù, měi hǎo de xiān dài huà xīn shēng huó, shì wǒ men dǎng shǐ zhì bù yù de chóng gāo fēn dòu yuàn wàng.

Giúp đồng bào quần chúng nhân dân có được cuộc sống mới hiện đại hạnh phúc hơn, sung túc hơn và tươi đẹp hơn là nguyện vọng phấn đấu cao cả kiên định sắt son của Đảng chúng ta.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : NGUYỄN VỌNG

HSK 5

Động từ

#1176

# 晕

yūn

choáng váng

老师鼓励大家积极晕，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yūn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực choáng váng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : VỤNG

HSK 5

Danh từ

#1177

# 运气

yùn qì

vận may, số may, vận khí

成功从来不是靠虚无缥缈的侥幸运气，而是靠日复一日脚踏实地的辛勤付出与坚韧不拔的笃行坚持。

Chéng gōng cóng lái bú shì kào xū wú piǎo miǎo de jiǎo xìng yùn qì, ér shì kào rì fù yì rì jiǎo tà shí dì de xīn qín fù chú yú jiān rèn bù bá de dǔ xíng jiān chí.

Thành công chưa bao giờ dựa vào sự may mắn hư ảo mong lung, mà bắt nguồn từ sự cống hiến cần cù thực chất ngày qua ngày cùng sự kiên trì bền bỉ không ngừng nghỉ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : VẬN KHÍ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1178

# 运输

yùn shū

vận chuyển, chuyên chở, vận tải

横贯欧亚大陆的中欧班列亚欧各国构建起了一条全天候、大运力、绿色低碳的国际铁路大通道综合运输网络。

Héng guān ōu yà dà lù de zhōng ōu bān liè wèi yà ōu gè guó gòu jiàn qǐ le yī tiáo quán tiān hòu, dà yùn lì, lǜ sè dī tàn de guó jì tiě lù dà tōng dào zōng hé yùn shū wǎng luo.

Các chuyến tàu liên vận Trung Quốc - châu Âu vượt ngang lục địa Á - Âu đã xây dựng nên một mạng lưới vận chuyển tổng hợp hành lang đường sắt quốc tế xanh ít phát thải, khối lượng vận chuyển lớn suốt 24/7 cho các nước.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : VẬN THẦU

HSK 5

Động từ

#1179

# 运用

yùn yòng

vận dụng, áp dụng linh hoạt

青年工程师善于熟练运用前沿三维数字仿真建模技术，在极短周期内完成了复杂飞行器的气动外形优化。

Qīng nián gōng chéng shī shàn yú shú liàn yùn yòng qián yán sān wéi shù zì fǎng zhēn jiàn mó jì shù, zài jí duǎn zhōu qī nèi wán chéng le fù zá fēi xíng qì de qì dòng wài xíng yōu huà.

Kỹ sư trẻ rất giỏi vận dụng thành thạo công nghệ mô phỏng số 3D tiên phong, hoàn thành việc tối ưu hóa hình dáng khí động học của thiết bị bay phức tạp chỉ trong chu kỳ cực ngắn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : VẬN DỤNG

HSK 5

Danh từ

#1180

# 灾害

zāi hài

thiên tai, thảm họa, hiểm họa

国家构建了天基遥感、空基无人机与地基传感器协同联动的特大自然灾害综合监测预警体系。

Guó jiā gòu jiàn le tiān jī yáo gǎn, kōng jī wú rén jī yǔ dì jī chuán gǎn qì xié tóng lián dòng de tè dà zāi rǎn zāi hài zōng hé jiān cè yù jǐng tǐ xì.

Nhà nước đã xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo sớm tổng hợp các thảm họa thiên tai đặc biệt lớn có sự phối hợp đồng bộ giữa viễn thám vệ tinh không gian, máy bay không người lái trên không và cảm biến mặt đất.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : TAI HẠI

HSK 5

Phó từ

#1181

# 再三

zài sān

nhiều lần, dặn đi dặn lại, lặp đi lặp lại

总指挥在火箭点火发射前三三叮嘱全体技术人员，务必全面复核全部关键电气遥测参数。

Zǒng zhǐ huī zài huǒ jiàn diǎn huǒ fā shè qián zài sān dīng zhǔ quán tǐ jì shù rén yuán, wù bì quán miàn fù hé quán bù guān jiàn diàn qì yáo cè cān shù.

Tổng chỉ huy trước khi tên lửa điểm hỏa phóng lên đã dặn dò đi dặn dò lại toàn thể cán bộ kỹ thuật nhất thiết phải rà soát đối chiếu lại toàn bộ các thông số đo đạc từ xa điện khí then chốt.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : TÁI TAM


**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1182

# 赞成

**zàn chéng**

tán thành, đồng ý, ủng hộ

在经过充分民主论证与专家科学评估后，全体代表一致表决赞成通过了新一轮城市绿色发展总体规划纲要。

Zài jīng guò chōng fēn mǐn zhǔ lùn zhèng yǔ zhūn jiǎ kè xué pīng gū hòu, quán tǐ dài biǎo yì zhì biǎo jué zàn chéng tōng guò le xīn yī lún chéng shì lǚ sè fā zhǎn zōng tǐ guī huà gāng yào.

Sau khi trải qua các vòng thẩm định dân chủ đầy đủ và đánh giá khoa học của chuyên gia, toàn thể đại biểu đã nhất trí 100% biểu quyết tán thành thông qua Đề cương Quy hoạch tổng thể phát triển xanh đô thị giai đoạn mới.

18 nét

HÁN VIỆT: TÁN THÀNH

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1183

# 赞美

**zàn měi**

khen ngợi, ca ngợi, ca tụng

著名诗人以极其优美动人的诗句，深情赞美了在荒原林海中战天斗地、奉献一生的务林英雄群体。

Zhù míng shī rén yǐ jí qí yōu měi dòng rén de shī jù, shēn qíng zàn měi le zài huāng yuán lín hǎi zhōng zhàn tiān dòu dì, fèng xiàn yì shēng de wù lín yīng xióng qún tǐ.

Nhà thơ nổi tiếng bằng những câu thơ đẹp đẽ và lay động lòng người đã tha thiết ca ngợi tập thể các anh hùng lâm nghiệp đã cống hiến trọn đời chiến đấu cải tạo thiên nhiên giữa rừng cây hoang vu bạt ngàn.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁN MỸ

**HSK 5**

Tính từ / Thán từ

#1184

# 糟糕

**zāo gāo**

tồi tệ, hỏng hóc, gay go; nguy rồi

面对突如其来的极端恶劣暴风雪天气与极其糟糕的道路通行状况，应急除雪车队昼夜不停全力保畅通。

Miàn duì tū rú qí lái de jí duǎn è liè bào fēng xuě tiān qì yǔ jí qí zāo gāo de dào lù tōng xíng zhuàng kuàng, yìng jí chú xuě chē duì zhòu yè bù tíng quán lì bǎo chāng tōng.

Đứng trước tình hình thời tiết bão tuyết khắc nghiệt cực đoan bất ngờ ập đến cùng điều kiện thông xe đường bộ vô cùng tồi tệ hỏng hóc, đoàn xe cào tuyết cứu hộ khẩn cấp đã làm việc không ngừng ngày đêm dốc sức bảo đảm giao thông thông suốt.

23 nét

HÁN VIỆT: TAO CAO

**HSK 5**

Động từ

#1185

# 造成

**zào chéng**

gây nên, tạo thành, dẫn đến (hậu quả)

在深海油气勘探开采过程中，必须严格杜绝原油泄漏事故发生，避免对脆弱的海洋生态环境造成不可逆的破坏。

Zài shēn hǎi yóu qì kǎn tàn kāi cái guò chéng zhōng, bì xū yán gé dù jué yuǎn yōu xié lòu shì gù fā shēng, bì miǎn duì cuì ruò de hǎi yáng shēng tài huán jīng zào chéng bù kě nǐ de pò huài.

Trong quá trình thăm hiểm và khai thác dầu khí biển sâu, bắt buộc phải ngăn chặn triệt để sự cố tràn dầu thô, tránh gây ra những tổn hại không thể đảo ngược đối với môi trường sinh thái đại dương dễ bị tổn thương.

24 nét

HÁN VIỆT: TẠO THÀNH

**HSK 5**

Liên từ / Danh từ / Lượng từ

#1186

# 则

**zé**

thì, lại, trái lại; quy tắc; mẫu/tin (lượng từ)

大自然是人类赖以生存发展的基本条件；顺应自然则生态兴，违背规律则生态衰。

Dà zì rán shì rén lèi yǐ shēng fā zhǎn de jī běn tiáo jiàn; shùn yīng zì rán zé shēng tài xīng, wéi bèi guī lǚ zé shēng tài shuāi.

Tự nhiên là điều kiện cơ bản để nhân loại sinh tồn và phát triển; thuận theo tự nhiên thì sinh thái hưng thịnh, làm trái quy luật thì sinh thái suy tàn.

11 nét

HÁN VIỆT: TẮC

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1187

# 责备

**zé bèi**

trách móc, quở trách, khiển trách

导师在面对年轻学生实验失败时从不盲目求全责备，而是耐心引导他们深入剖析原因、重构设计。

Dǎo shī zài miàn duì nián qīng xué shēng shí yàn shī bài shí cóng bù máng mù qiú quán zé bèi, ér shì nài xīn yǐn dǎo tā men shēn rù pōu xī yuán yīn, zhòng gòu shè jì.

Người thầy hướng dẫn khi đối diện với những thất bại thực nghiệm của học trò trẻ không bao giờ trách móc quở phạt một cách mù quáng, mà kiên nhẫn dẫn dắt các em đi sâu mổ xẻ nguyên nhân và thiết kế lại quy trình.

26 nét

HÁN VIỆT: TRÁCH BỊ

**HSK 5**

Động từ

#1188

# 摘

**zhāi**

chọn

老师鼓励大家积极摘，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhāi, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chọn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: TRÍCH

**HSK 5**

Động từ

#1189

# 粘贴

**zhān tiē**

dán, dán vào, paste (máy tính)

在每逢新春佳节来临之际，家家户户喜气洋洋地在门窗上粘贴大红春联与吉祥喜庆的福字剪纸。

Zài měi féng xīn chūn jiē lái lín zhī jì, jiā jiā hù hù xǐ qì yáng yáng de zài mén chuāng shàng zhān tiē dà hóng chūn lián yǔ jí xiáng xǐ qīng de fú zì jiǎn zhǐ.

Vào mỗi dịp Tết cổ truyền đến gần, nhà nhà người người đều hân hoan rạng rỡ dán câu đối đỏ cùng tranh cắt giấy chữ 'Phúc' cắt tương tự vui lên cửa và cửa sổ.

20 nét

HÁN VIỆT: NIÊM THIẾP

**HSK 5**

Động từ

#1190

# 展开

**zhǎn kāi**

mở ra, triển khai, giương rộng

空间站 在轨大型柔性太阳能电池翼在太空中缓缓展开，如同一双巨大的金色翅膀在阳光下熠熠生辉。

Kōng jiān zhàn zài guī dà xíng róu xìng tài yáng diàn chí yǐng zài tài kōng zhōng huǎn huǎn zhǎn kāi, rú tóng yì shuāng jù dà de jīn sè chì bǎng zài yáng guāng xià yì yì shèng huī.

Cánh pin mặt trời mềm dẻo cỡ lớn trên quỹ đạo của trạm vũ trụ từ từ mở ra trong không gian, tựa như đôi cánh khổng lồ màu vàng óng ánh tỏa sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời.

23 nét

HÁN VIỆT: TRIỂN KHAI


**HSK 5**

Danh từ / Động từ

#1191

# 展览

**zhǎn lǎn**

triển lãm, trưng bày

国家博物馆举办的古代中国丝绸之路文明大展，吸引了来自海内外的数十万文博爱好者前来参观展览。

Guójiā bó wù guǎn jǔ bàn de gǔ dài zhōng guó sī chóu zhī lù wén míng dà zhǎn, xī yǐn le lái zì hǎi nèi wài de shù shí wàn wén bó ài hào zhě qián lái cān guān zhǎn lǎn.

Đại triển lãm văn minh Con đường tơ lụa Trung Quốc cổ đại do Bảo tàng Quốc gia tổ chức đã thu hút hàng chục vạn người đam mê di sản văn hóa trong và ngoài nước đến tham quan triển lãm.

27 nét

HÁN VIỆT: TRIỂN LÃM

**HSK 5**

Danh từ

#1192

# 战争

**zhàn zhēng**

chiến tranh

和平如阳光雨露般珍贵，中国始终坚定不移维护世界和平稳定，坚决反对一切非正义的侵略战争。

Hé píng rú yáng guāng yǔ lù bān zhēn guì, zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dīng bù yí wéi hù shì jiè hé píng wěn dìng, jiǎn jué fǎn duì yī qiè fēi zhèng yì de qīn lüè zhàn zhēng.

Hòa bình quý giá tựa như ánh nắng và hạt mưa sương mai, Trung Quốc luôn kiên định bảo vệ nền hòa bình và ổn định của thế giới, kiên quyết phản đối mọi cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa.

20 nét

HÁN VIỆT: CHIẾN TRANH

**HSK 5**

Tính từ / Động từ

#1193

# 占线

**zhàn xiàn**

bận máy, đường dây bận (điện thoại)

遇到极端特大暴雨险情时，防汛指挥中心开通了多路热线中继线路以确保市民求助电话绝不占线。

Yù dào jí duān tè dà bào yǔ xiǎn qíng shí, fáng xùn zhǐ huī zhōng xīn kāi tōng le duō lù rè xiǎn zhōng jì xiàn lù yǐ què bǎo shì mín qiú zhù diàn huà jué bù zhàn xiàn.

Khi gặp phải nguy cơ mưa bão đặc biệt lớn cực đoan, trung tâm chỉ huy phòng chống thiên tai đã mở nhiều đường dây nóng chuyển tiếp để bảo đảm các cuộc gọi cứu cứu của người dân tuyệt đối không bao giờ bị bận máy.

19 nét

HÁN VIỆT: CHIÊM TUYẾN

**HSK 5**

Động từ

#1194

# 涨

**zhǎng**

tăng giá, dâng lên (nước), phình ra

连日暴雨导致长江干流沿线水位持续上涨，防汛抗旱指挥部紧急启动二级防汛应急响应。

Lián rì bào yǔ dǎo zhì cháng jiāng gàn liú yán xiàn shuǐ wèi chí xù shàng zhǎng, fáng xùn kǎng hàn zhǐ huī bù jǐn jí qǐ dòng ǐ jí fáng xùn xùn ying ǐ xiǎng ying.

Mưa to nhiều ngày liên tục khiến mực nước dọc theo dòng chính sông Trường Giang tiếp tục dâng cao, ban chỉ huy phòng chống thiên tai đã khẩn cấp kích hoạt phản ứng khẩn cấp cấp độ 2.

10 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG

**HSK 5**

Động từ

#1195

# 掌握

**zhǎng wò**

nắm vững, làm chủ (kỹ thuật, kiến thức)

我国科研团队经过自主攻关，完全掌握了第四代先进核电站高温气冷堆的核心全套技术体系。

Wǒ guó kē yán tuán duì jīng guò zì zhǔ gōng guān, wán quán zhǎng wò le dì sì dài xiān jìn hé diǎn zhàn gāo wēn qì lěng duī de hé xīn quán tǎo jī shù tǐ xì.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta qua quá trình tự chủ nghiên cứu đã hoàn toàn làm chủ hệ thống kỹ thuật cốt lõi toàn diện của lò phản ứng làm mát bằng khí nhiệt độ cao của nhà máy điện hạt nhân tiên tiến thế hệ thứ tư.

25 nét

HÁN VIỆT: CHƯỜNG ÁC

**HSK 5**

Danh từ

#1196

# 账户

**zhàng hù**

tài khoản (ngân hàng, kỹ thuật số)

为了保障公民个人数字资产与资金安全，国家反诈中心建议大家开通银行账户大额转账多重安全验证。

Wèi le bǎo zhàng gōng mǐn gè rén shù zì zī chǎn yú zī jīn ān quán, guó jiā fǎn zhà zhōng xīn jiàn yì dà jiǎ kāi tōng yín háng zhàng hù dà é zhuǎn zhàng duō zhòng ān quán yán zhèng.

Nhằm bảo vệ an toàn tài sản số và tiền gửi cá nhân của công dân, Trung tâm Phòng chống Lừa đảo Quốc gia khuyến nghị mọi người kích hoạt xác thực an toàn đa lớp cho các giao dịch chuyển khoản lớn trên tài khoản ngân hàng.

22 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG HỘ

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1197

# 招待

**zhāo dài**

chiêu đãi, tiếp đón, phục vụ chu đáo

学术峰会组委会为来自全球各国的顶尖科学家提供了热情周到、细致入微的嘉宾接待与招待服务。

Xué shù fēng huì zǔ wěi huì wèi lái zì quán qiú gè guó de dīng jiān kē xué jiā tí gòng le rè qíng zhōu dào, xì zì zhì wēi de jiā bīn jiē dài yǐ zhāo dài fú wù.

Ban tổ chức hội nghị thượng đỉnh học thuật đã mang tới dịch vụ đón tiếp và chiêu đãi chu đáo nhiệt tình, tỉ mỉ đến từng chi tiết cho các nhà khoa học hàng đầu đến từ khắp các quốc gia trên thế giới.

20 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU ĐÃI

**HSK 5**

Động từ

#1198

# 着凉

**zháo liáng**

nhiễm lạnh, bị cảm lạnh

初秋早晚温差较大，清晨和夜间外出散步时应适当适时添衣保暖以防着凉感冒。

Chū qiū zǎo wǎn wēn chà jiào dà, qīng chén hé yè jiān wài chū sǎn bù shí yīng dāng shí shí tiān yī bǎo nuǎn yǐ fáng zháo liáng gǎn mǎo.

Chớm thu độ chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm khá lớn, khi ra ngoài đi dạo vào sáng sớm và ban đêm cần kịp thời mặc thêm áo giữ ấm để phòng ngừa bị nhiễm lạnh cảm cúm.

17 nét

HÁN VIỆT: TRƯỚC LƯƠNG

**HSK 5**

Phó từ

#1199

# 照常

**zhào cháng**

như thường lệ, bình thường như cũ

尽管窗外大雪纷飞，高铁调度指挥中心全体人员依然坚守岗位，确保各趟列车照常准点安全发车。

Jìn guān chuāng wài dà xuě fēn fēi, gāo tiě diào dù zhǐ huī zhōng xīn quán tǐ rén yuán yǐ rán jiān shǒu gǎng wèi, què bǎo gè tàng liè chē zhào cháng zhǔn diǎn ān quán fā chē.

Dẫu bên ngoài cửa sổ tuyết lớn bay ngập trời, toàn thể cán bộ trung tâm điều độ chỉ huy đường sắt cao tốc vẫn kiên cường bám trụ vị trí công tác, bảo đảm các chuyến tàu vẫn xuất phát an toàn đúng giờ như thường lệ.

23 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU THƯỜNG



HSK 5

Động từ

#1200

# 召开

## zhào kāi

triệu tập, tổ chức (hội nghị, đại hội)

全国科学技术大会、国家科学技术奖励大会在人民大会堂隆重召开，表彰为科技事业作出卓越贡献的科学家。

Quán guó kē xué jì shù dà huì, guó jiā kē xué jì shù jiǎng lì dà huì zài rén mín dà táng róng zhòng zhào kāi, biǎo chāng wéi kē jì shì yè zuò chū zhūo yuè gòng xiàn de kē xué jiā.

Đại hội Khoa học Kỹ thuật Toàn quốc và Đại hội Trao Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã được long trọng tổ chức tại Đại lễ đường Nhân dân, biểu dương các nhà khoa học có cống hiến kiệt xuất cho sự nghiệp khoa học công nghệ.

19 nét

HÁN VIỆT: THIỆU KHAI

HSK 5

Danh từ

#1201

# 哲学

## zhé xué

triết học

马克思主义哲学深刻揭示了自然界、人类社会与思维发展的普遍本质规律，是指导人类解放的强大思想武器。

Mǎ kè sī zhǔ yì zhé xué shēn kè jiē shì le zì rán jiè, rén lèi shè huì yǔ sī wéi fā zhǎn de pǔ biàn běn zhì guī lǚ, shì zhǐ dǎo rén lèi jiě fàng de qiáng dà sī xiǎng wǔ qì.

Triết học Mác - Lênin đã hé lộ sâu sắc các quy luật bản chất phổ quát của giới tự nhiên, xã hội loài người và sự phát triển tư duy, là vũ khí tư tưởng mạnh mẽ chỉ đạo sự nghiệp giải phóng con người.

24 nét

HÁN VIỆT: TRIẾT HỌC

HSK 5

Danh từ

#1202

# 真理

## zhēn lǐ

chân lý

科学探索的漫长路上布满荆棘与坎坷，唯有百折不挠、勇于追求真理的人才能最终领略真理的光辉。

Kē xué tàn suǒ de màn cháng lù shàng bù mǎn jīng jí yǔ kǎn kě, wéi yǒu bǎi zhé bù nǎo, yǒng yú zhuī qiú zhēn lǐ de rén cái néng zài zhōng lǐng lǚ zhēn lǐ de guāng huī.

Trên con đường dài dằng dặc của hành trình thám hiểm khoa học phủ đầy chông gai và gập ghềnh, chỉ có những người kiên cường bất khuất dám theo đuổi chân lý mới có thể thưởng ngoạn được vầng hào quang rực rỡ của chân lý.

20 nét

HÁN VIỆT: CHÂN LÝ

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#1203

# 真实

## zhēn shí

chân thực, có thật, xác thực

在这部优秀的历史纪录片中，导演通过详实严谨的珍贵影像档案再现了那段波澜壮阔的真实历史风云。

Zài zhè bù yōu xiù de lì shǐ jì lù piàn zhōng, dǎo yǎn tōng guò xiáng shí yǎn jìn de zhēn guì yǐng xiàng dǎng àn zài xiàn le nà duàn bō lán zhuàng kuò de zhēn shí lì shǐ fēng yún.

Trong bộ phim tài liệu lịch sử xuất sắc này, đạo diễn thông qua những thước phim lưu trữ vô giá chi tiết nghiêm ngặt đã tái hiện lại chặng đường lịch sử phong vân chân thực hào hùng tráng lệ năm nào.

23 nét

HÁN VIỆT: CHÂN THỰC

HSK 5

Giới từ / Động từ

#1204

# 针对

## zhēn duì

nhắm vào, hướng tới, căn cứ vào

针对重大慢性疾病早期筛查与精准靶向治疗难题，国家医学中心启动了多中心联合临床科研攻关专项。

Zhēn duì zhòng dà màn xìng jí bìng zǎo qī shāi chá yǔ jīng zhǔn bǎ xiàng zhì liáo nán tí, guó jiā yī xué zhōng xīn qǐ dòng le duō zhōng xīn lián hé lín chuáng kē yán gōng guān zhuān xiàng.

Nhắm hướng tới giải quyết bài toán sàng lọc sớm và điều trị trúng đích chính xác các bệnh mạn tính trọng đại, Trung tâm Y tế Quốc gia đã khởi động chương trình chuyên đề liên kết nghiên cứu khoa học lâm sàng đa trung tâm.

20 nét

HÁN VIỆT: CHÂM ĐỐI

HSK 5

Động từ

#1205

# 珍惜

## zhēn xī

trân trọng, quý trọng, giữ gìn

青年一代生逢伟大时代，应当倍加珍惜来之不易的学习时光，努力掌握过硬本领为国效力。

Qīng nián yì dài shēng féng wēi dà shí dài, yīng dāng bèi jiā zhēn xī lái zhī bù yì de xué xí shí guāng, nǔ lì zhǎng wò guò yǐng běn lǐng wéi guó xiào lì.

Thế hệ thanh niên sinh ra trong thời đại vĩ đại, cần phải nhân đôi sự trân trọng những tháng ngày học tập quý báu có được không dễ dàng, nỗ lực nắm vững tay nghề vượt trội để cống hiến cho đất nước.

18 nét

HÁN VIỆT: TRÂN TÍCH

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1206

# 诊断

## zhěn duàn

chẩn đoán, chẩn đoán bệnh tật

利用多模态人工智能医学影像辅助诊断系统，基层医生能够以极高准确率实现早期肺癌的快速智能筛查。

Lì yòng duō mó tài rén gōng zhì néng yī xué yǐng xiàng fù zhù zhēn duàn xì tǒng, jī céng yī shēng néng gòu yǐ jí gāo zhǔn què lǜ shí xiàn zǎo qī fēi ái de kuài sù zhì néng shāi chá.

Nhờ vào hệ thống chẩn đoán hỗ trợ hình ảnh y tế bằng trí tuệ nhân tạo đa phương thức, các bác sĩ tuyến cơ sở có thể thực hiện sàng lọc thông minh nhanh chóng ung thư phổi giai đoạn sớm với độ chuẩn xác cực cao.

21 nét

HÁN VIỆT: CHẨN ĐOẠN

HSK 5

Danh từ

#1207

# 枕头

## zhěn tóu

cái gối, gối đầu

选用高度适中、软硬适度且符合人体工学颈椎曲线的天然乳胶枕头，有助于显著提升深度睡眠质量。

Xuǎn yòng gāo dù shì zhōng, ruǎn yìng shì dù qié fú hé rén tǐ gōng xué jǐng zhuī quǎn xiàn de tiān rán rǔ jiāo zhěn tóu, yǒu zhù yú xiǎn zhù tí shēng shēn dù shuì mián zhì liàng.

Lựa chọn chiếc gối cao su thiên nhiên có độ cao vừa phải, độ êm ái thích hợp và vừa vận dụng công đột sống cổ công thái học sẽ giúp nâng cao rõ rệt chất lượng giấc ngủ sâu.

19 nét

HÁN VIỆT: CHẨM ĐẦU

HSK 5

Động từ

#1208

# 阵

## zhèn

Mảng

老师鼓励大家积极阵，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhèn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Mảng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: TRẬN


**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1209

# 振动

**zhèn dòng**

rung động, dao động, rung chuyển

新型国产大飞机机翼结构成功通过了极限气动弹性颤振与地面多点共振全尺寸结构振动试验。

Xīn xíng guó chān dà fēi jī jī yǐ jié gòu chéng gōng tóng guò le jí xiàn qì dòng tán xīng chān zhèn yǔ dì miàn duō diǎn gòng zhèn quán chǐ cùn jié gòu zhèn dòng shì yàn.

Kết cấu cánh của dòng máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước thể hệ mới đã vượt qua thành công các bài kiểm tra rung động kết cấu toàn kích thước rung cánh khí đàn hồi cực hạn và cộng hưởng đa điểm trên mặt đất.

24 nét

 HÁN VIỆT : **CHẤN ĐỘNG**
**HSK 5**

Động từ

#1210

# 睁

**zhēng**

mở mắt, giương mắt

清晨睁开双眼，和煦明媚的阳光透过洁白轻柔的窗帘洒在床头，让人感受到新一天的无限美好与生机。

Qīng chén zhēng kāi shuāng yǎn, hé xù míng měi de yǎng guāng tòu guò jié bái qīng róu de chuāng lián sǎ zài chuāng tóu, ràng rén gǎn shòu dào xīn yī tiān de wú xiàn měi hǎo yǔ shēng jī.

Sáng sớm mở mắt ra, ánh nắng ấm áp rạng rỡ xuyên qua lớp rèm cửa sổ màu trắng mềm mại chiếu rọi bên đầu giường, khiến người ta cảm nhận được vẻ đẹp bất tận và sức sống ngập tràn của một ngày mới.

10 nét

 HÁN VIỆT : **TRANH**
**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1211

# 争论

**zhēng lùn**

tranh luận, tranh cãi, thảo luận

学术自由鼓励百家争鸣，在真理面前不同学派之间的激烈学术争论往往能够催生重大原创科学突破。

Xué shù zì yóu gǔ lì bǎi jiā zhēng míng, zài zhēn lǐ miàn qián bù tóng xué pài zhī jiān de jī liè xué shù zhēng lùn wǎng wǎng néng gòu cuī shēng zhòng dà yuán chuàng kē xué tú pò.

Tự do học thuật khuyến khích trăm nhà đua tiếng, trước chân lý những cuộc tranh luận học thuật sôi nổi giữa các trường phái khác nhau thông thường có thể tạo tiền đề ươm mầm cho những bước đột phá khoa học nguyên tác trọng đại.

17 nét

 HÁN VIỆT : **TRANH LUẬN**
**HSK 5**

Động từ

#1212

# 争取

**zhēng qǔ**

tranh thủ, phấn đấu giành lấy, nỗ lực đạt được

全体科研攻关人员团结一心、争分夺秒，全力争取在年底前圆满完成大科学装置全系统集成联调任务。

Quán tǐ kē yán gōng guān rén yuán tuán jié yī xīn, zhēng fēn duó miǎo, quán lì zhēng qǔ zài nián dǐ qián yuán mǎn wán chéng dà kē xué zhuāng zhì quán xī tóng jī chéng lián diào rèn wù.

Toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học đoàn kết một lòng, tranh thủ từng phút từng giây, dốc toàn lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tích hợp hiệu chỉnh chạy thử toàn hệ thống thiết bị khoa học lớn trước cuối năm.

17 nét

 HÁN VIỆT : **TRANH THỦ**
**HSK 5**

Động từ

#1213

# 征求

**zhēng qiú**

trưng cầu, xin ý kiến, thăm dò

国家立法机关在制定重大法律法规草案时，始终坚持开门立法、广泛征求全国各界人民群众的意见与建议。

Guó jiā lì fǎ jī guān zài zhì dìng zhòng dà fǎ lǜ fǎ guī cāo àn shí, shǐ zhōng jiān chí kāi mén lì fǎ, guāng fàn zhēng qiú quán guó gè jiē rén mín qún zhòng de yì jiàn yǔ jiàn yì.

Cơ quan lập pháp quốc gia khi xây dựng các dự thảo luật và văn bản quy phạm pháp luật trọng đại luôn kiên định mở rộng cửa lập pháp, trưng cầu sâu rộng ý kiến và kiến nghị của quần chúng nhân dân các giới trên toàn quốc.

22 nét

 HÁN VIỆT : **CHINH CẦU**
**HSK 5**

Tính từ

#1214

# 整个

**zhěng gè**

toàn bộ, tất cả, nguyên cả

新一代全流程绿色低碳工业园区实现了水资源与工业余热在整个园区内部的百分之百闭环循环利用。

Xīn yí dài quán liú chéng lǚ sè dī tàn gōng yè yuán qū shí xiàn le shuǐ zī yuán yǔ gōng yè yú rè zài zhěng gè yuán qū nèi bù de bǎi fēn zhǐ bài bì huán xún huán lì yòng.

Khu công nghiệp xanh ít phát thải toàn quy trình thế hệ mới đã hiện thực hóa việc tái tuần hoàn khép kín 100% tài nguyên nước và nhiệt dư công nghiệp bên trong toàn bộ khu công nghiệp.

22 nét

 HÁN VIỆT : **CHÍNH CẢ**
**HSK 5**

Tính từ

#1215

# 整体

**zhěng tǐ**

toàn bộ

在面对复杂的挑战时，保持整体的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhěng tǐ de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái toàn bộ đặc biệt quan trọng.

18 nét

 HÁN VIỆT : **CHÍNH THỂ**
**HSK 5**

Tính từ / Phó từ

#1216

# 正

**zhèng**

đúng, chuẩn, thẳng; đang, đúng lúc; chính (dương/chính thức)

当前我国正处于加快推进产业转型升级与高质量发展全面突破的关键历史攻坚阶段。

Dāng qián wǒ guó zhèng chǔ yú jiā kuài jìn jìn chǎn yè zhuǎn xíng shēng jí yǔ gāo zhì liàng fā zhǎn quán miàn tú pò de guān jiàn lì shǐ gōng jiàn jiē duàn.

Hiện nay nước ta đang ở vào giai đoạn lịch sử then chốt mang tính quyết định nhằm đẩy nhanh chuyển dịch nâng cấp công nghiệp và tạo đột phá toàn diện phát triển chất lượng cao.

10 nét

 HÁN VIỆT : **CHINH**
**HSK 5**

Danh từ

#1217

# 政策

**zhèng cè**

chính sách, chủ trương chính sách

国家出台了一系列精准有力的减税降费与普惠金融扶持政策，切实为广大中小微企业纾困解难。

Guó jiā chū tái le yī xì liè jīng zhǔn yǒu lì de jiǎn shuì jiàng fèi yǔ pǔ huì jīn róng fú chí zhèng cè, qiè shí wèi guāng dà zhōng xiǎo wēi qì yè shǔ kùn jiě nán.

Nhà nước đã ban hành một loạt chính sách hỗ trợ tài chính bao trùm và giảm thuế phí trúng đích mạnh mẽ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc thiết thực cho đông đảo doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.

25 nét

 HÁN VIỆT : **CHÍNH SÁCH**


**HSK 5**

Danh từ

#1218

# 政府

  
**zhèng fǔ**

chính phủ, chính quyền

各级人民政府始终坚持以人民为中心的发展思想，着力建设人民满意的法治政府、创新政府与廉洁政府。

Gè jí rén mín zhèng fǔ shǐ zhōng jiān chí yǐ rén mín wéi zhōng xīn de fā zhǎn sī xiǎng, zhuó lì jiàn shè rén mín mǎn yì de fǎ zhì zhèng fǔ, chuàng xīn zhèng fǔ yǔ lián jié zhèng fǔ.

Chính quyền nhân dân các cấp luôn kiên định tư tưởng phát triển lấy nhân dân làm trung tâm, dốc sức xây dựng chính quyền pháp trị, chính quyền đối mới sáng tạo và chính quyền liêm chính làm hài lòng nhân dân.

21 nét

HÁN VIỆT : CHÍNH PHỦ

**HSK 5**

Danh từ / Tính từ

#1219

# 政治

  
**zhèng zhì**

chính trị

保持政治定力、严守政治纪律与政治规矩，是确保党和国家各项重大战略事业始终沿着正确方向前进的根本政治保证。

Bǎo chí zhèng zhì dìng lì, yán shǒu zhèng zhì jì lǜ yǔ zhèng zhì guī jǔ, shì què bǎo dǎng hé guó yán gè xiàng zhòng dà zhàn lüè shì yè shǐ zhōng yán zhe zhèng què fāng xiàng qián jìn de gēn běn zhèng zhì bǎo zhèng.

Giữ vững sự kiên định chính trị, tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật chính trị và quy tắc chính trị là sự bảo đảm chính trị căn bản giúp mọi sự nghiệp chiến lược trọng đại của Đảng và Nhà nước luôn tiến lên theo hướng đi đúng đắn.

24 nét

HÁN VIỆT : CHÍNH TRỊ

**HSK 5**

Danh từ

#1220

# 证件

  
**zhèng jiàn**

giấy tờ, chứng từ, thẻ căn cước/giấy chứng nhận

出入境边防检查站全面推广智能快捷通关查验系统，旅客只需扫描电子证件即可实现十秒极速通关。

Chū rù jìng biān fáng jiǎn chá zhàn quán miàn tuī guǎng zhì néng kuài jié tōng guān chá yǎn xì tǒng, lǚ kè zhǐ xū sǎo miáo diǎn zì zhèng jiàn jí kě shí xiàn shí miǎo jí sù tōng guān.

Trạm kiểm soát biên phòng xuất nhập cảnh đã phổ biến toàn diện hệ thống kiểm tra thông quan nhanh thông minh, hành khách chỉ cần quét giấy tờ điện tử là có thể hoàn thành thông quan siêu tốc chỉ trong 10 giây.

21 nét

HÁN VIỆT : CHỨNG KIỆN

**HSK 5**

Danh từ

#1221

# 证据

  
**zhèng jù**

bằng chứng, chứng cứ

在司法审判与事实认定中必须坚持以事实为依据、以法律为准绳，绝不能在缺乏确凿客观证据的情况下主观定罪。

Zài sī fǎ shēn pàn yǔ shì shí rèn dìng zhōng bì xū jiān chí yǐ shì shí wéi yī jù, yǐ fǎ lǜ wéi zhǔn shéng, jué bù néng zài quē fá què záo kè guān zhèng jù de qíng kuàng xià zhǔ guān dìng zuì.

Trong xét xử tư pháp và xác định sự thật bắt buộc phải kiên trì lấy sự thật làm căn cứ, lấy pháp luật làm thước đo, tuyệt đối không được định tội chủ quan khi thiếu các chứng cứ khách quan xác thực.

18 nét

HÁN VIỆT : CHỨNG CỨ

**HSK 5**

Động từ

#1222

# 挣钱

  
**zhèng qián**

kiếm tiền, kiếm sống

广大乡村青年通过参加免费职业技能培训掌握了一技之长，在家门口的现代化农业产业园里实现了体面劳动挣钱致富。

Guǎng dà xiāng cūn qīng nián tōng guò cān jiā miǎn fèi zhí yè jī néng péi xùn zhǎng wò le yí jì zhī cháng, zài jiā mén kǒu de xiān dài huà nóng yè chǎn yè yuán lǐ shí xiàn le tǐ miàn láo dòng zhèng qián zhì fù.

Đồng đảo thanh niên nông thôn thông qua việc tham gia các khóa đào tạo kỹ năng nghề miễn phí đã nắm vững tay nghề vững chắc, thực hiện lao động đường hoàng kiếm tiền làm giàu ngay tại khu công viên công nghiệp nông nghiệp hiện đại gần nhà.

26 nét

HÁN VIỆT : TRANH TIỀN

**HSK 5**

Lượng từ

#1223

# 支

  
**zhī**

chi nhánh

掌握好“支”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhāng wò hǎo “zhī” de yòng fǎ, néng ràng zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “支” (chi nhánh) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

11 nét

HÁN VIỆT : CHI

**HSK 5**

Danh từ

#1224

# 支票

  
**zhī piào**

séc, chi phiếu ngân hàng

在商业大额结算业务中，企业财务人员必须严格按照银行票据法规范审核转账支票的印鉴真伪与有效期限。

Zài shāng yè dà é jié suàn yè wù zhōng, qǐ yè cái wù rén yuán bì xū yán gé ān zhào yīn háng piào jù fǎ guī fàn shēn yàn zhuǎn zhàng zhī piào de yìn jiàn zhēn wēi yǔ yǒu xiào qī xiàn.

Trong nghiệp vụ thanh toán thương mại giá trị lớn, nhân viên tài chính doanh nghiệp bắt buộc phải thẩm định nghiêm ngặt tính xác thực của con dấu và thời hạn hiệu lực của séc chuyển khoản theo luật công cụ chuyển nhượng ngân hàng.

19 nét

HÁN VIỆT : CHI PHIẾU

**HSK 5**

Tính từ / Phó từ / Động từ

#1225

# 直

  
**zhí**

thẳng, thẳng thắn, trực tiếp; hướng thẳng

新建成通车的高速铁路全线桥隧比超过百分之八十，穿山跨江、笔直向前，极大缩短了城市群时空距离。

Xīn jiàn chéng tōng chē de gāo sù tiě lù quán xiàn qiáo suì bǐ cháo guò bǎi fēn zhī bā shí, chuān shān kuà jiāng, bǐ zhí xiàng qián, jí dà suǒ duǎn le chéng shì qún shí kōng jù lí.

Tuyến đường sắt cao tốc mới thông xe có tỷ lệ cầu hầm trên toàn tuyến vượt quá 80%, xuyên núi vượt sông, thẳng tắp tiến về phía trước, rút ngắn to lớn khoảng cách không gian thời gian giữa các cụm đô thị.

10 nét

HÁN VIỆT : TRỰC

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1226

# 执行

  
**zhí xíng**

chấp hành, thực thi, thi hành

神舟载人飞船在轨航天员乘组严格执行预定飞行任务计划，沉着冷静完成多次高难度出舱太空行走活动。

Shén zhōu zài rén fēi chuán zài guī háng tiān yuán chéng zǔ yán gé zhí xíng yù dìng fēi xíng rèn wù jì huà, chén zhùo lěng jìng wán chéng dūo cì gāo nán dù chū cāng tài kōng xíng zǒu huó dòng.

Phi hành đoàn tàu vũ trụ Thần Châu trên quỹ đạo đã chấp hành nghiêm ngặt kế hoạch nhiệm vụ bay dự kiến, điềm tĩnh hoàn thành nhiều hoạt động đi bộ ngoài không gian rời khoang độ khó cao.

25 nét

HÁN VIỆT : CHẤP HÀNH



HSK 5

Danh từ

#1227

## 执照

zhí zhào

giấy phép, giấy phép kinh doanh, bằng lái

市场监管部门全面深化商事制度改革，推行“全程网办、秒批秒办”，企业最快半小时即可领取电子营业执照。

Shì chāng jiān guǎn bù miàn shēn huà shāng shì zhì dù gǎi gé, tuī xíng "quán chéng wǎng bàn, miǎo pī miǎo bàn", qǐ yè zuì kuài bàn xiǎo shí jí kě lǐng qǔ diàn zǐ yíng yè zhǐ zhào.

Cơ quan quản lý thị trường đã đi sâu cải cách thể chế thương sự toàn diện, áp dụng 'Một cửa trực tuyến toàn trình, duyệt trong tích tắc', doanh nghiệp nhanh nhất chỉ trong nửa giờ là có thể nhận giấy phép kinh doanh điện tử.

23 nét

HÁN VIỆT: CHẤP CHIẾU

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1228

## 指导

zhǐ dǎo

chỉ đạo, hướng dẫn, chỉ bảo

在老一辈功勋科学家的悉心指导与言传身教下，一大批青年学术骨干迅速成长为国家科技攻关的栋梁之才。

Zài lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā de xī xīn zhǐ dǎo yǔ yán chuán shēn jiào xué, yí dà pī qīng nián xué shù gǔ gān xùn sù chéng zhǎng wéi guó jiā kē jì gōng guān de dòng liáng zhī cái.

Dưới sự chỉ bảo tận tình và tấm gương mẫu mực của các nhà khoa học có công lớn tiền bối, một thế hệ cán bộ nòng cốt học thuật trẻ đã nhanh chóng trưởng thành trở thành những nhân tài rường cột gánh vác các đề tài khoa học công nghệ của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈ ĐẠO

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1229

## 指挥

zhǐ huī

chỉ huy, điều khiển; người chỉ huy (nhạc trưởng)

在重大抢险救灾一线现场，应急救援指挥部沉着指挥、科学调度各方救援力量展开立体式生命大搜救。

Zài zhòng dà qiǎng xiǎn jiù zāi yī xiàn xiàn chǎng, yìng jí jiù yuán zhǐ huī bù chén zhùo zhǐ huī, kē xué diào dù gè fāng jiù yuán lì liàng zhān kāi lì tǐ shì shēng mìng dà sōu jiù.

Tại hiện trường tuyến đầu cứu hộ cứu nạn thiên tai trọng đại, ban chỉ huy cứu hộ khẩn cấp đã điềm tĩnh chỉ huy, điều độ khoa học các lực lượng cứu hộ triển khai chiến dịch đại tìm kiếm cứu nạn sự sống đa không gian.

26 nét

HÁN VIỆT: CHỈ HUY

HSK 5

Động từ

#1230

## 制定

zhì dìng

lập ra, ban hành, hoạch định (kế hoạch, luật)

国家发展改革委联合多部门科学制定了中长期绿色能源发展战略规划纲要，明确了实现碳中和的清晰时间表。

Guó jiā fā zhǎn gǎi gé wēi lián hé duō bù mén kē xué zhì dìng le zhōng cháng qī lǜ sè néng yuán fā zhǎn zhàn lüè guī huà gāng yào, míng què le shí xiàn tàn zhōng hé de qīng xī shí jiān biāo.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia phối hợp cùng nhiều bộ ngành đã hoạch định khoa học để cương Quy hoạch chiến lược phát triển năng lượng xanh trung và dài hạn, xác định rõ lộ trình thời gian biểu minh bạch để đạt mục tiêu trung hòa carbon.

20 nét

HÁN VIỆT: CHẾ ĐỊNH

HSK 5

Danh từ

#1231

## 制度

zhì dù

chế độ, thể chế, quy chế

中国特色社会主义制度具有强大的生命力和巨大的优越性，是战胜一切艰难险阻的根本制度保障。

Zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì zhì dù jù yǒu qiáng dà de shēng mìng lì hé jù dà de yōu yuè xìng, shì zhàn shèng yí qiè jiān nán xiǎn zǔ de gēn běn zhì dù bǎo zhàng.

Chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc sở hữu sức sống mãnh liệt và tính ưu việt to lớn, là sự bảo đảm thể chế căn bản để chiến thắng mọi ghềnh thác gian nan thử thách.

23 nét

HÁN VIỆT: CHẾ ĐỘ

HSK 5

Động từ

#1232

## 制作

zhì zuò

làm

老师鼓励大家积极制作，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhì zuò, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: CHẾ TÁC

HSK 5

Danh từ

#1233

## 智慧

zhì huì

trí tuệ, sự thông thái

构建人类命运共同体重大理念凝结着深厚的东方哲学智慧，为解决全球治理面临的百年变局难题贡献了中国方案。

Gòu jiàn rén lèi mìng yùn tóng tǐ zhòng dà lǐ niàn níng jié zhe shēn hòu de dōng fāng zhé xué zhì huì, wéi jiě jué quán qiú zhī lǐ miàn lín de bǎi nián biàn jú nán tí gòng xiàn le zhōng guó fāng àn.

Quan niệm trọng đại cùng xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại kết tinh trí tuệ triết học phương Đông sâu sắc, đóng góp phương án Trung Hoa để giải quyết bài toán biến chuyển trăm năm của quản trị toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: TRÍ TUỆ

HSK 5

Phó từ / Danh từ

#1234

## 至今

zhì jīn

đến nay, cho tới nay

始建于战国时期的都江堰水利工程历经两千两百余年风雨沧桑，至今依然造福着天府之国的沃野千里。

Shǐ jiàn yú zhàn guó shí qī de dù jiāng yàn shuǐ lì gōng chéng lì jīng liǎng qiān liǎng bǎi yú nián fēng yǔ cāng sāng, zhì jīn yī rán zǎo fú zhe tiān fú zhī guó de wò yě qiān lǐ.

Công trình thủy lợi Đồ Giang Yển được khởi lập từ thời Chiến Quốc trải qua hơn 2.200 năm mưa gió thăng trầm, đến nay vẫn đang tạo phúc cho hàng ngàn dặm ruộng đồng màu mỡ của vùng đất trù phú Thiên Phủ.

22 nét

HÁN VIỆT: CHÍ KIM

HSK 5

Giới từ

#1235

## 至于

zhì yú

Đối với

掌握好“至于”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo "zhì yú" de yòng fǎ, néng ràng zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào. Nắm vững cách dùng từ "至于" (Đối với) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

25 nét

HÁN VIỆT: CHÍ VU



HSK 5

Động từ

#1236

# 治疗

## zhì liáo

diều trị

老师鼓励大家积极治疗，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhì liáo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều trị, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: TRỊ LIỆU

HSK 5

Danh từ

#1237

# 志愿者

## zhì yuàn zhě

tình nguyện viên

在国际重大体育赛事与大型博览会上，身穿统一制服的青年志愿者们用热情专业的微笑服务温暖了八方来宾。

Zài guó jì zhòng dà tǐ yù sài shì yǔ dà xíng bó lǎn huì shàng, shēn chuān tóng yī zhì fú de qīng nián zhì yuàn zhě men yòng rè qíng zhuān yè de wēi xiào fú wù wǎn nuǎn le bā fāng lái bīn.

Tại các sự kiện thể thao quốc tế lớn và hội chợ triển lãm quy mô lớn, các bạn tình nguyện viên trẻ khoác trên mình bộ đồng phục chính tề bằng nụ cười phục vụ nhiệt tình chuyên nghiệp đã sưởi ấm lòng quan khách bốn phương.

33 nét

HÁN VIỆT: CHÍ NGUYỄN GIẢ

HSK 5

Danh từ

#1238

# 秩序

## zhì xù

trật tự, kỷ cương nề nếp

维护公平公正、开放包容、基于国际法准则的国际政治经济秩序，是符合国际社会绝大多数成员共同利益的正义事业。

Wéi hù gōng píng gōng zhèng, kāi fàng bāo róng, jī yú guó jì fǎ zhǔn zé de guó jì zhèng zhì jīng jì zhì xù, shì fú hé guó jì shè huì jué dà duō shù chéng yuán gòng tóng lì yì de zhèng yì shì yè.

Bảo vệ trật tự chính trị kinh tế quốc tế công bằng công chính, cởi mở bao dung dựa trên các chuẩn mực luật pháp quốc tế là sự nghiệp chính nghĩa phù hợp với lợi ích chung của đại đa số thành viên trong cộng đồng quốc tế.

20 nét

HÁN VIỆT: TRẬT TỰ

HSK 5

Danh từ / Lượng từ

#1239

# 钟

## zhōng

chuông, đồng hồ; tiếng chuông

新年零点钟声敲响的那一刻，漫天璀璨绚丽的礼花在夜空中绽放，全场响起欢腾的喝彩声。

Xīn nián líng diǎn zhōng shēng qiāng xiǎng de nà yī kè, màn tiān cuǐ càn xuàn lì de lǐ huā zài yè kōng zhōng zhàn fàng, quán chǎng xiǎng qǐ huān téng de hè cái shēng.

Khoảnh khắc tiếng chuông đồng hồ điểm 0 giờ năm mới ngân vang, pháo hoa rực rỡ muôn màu bung nở trên bầu trời đêm, toàn thể khán trường rộn vang tiếng reo hò chúc mừng nồng nhiệt.

10 nét

HÁN VIỆT: CHUNG

HSK 5

Danh từ

#1240

# 中介

## zhōng jiè

môi giới, trung gian

国家大力支持培育专业化技术转移转化中介服务机构，架起高校科研成果与企业产业化落地的金桥。

Guó jiā dà lì zhī chí péi yù zhuān yè huà zhuǎn huà zhōng jiè fú wù jī gòu, jià qǐ gāo xiào kē yán chéng guó yǐ qǐ yè chǎn yè huà luò dì de jīn qiáo.

Nhà nước hỗ trợ mạnh mẽ việc bồi dưỡng các cơ quan dịch vụ môi giới chuyển giao và chuyển hóa kỹ thuật chuyên nghiệp, bắc cây cầu vàng nối liền giữa thành quả nghiên cứu đại học và ứng dụng công nghiệp hóa của doanh nghiệp.

20 nét

HÁN VIỆT: TRUNG GIỚI

HSK 5

Danh từ

#1241

# 中心

## zhōng xīn

trung tâm, trọng tâm, hạt nhân

该综合性国家科学中心聚集了全球顶尖的战略科学家团队与数十个世界级大科学前沿装置。

Gāi zōng hé xíng guó jiā kē xué zhōng xīn jù jí le quán qiú dǐng jīn de zhàn lüè kē xué jiā tuán duì yǔ shù shí gè shì jì jiē jī dà kē xué qián yán zhuāng zhì.

Trung tâm Khoa học Quốc gia Tổng hợp này quy tụ đội ngũ các nhà khoa học chiến lược hàng đầu thế giới cùng hàng chục thiết bị khoa học lớn tiên phong tầm cỡ thế giới.

17 nét

HÁN VIỆT: TRUNG TÂM

HSK 5

Danh từ

#1242

# 中旬

## zhōng xún

trung tuần (từ ngày 11 đến ngày 20 trong tháng)

每年十月中旬，北京香山以及周边国家森林公园迎来了漫山红叶的最佳观赏黄金期。

Měi nián shí yuè zhōng xún, běi jīng xiāng shān yǐ jí zhōu biān guó jì sēn lín gōng yuán yíng lái le màn shān hóng yè de zuì jiā guān shāng huáng jīn qī.

Vào trung tuần tháng Mười hàng năm, núi Hương Sơn Bắc Kinh cùng các công viên rừng quốc gia lân cận bước vào giai đoạn vàng thẫm lấp lánh lá phong đỏ khắp núi đối đẹp nhất.

19 nét

HÁN VIỆT: TRUNG TUẦN

HSK 5

Tính từ / Động từ

#1243

# 重

## zhòng

nặng, nặng trĩu; coi trọng; lặp lại (trùng)

大国重器承载着国家强盛与民族复兴的千钧重托，展现了中国制造向中国创造迈进的硬核实力。

Dà guó zhòng qì chéng zài zhe guó jiā qiáng shèng yǔ mín zú fù xīng de qiān jūn zhòng tuō, zhǎn xiàn le zhōng guó zhì zào xiàng zhōng guó chuàng zào mài jìn de yīng hé shí lì.

Các trang thiết bị trọng đại của đất nước gánh vác trọng trách ngàn cân về sự giàu mạnh của quốc gia và phục hưng của dân tộc, thể hiện thực lực cốt lõi của bước tiến từ sản xuất chế tạo sang sáng tạo Trung Hoa.

9 nét

HÁN VIỆT: TRÙNG

HSK 5

Danh từ

#1244

# 重量

## zhòng liàng

trọng lượng, khối lượng, sức nặng

新型航天超轻高强碳纤维结构材料在保持优异力学刚度的同时，将运载火箭整流罩的重量减轻了近三分之一。

Xīn xíng háng tiān chāo qīng gāo qīng carbon xiān wéi jié gòu cái liào zài bǎo chí yōu yì lì xué gāng dù de tóng shí, jiāng yùn zài huǒ jiàn zhěng zhào de zhòng liàng jiǎn qīng le jìn sān fēn zhī yī.

Loại vật liệu kết cấu sợi carbon siêu nhẹ độ bền cao hàng không thể hệ mới trong khi duy trì độ cứng cơ học xuất sắc đã giảm gần một phần ba trọng lượng của chóp bảo vệ tên lửa đẩy.

20 nét

HÁN VIỆT: TRÙNG LƯỢNG



HSK 5

Tính từ

#1245

# 周到

zhōu dào

chu đáo, tận tình, tỉ mỉ

国际学术研讨会会务组为与会的中外专家学者提供了无微不至、极其周到热情的服务接待。

Guó jì xué shù yán tao huì wù wú zǔ wèi yǔ huì de zhōng wài zhuān jiā xué zhě tí gōng liáo wú wēi bù zhī, jí qí zhōu dào rè qíng de fú wù jiē dài.

Ban hậu cần hội nghị học thuật quốc tế đã mang lại sự đón tiếp và dịch vụ nhiệt tình, vô cùng chu đáo và tận tâm tới từng chi tiết nhỏ nhất cho các chuyên gia học giả trong và ngoài nước tham dự.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: CHU ĐÁO

HSK 5

Phó từ

#1246

# 逐步

zhú bù

từng bước, dần dần, tiệm tiến

随着清洁能源消纳技术的持续突破，以风光电为主体的新型电力能源体系正在我国逐步建立健全。

Suí zhe qīng jié néng yuán xiāo nà jì shù de chí xù tū pò, yǐ fēng diàn guāng fú wéi zhǔ tǐ de xīn xíng diàn lì néng yuán tǐ xī zhèng zài wǒ guó zhú bù jiàn lì jiàn quán.

Cùng với những bước đột phá liên tục của công nghệ hấp thụ năng lượng sạch, hệ thống năng lượng điện mới lấy điện gió và quang điện làm chủ đạo đang từng bước được xây dựng hoàn thiện tại nước ta.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TRỰC BỘ

HSK 5

Danh từ

#1247

# 竹子

zhú zi

cây tre, tre trúc

竹子在中华文化中具有“咬定青山、虚心坚韧”的高洁君子品格象征，深受历代文人雅士赞颂。

Zhú zi zài zhōng huá chuán tǒng wén huà zhōng jù yǒu "yǎo dìng qīng shān, xū xīn jiān rèn" de gāo jié jūn zǐ pǐn gé xiàng zhēng, shēn shòu lì dài wén rén yǎ shì zàn yǒng.

Cây tre trúc trong văn hóa truyền thống mang biểu tượng phẩm cách người quân tử thanh cao 'Bám chặt non xanh, khiêm nhường kiên cường', được các bậc tao nhân mặc khách bao đời ca tụng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TRÚC TỬ

HSK 5

Động từ

#1248

# 煮

zhǔ

nấu ăn

老师鼓励大家积极煮，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nấu ăn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: CHỦ

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1249

# 主持

zhǔ chí

chủ trì, dẫn chương trình; người dẫn chương trình

中国科学院院士应邀主持了本届全球量子信息科技前沿高峰论坛的主旨报告与闭幕式。

Zhōng guó kē jē xué yuán yuàn shì yīng yào zhǔ chí le běn jiè quán qíu xiàng qǐ xīn xī kē jì qián yán gāo fēng lún tán de zhǔ zhǐ bào gào yǔ bì mù shì.

Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc đã nhận lời mời chủ trì phiên báo cáo dẫn đề và lễ bế mạc của Diễn đàn Thượng đỉnh Mũi nhọn Khoa học Công nghệ Thông tin Lượng tử Toàn cầu lần này.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CHỦ TRÌ

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#1250

# 主观

zhǔ guān

chủ quan

进行科学实验评估与论文评阅时，必须坚持实事求是的客观标准，严禁掺杂任何个人主观偏见。

Jìn xíng kē xué shí yàn píng gū yǔ lùn wén píng yuē yuē shí, bì xū jiān chí shí shì qǐú shì de kè guān biāo zhǔn, yán jìn càn zá rēn gè rén zhǔ guān piān jiàn.

Khi tiến hành đánh giá thực nghiệm khoa học và thẩm định luận văn, bắt buộc phải kiên định tiêu chuẩn khách quan cầu thị chân chính, nghiêm cấm pha trộn bất kỳ thiên kiến định kiến chủ quan cá nhân nào.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: CHỦ QUAN

HSK 5

Danh từ

#1251

# 主人

zhǔ rén

chủ nhân, người làm chủ; chủ nhà

人民是历史的创造者，是国家真正的主人，一切国家权力和国家机构都属于人民、服务于人民。

Rén mín shì lì shǐ de chuàng zào zhě, shì guó jiā zhēn zhèng de zhǔ rén, yī qiè guó jiā quán lì hé guó jiā jī gòu dōu shǔ yú rén mín, fú wù yú rén mín.

Nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử, là chủ nhân thực sự của đất nước, mọi quyền lực nhà nước và cơ quan nhà nước đều thuộc về nhân dân, phụng sự nhân dân.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: CHỦ NHÂN

HSK 5

Danh từ

#1252

# 主席

zhǔ xǐ

chủ tịch, chủ tọa

国家主席在多边国际峰会上发表了具有深远全球影响力的重要主旨演讲，倡导共同推动普惠包容的经济全球化。

Guó jiā zhǔ xǐ zài duō biān guó jì fēng huì shàng fā biǎo le jù yǒu shēn yuǎn quán qíu yǐng xiǎng lì de zhòng yào zhǔ zhǐ yǎn jiǎng, chàng dǎo gòng tóng tuī dòng pǔ huì bāo róng de jīng jì quán qíu huà.

Chủ tịch nước tại hội nghị thượng đỉnh quốc tế đa phương đã có bài phát biểu dẫn đề quan trọng mang tầm ảnh hưởng toàn cầu sâu rộng, kêu gọi chung tay thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế bao trùm và phổ quát.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: CHỦ TỊCH

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1253

# 主张

zhǔ zhāng

chủ trương, tán thành; quan điểm lập trường

中国始终坚定主张通过平等对话与和平谈判协商解决国际争端，坚决反对任何形式的武力威胁。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng zhǔ zhāng tōng guò píng děng duì huà yǔ hé píng tán pàn xié shāng jiě jué guó jì zhēng duān, jiān jué fǎn duì rēn hé xíng shì de wú lì wēi xié.

Trung Quốc luôn kiên định chủ trương giải quyết các tranh chấp quốc tế thông qua đối thoại bình đẳng và đàm phán thương lượng hòa bình, kiên quyết phản đối bất kỳ hình thức đe dọa vũ lực nào.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CHỦ TRƯỞNG


**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1254

# 嘱咐

## zhǔ fù

dặn dò, nhắn nhủ, căn dặn

临行前，白发苍苍的老教授紧紧握住年轻援藏科研队员的手，再三深情嘱咐大家务必注意高原安全与保暖。

Lín xíng qián, bái fà cāng cāng de lǎo jiào shòu jǐn jǐn wò zhù nián qīng yuán zàng kē yán duì yuán de shǒu, zài sān shēn qīng zhǔ fù dà jiā wù bì zhù yì gāo yuán ān quán yǔ bǎo nuǎn.

Trước lúc lên đường, vị giáo sư già tóc bạc phơ nắm chặt bàn tay của các nhà nghiên cứu trẻ trong đoàn chỉ viện Tây Tạng, ân cần dặn dò đi dặn dò lại mọi người nhất thiết phải chú ý an toàn giữ ấm trên cao nguyên.

21 nét

HÁN VIỆT: CHÚC PHÓ

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1255

# 祝福

## zhù fú

chúc phúc, cầu chúc; lời chúc

在新春佳节万家团圆之际，海内外中华儿女共同为伟大祖国的繁荣富强送上最真挚美好的祝福。

Zài xīn chūn jiē wàn jiā tuán yuán zhī jī, hǎi nèi wài zhōng huá ér nǚ gòng tóng wèi wěi dà zù guó de fán róng fù qiáng sòng shàng zuì zhēn zhì měi hǎo de zhù fú.

Trong thời khắc vạn nhà sum vầy dịp Tết cổ truyền, con Lạc cháu Hồng trong và ngoài nước cùng gửi gắm những lời chúc phúc chân thành và tốt đẹp nhất tới sự phồn vinh giàu mạnh của Tổ quốc vĩ đại.

23 nét

HÁN VIỆT: CHÚC PHÚC

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1256

# 注册

## zhù cè

đăng ký, đăng ký bản quyền/tài khoản/thành lập

国家科技成果转移转化综合平台全面简化了发明专利与软件著作权在线登记注册的审批流程。

Guó jiā kē jì chéng guǒ zhuǎn yí zhuǎn huà zōng hé píng tái quán miàn jiǎn huà le fā míng zhuān lì yǔ ruǎn jiàn zhù zuò quán zài xiàn dēng jì zhù cè de shěn pī liú chéng.

Nền tảng tổng hợp chuyển giao và chuyển hóa thành quả khoa học công nghệ quốc gia đã tinh giản toàn diện quy trình thẩm định đăng ký trực tuyến đối với bằng sáng chế phát minh và bản quyền phần mềm.

24 nét

HÁN VIỆT: CHỦ SÁCH

**HSK 5**

Động từ

#1257

# 抓紧

## zhuā jǐn

khẩn trương, tranh thủ, nắm chặt (thời cơ/tiến độ)

全体科研攻关人员正在抓紧当前黄金攻关窗口期，争分夺秒开展深海万载人潜水器的最后全流程实演练。

Quán tǐ kē yán gōng guān rén yuán zhèng zài zhuā jǐn dāng qián huáng jīn gōng guān chuāng kǒu qī, zhēng fēn duó miǎo kāi zhǎn shēn hǎi wàn rén zài rén qián shù qī de zuì hòu quán liú chéng shí cè yǎn liàn.

Toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học đang khẩn trương tranh thủ khoảng thời gian vàng then chốt hiện tại, chạy đua từng phút từng giây triển khai đợt diễn tập đo đạc thực tế toàn quy trình cuối cùng của tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu.

16 nét

HÁN VIỆT: TRẢO KHẨN

**HSK 5**

Danh từ

#1258

# 专家

## zhuān jiā

chuyên gia, nhà chuyên môn

来自国际高能物理领域的数十位顶级权威专家齐聚一堂，对新一代超大型环形粒子对撞机方案进行了全面严格评审。

Lái zì guó jì gāo néng wù lǐ lǐng yù de shù shí wèi dīng jí quán wēi zhuān jiā qí jù yì táng, duì xīn yí dài chāo dà xíng huán xíng lì zì duì zhuàng jī fāng àn jìn xíng le quán miàn yán gé píng shěn.

Hàng chục chuyên gia uy tín hàng đầu trong lĩnh vực vật lý năng lượng cao quốc tế đã hội tụ tại đây, tiến hành thẩm định nghiêm ngặt toàn diện đối với đề án máy va chạm hạt hình xuyên siêu lớn thế hệ mới.

18 nét

HÁN VIỆT: CHUYÊN GIA

**HSK 5**

Tính từ / Động từ / Phó từ

#1259

# 专心

## zhuān xīn

chuyên tâm, tập trung cao độ

青年学者在开展基础科学探索时，必须摒弃一切外界浮躁与名利诱惑，专心致志地深耕核心学术难题。

Qīng nián xué zhě zài kāi zhǎn jī chǔ kē xué tàn suǒ shí, bì xū bǐng qì yì qiè wài jiè fú zào yǔ míng lì yóu huò, zhuān xīn zhì zhì dì shēn gēng hé xīn xué shù nán tí.

Các học giả trẻ khi triển khai thám hiểm khoa học cơ bản bắt buộc phải gạt bỏ mọi sự nóng vội xốc nổi bên ngoài cùng cảm dỗ danh lợi, chuyên tâm toàn ý bám rễ sâu nghiên cứu các bài toán học thuật cốt lõi.

19 nét

HÁN VIỆT: CHUYÊN TÂM

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1260

# 转变

## zhuǎn biàn

chuyển biến, chuyển dịch, biến đổi

加快转变经济发展方式，推动产业结构由传统资源要素驱动向创新驱动转型升级，是高质量发展的必由之路。

Jiā kuài zhuǎn biàn jīng jì fā zhǎn fāng shì, tuī dòng chǎn yè jié gòu yóu chuán tǒng zī yuán yào sù qū dòng xiàng chuàng xīn qū dòng zhuǎn xíng shēng jí, shì gāo zhì liàng fā zhǎn de bì yóu zhī lù.

Đẩy nhanh chuyển biến phương thức phát triển kinh tế, thúc đẩy cơ cấu ngành nghề từ truyền thống dựa vào yếu tố tài nguyên chuyển dịch sang đổi mới sáng tạo dẫn dắt là con đường tất yếu của phát triển chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT: CHUYỂN BIẾN

**HSK 5**

Động từ

#1261

# 转告

## zhuǎn gào

chuyển lời, nhắn lại, báo lại

请向全体参建工程技术人员转告指挥部的亲切问候与诚挚感谢，祝大家圆满完成海底隧道全线贯通任务。

Qǐng xiàng quán tǐ cān jiàn gōng chéng jì shù rén yuán zhuǎn gào zhǐ huī bù de qīn qiè wènhòu yǔ chéng zhì gǎn xiè, zhù dà jiā yuán mǎn wán chéng hǎi dǐ suì dào quán xiàn guān tōng rèn wù.

Xin hãy chuyển lời thăm hỏi ân cần và lời cảm ơn chân thành của ban chỉ huy tới toàn thể cán bộ kỹ thuật tham gia xây dựng, chúc mừng mọi người đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thông xe toàn tuyến đường hầm vượt biển.

21 nét

HÁN VIỆT: CHUYỂN CÁO

**HSK 5**

Động từ / Danh từ

#1262

# 装

## zhuāng

lắp đặt, trang bị; đóng gói; giả vờ; trang phục

技术人员在万米级深海载人潜水器耐压球舱外部精准安装了高灵敏度高清深海彩色摄像机与机械作业手。

Jì shù rén yuán zài wàn mǐ jí shēn hǎi zài rén qián shuǐ qì nài yā qiú cāng wài bù jīng zhǔn ān zhuāng le gāo líng mǐn dù gāo qīng shēn hǎi cǎi sè shē xiàng jī yǔ jī xié zuò yè shǒu.

Cán bộ kỹ thuật đã lắp đặt chuẩn xác camera màu biển sâu độ nét cao độ nhạy cao cùng cánh tay thao tác cơ khí bên ngoài khoang cầu chịu áp lực của tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu.

14 nét

HÁN VIỆT: TRANG



HSK 5

Động từ / Danh từ

#1263

## 装饰

zhuāng shì

trang trí; đồ trang trí, hoa văn

故宫太和殿内精美绝伦的金漆雕龙宝座与蟠龙藻井装饰，展现了中国传统古代宫殿建筑工艺的至高境界。

Guố gōng tài hé diàn nèi jīng měi jué lún de jīn qī diào lóng bǎo zuò yǔ pán lóng zǎo jǐng zhuāng shì, zhān xiàn le zhōng guó chuán tǒng gù dài gōng diàn jiàn zhù gōng yì de zhì gāo jīng jiè.

Ngai vàng rồng chạm khắc sơn thếp vàng tinh xảo tuyệt mỹ cùng hoa văn trang trí trần giếng rồng cuộn bên trong Điện Thái Hòa Cổ Cung thể hiện cảnh giới đỉnh cao nhất của kỹ thuật kiến trúc cung điện cổ đại truyền thống Trung Hoa.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TRANG SỨC

HSK 5

Danh từ

#1264

## 状况

zhuàng kuàng

tình trạng, trạng thái, hiện trạng

国家林草局定期对大熊猫等珍稀濒危野生动植物的野外种群数量与栖息地生态状况进行全域动态监测。

Guó jiā lín cǎo jú dìng qī duì dà xióng māo děng zhēn xī bīn wēi yě shēng dòng zhī wù de yě wài zhōng qún shù liàng yǔ qī xī dì shēng tài zhuàng kuàng jìn xíng quán yù dòng tài jiān cè.

Cục Quản lý Rừng và Động cỏ Quốc gia định kỳ tiến hành giám sát động thái toàn diện về số lượng quần thể hoang dã và hiện trạng sinh thái môi trường sống của các loài động thực vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng như gấu trúc lớn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TRẠNG HUỐNG

HSK 5

Danh từ

#1265

## 状态

zhuàng tài

trạng thái, phong độ

运动员在奥运会决赛赛场上始终保持着昂扬饱满的竞技状态与沉着冷静的心理素质，勇夺桂冠。

Yùn dòng yuán zài ào yùn huì jué sài sài chāng shàng shì zhōng bǎo chí zhe áng yǎng bǎo mǎn de jìng jì zhuàng tài yǔ chén zhuó lěng jìng de xīn lǐ sù zhì, yǒng duó guì guān.

Vận động viên trên sân thi đấu trận chung kết Thế vận hội luôn duy trì trạng thái thi đấu tràn đầy khí thế ngút ngàn cùng bản lĩnh tâm lý điềm tĩnh vững vàng, dũng cảm đoạt vòng nguyệt quế vinh quang.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TRẠNG THÁI

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1266

## 追求

zhuī qiú

theo đuổi, mưu cầu, theo đuổi lý tưởng

勇攀科学高峰、追求卓越真理，是每一位科技工作者在科技强国征程上应当坚守的崇高学术初心。

Yǒng pān kē xué gāo fēng, zhuī qiú zhuó yuè zhēn lǐ, shì měi yí wèi kē jì gōng zuò zhě zài kē jì qiáng guó zhēng chéng shàng yīng dāng jiān shǒu de chóng gāo xué shù chū xīn.

Dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học, theo đuổi chân lý xuất chúng là tâm niệm học thuật cao cả ban đầu mà mỗi người làm khoa học công nghệ cần giữ vững trên hành trình xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐÔI CẦU

HSK 5

Danh từ

#1267

## 资格

zī gé

tư cách, điều kiện, bằng cấp chuyên môn

经过严格的理论考核与多轮国际同行实操盲审，该团队正式获得了国家重点大科学工程的首席承建资格。

Jīng guò yán gé de lǐ lùn kǎo hé yǔ duō lún guó jì tóng háng shí cǎo máng shěn, gāi tuán duì zhèng shì huò dé le guó jiā zhòng diǎn dà kē xué gōng chéng de shǒu xī chéng jiàn zī gé.

Trải qua các kỳ sát hạch lý luận nghiêm ngặt và nhiều vòng thẩm định thực hành mù của đồng nghiệp quốc tế, nhóm nghiên cứu đã chính thức đạt được tư cách tổng thầu xây dựng công trình khoa học lớn trọng điểm quốc gia.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TƯ CÁCH

HSK 5

Danh từ

#1268

## 资金

zī jīn

nguồn vốn, tiền vốn, kinh phí

国家设立科技创新战略引导基金，持续加大对前沿原创性基础研究与关键核心技术攻关的长期资金支持。

Guó jiā shè lì kē jì chuàng xīn zhàn lǚ yǐn dǎo jī jīn, chí xù jiā dà duì qián yán yuán chuàng xīng jī chǔ yán jiū yǔ guān jiàn hé xīn jī shù gōng guān de cháng qī zī jīn zhī chí.

Nhà nước thành lập Quỹ Định hướng Chiến lược Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ, liên tục tăng cường hỗ trợ nguồn vốn kinh phí dài hạn đối với nghiên cứu cơ bản mang tính nguyên tắc tiên phong và chinh phục các công nghệ then chốt cốt lõi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TƯ KIM

HSK 5

Danh từ

#1269

## 资料

zī liào

tư liệu, tài liệu, dữ liệu

历史学者历经数十年搜集整理了海量珍贵的口述历史档案与第一手文献资料，出版了这部里程碑式的学术巨著。

Lì shǐ xué zhě lì jīng shù shí nián sōu jí zhěng lǐ le hǎi liàng zhēn guì de kǒu shù lì shǐ dǎng àn yǔ dì yī shǒu wén xiàn zī liào, chū bǎn le zhè bù lǐ chéng bēi shì de xué shù jù zhù.

Các học giả lịch sử đã trải qua hàng chục năm dày công sưu tầm và chỉnh lý nguồn tài liệu hồ sơ lịch sử truyền miệng vô giá khổng lồ cùng tư liệu thư tịch gốc ban đầu, xuất bản nên bộ đại kiệt tác học thuật mang tính bước ngoặt này.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TƯ LIỆU

HSK 5

Danh từ

#1270

## 资源

zī yuán

tài nguyên, nguồn lực

坚定不移走绿色低碳循环发展道路，全面提升水、土地、能源以及矿产等各类自然资源的集约节约利用效率。

Jiān dìng bù yí zǒu lǜ sè dī tàn xūn huán fā zhǎn dào lù, quán miàn tí gāo shuǐ, tǔ dì, néng yuán yǐ jí kuàng chǎn děng gè lèi zì rán zī yuán de jí yuē jì yuē lì yòng xiào lǜ.

Kiên định bước đi trên con đường phát triển tuần hoàn xanh giảm phát thải, nâng cao toàn diện hiệu quả sử dụng tiết kiệm tập trung đối với mọi loại tài nguyên tự nhiên như nước, đất đai, năng lượng và khoáng sản.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TƯ NGUYÊN

HSK 5

Danh từ

#1271

## 姿势

zī shì

tư thế, dáng điệu, động tác

国家跳水队运动员在十米跳台决赛中以极度优美舒展的空中翻腾姿势与几乎零水花的完美入水，赢得了全场满分。

Guó jiā tiào shuǐ duì yùn dòng yuán zài shí mǐ tiào tái jué sài zhōng yǐ jí dù yōu měi shuǐ huā de wán měi rù shuǐ, yíng dé le quán chǎng mǎn fēn.

Vận động viên đội tuyển nhảy cầu quốc gia trong trận chung kết cầu nhảy 10 mét bằng tư thế nhào lộn trên không vô cùng thanh thoát uyển chuyển cùng cú chạm nước hoàn hảo gần như không một tia nước bắn đã giành trọn điểm số tối đa của cả khán phòng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TƯ THẾ



HSK 5

Động từ / Danh từ

#1272

咨询

zī xún

tư vấn, tham vấn; dịch vụ tư vấn

政府在出台涉及重大公共民生利益与生态红线的决策前，必须依法充分咨询相关领域权威专家的论证意见。

Zhèng fǔ zài chū tái shè jí zhòng dà gōng gòng mín shēng lì yì yǔ shēng tài hóng xiàn de jué cè qián, bì xū yī fǎ chōng fèn zī xún xiāng guān lǐng yù quán wēi zhuān jiā de lùn zhèng yì jiàn.

Chính quyền trước khi ban hành các quyết sách liên quan tới lợi ích dân sinh công cộng trọng đại và lần ranh đỏ sinh thái, bắt buộc phải tham vấn đầy đủ ý kiến luận chứng của các chuyên gia uy tín trong các lĩnh vực liên quan theo đúng quy định pháp luật.

📖 21 nét

HÁN VIỆT TỰ VẤN

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#1273

紫

zǐ

màu tím, sắc tím

暮春时节，江南园林里的百年紫藤花架上挂满了一串串如瀑布般倾泻而下的淡紫色花朵，如梦如幻。

Mù chūn shí jié, jiāng nán yuán lín lǐ de bǎi nián zǐ téng huā jiǎ shàng guà mǎn le yī chuán chuán rǔ pù bù bǎn qīng xiè ér xià de dàn zǐ sè huā duǒ, rú mèng rú huàn.

Mùa xuân muộn, trên giàn hoa tử đằng trăm tuổi trong các khu vườn hoa Giang Nam rủ xuống từng chùm hoa màu tím nhạt tựa dòng thác đổ ào ạt, đẹp như trong cõi mộng ảo.

📖 12 nét

HÁN VIỆT TỬ

HSK 5

Danh từ

#1274

字幕

zì mù

phụ đề (phim ảnh, video)

这部大型国家地理自然科普纪录片配备了多语种专业双语字幕，极大方便了海内外观众的跨文化无障碍传播与理解。

Zhè bù dà xíng guó jiā dì lǐ zì rán kē pǔ jì lǎng yǔ pèi bèi le duō yǔ zhǒng zhuān yè shuāng yǔ zì mù, jí dà fāng biàn le hǎi nèi wài guān zhòng de kuà wén huà wú zhàng ài chuán bō yǔ lǐ jiě.

Bộ phim tài liệu phổ biến khoa học tự nhiên địa lý quốc gia quy mô lớn này được trang bị phụ đề song ngữ chuyên nghiệp đa ngôn ngữ, mang lại sự thuận tiện to lớn cho sự truyền bá và thấu hiểu giao lưu văn hóa không rào cản của khán giả trong và ngoài nước.

📖 25 nét

HÁN VIỆT TỰ MÀN

HSK 5

Giới từ

#1275

自从

zì cóng

Kể từ khi

掌握好“自从”的用法，能让中文表达更加自然地道。

zhǎng wò hǎo “zì cóng” de yòng fǎ, néng ràng Zhōng wén biǎo dá gèng jiā zì rán dì dào.

Nắm vững cách dùng từ “自从” (Kể từ khi) sẽ giúp diễn đạt tiếng Trung tự nhiên và chuẩn xác hơn.

📖 17 nét

HÁN VIỆT TỰ TỪNG

HSK 5

Tính từ / Động từ / Phó từ

#1276

自动

zì dòng

tự động, tự giác, chủ động

新一代全自动无人驾驶重型货运列车依托北斗高精度智能控制系统，实现了全程无人干预的自主平稳运行。

Xīn yí dài quán zì dòng wú rén jià shì zhòng xíng huò yùn liè chē yī tuō běi dòu gāo jīng dù zhì néng kòng zhì xì tǒng, shí xiàn le quán chéng wú rén gān yǔ de zì zhǔ píng wěn yùn xíng.

Thế hệ đoàn tàu chở hàng hạng nặng tự hành không người lái hoàn toàn tự động mới dựa vào hệ thống điều khiển thông minh độ chính xác cao Bắc Đẩu đã thực hiện vận hành tự chủ êm ái trên toàn tuyến mà không cần con người can thiệp.

📖 23 nét

HÁN VIỆT TỰ ĐỘNG

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#1277

自豪

zì háo

tự hào, hãnh diện; niềm tự hào

当在国际空间站听到来自祖国母语的亲切新年问候时，全体在轨航天员心中升起无与伦比的自豪与光荣。

Dāng zài guó jì kōng jiān tīng dào lái zì zǔ guó mǔ yǔ de qīn qiè xīn nián wēn hòu shí, quán tǐ zài guǐ háng tiān yuán xīn zhōng shèng téng qí wú bǐ de zì háo yǔ guāng róng.

Khi lắng nghe lời chúc mừng năm mới ân cần bằng tiếng mẹ đẻ của Tổ quốc từ trạm vũ trụ quốc tế, trong lòng toàn thể phi hành gia trên quỹ đạo dâng trào niềm tự hào và vinh quang khôn xiết.

📖 18 nét

HÁN VIỆT TỰ HÀO

HSK 5

Tính từ / Động từ / Phó từ

#1278

自觉

zì jué

tự giác, có ý thức, tự biết

广大市民应当自觉践行绿色低碳环保生活理念，从垃圾分类投放与节水节电等点滴小事做起。

Guǎng dà shì mǐn yīng dāng zì jué jiàn xíng lǜ sè dì tàn huán bǎo shēng huó lí niàn, cóng lā jī fēn lèi tóu fàng yǔ jié shuǐ jié diàn dēng diǎn dí xiǎo shì zuò qǐ.

Đồng đảo người dân cần tự giác thực hành triết lý lối sống xanh giảm phát thải bảo vệ môi trường, bắt đầu từ những việc nhỏ bé thường nhật như phân loại rác thải và tiết kiệm điện nước.

📖 17 nét

HÁN VIỆT TỰ GIÁC

HSK 5

Tính từ

#1279

自私

zì sī

ích kỷ, vụ lợi riêng

在关乎集体利益与大局安危的关键时刻，绝不能只顾一己私利的狭隘自私行为，而要顾全大局、团结互助。

Zài guān hū jǐ tǐ lì yǐ yǔ dà jú ān wēi de guān jiàn shí kè, jué bù néng zhǐ gù yī jǐ sī lì de xiá ài zì sī xíng wéi, ér yào gù quán dà jú, tuán jié hù zhù.

Vào những thời khắc then chốt liên quan đến lợi ích tập thể và sự an nguy của đại cục, tuyệt đối không được có hành vi ích kỷ hẹp hòi chỉ nghĩ tới tư lợi cá nhân của riêng mình, mà phải biết nhìn nhận đại cục toàn thể và đoàn kết tương trợ lẫn nhau.

📖 22 nét

HÁN VIỆT TỰ TƯ

HSK 5

Tính từ / Danh từ

#1280

自信

zì xìn

tự tin, sự tự tin

坚定中国特色社会主义道路自信、理论自信、制度自信、文化自信，是中华民族迈向伟大复兴的强大精神力量。

Jiǎn dìng zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù zì xìn, lǐ lùn zì xìn, zhì dù zì xìn, wén huà zì xìn, shì zhōng huá mín zú mài xiàng wèi dà fù xīng de qiáng dà jīng shén lì liàng.

Kiên định tự tin về con đường, tự tin về lý luận, tự tin về thể chế, tự tin về văn hóa của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc là sức mạnh tinh thần hùng hậu để dân tộc ta vững bước tiến tới phục hưng vĩ đại.

📖 19 nét

HÁN VIỆT TỰ TIN



HSK 5

Danh từ / Tính từ

#1281

自由

zì yóu

tự do

法律既充分保障每一位公民依法享有的广泛民主权利与自由，也明确规定了行使自由不得损害国家与集体利益。

Fǎ lǜ jì chōng fēn bǎo zhàng měi yī wèi gōng mín yǐ fǎ xiāng yǒu de guǎng fàn mín zhǔ quán lì yǔ zì yóu, yě míng què guī dīng le xíng shǐ zì yóu bù dé sǔn hài guó jiā yǔ jí tǐ lì yì.

Pháp luật vừa bảo đảm đầy đủ các quyền dân chủ và tự do sâu rộng mà mỗi công dân được hưởng theo luật định, lại vừa quy định rõ ràng việc thực thi tự do không được làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và tập thể.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TỰ DO

HSK 5

Tính từ / Động từ / Phó từ

#1282

自愿

zì yuàn

tự nguyện, bằng lòng, tình nguyện

来自全国各大医学院校的数千名优秀青年医学毕业生，自愿报名参加支援西部偏远基层医疗卫生志愿服务行动。

Lái zì quán guó gè dà yī xué yuán xiào de shù qiān míng yōu xiù qīng nián yī xué bì yè shēng, zì yuàn bào míng cān jiā zhī yuán xī bù piān yuǎn jī céng yī liáo wèi shēng zhì yuàn fú wú xīng dòng.

Hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp y khoa xuất sắc đến từ các trường đại học y khoa lớn trên toàn quốc đã tự nguyện đăng ký tham gia chương trình tình nguyện viên y tế hỗ trợ y tế cơ sở vùng sâu vùng xa miền Tây.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỰ NGUYỆN

HSK 5

Tính từ / Động từ / Danh từ

#1283

综合

zōng hé

tổng hợp, toàn diện; tổng hợp hóa

国家综合性立体交通网规划纲要明确提出，构建便捷顺畅、经济高效、绿色集约、智能先进的现代化综合立体交通体系。

Guó jiā zōng hé xìng lì tǐ jiāo tōng wǎng guī huà míng què tí chū, gòu jiàn biàn jié shùn cháng, jīng jì gāo xiào, lǜ sè jí yuē, zhì néng xiān jìn de xiān dài huà zōng hé lì tǐ jiāo tōng tǐ xì.

Đề cương Quy hoạch Mạng lưới Giao thông Lập thể Tổng hợp Quốc gia đã nêu rõ việc xây dựng hệ thống giao thông lập thể tổng hợp hiện đại thuận tiện thông suốt, kinh tế hiệu quả cao, xanh tập trung và thông minh tiên tiến.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TỔNG CẤP

HSK 5

Danh từ

#1284

宗教

zōng jiào

tôn giáo

国家依法保护公民的宗教信仰自由权利，坚持我国宗教中国化方向，积极引导宗教与社会主义社会相适应。

Guó jiā yī fǎ bǎo hù gōng mín de zōng jiào xìn yáng zì yóu quán lì, jiān chí wǒ guó zōng jiào zhōng guó huà fāng xiàng, jī yǐ yīn dǎo zōng jiào yǔ shè huì zhǔ yì shè huì xiāng shì yīng.

Nhà nước bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân theo quy định pháp luật, kiên trì định hướng Trung Quốc hóa các tôn giáo, tích cực hướng dẫn tôn giáo thích ứng với xã hội xã hội chủ nghĩa.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TÔNG GIÁO

HSK 5

Danh từ

#1285

总裁

zǒng cái

tổng giám đốc, chủ tịch điều hành, CEO

跨国高科技集团全球执行总裁在接受专访时表示，将持续加大对中国超大规模绿色数字化创新市场的长期投资。

Kuà guó gāo kē jì jī tuán quán qiú zhí xíng zǒng cái zài jiē shòu zhuān fǎng shí biǎo shì, jiāng chí xù jiā dà duì zhōng guó chāo dà guī mó lǜ sè shù zì huà chuàng xīn shì chǎng de cháng qī tóu zī.

Tổng Giám đốc Điều hành Toàn cầu của Tập đoàn Công nghệ Cao Xuyên Quốc gia trong buổi trả lời phỏng vấn độc quyền đã bày tỏ sẽ tiếp tục tăng cường đầu tư dài hạn vào thị trường đổi mới sáng tạo số hóa xanh siêu quy mô của Trung Quốc.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỔNG TÀI

HSK 5

Phó từ

#1286

总共

zǒng gòng

tổng cộng, tất cả gồm có

本届全球数字经济博览会总共吸引了来自全球七十多个国家和地区的千余家行业领军企业同台参展。

Běn jiè quán qiú shù zì jīng jì bó覽 huì zǒng gòng xī yǐn le lái zì quán qiú qí shí duō gè guó jiā hé dì qū de qiān yú jiā hǎng yè lǐng jūn qì yè zǒng tái cān zhǎn.

Hội chợ Kinh tế Số Toàn cầu lần này tổng cộng đã thu hút hơn 1.000 doanh nghiệp đầu ngành đến từ hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới cùng nhau tham gia trưng bày triển lãm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỔNG CỘNG

HSK 5

Danh từ

#1287

总理

zǒng lǐ

Thủ tướng, Thủ tướng Chính phủ

国务院总理在全国人民代表大会上代表中央人民政府作《政府工作报告》，全面回顾与部署国家经济社会发展任务。

Guó wù yuán zǒng lǐ zài quán guó rén mín dài biǎo dàì biǎo huì shàng dài biǎo zhōng yāng zhèng fǔ zuò 《zhèng fǔ gōng zuò bào gào》, quán miàn huí gù yǔ bù shǔ guó jiā jīng jì shè huì fā zhǎn wù.

Thủ tướng Quốc vụ viện (Thủ tướng Chính phủ) đại diện cho Chính phủ Nhân dân Trung ương trình bày 'Báo cáo Công tác Chính phủ' tại Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc (Quốc hội), tổng kết toàn diện và triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TỔNG LÝ

HSK 5

Phó từ

#1288

总算

zǒng suàn

cuối cùng cũng, rốt cuộc thì (sau bao gian truân)

经过研发攻坚团队历时五年上千个日日夜夜的不懈奋战，这款国家级重点工业软件总算成功实现完全自主可控。

Jīng guò yán fā gōng jiān tuán duì lì shí wǔ nián shàng qiān gè rì yè yè de bù xié fèn zhàn, zhè kuǎn guó jiā jí zhòng diǎn gōng yè ruǎn jiàn zǒng suàn chéng gōng shí xiàn wán quán zì zhǔ kě kòng.

Trải qua hành trình chiến đấu kiên trì không ngừng nghỉ suốt 5 năm ròng rã với hàng ngàn ngày đêm của đội ngũ nghiên cứu phát triển, phần mềm công nghiệp trọng điểm cấp quốc gia này cuối cùng cũng đã thực hiện thành công việc hoàn toàn tự chủ tự kiểm soát.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TỔNG TOÁN

HSK 5

Danh từ

#1289

总统

zǒng tǒng

Tổng thống (nguyên thủ quốc gia)

受邀来华进行国事访问的外国总统对中国在绿色低碳与高速铁路建设领域取得的瞩目成就给予了高度评价。

Shòu yāo lái huá jìn xíng guó shì fāng wèn de wài guó zǒng tǒng duì zhōng guó zài lǜ sè dī tàn yǔ gāo sù tiě lù jiàn shè lǐng yù qǔ dé de zhǔ mù chéng jiù jǐ yǔ le gāo dù píng jià.

Vị Tổng thống nước ngoài nhận lời mời sang thăm cấp Nhà nước tới Trung Quốc đã dành sự đánh giá rất cao cho những thành tựu rực rỡ lĩnh danh mà Trung Quốc đạt được trong lĩnh vực phát triển xanh giám phát thải và xây dựng đường sắt cao tốc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TỔNG THỐNG



HSK 5

Liên từ

#1290

# 总之

## zǒng zhī

tóm lại, nói tóm lại, tựu trung lại

总之，唯有坚持科技自立自强与高水平对外开放协同推进，才能在全球科技与产业变革大潮中赢得战略主动。

Zǒng zhī, wéi yǒu jiān chí kē jì zì lì zì qiáng yǔ gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng xié tóng tuī jìn, cái néng zài quán qiú kē jì yǔ chǎn yè biàn gé dà cháo zhōng yíng dé zhàn lüè zhǔ dòng.

Nói tóm lại, chỉ có kiên trì thúc đẩy đồng bộ giữa tự chủ tự cường khoa học công nghệ cùng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao mới có thể giành thế chủ động chiến lược giữa làn sóng chuyển đổi công nghiệp và khoa học công nghệ toàn cầu.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TỔNG CHI

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1291

# 组合

## zǔ hé

tổ hợp, kết hợp, phối hợp; bộ tổ hợp

空间站核心舱、实验舱与载人飞船成功实现六舱在轨交会对接，构成了蔚为壮观的在轨空间站组合体。

Kōng jiān zhàn hé xīn cāng, shí yàn cāng yǔ zài rén fēi chuán chéng gōng shí xiàn liù cāng zài guī jiāo huì duì jiē, gòu chéng le wéi wéi zhuàng guān de zài guī kōng jiān zhàn zǔ hé tǐ.

Khoang lõi trạm vũ trụ, khoang thí nghiệm cùng tàu vũ trụ chờ người đã ghép nối thành công 6 khoang trên quỹ đạo, tạo nên một tổ hợp trạm không gian trên quỹ đạo vô cùng tráng lệ nguy nga.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TỔ CÁP

HSK 5

Động từ

#1292

# 阻止

## zǔ zhǐ

ngăn cản, ngăn chặn, cản trở

任何外来的科技围堵与单边霸凌，都绝不能阻止中国人民追求美好生活与推进中国式现代化的坚定步伐。

Rèn hé wài lái de kē jì wéi dǔ yǔ dān biān bà líng, dōu jué bù néng zǔ zhǐ zhōng guó rén mǐn zhuī qiú měi hǎo shēng huó yǔ tuī jìn zhōng guó shì xiàn dài huà de jiān dìng bù fá.

Bất kỳ sự bao vây kim kẹp công nghệ và chèn ép đơn phương nào từ bên ngoài cũng tuyệt đối không thể ngăn chặn được bước chân kiên định của nhân dân ta trên con đường mưu cầu cuộc sống tươi đẹp và đẩy mạnh hiện đại hóa đất nước.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TRỞ CHỈ

HSK 5

Danh từ

#1293

# 祖国

## zǔ guó

Tổ quốc, đất nước

把个人的理想追求自觉融入党和国家事业之中，用青春热血与实际行动报效伟大的祖国。

Bǎ gè rén de lǐ xiǎng zhuī qiú zì jué róng rù dǎng hé guó jiā shì yè zhī zhōng, yòng qīng chūn rè xuè yǔ shí jì xíng dòng bào xiào wēi dà de zǔ guó.

Tự giác hòa quyện lý tưởng hoài bão theo đuổi của cá nhân vào sự nghiệp của Đảng và đất nước, dùng dòng máu nóng tuổi trẻ cùng hành động thực tế để báo đáp Tổ quốc vĩ đại.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TỔ QUỐC

HSK 5

Danh từ

#1294

# 祖先

## zǔ xiān

tổ tiên, tiền nhân, tổ phụ

中华优秀传统文化凝聚着千百年来古代先贤祖先的深邃智慧，是中华民族生生不息的精神基因与根脉。

Zhōng huá yōu xiù chuán tóng wén huà níng jù zhe qiān bǎi nián lái gù dài xiān xián zǔ xiān de shēn suì zhī huì, shì zhōng huá mín zú shēng shēng bù xī de jī yīn yǔ gēn mài.

Văn hóa truyền thống tốt đẹp kết tinh trí tuệ sâu sắc của các bậc tiền nhân tổ tiên hàng ngàn năm qua, là cội nguồn và bộ gen tinh thần giúp dân tộc ta trường tồn sinh sôi nảy nở.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TỔ TIÊN

HSK 5

Tính từ / Động từ

#1295

# 醉

## zuì

say, say sưa, say đắm; làm say đắm

漫步在十里桃花盛开的江南春景之中，微风拂面、花香袭人，令人如痴如醉、流连忘返。

Màn bù zài shí lí táo huā shèng kāi de jiāng nán chūn jǐng zhī zhōng, wēi fēng fú miàn, huā xiāng xí rén, lìng rén rú chī rú zuì, liú lián wàng fǎn.

Đạo bước giữa cảnh sắc mùa xuân Giang Nam ngập tràn sắc hoa đào mười dặm nở rộ, gió nhẹ mơn man, hương hoa ngào ngạt khiến lòng người say đắm mê mẩn quên cả lối về.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TUỖ

HSK 5

Danh từ / Phó từ

#1296

# 最初

## zuì chū

ban đầu, khởi đầu, thoát đầu

不忘初心，方得始终；无论走得多远，我们都要始终牢记当初立志科研报国的最初崇高梦想。

Bù wàng chū xīn, fāng dé shǐ zhōng; wú lùn zǒu dé duō yuǎn, wǒ men dōu yào shǐ zhōng láo jì dāng chū lì zhì kē yán bào guó shí de zuì chū chóng gāo mèng xiǎng.

Không quên tâm niệm ban đầu mới có thể đi tới thành công sau cùng; dẫu có đi xa đến đâu, chúng ta đều phải luôn khắc ghi giấc mơ cao cả thuở ban đầu khi hạ quyết tâm dấn thân cống hiến cho đất nước bằng khoa học.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TỐI SƠ

HSK 5

Danh từ

#1297

# 罪犯

## zuì fàn

tội phạm, kẻ phạm tội

公安机关依托全国大数据协同研判平台与智能人脸比对系统，在数小时内将潜逃多年的重大刑事罪犯抓捕归案。

Gōng ān jī guān yī tuō quán guó dà shù jù xié tóng yán pán píng tái yǔ zhì néng rén liǎn bǐ duì xì tǒng, zài shù xiǎo shí nèi jiāng qián táo duō nián de zhòng dà xíng shì zuì fàn zhuā bǔ guī àn.

Cơ quan công an dựa vào nền tảng phối hợp phân tích dữ liệu lớn toàn quốc cùng hệ thống so khớp khuôn mặt thông minh đã truy bắt quy án tên tội phạm hình sự nguy hiểm trốn truy nã nhiều năm chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TỘI PHẠM

HSK 5

Động từ / Danh từ

#1298

# 尊敬

## zūn jìng

tôn kính, kính trọng, kính cẩn

尊师重教是中华民族的优良传统，全社会应当形成尊重知识、尊重人才、尊重创造的崇高良好风尚。

Zūn shī zhòng jiào shì zhōng huá mín zú de yōu liáng chuán tóng, quán shè huì yīng dāng xíng chéng zūn zhòng zhī shí, zūn zhòng rén cái, zūn zhòng chuāng zào de chóng gāo liáng hǎo fēng shàng.

Tôn sư trọng đạo là truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc ta, toàn xã hội cần hình thành nên phong trào tốt đẹp cao quý tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài và tôn trọng sự sáng tạo.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TÔN KÍNH



HSK 5

Động từ

#1299

## 遵守

zūn shǒu

tuân thủ, chấp hành,  
tuân theo (quy định, luật  
pháp)

每一位公民都应当自觉遵守宪法法律与社会公德规范，共同维护文明和谐、秩序井然的法治社会环境。

Mỗi ý vị wèi gōng mǐn dōu yīng dāng zì jué zūn shǒu xiàn fǎ fǎ lǜ yǔ shè huì gōng dé guī fàn, gòng tóng wéi hù wén míng hé xié, zhì xù jìng rán de fǎ zhì shè huì huán jìng.

Mỗi một công dân đều cần tự giác tuân thủ hiến pháp, pháp luật cùng các chuẩn mực đạo đức công cộng xã hội, chung tay giữ gìn môi trường xã hội pháp trị văn minh hài hòa và trật tự nề nếp kỷ cương.

19 nét

HÁN VIỆT TUÂN THỦ

HSK 5

Danh từ

#1300

## 作品

zuò pǐn

tác phẩm (nghệ thuật,  
văn học, khoa học)

这部深刻反映我国脱贫攻坚伟大史诗的现实主义文学作品，荣获了全国精神文明建设“五个一工程”优秀作品奖。

Zhè bù shēn kè fǎn yǐng wǒ guó tuō pín gōng jiān wēi dà shǐ shí de xiàn shí zhǔ yì wén xué zuò pǐn, róng huò le quán guó jīng shén wén míng jiàn shè "wǔ gè yī gōng chéng" yōu xiù zuò pǐn jiǎng.

Tác phẩm văn học mang tính hiện thực phản ánh sâu sắc thiên anh hùng ca xóa đói giảm nghèo vĩ đại của nước ta đã vinh dự đạt giải tác phẩm xuất sắc 'Công trình 5 mục tiêu' xây dựng văn minh tinh thần toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT TÁC PHẨM

HSK 5

Giải từ /  
Động từ /  
Danh từ

#1301

## 作为

zuò wéi

với tư cách là, với vai  
trò là; hành vi, đóng  
góp

作为新时代的青年科技工作者，我们要勇担时代重任，把个人的科学理想自觉融入国家科技强国建设的伟大实践中。

Zuò wéi xīn shí dài de qīng nián kē jì gōng zuò zhě, wǒ men yào yǒng dān shí dài zhòng rèn, bǎ gè rén de kē xué lǐ xiǎng zì jué róng rù guó jiā kē jì qiáng guó jiàn shè de wēi dà shí jiàn zhōng.

Với tư cách là những cán bộ khoa học công nghệ trẻ thời đại mới, chúng ta cần dũng cảm gánh vác sứ mệnh thời đại, tự giác hòa quyện lý tưởng khoa học của riêng mình vào thực tiễn vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ đất nước.

24 nét

HÁN VIỆT TÁC VI

HSK 5

Danh từ /  
Động từ

#1302

## 作文

zuò wén

bài văn, tập làm văn;  
làm văn

语文老师课堂上指导同学们在写作文时要善于观察生活细节、抒发真情实感，切忌虚假空洞的辞藻堆砌。

Yǔ wén lǎo shī zài kè táng shàng zhǐ dǎo tóng xué men zài xiě zuò wén shí yào shàn yú guān chá shēng huó xì jié, shū fā zhēn qíng shí gǎn, qiè jì xū jiǎ kōng dòng de cí zǎo duī qī.

Thầy giáo dạy Ngữ văn tại lớp học đã hướng dẫn các bạn học sinh khi viết bài tập làm văn cần ghi quan sát các chi tiết trong đời sống, bộc bạch cảm xúc và tình cảm chân thật, tuyệt đối tránh việc chấp vá từ ngữ sáo rỗng giả tạo.

18 nét

HÁN VIỆT TÁC VĂN

## 🎉 HOÀN THÀNH TẬP 2 (652 TỪ)!

☐ Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin☐ Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ☐ Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh☐ Đã làm bài tập ôn tập ngắt quãng SRS

Chúc mừng hoàn thành trọn bộ! 🎓

# LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

## BẬC SƠ CẤP

### HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

## BẬC TRUNG CẤP

### HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

## BẬC CAO CẤP

### HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



#### Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



#### Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



#### Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



#### Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

## Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

